

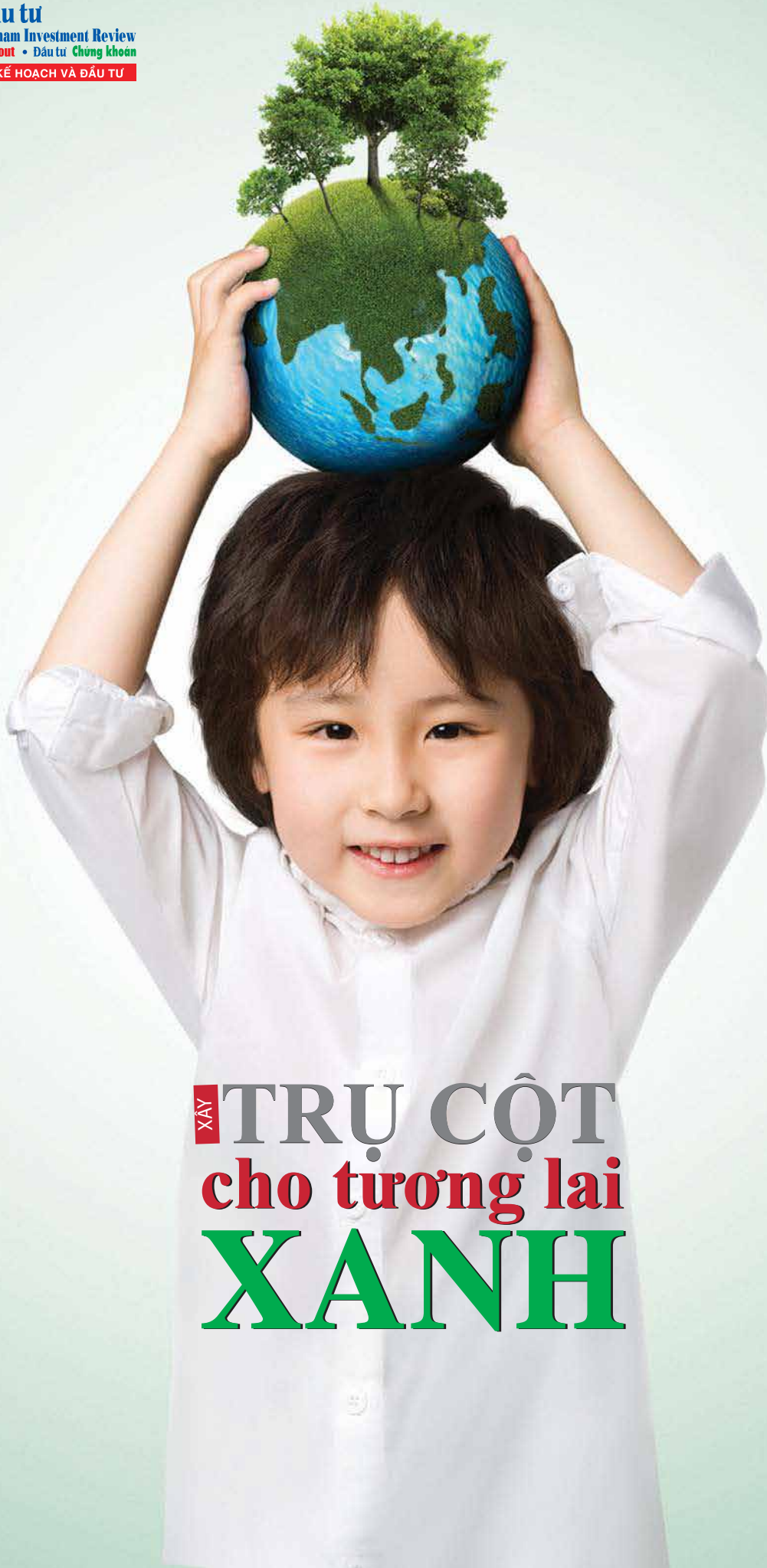


• Đầu tư  
• Vietnam Investment Review  
• timeout • Đầu tư Chứng khoán

CƠ QUAN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ



Empowered lives.  
Resilient nations.



XÂY TRỤ CỘT  
cho tương lai  
XANH



**· Đầu tư**  
**· Vietnam Investment Review**  
**· timeout · Đầu tư Chứng khoán**

**CƠ QUAN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

Tổng Biên tập:  
**TS. NGUYỄN ANH TUẤN**  
 Phó Tổng Biên tập:  
**LÊ TRỌNG MINH, BÙI ĐỨC HẢI**  
**ĐỖ XUÂN KHÁNH**

Phụ trách nội dung:  
**LÊ TRỌNG MINH**

Phụ trách sản xuất:  
**NGUYỄN QUỐC VIỆT**

Cố vấn chuyên môn  
**ĐÀO XUÂN LAI**  
**KOOS NEEFJES**  
**TRƯƠNG THỊ QUỲNH TRANG**  
**NASTASSJA HOFFET**  
**TRƯƠNG QUANG HỌC**

Hiệu đính tiếng Anh  
**ROBERT SHERWOOD**

Ảnh bìa: **SCG**

**TOÀ SOẠN**  
 47 Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội  
 ĐT: 04.38450537 - Fax: 04.38235288  
 Website: www.vir.com.vn; baodautu.vn  
 tinhanhchungkhoan.vn

**CÁC VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, TỔNG**  
**ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH VÀ QUẢNG CÁO**  
 TP.HCM:

178 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3  
 ĐT: 08.39305311 - 08.39305316  
 Fax: 08.39305317 - 08.39305318  
 E-mail: nguyenhong@virhcm.com.vn

**ĐÀ NẴNG:**  
 Tầng 5, Văn phòng III - Bộ KH&ĐT.  
 Đường Lê Sát, Quận Hải Châu.  
 ĐT: 0511.3623492 - 3623493  
 Fax: 0511.3623491  
 E-mail: huanvir@dng.vnn.vn

**HẢI PHÒNG:**  
 1 Đinh Tiên Hoàng  
 ĐT: 031.3842478 - Fax: 031.3842419  
 E-mail: thanhtanvir@gmail.com

**CẦN THƠ:**  
 105 Trần Hưng Đạo, Quận Ninh Kiều  
 ĐT: 0710.6252115 - Fax: 0710.3731766  
 E-mail: dauu-ct@vnn.vn

**VINH:**  
 Số 3, Đại lộ Lê Nin, Phường Hồng Phúc  
 ĐT/Fax: 0388.601171  
 Email: dauu.virvinh@gmail.com

**HÀ TĨNH:**  
 142 Trần Phú, TP. Hà Tĩnh  
 ĐT/Fax: 0393.693535  
 Email: hatinh.vir@gmail.com

**THÁI BÌNH:**  
 Số nhà 3, lô 12, đường Lê Thánh Tông  
 ĐT: 0366.250288 - Fax: 0366.250388  
 Email: quyhungla@gmail.com

**THANH HOÁ:**  
 Số nhà 30/1, Đặng Tiến Đông, Đông Thọ  
 ĐT/Fax: 037.3712569  
 Email: sichuc@gmail.com

Giấy phép xuất bản số 40/GP-XBDS,  
 ngày 20/3/2014  
 In tại Công ty TNHH một thành viên In  
 Tiến Bộ. Xuất bản tháng 5 năm 2014

## Lời Tòa soạn

Trong khi chủ trương thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh, Việt Nam xác định phát triển kinh tế-xã hội phải gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, coi bảo vệ môi trường là một trụ cột của phát triển bền vững. Mục tiêu của phát triển bền vững về môi trường là khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý và kiểm soát có hiệu quả ô nhiễm môi trường, bảo vệ tốt môi trường sống; khắc phục suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường.

Luật Bảo vệ môi trường 2005 mặc dù đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu trên, nhưng cũng đã bộc lộ không ít khiếm khuyết cần được sửa đổi, bổ sung để có một “trụ cột pháp lý” hoàn thiện hơn vì một tương lai xanh của Việt Nam, đáp ứng những yêu cầu mới của quá trình phát triển.

Tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội Khóa XIII sẽ xem xét và thông qua Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) trên cơ sở lắng nghe, tiếp thu rất nhiều ý kiến đóng góp từ đồng bào tăng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, các chuyên gia pháp luật và môi trường trong và ngoài nước... Đặc san “Xây trụ cột cho tương lai xanh” hy vọng sẽ mang đến thêm những thông tin tham khảo hữu ích cho quá trình xem xét, thảo luận và ra quyết định của các Đại biểu Quốc hội về dự luật quan trọng này.

Ban Biên tập Báo Đầu tư chân thành cảm ơn Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội đã ủng hộ và có những ý kiến chỉ đạo quý báu trong quá trình xuất bản Đặc san. Chân thành cảm ơn Cơ quan Phát triển Liên hiệp quốc (UNDP) tại Việt Nam đã tích cực hỗ trợ và phối hợp thực hiện Đặc san.

## MỤC LỤC

■ Chiến lược vì tương lai xanh của Việt Nam	6-7
■ Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) thể hiện nỗ lực bảo vệ môi trường của Việt Nam	8-9
■ Sửa luật để đáp ứng yêu cầu mới	10-12
■ Phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường 2005	13-15
■ Hoàn thiện Luật Bảo vệ môi trường (Sửa đổi): Cần xem xét năm khía cạnh chính	16-19
■ Đề cao vai trò của người dân	20-21
■ Sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường nhìn từ góc độ quyền trẻ em	22
■ Cần cân nhắc một số quy định trong Luật BVMT	23
■ Nâng cao tính thông thoáng, minh bạch	24-25
■ Mở rộng tham vấn người dân	26-27
■ Những việc cần làm trong tham vấn cộng đồng	28-29
■ Cấp phép môi trường cần rõ ràng, nhất quán	30
■ Không ngại mất thời gian	31
■ Đại diện tiếng nói người dân nên là cấp thôn	32-33
■ Quy định về cung cấp dịch vụ ĐTM đã rõ hơn	34-35
■ Cần thêm những quy định đột phá hỗ trợ khởi kiện các hành vi gây ô nhiễm	36-39
■ Bảo vệ quyền lợi của nạn nhân bị ô nhiễm	40
■ Còn nhiều câu hỏi để ngỏ	41
■ Một số vấn đề về quản lý chất thải hiệu quả	42-43
■ Cần thắt chặt quản lý nhập khẩu phế liệu	44-45
■ Cần có quy định và cơ chế khả thi phân loại phế liệu với chất phế thải	46-47
■ Cần mạnh tay hơn với vi phạm môi trường	48-49
■ Vấn đề biến đổi khí hậu trong dự thảo Luật BVMT (sửa đổi)	50-52
■ Siết chặt quy định về khai thác khoáng sản	53
■ Phát triển năng lượng tái tạo cần quy định cụ thể	54-55
■ Cần tăng cường thông tin về ‘tiêu dùng xanh’	56
■ Lựa chọn tất yếu để cạnh tranh	57
■ Chung tay xây dựng một tương lai bền vững	58-59
■ Ưu đãi để khuyến khích doanh nghiệp “xanh hóa” sản xuất	60
■ Nâng cao vai trò truyền thông môi trường và quyền tiếp cận thông tin của người dân	61-63



Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam rất hân hạnh được giới thiệu cuốn đặc san này với hy vọng các nhà làm chính sách, các chuyên gia và các tầng lớp nhân dân sẽ thảo luận kỹ hơn về bảo vệ môi trường tại Việt Nam. Việc bỏ phiếu thông qua Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội Khóa 13 vào tháng 6/2014 sẽ là dấu mốc quan trọng đối với Việt Nam trong quá trình tái cơ cấu kinh tế, hướng tới một mô hình tăng trưởng bền vững, công bằng và toàn diện hơn.

Trong 20 năm qua, Việt Nam đã xây dựng một khuôn khổ pháp lý mạnh mẽ về bảo vệ môi trường và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên vì mục tiêu phát triển bền vững. Trong suốt thời kỳ này, kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng trung bình 7%/năm, với thu nhập bình quân đầu người tăng gần 5 lần, tỷ lệ nghèo cũng đã giảm rất mạnh, và Việt Nam cũng đã trở thành quốc gia có thu nhập trung bình thấp vào năm 2010. Tuy nhiên, tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và khai thác quá mức tài nguyên khoáng sản vẫn diễn ra, ảnh hưởng tới cuộc sống và mưu sinh của người dân tại nhiều vùng trên cả nước, cũng như gây quan ngại lớn đối với nhiều tầng lớp nhân dân. Các thách thức môi trường nghiêm trọng tại Việt Nam cần phải được giải quyết nhằm bảo vệ quyền lợi của nhân dân, và ngăn ngừa các tác động tiêu cực đối với cuộc sống và mưu sinh của người dân.

Việc sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường vào năm 2014 tạo cơ hội lớn để luật được thực hiện dễ dàng hơn, ngăn chặn đà suy thoái môi trường và phòng ngừa những vụ ô nhiễm mới. Một bộ luật mạnh về

bảo vệ môi trường sẽ giúp đạt được tăng trưởng kinh tế bền vững và ổn định xã hội, đồng thời bảo vệ được môi trường, mang đến lợi ích cho người dân Việt Nam và đảm bảo phát triển bền vững dài hạn cho đất nước.

Cuốn đặc san này phản ánh quan điểm của nhiều bên tham gia, trong đó có Quốc hội, chính phủ, các doanh nghiệp, chuyên gia và cộng đồng dân cư về các khía cạnh cần được thảo luận và xem xét thấu đáo trong quá trình sửa đổi và thông qua Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi). Sáu vấn đề được thảo luận trong cuốn đặc san này bao gồm: đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường; sự tham gia của các cộng đồng dân cư và các tổ chức xã hội dân sự; nhập khẩu nguyên liệu loại thải và chất thải nguy hại; tranh chấp ô nhiễm môi trường; thương mại và môi trường; và biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh.

Chúng tôi hy vọng cuốn đặc san này sẽ hữu ích với quá trình thảo luận chính sách một cách hiệu quả và sâu rộng, và có giá trị tham khảo cho các Đại biểu Quốc hội trong quá trình thảo luận Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) trước khi thông qua luật này.

**LOUISE CHAMBERLAIN**

*Giám đốc quốc gia  
Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc tại Việt Nam*



**V**iệt Nam đang thực hiện mục tiêu phát triển nhanh và bền vững, trong đó bảo vệ môi trường được xem là một trong ba trụ cột, cùng với phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội.

Điều 43 của Hiến pháp được Quốc hội thông qua ngày 28/11/2013 quy định: Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường. Điều 63 của Hiến pháp cũng quy định rõ: Nhà nước có chính sách bảo vệ môi trường; quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Nhà nước khuyến khích mọi hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo. Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường, làm suy kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy giảm đa dạng sinh học phải bị xử lý nghiêm và có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại.

Để cụ thể hóa các quy định đó của Hiến pháp năm 2013, thể chế hóa kịp thời các nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 3/6/2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, với quan điểm chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là những vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn, quan hệ, tác động qua lại, cùng quyết định sự phát triển bền vững của đất nước; là cơ sở, tiền đề cho hoạch định đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội. Bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của cả hệ

thống chính trị, là trách nhiệm và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư, trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự tham gia, giám sát của toàn xã hội.

Căn cứ các quan điểm chỉ đạo và nhiệm vụ nói trên, đồng thời xuất phát từ đòi hỏi thực tiễn trong bối cảnh tình hình ô nhiễm môi trường ngày một nghiêm trọng và biến đổi khí hậu đã trở thành mối nguy cơ hiện hữu mang tính toàn cầu, thì việc sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường 2005 càng trở nên cấp thiết.

Luật Bảo vệ môi trường là một đạo luật quan trọng. Việc rà soát, sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường lần này sẽ khắc phục các quy định bất hợp lý và bổ sung các quy định mới phù hợp với tình hình hiện nay để tăng cường khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng ngừa, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường.

Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) cũng sẽ quy định đầy đủ hơn các cơ chế, chính sách, biện pháp, xác định rõ nguồn lực cho bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, theo đó ngoài ngân sách nhà nước sẽ khuyến khích huy động các nguồn lực từ xã hội, các thành phần kinh tế và sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế bởi đây không chỉ là vấn đề riêng của Việt Nam mà còn mang tính toàn cầu. Bên cạnh đó, Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) cũng cần xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng địa phương cũng như vai trò của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong bảo vệ môi trường.

Tôi tin rằng, Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) sẽ có tính khả thi và đi vào cuộc sống nếu xử lý tốt các vấn đề này.

**UÔNG CHU LƯU**

*Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội*

# Chiến lược vì tương lai xanh của Việt Nam

Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư **Nguyễn Thế Phương** phân tích ý nghĩa của việc thực hiện Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh đối với mục tiêu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường quốc gia. **PV. Thành Đạt** thực hiện

**Xin Thứ trưởng cho biết vì sao có thể coi tăng trưởng xanh là cơ chế phát triển phù hợp với Việt Nam, nhất là trong bối cảnh ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu đang trở nên những vấn đề lớn đối với nước ta?**

Kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam đã đạt được tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao, trung bình 7% mỗi năm, nhiều mục tiêu thiên niên kỷ quan trọng đã đạt được. Năm 2010, Việt Nam đã chính thức bước vào nhóm nước có thu nhập trung bình.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định một mặt đã tạo ra sự cải thiện rõ rệt trong lĩnh vực tiêu dùng, nhưng mặt khác cũng tạo ra những thách thức đối với môi trường nói riêng và phát triển bền vững nói chung. Phát triển kinh tế-xã hội vẫn còn dựa nhiều vào việc khai thác tài nguyên thiên nhiên. Việc sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên không tái tạo còn phổ biến. Tiêu dùng năng lượng cho sinh hoạt và các hoạt động kinh tế tăng lên dẫn đến việc tiêu thụ nhiều năng lượng hóa thạch hơn trong khi việc sử dụng các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo còn hạn chế. Đi kèm với tiêu thụ nhiều năng lượng hóa thạch là phát thải khí nhà kính nhiều hơn, cũng tức là phát thải các khí gây ô nhiễm môi trường.

Chủ trương nhất quán của lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam là không tăng trưởng kinh tế nhanh bằng mọi giá. Chiến lược Phát triển Kinh tế-xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011-2020 đã chỉ rõ, đất nước cần phát triển nhanh và bền vững, tăng trưởng kinh tế phải đi kèm với tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường. Bảo vệ và cải thiện môi trường phải được coi là yếu tố không thể tách rời của quá trình phát triển. Vấn đề đặt ra là làm sao cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao hiệu quả, chuyển từ tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng sang chiều



sâu trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến để tăng năng suất lao động, triệt để tiết kiệm các nguồn lực trong phát triển và cải thiện môi trường, phát triển các nguồn năng lượng có thể tái tạo. Cần thay đổi mô hình phát triển và công nghệ sản xuất, tiêu dùng theo hướng sạch hơn và thân thiện hơn với môi trường; thực hiện công nghiệp hóa "sạch" với cơ cấu ngành nghề, công nghệ, thiết bị đảm bảo nguyên tắc thân thiện với môi trường; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên khoáng sản; bảo vệ phát triển rừng; giảm ô nhiễm không khí, quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại; giảm nhẹ tác động và hạn chế những ảnh hưởng có hại của biến đổi khí hậu.

Từ quan điểm này, tăng trưởng xanh được xác định là cơ chế phát triển phù hợp với Việt Nam.

Khái niệm tăng trưởng xanh hiện đã được các nhà hoạch định chính sách áp dụng trên phạm vi toàn cầu. Tháng 6/2009, tại cuộc họp của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), tăng trưởng xanh đã được đưa vào trong tuyên bố và được xem là mô hình phát triển mới giúp đạt được tăng trưởng bền vững. Gần đây hơn, tháng 6/2012, tại Hội nghị "Rio + 20", tăng trưởng xanh một lần nữa được nhấn mạnh là nhân tố quan trọng giúp đạt được phát triển bền vững.

Việc chúng ta lựa chọn tăng trưởng xanh phù hợp với xu hướng hội nhập và phát triển chung của thế giới, theo hướng không chỉ mang lại lợi ích kinh tế, mà còn hướng tới phục hồi và bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, nuôi dưỡng cuộc sống con người và giảm

thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Tăng trưởng xanh là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững, đảm bảo phát triển kinh tế nhanh và hiệu quả. Tăng trưởng xanh đi kèm với các định hướng chính sách, kế hoạch phát triển quốc gia mới nhằm quản lý bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên, tạo việc làm xanh, xoá đói giảm nghèo, an sinh xã hội và bảo vệ môi trường.

**Các mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể của Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh là gì, thưa Thứ trưởng?**

Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh của Việt Nam hướng tới 3 mục tiêu cụ thể là:

- Tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế theo hướng khuyến khích các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên thiên nhiên với giá trị gia tăng cao.

- Nghiên cứu, ứng dụng ngày càng rộng rãi công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

- Nâng cao đời sống nhân dân thông qua việc tạo thêm việc làm từ các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ xanh và cải thiện chất lượng cuộc sống thông qua việc xây dựng hạ tầng xanh, lối sống thân thiện với môi trường.

Để đạt được các mục tiêu trên, Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh đề ra 3 nhiệm vụ chiến lược:

- Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, với chỉ tiêu cụ thể đến năm 2020 là: giảm cường độ phát thải khí nhà kính từ 8-10% so với mức của năm 2010; giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP từ 1-1,5%/năm; và giảm phát thải khí nhà kính trong các hoạt động năng lượng từ 10-20% so với phương án phát triển bình thường.

- Thực hiện xanh hóa sản xuất, với chỉ tiêu cụ thể đến năm 2020 là: giá trị sản phẩm các ngành công nghệ cao, công nghệ xanh chiếm từ 42-45% tổng GDP; tỷ lệ các cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn môi trường là 80%, áp dụng công nghệ sạch hơn là 50%; và đầu tư phát triển các ngành hỗ trợ bảo vệ môi trường, làm giàu vốn tự nhiên đạt 3-4% GDP.

- Thực hiện xanh hóa lối sống và tiêu dùng bền vững, thực hiện đô thị hóa nhanh, bền vững, duy trì lối sống hòa hợp với thiên nhiên ở nông thôn trong quá trình hiện đại



**Thực hiện đô thị hóa nhanh, bền vững, xanh hóa lối sống, hòa hợp với thiên nhiên là một nhiệm vụ chiến lược của tăng trưởng xanh**

hóa và tạo lập thói quen tiêu dùng bền vững trong bối cảnh hội nhập với thế giới toàn cầu. Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2020 là: 100% đô thị loại III có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn quy định; 60% với đô thị loại IV, loại V và các làng nghề; cải thiện môi trường khu vực bị ô nhiễm nặng 100%, tỷ lệ chất thải được thu gom, xử lý hợp tiêu chuẩn theo Quyết định số 2149/QĐ-TTg.

**Việc áp dụng rộng rãi công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu đã được quy định như thế nào trong Chiến lược này?**

Việc áp dụng rộng rãi công nghệ tiên tiến đã được nhấn mạnh rõ trong Mục tiêu chiến lược số 2 của CLTTX cụ thể như sau: “Nghiên cứu, ứng dụng ngày càng rộng rãi công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu”.

Hiện tại Việt Nam có trình độ công nghệ thấp, sử dụng những công nghệ lạc hậu, lỗi thời giá rẻ. Những công nghệ này sử dụng lãng phí các nguồn tài nguyên thiên nhiên và phát thải gây ô nhiễm môi trường, sử dụng nhiều nhiên liệu hóa thạch, gây ra những tổn thất lớn cho hệ sinh thái. Việc này

canh có lộ trình và sự giúp đỡ của các nước phát triển trong chuyển giao công nghệ mới cũng như chính sách đầu tư thích đáng cho khoa học kỹ thuật . .

Theo tính toán sơ bộ, để giảm phát thải khí nhà kính như đã cam kết trong 9 lĩnh vực chủ yếu của nền kinh tế, cần thiết phải huy động nguồn vốn đầu tư trên 30 tỷ USD trong giai đoạn 2013-2020 từ các nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và khu vực tư nhân.

Cần có môi trường thể chế để tạo điều kiện và khuyến khích mọi thành phần kinh tế và toàn dân tham gia đầu tư và áp dụng công nghệ tiên tiến.

**Hiện việc thực hiện Chiến lược này đang được triển khai như thế nào, thưa Thứ trưởng?**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư với vai trò là cơ quan đầu mối quốc gia về tăng trưởng xanh đã xây dựng một lộ trình gồm nhiều bước và hành động ưu tiên. Các nội dung sau đây đang được phối hợp triển khai:

- Xây dựng và trình Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2013-2020 (KHHĐ-TTX) với sự tham gia tích cực của các Bộ, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế.

- Thực hiện các hoạt động ưu tiên:
- Tổ chức Ban điều phối triển khai Chiến

lược tăng trưởng xanh, trực thuộc Ủy ban quốc gia về Biến đổi khí hậu.

- Hoàn thiện khung thể chế nhằm thúc đẩy quá trình tái cơ cấu kinh tế phù hợp với Chiến lược tăng trưởng xanh.

- Hình thành Khung chính sách tài chính tăng trưởng xanh.

- Nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của toàn dân vào việc thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh.

- Triển khai xây dựng kế hoạch/chương trình hành động tăng trưởng xanh tại một số tỉnh, thành phố; tổng kết và nhân rộng.

- Hoàn thiện thể chế về không khí sạch; kiểm kê, giám sát phát thải khí nhà kính và quản lý các hoạt động giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

- rà soát và kiến nghị điều chỉnh các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội từ quan điểm phát triển bền vững và xây dựng đề án tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh cho giai đoạn 2014-2020.

- rà soát và kiến nghị điều chỉnh các quy hoạch phát triển ngành công nghiệp, nông lâm nghiệp, thủy sản, giao thông vận tải, xây dựng, tài nguyên-môi trường, khoa học-công nghệ v.v từ quan điểm phát triển bền vững và xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của các ngành tương ứng trong giai đoạn 2014-2020.

- Và các hoạt động ưu tiên khác.

# Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) thể hiện nỗ lực bảo vệ môi trường của Việt Nam



## TS. VÕ TUẤN NHÂN

Phó Chủ nhiệm Ủy ban KHCN&MT Quốc hội

Trong đổi mới và hội nhập, những năm qua Đảng và Nhà nước ta đã hoạch định chiến lược về bảo vệ môi trường (BVMT) trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch phòng ngừa, khắc phục suy thoái môi trường, sự cố môi trường. Nhiều văn bản định hướng quan trọng trong lĩnh vực BVMT đã được ban hành.

Dự án Luật BVMT (sửa đổi) được đưa vào chương trình chính thức theo Nghị quyết số 20/2011/QH13 về chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh của Quốc hội khóa XIII. Tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội đã thảo luận về dự án Luật BVMT (sửa đổi). Trên cơ sở tiếp thu một cách nghiêm túc ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội tại Kỳ họp thứ 6 vào tháng 11 năm 2013. Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) đã được chuẩn bị công phu, gồm có 20 chương, 179 điều, tăng 5 chương, 43 điều so với Luật bảo vệ môi trường 2005. Dự thảo Luật lần này tăng số chương và điều nhằm bổ sung một số nội dung mới, đồng thời bố cục lại các điều

đảm bảo tính logic và khoa học. Dự thảo Luật có một số điểm mới nổi bật thể hiện nỗ lực bảo vệ môi trường của Việt Nam, như sau:

(1) Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường là nội dung mới được bổ sung trong dự thảo Luật. Cần có quy hoạch BVMT để có công cụ phù hợp, triển khai chủ động, tổng thể, dài hạn thực sự gắn bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo phát triển bền vững. Trước thực trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường nghiêm trọng hiện nay, quy hoạch BVMT là công cụ quản lý chủ động, hiệu quả và có tầm nhìn dài hạn, bảo đảm BVMT thực sự là một trong ba trụ cột của phát triển bền vững. Việc quy định quy hoạch BVMT trong Dự thảo Luật là kế thừa và hoàn thiện quy định của Luật BVMT năm 1993 và Luật BVMT năm 2005; đồng thời thể chế hóa Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 Hội nghị Ban chấp hành Trung ương 7 Khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT để tạo hành lang pháp lý cho tổ chức, cá nhân hoạt động BVMT gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH).

(2) Quy định về Kế hoạch bảo vệ môi trường (KHBVMT) của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án, đánh giá tác động môi trường là công cụ hữu hiệu cho việc rà soát, đánh giá các yêu cầu BVMT của một dự án cụ thể. Tuy nhiên, sau khi dự án đi vào hoạt động với tư cách là một cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thì chúng ta đang thiếu một công cụ quản lý môi trường thống nhất. KHBVMT được đề xuất áp dụng đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khi đi vào hoạt động. Các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm tự lập KHBVMT và thực hiện kế hoạch đó theo các quy định của pháp luật về BVMT. Quy định này sẽ tăng tính chủ động, nâng cao ý thức tự giác trong việc thực thi pháp luật về BVMT của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

(3) Dự thảo luật đã xây dựng một chương mới quy định về ứng phó với BĐKH - một vấn đề toàn cầu và là thách thức nghiêm trọng đối với nhân loại. Việt Nam là một trong những nước chịu sự tác động lớn nhất của BĐKH và nước biển dâng. Chủ động ứng phó với BĐKH là một

trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là trách nhiệm và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư. Chương này thể chế hóa một số nghị quyết của Đảng, chiến lược, chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với BĐKH; Lồng ghép nội dung ứng phó với BĐKH vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội; Quản lý phát thải khí nhà kính; Quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn; Phát triển năng lượng tái tạo; Sản xuất và tiêu thụ bền vững; Tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng từ chất thải; Quyền hạn và trách nhiệm của cộng đồng đối với ứng phó với BĐKH; Phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ ứng phó với BĐKH... đáp ứng các yêu cầu cấp thiết về ứng phó với biến đổi khí hậu hiện nay.

(4) Bảo vệ môi trường biển và hải đảo được quy định thành một Chương riêng. Quy định này thể hiện sự thống nhất và toàn diện trong công tác bảo vệ môi trường. Chương này quy định những vấn đề chung về bảo vệ môi trường biển và hải đảo; Kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường biển và hải đảo; Phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trên biển và hải đảo.

(5) Bổ sung các quy định về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở nghiên cứu, phòng thí nghiệm; kiểm soát chất độc Dioxin; kiểm soát việc sản xuất, nhập khẩu và sử dụng hóa chất; bảo vệ môi trường nông nghiệp, thủy sản; quy định việc tái sử dụng chất thải; thời hiệu khởi kiện về môi trường...

(6) Bổ sung quy định nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; quy định rõ trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng và Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, đặc biệt là trách nhiệm xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

(7) Quy định về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức chính trị-xã hội, xã hội-nghề nghiệp và cộng đồng dân cư. Dự thảo Luật có một chương riêng quy định trách nhiệm và quyền hạn của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội, xã hội-nghề nghiệp và cộng đồng dân cư trong BVMT; làm rõ quyền được cung cấp thông tin, quyền đối thoại, quyền được tham gia kiểm tra BVMT... Đồng thời, Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) quy định trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, chủ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong việc bảo đảm quyền của các tổ chức chính trị-xã hội, xã hội-nghề nghiệp và cộng đồng

dân cư.

Bên cạnh việc rà soát, chỉnh sửa, quy định chặt chẽ hơn về cấu trúc, nội dung của Dự thảo Luật, nhiều nội dung cụ thể đã được bổ sung, hoàn thiện những quy định như: Đánh giá môi trường chiến lược (bổ sung quy định đánh giá về tác động của BĐKH); quy định thời điểm thực hiện đánh giá tác động môi trường (phải được phê duyệt trước khi quyết định chủ trương đầu tư); cam kết BVMT; điều kiện về nhập khẩu phế liệu; các quy định về bảo vệ môi trường nước, đất, không khí; làm rõ hơn về các yêu cầu BVMT đối với một số khu vực đặc thù như khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề; Quy định rõ trách nhiệm của các Bộ trưởng, thủ trưởng cơ

quan, người đứng đầu cơ sở...; Bổ sung quy định về nguyên tắc xác định trách nhiệm pháp lý của cá nhân đối với các vụ việc vi phạm pháp luật về môi trường; Quy định về trách nhiệm báo cáo môi trường của chính quyền các cấp, các bộ; báo cáo môi trường của các tập đoàn, tổng công ty; Làm rõ hơn trách nhiệm quan trắc môi trường.

Dự thảo Luật bảo vệ môi trường (sửa đổi) được Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 7. Tin tưởng rằng các nội dung mới trong Dự thảo Luật sẽ được các vị đại biểu Quốc hội tán thành và Luật BVMT (sửa đổi) sẽ tạo sự đột phá mới nâng cao hiệu quả công tác BVMT, góp phần cho kinh tế phát triển đi vào chiều sâu đảm bảo cho sự phát triển bền vững.



Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) có thêm nhiều quy định khuyến khích các hoạt động bảo vệ môi trường





Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) dự kiến sẽ được thông qua tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa 13 sẽ góp phần tích cực vào việc thực hiện Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh cũng như mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam. Ông Bùi Cách Tuyến - Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường trao đổi với PV. Thanh Tùng về những điểm mới có tác động sâu rộng trong luật này.

## Sửa luật để đáp ứng yêu cầu mới

**Xin Thứ trưởng cho biết những nguyên tắc căn bản trong việc xây dựng Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi?**

Luật Bảo vệ môi trường 2005 có ý nghĩa quan trọng, góp phần vào những kết quả đạt được trong công tác bảo vệ môi trường thời gian qua. Tuy nhiên, sự thay đổi nhanh chóng của các điều kiện kinh tế, xã hội, môi trường đã đặt ra nhu cầu khách quan cần xây dựng Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) nhằm khắc phục những hạn chế và điều chỉnh được các nội dung mới.

Trong quá trình xây dựng Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi), cơ quan soạn thảo đã xác định rõ 5 nguyên tắc căn bản như sau:

Thứ nhất, thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Thứ hai, bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, giữ vững nguyên tắc pháp chế và tính nghiêm minh của pháp luật. Bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ giữa quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường với các hệ thống pháp luật khác có liên quan,

Thứ ba, kế thừa những ưu điểm của Luật Bảo vệ môi trường năm 2005; Các quy định của Luật phải rõ ràng, minh bạch và có tính thực thi phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam hiện nay.

Thứ tư, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quản lý môi trường và xây dựng pháp luật về môi trường của một số nước trên thế giới; bổ sung một số nội dung mới (tăng trưởng xanh, biến đổi khí hậu,...); hài hòa các quy định của Luật và các cam kết quốc tế về môi trường thể hiện tại các điều ước quốc tế về môi trường mà Việt Nam đã ký kết, tham gia.

Thứ năm, coi phòng ngừa ô nhiễm và suy thoái môi trường là nhiệm vụ chính; bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ Trung ương đến cơ sở; tăng cường trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi tổ chức và cá nhân đối với công tác bảo vệ môi trường.

**Theo Thứ trưởng, Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) sẽ góp phần quan trọng như thế nào vào việc thực hiện Chiến lược Tăng trưởng xanh cũng như mục tiêu phát triển bền vững quốc gia?**

Như chúng ta đã biết, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh được Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 25 tháng 9 năm 2012 tại Quyết định số 1393/QĐ-TTg. Chiến lược đặt ra mục tiêu chung là tăng trưởng xanh, tiến tới nền kinh tế các-bon thấp, làm giàu vốn tự nhiên; giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính với các mục tiêu cụ thể gồm tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng xanh hóa các ngành hiện có và khuyến khích phát triển các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên với giá trị gia tăng cao; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, giảm cường độ phát thải khí nhà kính; nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng lối sống thân thiện với môi trường thông qua tạo nhiều việc làm từ các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ xanh, đầu tư vào vốn tự nhiên, phát triển hạ tầng xanh. Ba nhiệm vụ chính trong chiến lược được đặt ra gồm giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; Xanh hóa sản xuất; Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Các nhiệm vụ chính này được cụ thể hóa bằng 17 giải pháp thực hiện hướng tới mục tiêu xây dựng nền kinh tế bền vững.

Bảo vệ môi trường là một trong 3 trụ cột chính của phát triển bền vững. Với tinh thần đó, Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) được xây dựng trên quan điểm bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu vừa là một nội dung cơ bản của phát triển bền vững. Tăng cường bảo vệ môi trường phải theo phương châm ứng xử hài hòa với thiên nhiên, theo quy luật tự nhiên, phòng ngừa là chính; kết hợp kiểm soát, khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; lấy bảo vệ sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. Đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững. Khắc phục tư tưởng chạy theo các lợi ích trước mắt về kinh tế mà hy sinh những lợi ích lâu dài về môi trường. Nâng cao hiệu quả của hoạt động lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và dự án đầu tư phát triển. Các chỉ tiêu môi trường phải được sử dụng để đánh giá chất lượng, hiệu quả và tính bền vững trong phát triển kinh tế, xã hội



**Phát triển năng lượng tái tạo là một trong những nội dung hướng tới của Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi để góp phần thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh**

của quốc gia, ngành, lĩnh vực và địa phương.

Một trong những mục đích hướng tới của việc xây dựng Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) là đáp ứng những yêu cầu mới của quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế hài hòa với thiên nhiên, thân thiện với môi trường, thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

Trên cơ sở đó, một số nội dung cơ bản quan trọng của Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) được xem là những giải pháp then chốt để đạt được các mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững như sau:

Quy hoạch bảo vệ môi trường được đề xuất xây dựng như một công cụ để phân vùng môi trường gắn với các giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường nhằm phát triển bền vững. Quy hoạch bảo vệ môi trường gắn liền với quy hoạch tổng thể phát triển

kinh tế - xã hội là nền tảng cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

Đánh giá môi trường chiến lược đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển để đưa ra những giải pháp giảm thiểu tác động bất lợi đến môi trường, làm nền tảng và được tích hợp trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển nhằm bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững. Ngăn ngừa những tác động xấu tới môi trường của các dự án phát triển thông qua công cụ đánh giá tác động môi trường.

Yêu cầu lồng ghép các nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

Kiểm soát chặt chẽ việc phát thải ra môi trường đặc biệt là phát thải khí nhà kính, các

chất làm suy giảm tầng ô- dôn; giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng từ chất thải.

Phát triển năng lượng tái tạo; khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, phục hồi môi trường và bồi hoàn đa dạng sinh học.

Ưu đãi, hỗ trợ và ưu tiên phát triển các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường công nghệ khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm năng lượng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Sản xuất và tiêu thụ bền vững, phát triển công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông, dịch vụ xanh và sản phẩm thân thiện với môi trường; thực hiện kiểm toán môi trường; tín dụng xanh; đầu tư xanh; ưu tiên sử dụng các sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường.

#### **Xin Thứ trưởng cho biết những điểm mới nổi bật của Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi so với Luật Bảo vệ môi trường 2005**

Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) lần này tăng số chương và điều nhằm bổ sung một số nội dung mới cũng như hạn chế số lượng nội dung cần văn bản hướng dẫn; đồng thời sắp xếp lại trật tự các chương, điều đảm bảo tính logic và khoa học. Bên cạnh các nội dung góp phần vào việc thực hiện Chiến lược Tăng trưởng xanh cũng như mục tiêu phát triển bền vững quốc gia như đã nói ở trên, Dự thảo Luật có một số điểm mới nổi bật như sau:

(1) Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường: là nội dung mới được bổ sung trong dự thảo Luật: Cần có quy hoạch BVMT để có cách nhìn và triển khai chủ động, tổng thể, dài hạn thực sự gắn bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế, an sinh, xã hội, bảo đảm phát triển bền vững.

(2) Kế hoạch bảo vệ môi trường: Được coi là công cụ hữu hiệu trong việc quản lý công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh chất thải kể từ khi dự án đi vào hoạt động. Kế hoạch bảo vệ môi trường sẽ tạo sự chủ động, nâng cao ý thức cho chủ các cơ sở trong công tác BVMT đồng thời là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, người dân giám sát, thanh kiểm tra công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở.

(3) Quy định về ứng phó với biến đổi khí hậu: Nội dung này chưa được quy định trong Luật hiện hành. Biến đổi khí hậu là vấn đề đang thách thức, ảnh hưởng lớn đến toàn cầu trong đó có nước ta. Dự thảo Luật

có một chương quy định về ứng phó với biến đổi khí hậu để đáp ứng các yêu cầu cấp thiết về ứng phó với biến đổi khí hậu hiện nay, luật hóa một số nội dung cơ bản của một số nghị quyết của Đảng và Chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu.

(4) Bảo vệ môi trường biển và hải đảo: Dự thảo Luật có một chương quy định về bảo vệ môi trường biển và hải đảo nhằm bảo đảm tính thống nhất và toàn diện của Luật Bảo vệ môi trường. Chương này chỉ quy định những nội dung cơ bản, có tính nguyên tắc, đồng thời không có sự trùng lặp với những nội dung dự kiến được xây dựng trong Luật Bảo vệ tài nguyên và môi trường biển do Bộ Tài nguyên và Môi trường đang xây dựng.

(5) Nội dung bảo vệ các thành phần môi trường đất, nước, không khí, ... môi trường làng nghề, nhập khẩu phế liệu... được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các quy định cụ thể, chặt chẽ nhằm kiểm soát và hạn chế tình trạng gây ô nhiễm môi trường đã xảy ra trong thời gian qua. Dự thảo Luật có thêm quy định mới về kiểm soát chất độc da cam/dioxin có nguồn gốc từ chất diệt cỏ do Mỹ sử dụng trong chiến tranh; về hiệu lực hồi tố để quy trách nhiệm bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường...

(6) Bổ sung quy định nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong một điều riêng để quy định rõ nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; quy định rõ trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng và Thủ

trưởng các cơ quan ngang bộ khác thay cho quy định cũ giao cho bộ, ngành, đặc biệt là trách nhiệm xây dựng văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường.

(7) Về quyền hạn và nghĩa vụ của các tổ chức xã hội, xã hội-nghề nghiệp và cộng đồng dân cư, dự thảo Luật đã dành chương riêng quy định về nghĩa vụ và quyền hạn của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức xã hội, xã hội-nghề nghiệp và cộng đồng dân cư, làm rõ các quyền như: được cung cấp thông tin, đối thoại và tham gia kiểm tra, giám sát công tác BVMT... Đồng thời, Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) quy định trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, chủ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong việc bảo đảm quyền của các tổ chức xã hội, xã hội-nghề nghiệp và cộng đồng dân cư được thực hiện.

(8) Bổ sung các quy định về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở nghiên cứu, phòng thí nghiệm; kiểm soát chất độc Dioxin có nguồn gốc từ chất diệt cỏ do Mỹ sử dụng trong chiến tranh; kiểm soát việc sản xuất, nhập khẩu và sử dụng hóa chất nói chung và đặc biệt là thuốc bảo vệ thực vật, thú y; bảo vệ môi trường nông nghiệp, nông thôn; tái sử dụng chất thải; thời hiệu khởi kiện về môi trường;...

**Theo Thứ trưởng, cần làm gì để đảm bảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) được thực thi có hiệu quả sau khi ban hành?**

Bảo đảm hiệu quả thực thi của pháp luật môi trường nói chung, của Luật Bảo vệ môi trường nói riêng là hết sức quan trọng.

Đây cũng chính là nội dung được Bộ Tài nguyên và Môi trường và các đối tác phát triển lựa chọn là chủ đề ưu tiên tại Diễn đàn phát triển Việt Nam (VDPF) năm 2013 do Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng chủ trì. Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ TNMT đã giao cho Tổng cục Môi trường nghiên cứu, xây dựng đề án "Tăng cường năng lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường" nhằm đánh giá năng lực, thực trạng tình hình thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm đề xuất các giải pháp tăng cường và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trong lĩnh vực này.

Nhằm bảo đảm Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) được thực thi có hiệu quả sau khi ban hành, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chỉ đạo các đơn vị chuyên môn, trong đó Tổng cục Môi trường là đơn vị chủ công chuẩn bị song song và đồng bộ các văn bản hướng dẫn thực thi Luật Bảo vệ môi trường đảm bảo khi được ban hành sẽ đi vào thực hiện ngay, tránh tình trạng chờ văn bản hướng dẫn.

Để tăng cường hiệu quả thực thi của pháp luật nói chung và Luật Bảo vệ môi trường nói riêng, sự tham gia giám sát của các tổ chức, của nhân dân đóng vai trò hết sức quan trọng.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách và pháp luật về môi trường. Bộ Tài nguyên và Môi trường đánh giá cao vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong công tác nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật về môi trường cho các tầng lớp nhân dân.



Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) coi phòng ngừa ô nhiễm và suy thoái môi trường là một nhiệm vụ chính

# Phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường 2005

Bài viết sẽ tập trung phân tích sự cần thiết và nội dung của Luật Bảo vệ môi trường trong công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, và là công cụ hữu hiệu giúp cho việc thực hiện Chiến lược Quốc gia về phát triển bền vững và Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh.

**TS. PHẠM HOÀNG MAI**  
**TH.S NGUYỄN THỊ DIỆU TRINH**

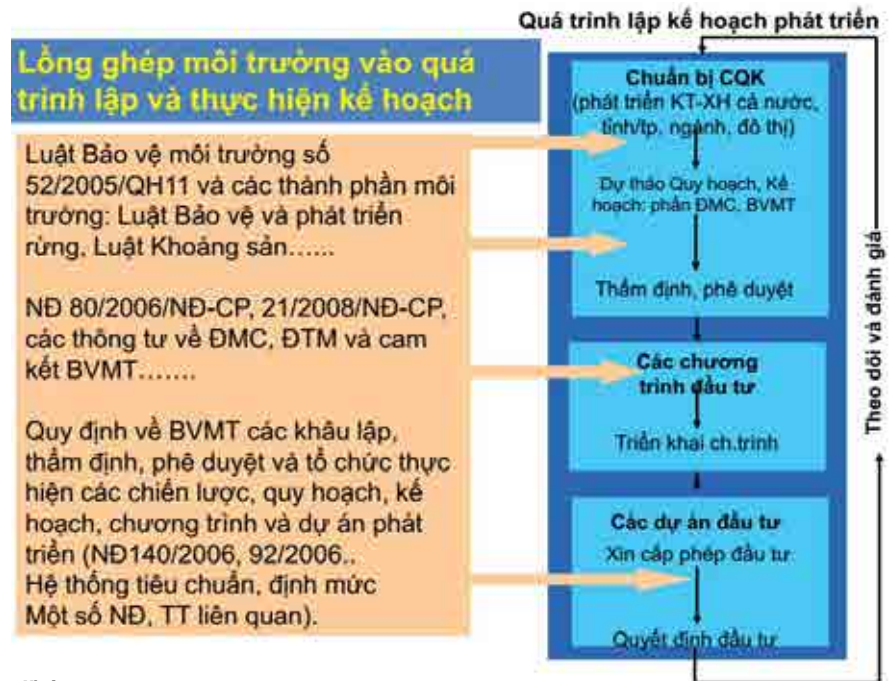
Vụ Khoa học Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Việc sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường ban hành năm 2005 được đặt ra trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều thay đổi, trong đó chú trọng nhiều đến việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng khuyến khích sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế. Bên cạnh đó, Việt Nam đang thể hiện vai trò là quốc gia có trách nhiệm đóng góp vào nỗ lực của cộng đồng quốc tế trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu.

## Thực hiện Luật BVMT 2005 trong công tác lập kế hoạch

Bộ Kế hoạch và Đầu tư ( KH&ĐT) được Chính phủ giao nghiên cứu, thực hiện các quy định của Luật BVMT 2005 và các nghị định và thông tư hướng dẫn liên quan. Bộ đã thực hiện lồng ghép môi trường vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch (CQH) phát triển kinh tế - xã hội (KTXH), cụ thể:

Xây dựng và đưa bộ chỉ tiêu phát triển bền vững (PTBV) và BVMT vào Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm từ giai đoạn 2006 - 2010; Lồng ghép các hạng mục, hoạt động đầu tư cho môi trường trong các chương trình, dự án phát triển KTXH; Trình Chính phủ ban hành các nghị định, quyết định như Nghị định số 140/2006/NĐ-CP Chính phủ quy định về BVMT trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và dự án phát triển....



Hình 1

Ngoài ra, Bộ KH&ĐT đã xây dựng trình Chính phủ ban hành chiến lược PTBV, chiến lược và kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh, với nội dung: Phối hợp với các bộ, ngành địa phương xây dựng, ban hành văn bản pháp quy và lồng ghép môi trường trong chuẩn bị, thẩm định phê duyệt đầu tư. Những nỗ lực thực hiện có thể tóm tắt theo hình 1.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, đối với một số quy trình, thủ tục về BVMT liên quan công tác kế hoạch và đầu tư gồm đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC), đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và cam kết BVMT vẫn còn một số hạn chế:

Công tác chuẩn bị, thẩm định, phê duyệt Báo cáo ĐMC hoặc ĐTM còn khá tách biệt, tốn nhiều thời gian mà hiệu quả chưa cao;

Vấn đề môi trường chưa thực sự được lồng ghép ngay từ đầu, báo cáo ĐMC thường mang tính minh họa, ít có tác dụng giúp đưa ra và lựa chọn phương án ít tác động tiêu cực lên tài nguyên, môi trường, xã hội, đa dạng sinh học...;

Thiếu hướng dẫn chi tiết về quy trình ĐMC cho chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển KTXH; Nghị định và thông tư ban hành còn khá chung chung, chưa đáp ứng yêu cầu đặc thù của từng ngành;

Không có tiêu chí thẩm định rõ ràng để xác định ĐMC nào đạt hay không đạt dẫn đến nhiều chủ quản của cơ quan lập ĐMC không biết rõ khi nào và như thế nào báo cáo đạt yêu cầu;

Những đối tượng đang sử dụng nhiều tài nguyên, tạo ra nhiều ô nhiễm không được/ít được đưa vào trong ĐMC mới;

Theo dõi, giám sát đảm bảo các nội dung trong báo cáo đánh giá còn chưa làm thường xuyên, thường chỉ khi có vấn đề mới rà soát;

Sự tham gia của các bên liên quan trong việc phân cấp, phân quyền không rõ, khi xảy ra vụ việc thường khá mất thời gian để xác định trách nhiệm, cơ chế xử lý, bồi thường, mà vụ Vedan là điển hình;

Thực hiện mục tiêu PTBV, nhưng trong quá trình này lại tách biệt vấn đề xã hội với vấn đề môi trường làm cho nhiều chương trình, dự án liên quan đến hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) phải bổ sung, làm lại hoặc không triển khai được, nhiều nội dung cần được công khai và tham vấn nhưng chưa được làm tốt, thiếu biện pháp giảm thiểu ô nhiễm hiệu quả, nên dẫn đến thiệt hại sau này;

Chưa đề cập nhiều chủ đề quan trọng về PTBV, BDKH, tăng trưởng xanh: trong quá trình triển khai luật từ 2005 đến nay, các

## ■ CHÍNH SÁCH - KHUYẾN NGHỊ

hướng dẫn vẫn theo cách tiếp cận cũ, chỉ quan tâm tới các vấn đề môi trường, thiếu vắng nội dung BĐKH, dù gần đây đã được hướng dẫn đã được ban hành nhưng còn thiếu đồng bộ nên khó thực thi; hoặc ĐMC, ĐTM chỉ quan tâm nhiều đến tác động của phát triển lên môi trường, song chưa đề cập tới những tác động ngược lại của môi trường, BĐKH lên tính hiệu quả, bền vững của dự án;

Những vấn đề liên vùng, xuyên biên giới chưa được đề cập và triển khai tích cực. Những năm qua chúng ta đã thử áp dụng quản lý lưu vực sông nhưng kết quả đến nay không rõ. Hiện nay chúng ta đang đối diện nhiều khó khăn trong đàm phán với một số quốc gia láng giềng có chung lưu vực sông đang phát triển thủy điện làm ảnh hưởng đến phát triển kinh KTXH vùng hạ du (ví dụ Đồng bằng sông Cửu Long) nhưng chưa có cơ chế cụ thể để đàm phán, thảo luận và tham vấn;

Quy trình xử lý, trách nhiệm khi có vấn đề chưa rõ ràng như khiếu kiện, không đồng ý với nội dung báo cáo, sự cố môi trường... rất khó xác định trách nhiệm của Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp;

Nguồn lực huy động cho BVMT hạn hẹp, khó có thể thu hút đầu tư vì thiếu cơ chế rõ

ràng, hơn nữa việc chỉ sử dụng vốn cho MT từ nguồn sự nghiệp đã hạn chế việc đầu tư cho môi trường;

Chưa khuyến khích được đầu tư tư nhân vào BVMT, xử lý ô nhiễm: Hiện có nhiều công ty tư nhân đã nghiên cứu, thử nghiệm thành công việc xử lý ô nhiễm, nhưng thiếu các cơ chế chính sách liên quan đến khuyến khích, ưu đãi, bảo vệ tác quyền nên chưa thu hút được nhiều thành phần và doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực mới mẻ này.

### **Bối cảnh phát triển, những vấn đề liên quan đến PTBV và TTX**

Trong bối cảnh phát triển đang có nhiều thay đổi, sự nghiệp phát triển KTXH và BVMT của đất nước đang đứng trước nhiều thách thức cũng như cơ hội. Đó là: Ổn định kinh tế vĩ mô, nâng cao sức cạnh tranh, hiện trạng sử dụng tài nguyên lãng phí dẫn đến cạn kiệt, ô nhiễm môi trường, chênh lệch mức sống, ứng phó với BĐKH...; Kinh tế thế giới đang biến động với diễn biến khó lường tác động đến thị trường, nguồn cung nguyên, nhiên liệu, tài chính, vốn...; Chính phủ ban hành chiến lược quốc gia về PTBV, BĐKH và tăng trưởng xanh; Chính phủ đang hoàn chỉnh để án tái cấu trúc kinh tế; OECD và một số quốc

gia đã có nhận thức mới về mối quan hệ giữa vấn đề môi trường và phát triển trong chủ đề BĐKH, nghiên cứu bổ sung quy định BVMT có yếu tố BĐKH và tăng trưởng xanh thay vì ban hành luật riêng biệt; Chính sách ODA và tài trợ cho BĐKH, tăng trưởng xanh đang mở ra cơ hội mới, gồm cả khả năng thực hiện PPP trong lĩnh vực BVMT, tăng trưởng xanh và BĐKH.

### **Một số đề xuất, bổ sung lồng ghép những nội dung PTBV, tăng trưởng xanh vào dự thảo Luật BVMT (sửa đổi)**

Để lồng ghép các nội dung của các chiến lược PTBV, tăng trưởng xanh, cần bổ sung để hoàn thiện Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) theo các hướng sau:

Phải đề cập rõ hơn về nguyên tắc những yêu cầu cơ bản, yếu tố cần quan tâm trong BVMT: PTBV, ứng phó BĐKH, tăng trưởng xanh; Tạo môi trường pháp lý để thúc đẩy việc sử dụng tài nguyên có hiệu quả, thay đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế; Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của luật cần được mở rộng để có thể gắn kết được BVMT, PTBV, Ứng phó BĐKH, tăng trưởng xanh, phục vụ được các



Mục tiêu chung của của Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh là tiến tới nền kinh tế các-bon thấp



HOÀN THIÊN LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (SỬA ĐỔI):

# Cần xem xét năm khía cạnh chính

Việt Nam đã và đang tích cực thực hiện chương trình nghị sự phát triển bền vững, đặc biệt là kể từ năm 2004 khi thông qua Định hướng chiến lược phát triển bền vững (còn gọi là Chương trình Nghị sự 21) của mình. Dựa trên nguyên tắc quan trọng của Tuyên bố Rio về Môi trường và Phát triển là "Con người là trung tâm của những mối quan tâm về sự phát triển lâu dài. Con người có quyền được hưởng một cuộc sống hữu ích, lành mạnh và hài hòa với thiên nhiên", phát triển bền vững đã luôn được lồng ghép vào các kế hoạch phát triển quốc gia, bao gồm Chiến lược Phát triển Kinh tế-xã hội 2011-2020.

## ĐÀO XUÂN LAI

*Trợ lý Giám đốc Quốc gia UNDP Việt Nam  
Trường phòng Phát triển bền vững, UNDP VN*

Kể từ khi thông qua Chương trình Nghị sự 21, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên cả 3 trụ cột của chương trình nghị sự phát triển bền vững, bao gồm kinh tế, xã hội và môi trường.

Từ năm 1990-2010, kinh tế Việt Nam tăng trưởng trung bình 7,3%/năm, với thu nhập bình quân đầu người tăng gấp 5 lần. Tỷ lệ nghèo của Việt Nam cũng đã giảm từ 14.2% năm 2010 xuống còn 7.8% năm 2013, và một số chính sách xã hội tiến bộ cũng đã được đề xuất và thực hiện. Năm 2013, tỷ lệ che phủ rừng đã đạt 41.1% tổng diện tích

đất, 75% các khu công nghiệp và các khu chế xuất đã có các hệ thống xử lý nước thải đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường, và 84% chất thải rắn cũng đã được thu gom. Việt Nam cũng đã xây dựng và đẩy mạnh các chiến lược và kế hoạch quan trọng tầm quốc gia trong việc bảo vệ môi trường (BVMT) và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức đặt ra cho Việt Nam. Chất lượng rừng đang suy giảm và xu hướng mất đa dạng sinh học ngày càng tăng đã không thể đảo ngược. Trong khi đó, nhiều vụ ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và sự khai thác quá mức tài nguyên khoáng sản đang tiếp tục ảnh hưởng xấu tới cuộc sống và gây quan ngại lớn cho nhân dân.



Ô nhiễm môi trường tiếp tục ảnh hưởng xấu đến cuộc sống và sức khỏe người dân

Luật BVMT đầu tiên của Việt Nam ban hành năm 1993 và Luật BVMT (sửa đổi) ban hành năm 2005 đã giúp cải thiện đáng kể việc quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn các hệ sinh thái cho con người và phát triển kinh tế, đồng thời cũng giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Luật BVMT (sửa đổi) lần này được kỳ vọng sẽ toàn diện và khả thi hơn, đồng thời đảm bảo được tính thực thi trong thực tiễn. Để đạt được mục tiêu này, cần xem xét 5 khía cạnh chính sau:

- Cần chính thức công nhận địa vị pháp lý và vai trò của các cộng đồng dân cư và các tổ chức dân sự;
- Cần đảm bảo tính độc lập của cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định các báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) và báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM). Đặc biệt, cần đảm bảo việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu được yêu cầu trong ĐMC và ĐTM.
- Cần đảm bảo tính thực thi các điều khoản của luật;

- Cần đảm bảo sự sẵn có của thông tin, công khai và minh bạch thông tin; và

- Cần đảm bảo bình đẳng giới, như Hiến pháp đã chỉ rõ.

### Vai trò của các cộng đồng dân cư và các tổ chức dân sự

Dự thảo luật BVMT (sửa đổi) thừa nhận các vai trò và quyền của cộng đồng dân cư và các tổ chức xã hội dân sự. Đây là việc làm cần thiết trong bối cảnh Việt Nam đang thúc đẩy cải cách thể chế, nhằm tạo ra tăng trưởng bền vững, bình đẳng và toàn diện. Xã hội dân sự đã đóng góp đáng kể vào phát triển đất nước thông qua việc khơi dậy nguồn lực con người, thúc đẩy dân chủ và đoàn kết. Luật BVMT 2005 đã thừa nhận vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, nhưng lại không tạo cơ chế cho các tổ chức này và nhiều tổ chức khác đóng vai trò trong bảo vệ môi trường.

Các cộng đồng dân cư là những nhóm người dễ bị tổn thương nhất trước các tác

động của ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, họ lại thường không có năng lực, nguồn lực và kỹ năng để đối phó với các tác động tiêu cực như vậy. Luật BVMT 2005 quy định: “Ý kiến của UBND xã, phường, thị trấn, đại diện cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án phải được nêu trong báo cáo ĐTM”.

Điểm tiến bộ này cần được tiếp tục kế thừa và phát huy trong Luật BVMT (sửa đổi) nhằm tạo điều kiện cho các cộng đồng dân cư tích cực tham gia quá trình thực hiện các ĐTM và giám sát việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực được ghi trong các báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.

Luật này cũng cần có cơ chế rõ ràng để cộng đồng dân cư thực thi được vai trò và bảo vệ các quyền của mình như đã được quy định trong Điều 43 của Hiến pháp (sửa đổi) ban hành năm 2013, theo đó “mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường”.

Địa vị pháp lý của cộng đồng dân cư vẫn chưa được làm rõ trong khuôn khổ pháp lý của Việt Nam, bao gồm cả Bộ Luật Dân sự. Luật BVMT (sửa đổi) cần thiết lập một địa vị pháp lý và cơ chế phù hợp cho cộng đồng dân cư để thực sự được tham gia và đóng góp vào BVMT. Ngoài việc nên định nghĩa trường thôn là người có thể thay mặt cộng đồng một cách hợp pháp, luật này cũng cần làm rõ cơ quan nhà nước và cơ chế hỗ trợ trường thôn hoàn thành vai trò là người đại diện của mình.

### Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) và báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM)

Xuất phát từ nhu cầu phải có các công cụ đặc lực để BVMT, Việt Nam đã quy định ĐMC lần đầu tiên trong luật BVMT 2005 nhằm bổ sung cho ĐTM được quy định lần đầu tiên trong Luật BVMT 1993. Tuy nhiên, 2 công cụ quan trọng này vẫn chưa được áp dụng hiệu quả, chủ yếu là do thiếu nguồn lực và thiếu sự phân cấp cho các bộ và chính quyền địa phương. Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) đã phần nào khắc phục được các hạn chế này và việc đưa ra cơ chế hỗ trợ kỹ thuật và giám sát sẽ có ý nghĩa rất quan trọng để việc thực hiện phân cấp có hiệu quả.

Lần đầu tiên, dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) đã nêu rõ sự cần thiết tạo ra một môi trường bình đẳng cho các nhà cung cấp dịch vụ/tư vấn độc lập tham gia vào quá trình lập báo cáo ĐTM nếu như họ được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép. Điều này sẽ giúp đảm bảo các báo cáo ĐTM có chất lượng kỹ thuật cao, với chi phí cạnh tranh do thị trường quyết định.







Dù đạt được nhiều tiến bộ, Việt Nam vẫn đang phải đứng trước những thách thức lớn về môi trường

Tính độc lập của hội đồng thẩm định cũng rất quan trọng trong việc cải thiện chất lượng các báo cáo ĐTM và ĐMC, nhất là khi các báo cáo ĐMC được lập bởi các cơ quan chức năng – cũng là các cơ quan đề xuất các chiến lược hay chương trình. Việc hội đồng thẩm định hoạt động độc lập với cơ quan phê duyệt sẽ giúp tránh xung đột lợi ích. Điều này có thể thực hiện bằng cách cơ quan nhà nước có thẩm quyền lựa chọn ngẫu nhiên các thành viên của hội đồng thẩm định từ nhiều nhà tư vấn/cung cấp dịch vụ độc lập, trừ các nhà tư vấn có liên quan hoặc có mối quan hệ với chủ dự án khiến xung đột lợi ích có thể xảy ra.

Trong suốt quá trình thực hiện và thẩm định báo cáo ĐTM, các thành viên hội đồng thẩm định và chủ dự án không được gặp gỡ trực tiếp hay liên lạc với nhau để ngăn ngừa tham nhũng. Không nên yêu cầu chủ dự án tham gia các cuộc họp thẩm định của hội đồng thẩm định và tại các cuộc họp này, bất cứ quan điểm hay bình luận nào của các thành viên hội đồng phải được ghi âm và lưu

trữ. Các thành viên hội đồng phải chịu trách nhiệm pháp lý về các quan điểm hay bình luận mà mình đưa ra. Cần chỉ rõ rằng, các sai lầm của các thành viên hội đồng có thể khiến giấy phép và vụ kiện pháp lý bị hủy bỏ.

Việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu ghi trong các báo cáo ĐTM và ĐMC đã được phê duyệt là vô cùng quan trọng để các công cụ ĐTM và ĐMC có hiệu quả. Việc giám sát và thực thi các biện pháp này trong những năm qua còn nhiều hạn chế do thiếu năng lực và nhân lực tại Bộ Tài nguyên và Môi trường - cơ quan có nhiệm vụ theo dõi việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu.

### Thực thi

Để các quy định của luật đi vào cuộc sống, cách thức thực thi và các cơ chế áp dụng sẽ phải theo sát các chế tài trực tiếp, kịp thời và cứng rắn đối với các bên có liên quan. Luật BVMT 2005 bộc lộ một số hạn chế và thiếu sót khiến việc thực thi, giám sát, điều hành và các biện pháp chế tài chưa được hiệu quả. Chẳng hạn, việc thiếu quy

định hướng dẫn và định nghĩa rõ ràng về chất thải, chất thải nguy hại và phế liệu đã tạo ra lỗ hổng pháp lý khiến hoạt động nhập khẩu chất thải công nghiệp nguy hại từ các nước công nghiệp trở nên hợp pháp. Các quy định trong Luật BVMT 2005 có thể được điều chỉnh và diễn giải dễ dàng theo nhiều cách khác nhau, tại các cấp độ thực hiện khác nhau. Để khắc phục điều này, Việt Nam nên phê chuẩn Công ước Basel bổ sung về cấm xuất khẩu chất thải (Basel Ban Amendment) năm 1995 của Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hại và việc tiêu hủy chúng. Công ước này không cho phép vận chuyển các phế thải nguy hại qua biên giới vì các nguy cơ trở thành bãi rác thải của các nước phát triển.

Luật BVMT (sửa đổi) cần có cơ chế giải quyết tranh chấp, thiệt hại, giải quyết và đền bù để giảm thiểu những áp lực xã hội và dân cư ngày càng tăng, gắn liền với suy thoái môi trường. Chính phủ cần giữ vai trò hỗ trợ pháp lý và kỹ thuật cho những nạn nhân của ô

nhiệm môi trường. Luật BVMT 2005 đã không làm được điều này. Đơn cử, trong “vụ Vedan”, cộng đồng dân cư đã gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm hỗ trợ kỹ thuật để xác định thiệt hại.

Luật sẽ được thực thi hiệu quả khi các khâu giám sát và kiểm soát được phân bổ đủ nguồn lực tài chính và kỹ thuật, trong đó có khâu đánh giá thiệt hại và hậu quả đối với nạn nhân ô nhiễm. Từ năm 2007, Chính phủ Việt Nam đã đầu tư 1% tổng chi tiêu thường niên của mình vào việc quản lý và bảo vệ môi trường. Hy vọng mức đầu tư này sẽ tăng thêm trong thời gian tới và Luật BVMT (sửa đổi) sẽ quy định một tỷ lệ hoặc con số cụ thể nhằm đảm bảo việc phân bổ thực tế.

Các cơ chế kiểm soát và giám sát cần được xây dựng để đảm bảo việc giám sát và thực thi thường xuyên, hàng ngày, cũng như các cuộc kiểm tra tại chỗ đột xuất, nhằm ngăn ngừa và phản ứng thật nhanh khi suy thoái môi trường xảy ra. Sự giám sát hiện hành của Quốc hội và Chính phủ có thể đạt hiệu quả cao hơn bằng cách áp dụng các công cụ độc lập, chẳng hạn như chỉ số thực thi môi trường (environmental performance index - EPI). Chỉ số này do trường Đại học Yale (Hoa Kỳ) khởi xướng và đã được áp dụng thành công ở nhiều quốc gia nhằm đo lường trạng thái của môi trường tại một quốc gia hay một tỉnh/thành phố và so sánh giữa các tỉnh/thành, đồng thời cũng nhằm thu hút chú ý mang tính chính trị từ lãnh đạo các tỉnh/thành này để cải thiện chất lượng bảo vệ môi trường.

### Thông tin

Các biện pháp đề cập trên đây cũng như các quy định trong Luật BVMT (sửa đổi) sẽ không thể thực hiện và có tính thực thi hiệu quả nếu như các thông tin và dữ liệu môi trường không được công khai và minh bạch đối với các bên liên quan và công chúng nói chung. Chẳng hạn, việc tham vấn cộng đồng trong suốt quá trình thực hiện báo cáo ĐTM sẽ trở nên hiệu quả nếu như tất cả các cộng đồng liên quan được cung cấp đầy đủ thông tin và có thời gian phản hồi. Các cộng đồng cũng cần được tạo điều kiện để hiểu các tác động tiêu cực có thể xảy ra của dự án. Họ cũng cần có quyền bày tỏ quan ngại và được phản hồi một cách rõ ràng, cũng như tham gia vào việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu được ghi trong các báo cáo ĐTM.

### Giới

Hiến pháp (sửa đổi) 2013 của Việt Nam nêu rõ tầm quan trọng của bình đẳng giới. Điều 26 quy định: “Công dân nam, nữ bình

đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới”. Một số luật liên quan đến BVMT, như Luật Phòng chống thiên tai (2013), đã hiện thực hóa nguyên tắc này.

Luật BVMT (sửa đổi) cần thể chế hóa các quyền và trách nhiệm chính thức của phụ nữ, các em gái và các tổ chức của phụ nữ trong BVMT và quản lý tài nguyên thiên nhiên. Phụ nữ tiếp tục đóng góp đáng kể vào BVMT và cũng cần được tạo điều kiện tham gia hiệu quả vào các quá trình ra quyết định tại tất cả các cấp. Không kém phần quan trọng, phụ nữ ở nông thôn thường bị ảnh hưởng nặng hơn bởi ô nhiễm và các sự cố ô nhiễm, vì họ phải chăm sóc gia đình và làm các công việc đồng áng.

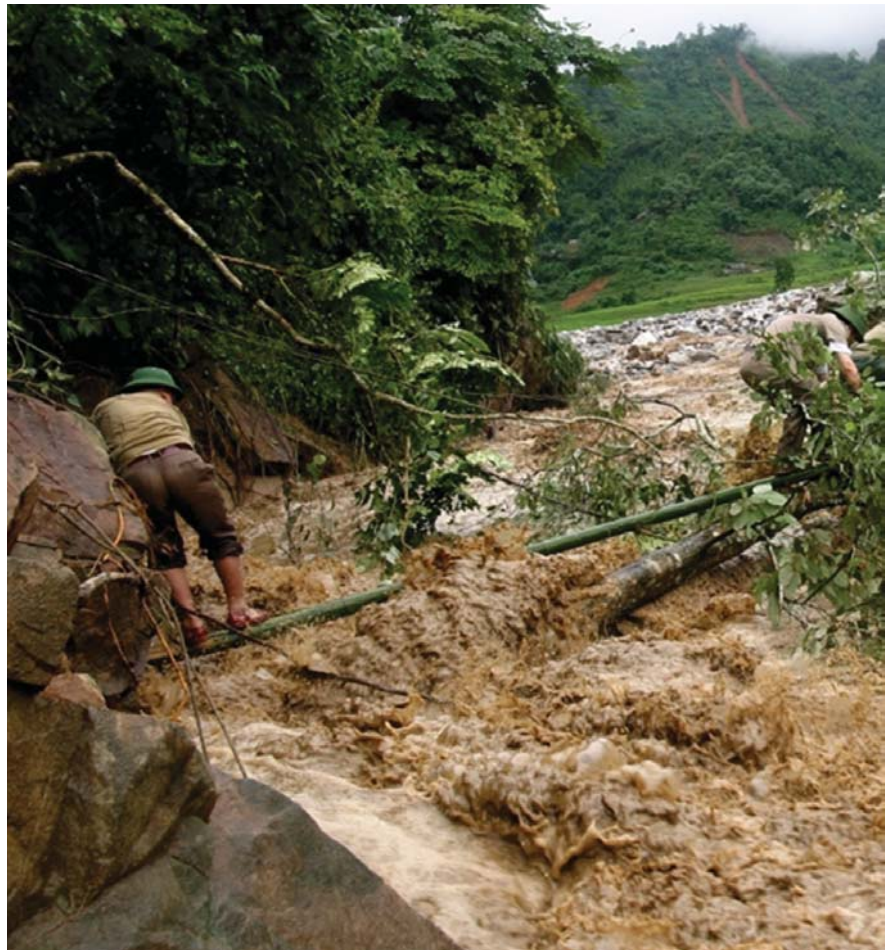
### Kết luận

UNDP xin chúc mừng Chính phủ Việt Nam về việc dự án Luật BVMT (sửa đổi) đã giải quyết nhiều rào cản trong luật BVMT 2005 và cũng đã bao hàm nhiều vấn đề mới như biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh. Dự thảo luật đã mở rộng các vai trò và sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự, phân cấp

việc lập và thẩm định các báo cáo ĐTM và ĐMC, tạo ra một thị trường - sân chơi công bằng cho các nhà cung cấp dịch vụ tham gia lập báo cáo ĐTM. Dự thảo cũng đã nêu rõ sự cần thiết phải phân bổ thêm nguồn lực nhà nước vào bảo vệ môi trường, cùng với sự gia tăng dần của thu nhập quốc dân. Ngoài ra, dự thảo cũng đề ra nhiều quy định tốt khác nhau liên quan đến việc công khai thông tin và dữ liệu môi trường đối với các bên liên quan và công chúng.

Những khía cạnh được cải thiện và làm rõ hơn trong 5 nội dung chính đã nêu trên đây có thể tạo cơ sở cho việc thực hiện Luật BVMT (sửa đổi) hiệu quả hơn. Chúng tôi thực sự hy vọng rằng, Việt Nam sẽ cho thế giới thấy nỗ lực của mình bằng việc thông qua một Luật BVMT tiến bộ hơn vào năm 2014.

UNDP tự hào được tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật và tham vấn cho quá trình xây dựng Luật BVMT (sửa đổi) 2014, cũng như Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Luật Kiểm soát và Phòng tránh thiên tai (2013), Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (2010), Luật Đa dạng sinh học (2008) và Luật BVMT 2005.



Luật BVMT (sửa đổi) được kỳ vọng là công cụ hữu hiệu hơn để bảo tồn các hệ sinh thái



**TSKH Khieu Vu Khai**, nguyên Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường Quốc hội Khóa XII cho rằng, Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) cần nhấn mạnh vai trò và lợi ích của người dân trong công tác bảo vệ và giám sát môi trường đối với doanh nghiệp. **PV. Thành Đạt** thực hiện.

**Nhiều chuyên gia cho rằng, Luật BVMT (sửa đổi) cần đề cao vai trò và lợi ích của người dân trong bảo vệ môi trường, vì họ chính là đối tượng chịu nhiều thiệt hại nhất khi ô nhiễm xảy ra. Quan điểm của ông là gì?**

Điều 43 của Hiến pháp mới (2013) quy định, mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường. Nhằm cụ thể hóa tinh thần này, đồng thời kế thừa Luật BVMT 2005, dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) tiếp tục quy định những nguyên tắc, chế tài nhằm thực hiện quyền hiến định của công dân. Một trong những nguyên tắc đó là "Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật." (Khoản 8 Điều 4 – Nguyên tắc BVMT)

Gần 10 năm thực hiện Luật BVMT 2005 cho thấy, đã xảy ra nhiều sự cố môi trường, đặc biệt là tại các khu công nghiệp, đô thị, khu khai thác tài nguyên thiên nhiên và các làng nghề. Nhiều doanh nghiệp vì mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận nên cố tình vi phạm các quy định về BVMT. Một số địa phương chỉ vì chú trọng thu hút đầu tư mà đã phê duyệt những dự án có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao, gây hậu quả nghiêm trọng cho môi

## Đề cao vai trò của người dân

trường và sức khỏe con người.

Quán triệt nguyên tắc phát triển bền vững và rút kinh nghiệm trong gần 10 năm thực hiện Luật 2005, Luật BVMT (sửa đổi) tiếp tục đặt trọng tâm và đề cao hơn nữa vai trò và lợi ích của người dân trong BVMT. Thực tế chứng minh rằng, nhiều khi mặc dù luật đã có các quy định rất rõ ràng, hợp lý nhưng việc thực hiện lại chưa nghiêm minh do ý thức của người dân, doanh nghiệp còn hạn chế, công tác quản lý còn nhiều bất cập.

**Vậy theo ông, để người dân có thể giám sát việc thực hiện Luật BVMT (sửa đổi) một cách nghiêm túc, luật này cần quy định việc tiếp cận thông tin môi trường của người dân như thế nào? Và người dân có thể phản hồi đến cấp nào khi phát hiện vi phạm?**

Dự thảo Luật đã quy định về quyền và trách nhiệm của cộng đồng đối với bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Theo đó, cộng đồng có quyền được cung cấp và yêu cầu cung cấp thông tin về môi trường, biến đổi khí hậu, trừ các thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước. Cộng đồng cũng có trách nhiệm tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Dự thảo dành 1 điều quy định các thông tin môi trường sau đây phải được công khai: báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; thông tin về các nguồn

thải, các loại chất thải, xử lý chất thải; khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái ở mức nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; các loại báo cáo về môi trường; kết quả thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường. Hình thức công khai phải bảo đảm thuận tiện cho những đối tượng có liên quan tiếp nhận thông tin. Cơ quan công khai thông tin môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin được công khai.

Tôi cho rằng, Luật BVMT (sửa đổi) cần quy định rõ hơn, khả thi hơn quyền cho người dân phản ánh các đề xuất, kiến nghị của mình đến các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư trước khi dự án được phê duyệt; kiến nghị đó phải được xem xét trong quá trình thẩm định, phê duyệt dự án; có cơ chế để người dân kiểm soát được các hoạt động liên quan đến môi trường của doanh nghiệp.

Đơn cử, năm 2008, Công ty Vedan bị phát hiện gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại sông Thị Vải, ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất nông, ngư nghiệp của hàng ngàn hộ nông dân tại 3 địa phương là Bà Rịa-Vũng Tàu, Đồng Nai và TP.HCM. Với sự lên tiếng của dư luận, sự vào cuộc của chính quyền và cơ quan chức năng, nhất là khi người tiêu dùng tẩy chay sản phẩm của Vedan, công ty này đã phải bồi thường một khoản tiền khá lớn cho nông dân. Thực ra, chính quyền, cơ quan chuyên môn, người dân biết việc xả thải chất gây ô nhiễm của



Thông tin về khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường phải được cung cấp kịp thời cho người dân



**Luật cần quy định rõ hơn, khả thi hơn quyền cho người dân phản ánh kiến nghị đến các cơ quan thẩm quyền trước khi dự án được phê duyệt**

công ty này từ nhiều năm trước. Nhưng do những yếu kém, bất cập đã nêu trên, việc phát hiện và xử lý quá chậm. Vì vậy, nếu người dân được trao quyền thực sự hơn và cơ chế thực thi quyền đó rõ ràng hơn, cũng như các cơ quan quản lý nghiêm túc, quyết liệt hơn trong việc kiểm soát ô nhiễm, thì tính thực thi của luật sẽ được nâng cao.

**Khi người dân phát hiện ô nhiễm thì các chế tài đối với đối tượng gây ô nhiễm cần được quy định như thế nào để các đối tượng này không dám tái phạm, thưa ông?**

Điều 49 của Luật hiện hành quy định rất rõ mức độ xử lý đối với các hành vi gây ô nhiễm rất cụ thể, bao gồm xử phạt hành chính, tạm đình chỉ hoạt động để nâng cấp công nghệ xử lý chất thải, di dời đến địa điểm khác mà sức tải của môi trường có thể chấp nhận được. Nếu các biện pháp đó không đáp ứng yêu cầu BVMT thì đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

Ngoài ra, Bộ luật hình sự sửa đổi năm 2008 (Chương 17 – Tội phạm môi trường) còn quy định hình phạt tù đối với cá nhân gây ô nhiễm môi trường gây hậu quả nghiêm trọng đối với sức khỏe, tính mạng và tài sản của tổ chức, cá nhân. Rất đáng tiếc là từ khi những điều luật trên được sửa đổi vẫn chưa xử lý hình sự được trường hợp nào,

mặc dù hậu quả diễn ra rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng. Vương mắc lại nằm ở chỗ giải thích từ ngữ trong các luật liên quan. Điều này cần khắc phục ngay để pháp luật được thực thi nghiêm minh góp phần BVMT.

Luật BVMT (sửa đổi) sẽ quy định chi tiết hơn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân, nhất là trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn về BVMT. Đồng thời các luật có liên quan về hình sự, dân sự, xử phạt hành chính cũng phải điều chỉnh, bổ sung để bảo đảm tính thống nhất, tính khả thi của hệ thống pháp luật về BVMT.

Trong dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) đã quy định các cơ chế khuyến khích ứng dụng công nghệ sạch hơn; cơ chế phát triển xanh, áp dụng nguyên tắc 3R trong sản xuất, bao gồm Reduce (Giảm phát thải), Reuse (Tái sử dụng) và Recycle (Tái chế). Hoạt động 3R hiện đã triển khai tại nhiều nước trên thế giới, được khuyến khích phát triển nhằm góp phần sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, thực hiện phát triển bền vững. Chính phủ các nước này đã đưa ra các chính sách tài chính như giảm thuế khi đầu tư công nghệ tái chế; thành lập Quỹ tái chế chất thải để phát triển hoạt động 3R. Các chương trình tái chế chất thải cũng đã huy động sự tham gia hiệu quả của tư nhân và các cộng đồng dân cư.

**Thưa ông, Luật BVMT (sửa đổi) nên có các quy định như thế nào để vừa hài hòa lợi ích của các bên (người dân, các nhà quản lý và doanh nghiệp), vừa đảm bảo tính thực thi và vừa đảm bảo được bảo vệ môi trường?**

Có nhiều ý kiến cho rằng, đã sản xuất kinh doanh thì phải phát thải, nếu quy định quá chặt chẽ thì doanh nghiệp “bó tay” hoặc tìm cách “lách luật”. Thực tế hiện nay, nhiều doanh nghiệp sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều năng lượng, phát thải lớn. Vì vậy nếu tính đủ chi phí môi trường và nghĩa vụ xã hội thì không thể duy trì sản xuất kinh doanh. Hiện nay, các doanh nghiệp như vậy tồn tại được là nhờ vào cơ chế ưu đãi, nhờ vào việc trốn tránh trách nhiệm BVMT. Theo tính toán của chuyên gia nước ngoài, tăng trưởng GDP hằng năm của Trung Quốc trong nhiều năm gần đây là hai con số; nhưng do hậu quả môi trường quá lớn nên thực chất thì mức tăng trưởng này phải trừ đi không dưới 3%.

Trong điều kiện kinh tế đang gặp khó khăn thì việc bảo đảm sự hài hòa giữa 3 trụ cột phát triển bền vững gồm tăng trưởng kinh tế - tiến bộ xã hội - bảo vệ môi trường là một bài toán khó. Chủ trương tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nếu thực hiện tốt thì sẽ là lời giải thông minh nhất cho bài toán này.



Trẻ em là đối tượng dễ bị tổn thương nhất từ biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường

## Sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường nhìn từ góc độ quyền trẻ em

**TS. YOSHIMI NISHINO**

Trường phòng Quản trị và Chính sách xã hội, UNICEF

**ThS. PHẠM THI LAN**

Chuyên gia về Lập pháp và Quyền trẻ em

Thiệt hại môi trường toàn cầu là một trong những thách thức lớn nhất trong thế kỷ 21 mà các quốc gia, nhất là những quốc gia đang phát triển phải đối mặt.

Trên toàn thế giới, con người đang trải qua những tác động tiêu cực của tình trạng thiếu nước và thực phẩm, ô nhiễm đất, không khí và nước, hoặc các thảm họa tự nhiên. Do biến đổi khí hậu, bão lụt, hạn hán, và các hiện tượng thời tiết cực đoan khác gia tăng và trở nên khắc nghiệt hơn với tần suất lớn hơn. Nó sẽ ảnh hưởng đáng kể đến sinh kế, an ninh lương thực, sức khỏe, khả năng sử dụng nước, hay tình trạng nhà ở của người dân trong đó có trẻ em. Những tác động này được dự báo sẽ còn tiếp tục trong thời gian tới.

Trẻ em là đối tượng dễ bị tổn thương nhất từ các thảm họa thiên tai và biến đổi khí hậu bởi các em là những người ít có khả năng tự bảo vệ mình nhất. Đồng thời về mặt thể lực các em cũng dễ bị tổn thương từ những tác động liên quan đến sức khỏe và khả năng sinh tồn của mình. Mỗi năm trên thế giới có khoảng ba triệu trẻ em dưới 5

tuổi chết vì những bệnh liên quan đến môi trường, chiếm nhiều hơn 1/3 các trường hợp tử vong ở trẻ em. Người ta dự báo rằng trong mười năm tới, mỗi năm sẽ có khoảng 175 triệu trẻ em bị ảnh hưởng từ thời tiết và biến đổi khí hậu, thiên tai. Trẻ em nghèo đặc biệt bị ảnh hưởng vì sinh kế của gia đình các em thường phụ thuộc vào các nguồn tài nguyên nhạy cảm với khí hậu (chẳng hạn như lĩnh vực nông nghiệp).

Ở Việt Nam, biến đổi khí hậu đang đặt ra muôn vàn thách thức đối với sự phát triển kinh tế xã hội của quốc gia và mức độ tác động của nó sẽ ngày càng trầm trọng do hệ quả lũy tiến của quá trình phát thải khí nhà kính trong một thời gian dài. Lượng mưa thất thường và thay đổi, nhiệt độ tăng lên, ngày càng nhiều các sự kiện thời tiết cực đoan như bão, lũ lụt, mưa nhiều gây lụt lội, hiện tượng nước biển dâng đang ảnh hưởng đáng kể đến mọi lĩnh vực, vùng miền, các nhóm dân cư, và đặc biệt là an sinh của những người dân nghèo. Theo một nghiên cứu gần đây của Trung tâm Phát triển toàn cầu thì Việt Nam là quốc gia đứng thứ 5 trên thế giới xét về mức độ ảnh hưởng bởi các sự kiện thời tiết cực đoan.

UNICEF đánh giá cao nỗ lực sửa đổi Luật Bảo vệ Môi trường của Quốc hội Việt Nam nhằm tăng cường hành động bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu. Là cơ

quan Liên hợp quốc có bề dày kinh nghiệm về quyền trẻ em, UNICEF xin đưa ra một số đề xuất tiếp tục cải tiến bản Dự thảo sửa đổi luật Bảo vệ Môi trường từ góc độ các quy chuẩn quốc tế về quyền trẻ em mà Việt Nam đã cam kết thực hiện. Những khuyến nghị này được xây dựng dựa trên kết quả phân tích thông tin sơ cấp và thứ cấp từ trẻ em và các cán bộ các ngành các cấp khác nhau về tác động của biến đổi khí hậu đối với trẻ em tại Việt Nam.

Các khuyến nghị đề xuất sửa đổi Luật được tóm tắt như sau:

- Trẻ em là đối tượng dễ bị tổn thương nhất từ biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường. Luật Bảo vệ Môi trường cần tạo hành lang pháp lý bảo vệ trẻ em khỏi những thách thức này nhằm thúc đẩy hiện thực hóa quyền của các em. Những quy định về tăng cường nhận thức và sự tham gia của người dân giáo dục cho họ về biến đổi khí hậu (bao gồm cả việc phân bổ ngân sách đầy đủ cho các hoạt động này), cũng như những quy định về việc cần thiết phải có các chiến lược giảm thiểu và thích nghi với biến đổi khí hậu sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường khả năng ứng phó của cộng đồng chống biến đổi khí hậu

- Trẻ em có tiềm năng trở thành những nhân tố tích cực trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường. Việc cụ thể hóa những điều khoản để tăng cường sự tham gia của trẻ em vào việc xây dựng, thực thi cũng như giám sát các hành động chống biến đổi khí hậu sẽ giúp thúc đẩy các hành động nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường.

- Luật Bảo vệ Môi trường sửa đổi cần đưa ra quy định đảm bảo tính đồng bộ, nhất quán trong việc đưa ra các quyết sách bảo vệ môi trường, và phải xem xét xem liệu những quyết sách đó có đi ngược với những lợi ích tốt nhất của trẻ hay không, cũng như liệu nó có mang lại những tác động không mong muốn tới việc thực hiện các quyền liên quan của các em như đã nêu trên. Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi cần thể hiện nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của trẻ trong mọi quyết định, hành động của nhà nước về môi trường.

- Bên cạnh các đề xuất mang tính nguyên tắc nêu trên, Luật Bảo vệ Môi trường sửa đổi cần bổ sung thêm các quy định cụ thể như chống lao động trẻ em tại các cơ sở sản xuất ô nhiễm hoặc trong môi trường ô nhiễm độc hại, và giảm nguy cơ đuối nước ở trẻ em. Đồng thời trách nhiệm của các cơ sở gây ô nhiễm cũng cần được quy định.

# Cần cân nhắc một số quy định trong Luật BVMT

**TS. PHẠM SỸ CHUNG**

Cố vấn cấp cao, Công ty Luật LNT & Partners

Tức những yêu cầu bức thiết của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu, những đòi hỏi của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và trước thực trạng biến đổi không ngừng của khí hậu trong những năm qua, việc sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) trong bối cảnh hiện nay không chỉ đáp ứng nhu cầu của thực tiễn khách quan mà còn nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về môi trường, phục vụ cho chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam trong giai đoạn tới.

Nhìn chung, so với Luật BVMT 2005, dự thảo Luật lần này đã khái quát được những nội dung cơ bản nhất liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường. Ngoài việc bổ sung, sửa đổi và cụ thể hóa một số điều của Luật BVMT 2005 để phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay, nhiều vấn đề mới đã được Ban soạn thảo cập nhật đưa vào Luật như Chương "Bảo vệ môi trường trong ứng phó với biến đổi khí hậu"; bổ sung mục về "Quy hoạch bảo vệ môi trường"; mục về "Cam kết bảo vệ môi trường"...

Đáng lưu ý là dự thảo lần này đã tập trung làm rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường theo nguyên tắc Nhà nước quản lý thống nhất về bảo vệ môi trường; các tổ chức chính trị, xã hội, các tổ chức phi chính phủ và cộng đồng đều có quyền và nghĩa vụ bảo vệ môi trường. Vấn đề nguồn lực tài chính cho bảo vệ môi trường được xác định rõ hơn (chỉ từ kinh phí sự nghiệp môi trường). Dự thảo cũng nhấn mạnh tăng trưởng xanh, khuyến khích phát triển công nghiệp và đô thị sinh thái; khuyến khích sản xuất và tiêu thụ thân thiện với môi trường... Điểm nổi bật về nội dung cơ bản được chỉnh sửa và bổ sung đó là vấn đề quy hoạch bảo vệ môi trường; đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường; các cam kết bảo vệ môi trường trên cơ sở thừa kế nội dung cam kết bảo vệ môi trường của Luật BVMT 2005 và giới hạn những đối tượng cần có cam kết bảo vệ môi trường; quy định về bảo vệ môi trường trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

Để tránh sự trùng lặp với những nội dung dự kiến được xây dựng trong Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo do Bộ Tài nguyên và Môi trường đang chủ trì thực hiện, Ban soạn thảo dự án Luật chỉ đưa nội dung



*Nhìn chung, so với Luật BVMT 2005, dự thảo Luật lần này đã khái quát được những nội dung cơ bản nhất liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường.*

của chương về "Bảo vệ môi trường biển và hải đảo" với các quy định mang tính nguyên tắc mà không đi vào chi tiết, cụ thể.

Để hoàn thiện Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi), có một số điểm cần lưu ý:

## Về mối quan hệ giữa Luật BVMT (sửa đổi) với các Luật có liên quan

Để tránh bị chồng chéo hoặc xung đột với các nội dung có liên quan quy định trong các Luật như Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Luật Thương mại, Luật Đầu tư, Luật Khoáng sản..., cần có sự rà soát nội dung các điều khoản để đảm bảo sự tương thích và đồng bộ giữa các văn bản quy phạm pháp luật. Ví dụ, quy định kỳ quy hoạch bảo vệ môi trường phát triển kinh tế xã hội là 10 năm trong khi quy định kỳ quy hoạch về đô thị là 20 năm. Về nội dung bảo vệ môi trường biển và hải đảo cần tránh trùng lặp với những nội dung đã có trong Dự án Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đang được triển khai xây dựng. Tương tự như vậy quy định về nguồn lực bảo vệ môi trường không nhất thiết phải quy định cụ thể trong Luật khi mà Luật Ngân sách nhà nước, Luật Thuế bảo vệ môi trường đã quy định chi tiết nội dung này.

## Về nội dung các điều khoản trong dự thảo, cần cân nhắc một số quy định

- Quy định về bảo vệ môi trường ở các làng nghề và quy định bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ như dự thảo hiện nay là chưa phù hợp, thiếu tính khả thi, còn đồng nhất khái niệm "làng

nghề" và "cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ" (doanh nghiệp). Làng nghề không giống doanh nghiệp chính quy, công nghệ sản xuất còn lạc hậu, quản lý theo kiểu truyền thống, vì vậy áp dụng chế tài xử lý vi phạm ô nhiễm môi trường của doanh nghiệp cho làng nghề là chưa hợp lý. Ngoài ra, cần cân nhắc kỹ quy định xây dựng tổ chuyên trách về môi trường tại các làng nghề liệu có khả thi, vì nguồn kinh phí hiện nay của các thôn, xã đang rất khó khăn.

- Liên quan đến vấn đề quản lý ô nhiễm của nghĩa trang cũng chưa thật hợp lý, nếu chỉ quy định một điều là chưa đủ và bao quát hết nội dung cần bảo vệ, vì hoạt động mai táng, hỏa táng có liên quan đến ô nhiễm đất, nước và không khí. Vấn đề này cần quy định thành một chương riêng biệt.

- Đối với nội dung đánh giá tác động môi trường, nên xem xét để quy định về đánh giá tác động môi trường bảo đảm chất lượng, khách quan, khoa học mà không nhất thiết phải tiến hành hai bước, vì như vậy sẽ làm phát sinh nhiều thủ tục và tốn kém.

- Đối với vấn đề bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu, nên rà soát, bổ sung quy định cụ thể, chặt chẽ hơn về nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; bổ sung quy định về hàng rào kỹ thuật (xây dựng danh mục, hoặc liệt kê các tiêu chí về chất lượng) đối với phế liệu được phép nhập khẩu nhằm ngăn chặn tình trạng lợi dụng nhập khẩu phế liệu để nhập chất thải, chất độc hại vào Việt Nam.

- Về kỹ thuật xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo còn một số điều khoản quy định chưa rõ ràng (như "Dự án tác động xấu đến môi trường") hoặc sử dụng từ ngữ không phù hợp với từ ngữ của văn bản quy phạm pháp luật như "sản xuất tiêu thụ bền vững". Do quy định khá chung chung nên có những nội dung phải chờ Nghị định, Thông tư hướng dẫn chi tiết mới thực hiện được (ví dụ quy định trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức tham vấn các cơ quan có liên quan trong quá trình xây dựng quy hoạch bảo vệ môi trường cấp quốc gia, cấp tỉnh, nhưng để thực hiện quy định này các Bộ, ngành, địa phương phải xây dựng thông tư liên tịch mới đưa được Luật vào đời sống).

Hy vọng Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) sẽ sớm được thông qua, đi vào đời sống thực tiễn, góp phần thúc đẩy sự triển bền vững của môi trường Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa về môi trường của thế giới.



Trách nhiệm thực hiện đánh giá tác động môi trường của chủ dự án đã được quy định rõ ràng

## Nâng cao tính thông thoáng, minh bạch

Các nội dung của Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) liên quan đến Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) và Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đã được đơn giản hóa về phương diện thủ tục và định nghĩa chủ thể thực hiện cũng như trách nhiệm của người thực hiện ĐMC/ĐTM, cơ quan thẩm định, đối tượng thu thập ý kiến và cơ quan thực hiện ĐTM. Những nội dung này được đánh giá rất cao nhìn từ quan điểm thể chế, pháp luật.

### TOMISAKA TAKASHI

Chuyên gia JICA

#### Bước đi tích cực đối với phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường

Để lồng ghép được nội dung về môi trường ngay từ giai đoạn lập chính sách và xây dựng chương trình, vai trò của ĐMC rất quan trọng. Đặc biệt, tại Việt Nam do vai trò mang tính chính sách của chiến lược, của kế hoạch tổng thể và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội – vốn là chiến lược mở đầu – là rất quan trọng nên ĐTM diễn ra như thế nào trong khi tiến hành các hoạt động xã hội, từ đó có thể đưa ra các giải pháp phòng tránh, ngăn ngừa và cải thiện như thế nào và phản ánh các nội dung đó vào chiến lược là một

biện pháp chính sách hiệu quả.

Ngoài ra, thông qua việc phản ánh những nội dung cần nhắc về bảo vệ môi trường, có thể mang lại hiệu quả và giảm bớt gánh nặng về kinh tế xã hội. Chính vì vậy, chiến lược trên phạm vi rộng, kế hoạch tổng thể, đối tượng của ĐMC được định nghĩa trong Dự thảo Luật BVMT sửa đổi là một việc làm rất tốt đối với sự phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường của Việt Nam.

Mặt khác, trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường và thi hành chính sách bảo vệ môi trường đã được làm rõ thông qua việc quy định trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ ngành liên quan cũng như các UBND tỉnh với vai trò là cơ quan thẩm định ĐMC.

Tuy nhiên, trong Luật có quy định Hội đồng thẩm định được thành lập tại Cơ quan

thẩm định và thực hiện việc thẩm định nhưng những nội dung như lựa chọn thành viên của Hội đồng thẩm định và phương pháp thẩm định là những yếu tố quan trọng để tăng chất lượng của báo cáo ĐMC, hy vọng sẽ được quy định cụ thể hơn bằng các văn bản dưới luật.

#### Trách nhiệm chủ dự án được quy định rõ ràng

Quy định dự án thực hiện ĐTM được định nghĩa bao quát hơn từ quy định cá biệt theo đơn vị dự án được liệt kê một phần trong Luật BVMT hiện hành. Nói cách khác, những dự án có nguy cơ tiềm tàng gây tác động xấu đến môi trường và xã hội là đối tượng phải thực hiện ĐTM, nghĩa là dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) đã mở rộng đối tượng thực hiện ĐTM. Thủ tục sàng lọc xem dự án nào thuộc đối tượng thực hiện ĐTM là bước đầu tiên đảm bảo tính minh bạch của thủ tục ĐTM. Danh sách dự án thuộc đối tượng thực hiện ĐTM trong nghị định 29/2011/NĐ-CP hiện hành được công khai, nên rất cần đưa ra quy định phù hợp về các dự án thuộc đối tượng thực hiện ĐTM khi xây dựng Nghị định mới căn cứ theo Luật sửa đổi lần này.

Về việc thực hiện ĐTM, có thể thấy trách







Trao đổi với phóng viên Thanh Tùng, **TS. Nguyễn Khắc Kinh, Chủ tịch Hội Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Việt Nam** nhận xét, việc mở rộng quyền tiếp cận thông tin về môi trường, đặc biệt là quá trình thực hiện ĐTM của người dân và các tổ chức dân sự đối với các dự án đầu tư là một trong những điểm nhấn trong Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi).

**Ông đánh giá thế nào về tầm quan trọng của quyền tiếp cận thông tin của người dân đối với công tác ĐTM và việc thực hiện quyền này hiện tại ở nước ta ra sao?**

Hiện nay, nhận thức của đa số người dân Việt Nam về công tác ĐTM đối với các dự án đầu tư nói chung còn rất hạn chế vì họ chưa thực sự hiểu ĐTM là gì. Mặt khác, người dân rất thiếu thông tin và nếu có thông tin thì các thông tin ấy còn rất chung chung và phiến diện. Do vậy Luật BVMT (sửa đổi) cần có quy định về công khai hóa thông tin và quyền được tiếp cận thông tin của các bên có liên quan, trong đó có người dân. Một trong các cách hữu hiệu đảm bảo cho vấn đề này là bắt buộc thực hiện việc tham vấn trong quá trình thực hiện ĐTM.

Tham vấn người dân thuộc phạm trù “tham vấn cộng đồng” (community consultation). Ngoài người dân, tham vấn đòi hỏi phải được thực hiện đối với nhiều các bên liên quan khác, như: các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan phi chính phủ, các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học, các chuyên gia... Việc tham vấn người dân trong quá trình ĐTM là vô cùng quan trọng, nó không phải chỉ để tìm kiếm sự ủng hộ của người dân, mà còn là để tìm hiểu về văn hóa, phong tục và tập quán của người dân bản địa, tìm kiếm các

# Mở rộng tham vấn người dân

kiến thức bản địa nơi dự án có thể được tiến hành. Mặt khác, việc tham vấn này cũng nhằm nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường. Các cơ quan quản lý nhà nước và các chủ đầu tư sẽ phải công khai với những người dân sống tại và xung quanh địa điểm dự án về đặc điểm, lợi ích và các tác động tích cực và tiêu cực của dự án. Nếu người dân không hiểu rõ các thông tin về dự án và các biện pháp loại trừ hoặc giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án, họ có thể sẽ phản đối dự án và ngược lại, một khi họ hiểu rõ được các vấn đề này thì họ sẽ ủng hộ và tạo điều kiện cho doanh nghiệp làm ăn, kinh doanh ở địa phương của họ. Vì vậy, có thể nói rằng việc tham vấn người dân là một yếu tố vô cùng quan trọng đảm bảo tính thực thi và hiệu quả của công tác bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững của địa phương nói riêng, của đất nước nói chung.

Việc tham vấn đòi hỏi phải được tiến hành trong suốt quá trình thực hiện ĐTM, lập báo cáo ĐTM và thẩm định báo cáo ĐTM. Tuy nhiên, ở Việt Nam, theo Luật BVMT 2005, việc tham vấn không được thực hiện trong tất cả các bước của quá trình ĐTM mà chỉ ở bước lập báo cáo ĐTM (bước cuối cùng của quá trình này), không được thực hiện ở khâu thẩm định báo cáo ĐTM, mặt khác, đối tượng tham vấn chỉ là Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã và đại diện cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án, nhưng không chỉ rõ “đại diện cộng đồng dân cư” là ai? (sau đó có văn bản dưới Luật đã xác định đại diện này là Ủy ban mật trận tổ quốc Việt Nam - UBMTTQVN - cấp xã). Tuy nhiên, tôi cho rằng không thể coi hai cơ quan này là “cộng đồng” (cộng đồng dân cư) được bởi vì UBND là cơ quan hành chính của nhân dân (một cấp chính quyền), còn UBMTTQVN là một tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị ở Việt Nam. Như vậy có thể nói rằng, vai trò của người dân là rất mờ nhạt trong quá trình ĐTM.

**Vậy Luật BVMT (sửa đổi) nên quy định việc tham vấn này như thế nào?**

Thứ nhất, chủ dự án phải thực hiện tham vấn trong tất cả các bước của quá trình ĐTM, đặc biệt là các bước, như: xác định phạm vi ĐTM; điều tra, khảo sát, thu thập thông tin và nghiên cứu về đối tượng bị tác động bởi dự án (các thành phần môi trường, trong đó có con người); xây dựng các giải pháp, biện pháp duy trì các tác động tích cực, loại trừ hoặc giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án; xây dựng chương trình hoặc kế hoạch về

quản lý môi trường, về giám sát (quan trắc) môi trường trong quá trình triển khai dự án; và cuối cùng là tham vấn về nội dung của báo cáo ĐTM (như đã nêu, việc lập báo cáo ĐTM là bước cuối cùng của quá trình ĐTM).

Thứ hai, cơ quan thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM phải thực hiện tham vấn trong quá trình thẩm định và phê duyệt báo cáo này, kể cả việc tham vấn trong quá trình đi khảo sát, kiểm tra hiện trường nơi thực hiện dự án.

Thứ ba, đối tượng tham vấn phải rất đa dạng và rộng rãi; tùy theo tính chất, quy mô và địa điểm của dự án mà lựa chọn đối tượng tham vấn cho phù hợp và hiệu quả. Các đối tượng sau đây cần phải được lựa chọn để tham vấn (xếp theo thứ tự ưu tiên), trong đó phải bắt buộc tham vấn các đối tượng bị tác động bởi dự án:

- Các cá nhân, các nhóm người (cộng đồng dân cư) bị tác động trực tiếp và/hoặc gián tiếp;
- Các doanh nghiệp bị tác động trực tiếp và/hoặc gián tiếp;
- Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ và các tổ chức khác có liên quan và/hoặc có mối quan tâm đến dự án và các tác động của dự án;
- Các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học, các chuyên gia có kiến thức, kinh nghiệm và/hoặc có mối quan tâm đến dự án và tác động của dự án;
- Các cá nhân, tổ chức được hưởng lợi từ dự án;

Thứ tư, bắt buộc phải có kế hoạch tăng cường năng lực cho các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và đảm bảo đủ các điều kiện cần thiết (nhất là con người và tài chính) cho họ thực hiện tốt việc tham vấn và đảm bảo cho công tác tham vấn có tính khả thi và đi vào thực chất của vấn đề đặt ra, chứ không thể nào làm theo cách có thể nói là khá “qua loa, chiếu lệ, hình thức”.

**Làm thế nào để buộc cơ quan nhà nước và doanh nghiệp chủ động tiếp cận người dân và thực hiện công tác ĐTM đạt hiệu quả cao?**

Thứ nhất, phải cụ thể hóa việc tham vấn trong Luật BVMT (sửa đổi) như đã nêu trên.

Thứ hai, phải có cơ chế bắt buộc công khai hóa thông tin với người dân về nội dung dự án, về quá trình thực hiện ĐTM và nội dung báo cáo ĐTM của chủ dự án; về việc thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM của cơ quan nhà nước.



Đối tượng tham vấn đánh giá tác động môi trường phải đa dạng

Thứ ba, phải có chế tài nghiêm khắc để xử lý các trường hợp không thực hiện tham vấn hoặc tham vấn không đúng quy định.

Thứ tư, cần đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về tầm quan trọng của công tác ĐTM nói chung, của việc tham vấn trong ĐTM nói riêng; về cách tiếp cận và xử lý thông tin liên quan đến dự án, liên quan đến việc thực hiện ĐTM và nội dung báo cáo ĐTM của chủ dự án, liên quan đến việc thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM của cơ quan nhà nước... để người dân có đủ những kiến thức tối thiểu cần thiết cho việc phản hồi ý kiến khi được tham vấn hoặc phản ánh, tố cáo những vi phạm quy định về ĐTM của chủ dự án và các cơ quan nhà nước có liên quan.

#### Theo ông, đâu là thách thức lớn nhất trong việc tạo ra một ĐTM có chất lượng hiện nay nhìn từ góc độ tham vấn?

Riêng về việc tham vấn trong ĐTM nêu trên, hiện có nhiều thách thức và bất cập, đặc biệt là: việc tham vấn chưa được thực hiện trong suốt chu trình ĐTM (bao gồm việc thực hiện ĐTM, lập báo cáo ĐTM, thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM) mà chỉ ở khâu lập báo cáo ĐTM; đối tượng tham vấn hiện còn quá hẹp, chỉ có UBND cấp xã và đại diện cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án nhưng không rõ đại diện này là ai; trách nhiệm tham vấn đáng lẽ phải đặt lên vai chủ dự án là chính thì lại dồn quá nặng lên vai UBND cấp xã trong khi cấp xã hầu như không có đủ năng lực tối thiểu cần thiết. Hiện tại, mỗi xã chỉ có một “cán bộ địa chính” kiêm nhiệm công tác môi trường; ngay sau khi Luật BVMT 2005 ra đời đã có đề xuất phải đổi tên “cán bộ địa chính” thành “cán bộ tài nguyên và môi

trường” để ít nhất người dân thấy rằng chính quyền cấp xã có trách nhiệm về BVMT tại địa phương, nhưng cũng không được bởi một lý do rất đơn giản là nếu đổi tên thì cán bộ này sẽ không được trả lương vì không có tên trong danh mục trả lương ở cấp xã. Mặt khác, hầu hết “cán bộ địa chính” ở cấp xã không được trang bị những kiến thức tối thiểu về môi trường nói chung và về ĐTM nói riêng; có xã còn giao trách nhiệm quản lý môi trường cho cán bộ tư pháp mà cán bộ này cũng không được trang bị kiến thức tối thiểu về môi trường và ĐTM.

#### Ông có thể cho biết kinh nghiệm của một số quốc gia về việc tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin về ĐTM?

Các nước thường không có nhiều văn bản dưới luật như ở ta. Luật BVMT của họ thường là có mức độ đầy đủ và chi tiết cần

#### ÔNG MAI THANH DUNG

*Cục trưởng Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường (Tổng cục Môi trường):*

Minh bạch hóa là yêu cầu và xu thế tất yếu đối với một xã hội dân sự và dân chủ. Việc tham vấn ý kiến người dân và cộng đồng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đối với một dự án đầu tư cũng không nằm ngoài quá trình minh bạch hóa công tác quản lý và bảo vệ môi trường. Các nước phát triển trên thế giới và các dự án do các tổ chức quốc tế tài trợ, cho vay vốn đối với các nước đang phát triển đều đòi hỏi thực hiện tham vấn cộng đồng trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư một dự án.

Ở nước ta, việc tham vấn cộng đồng trong quá trình thực hiện ĐTM được pháp lý hóa từ khi Luật Bảo vệ môi trường 2005 có hiệu lực. Theo đó, chủ đầu tư phải cung cấp các thông tin cơ bản về dự án, những tác động chính và các biện pháp giảm thiểu những tác động bất lợi khi thực hiện dự án để cộng đồng biết, tham gia đóng góp ý kiến cho dự án cũng như bày tỏ những đề xuất, kiến nghị... Có thể một số đối tượng được tham vấn không có chuyên môn và am hiểu sâu trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ môi trường nhưng việc chủ dự án minh bạch hóa, giải trình các tác động của dự án và cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của dự án đến cộng đồng sẽ giúp người dân và cộng đồng có được sự hiểu biết rõ hơn về những lợi ích dự án mang lại cho họ cũng như những tác động của dự án đến hoạt động, đời sống của họ.

ĐTM được thực hiện song song với quá trình lập dự án đầu tư và hoạt động tham vấn được tiến hành trong quá trình thực hiện ĐTM, có thể làm kéo dài hơn thời gian thực hiện ĐTM, nhưng việc làm này là rất hữu ích đối với chủ dự án để tránh những thiệt hại cả về kinh tế và tiến độ thực hiện xây dựng cũng như các tổn thất trong giai đoạn vận hành sản xuất khi vướng phải những xung đột, khiếu kiện của người dân và cộng đồng.

thiết để thực hiện trong thực tế mà nhiều khi không cần đến văn bản dưới luật (ví dụ như Australia). Việc công khai thông tin và quyền được tiếp cận của người dân với các thông tin về môi trường nói chung, về ĐTM nói riêng luôn được đặt lên hàng đầu và được pháp luật bảo hộ. Nghĩa vụ công khai thông tin và tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin đã trở thành một thói quen, một nghĩa vụ trường trực đối với từng cơ quan nhà nước, từng doanh nghiệp và họ rất sợ vi phạm những điều mà pháp luật quy định. Để công khai hóa thông tin về ĐTM, các nước khác nhau có nhiều hình thức khác nhau, ví dụ, in và phân phát tờ rơi về những nội dung khác nhau liên quan đến dự án và ĐTM đối với dự án; đăng công khai thông tin về quá trình thực hiện ĐTM, về nội dung báo cáo ĐTM, về việc thực hiện các công tác hậu ĐTM... trên internet; trưng bày công khai báo cáo ĐTM ở những nơi công cộng mà người dân dễ dàng tiếp cận (thư viện, câu lạc bộ có liên quan đến môi trường chẳng hạn).

Sự khác biệt và khiếm khuyết lớn trong tiếp cận thông tin về ĐTM của Việt Nam so với các nước là một trong các nguyên nhân cơ bản làm cho công tác ĐTM ở nước ta chất lượng thấp, kém hiệu quả - hệ lụy là không ít trường hợp ô nhiễm và suy thoái môi trường đã xảy ra trong thực tế vì trong giai đoạn xây dựng và phê duyệt dự án đã không làm tốt công tác ĐTM. Kinh nghiệm ở một số nước khác đã cho thấy rằng, nếu không coi trọng đúng mức và không thực hiện tốt công tác ĐTM theo phương châm “phòng bệnh hơn chữa bệnh” thì sẽ phải trả giá rất đắt, thậm chí là vô phương cứu chữa khi thực tế xấu xảy ra và ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống của người dân.



tham vấn mục đích phát triển KTXH của dự án; các hoạt động mà dự án sẽ thực hiện để đạt các mục đích đó; thời gian, địa điểm, tiến trình thực hiện dự án; tổ chức điều hành dự án, giám đốc dự án, tổ chức và người chịu trách nhiệm khắc phục các tác động tiêu cực, phát huy các tác động tích cực về TNMT của dự án.

Giới thiệu với người dự tham vấn nội dung báo cáo ĐTM của dự án mà chủ dự án đã chuẩn bị đến ngày tham vấn. Cụ thể là:

- Các tác động tích cực về TNMT và KTXH của dự án đối với các khu vực và các cộng đồng dân cư sinh sống trên địa bàn hoạt động của dự án và vùng lân cận. Các việc mà chủ dự án sẽ làm để phát huy các tác động TNMT tích cực. Các việc mà chủ dự án mong muốn các tổ chức, các cộng đồng sinh sống trên địa bàn dự án cùng chủ dự án thực hiện.

- Các tác động tiêu cực về TNMT và KTXH của dự án đối với các khu vực và các cộng đồng nhân dân sinh sống trên địa bàn hoạt động của dự án và vùng lân cận. Các việc mà chủ dự án sẽ làm để khắc phục các tác động tiêu cực. Các việc mà chủ dự án đề nghị các tổ chức, các cộng đồng sinh sống và hoạt động trên địa bàn dự án cùng chủ dự án thực hiện.

- Cung cấp cho những người dự tham vấn một văn bản trình bày rõ ràng, đầy đủ và dễ hiểu về các nội dung nêu trên dựa trên dự thảo báo cáo ĐTM đã chuẩn bị tới lúc tiến hành cuộc họp tham vấn.

● Hoạt động tham gia của những người dự tham vấn

Tại các cuộc họp tham vấn nội dung của báo cáo ĐTM của dự án những người tham gia các hoạt động tham vấn có nhiệm vụ:

- Trình bày những nội dung mà người dự tham vấn nhất trí với trình bày của chủ dự án trong dự thảo báo cáo ĐTM của dự án, giải thích bằng sự việc, thông tin, số liệu, lý lẽ của sự nhất trí đó. Các việc dự án cần làm để hiện thực hoá các nội dung nói trên.

- Trình bày những nội dung mà người dự tham vấn không nhất trí với trình bày của chủ dự án trong dự thảo báo cáo ĐTM, giải thích bằng: sự việc, thông tin, số liệu, lý lẽ về sự không nhất trí đó; những việc dự án cần làm để điều chỉnh những nội dung mà người dự tham vấn không nhất trí.

- Trình bày nhận định và đánh giá chung của người dự tham vấn về chất lượng của dự thảo báo cáo ĐTM đã được chủ dự án trình bày: báo cáo ĐTM đã chuẩn bị có thể chấp nhận được; có thể được chấp nhận với bổ sung, sửa chữa; hoặc không thể chấp nhận và phải làm lại trên cơ sở tiếp thu các nội dung được tham vấn.

Nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế có quy



*Theo kinh nghiệm hoạt động tại nhiều quốc gia của Ngân hàng Thế giới (WB) thì TVCĐ báo cáo ĐTM không làm chậm trễ việc thực hiện dự án, ngược lại các dự án không có báo cáo ĐTM được TVCĐ đầy đủ thường bị chậm trễ và có kết quả thực hiện kém hơn loại được TVCĐ tốt.*

định phải tham vấn TVCĐ báo cáo ĐTM sau khi dự án đã hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt thiết bị. Tham vấn này có mục đích kiểm tra việc dự án thực hiện các kết luận chính thức trong phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án.

### **Cộng đồng cần được tham vấn báo cáo ĐTM của dự án là những ai?**

Việc quy định thành phần tham gia TVCĐ báo cáo ĐTM tùy thuộc từng quốc gia, hoặc từng tổ chức quốc tế tài trợ dự án. Theo kinh nghiệm của nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế đang hoạt động ở Việt Nam những thành phần trong cộng đồng cần được tham vấn báo cáo ĐTM ở Việt Nam có thể như sau:

1) Các cộng đồng nhân dân trực tiếp chịu các tác động tích cực hoặc tiêu cực về TNMT của dự án, các UBND các cấp có trách nhiệm quản lý TNMT trên địa bàn dự án. Cấp đó là cấp xã nếu dự án chỉ có ĐTM trên địa bàn một xã; là cấp huyện nếu dự án có ĐTM trên địa bàn nhiều xã trong huyện; là cấp tỉnh nếu dự án có ĐTM trên nhiều huyện trong tỉnh.

2) Các tổ chức chính trị xã hội (CTXH), các tổ chức xã hội nghề nghiệp (XHNN), các cơ quan thông tin, truyền thông có nhiệm vụ hoạt động về TNMT trên địa bàn của dự án.

3) Các chuyên gia Việt Nam, các công dân Việt Nam quan tâm, am hiểu về tác động TNMT của dự án và có nguyện vọng đóng góp vào TVCĐ về TNMT của dự án và được một tổ chức có trách nhiệm tham gia TVCĐ

báo cáo ĐTM của dự án mời cùng tham dự tham vấn.

4) Các tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực, chuyên gia nước ngoài có nhiều kinh nghiệm về các vấn đề TNMT liên quan đến dự án, có nguyện vọng tham vấn về nội dung báo cáo ĐTM của dự án và được một tổ chức Việt Nam có trách nhiệm tham gia TVCĐ báo cáo ĐTM của dự án mời cùng tham dự tham vấn.

### **Những quy định về TVCĐ báo cáo ĐTM cần có trong Luật BVMT của Việt Nam**

TVCĐ báo cáo ĐTM là việc cần kiến thức ở trình độ cao, thuộc nhiều ngành khoa học tự nhiên, xã hội và công nghệ, có khối lượng lớn, nội dung đa ngành, đa dạng, đòi hỏi thời gian, nhân lực, kinh phí, phương thức làm việc rất khác nhau đối với từng loại dự án. Luật quốc gia về BVMT cần vận dụng những nguyên tắc chung về các vấn đề đã được đề cập trên đây vận dụng vào điều kiện thực tế của quốc gia, cũng như của vùng hoạt động của dự án.

Ở Việt Nam đã có nhiều dự án phát triển KTXH có báo cáo ĐTM được tham vấn đầy đủ, công phu, thực hiện trong nhiều tháng, nhiều năm bởi những cộng đồng gồm: các UBND các cấp, các cơ quan quản lý TNMT các cấp, các cộng đồng nhân dân sinh sống, hoạt động trên các địa bàn tác động của dự án, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các cơ quan truyền thông...

Theo quy định về TVCĐ báo cáo ĐTM tại khoản 8, điều 20, mục 2 về ĐTM của Luật BVMT năm 2005 của nước ta thì TVCĐ báo cáo ĐTM chỉ còn là tham vấn các UBND và đại diện công đồng dân cư cấp xã tại các nơi chịu tác động của dự án. Các cơ quan cấp huyện, tỉnh, cùng các thành phần 2), 3), 4) nêu trên đều ở ngoài hoạt động TVCĐ báo cáo ĐTM. Với quy định này chỉ có thể có kết quả TVCĐ tương đối đầy đủ, đúng đắn cho báo cáo ĐTM của một số dự án phát triển KTXH loại nhỏ, hoặc vừa. Với các dự án trung bình và lớn như các dự án về năng lượng, về công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi, khai thác tài nguyên thiên nhiên thì không thể có kết luận TVCĐ báo cáo ĐTM đủ tin cậy.

Quá trình TVCĐ các báo cáo ĐTM của các dự án về điện nguyên tử, về xa lộ, cầu đường, cảng sông, cảng biển cấp quốc gia, hoặc cấp vùng, cấp tỉnh, các dự án khai thác bauxite ở Tây Nguyên, titan ở ven biển miền trung ... thực hiện theo các quy định trong thời gian vừa qua không thể có TVCĐ đáng tin cậy nếu chỉ thực hiện theo các quy định này. Mong rằng trong quá trình xây dựng luật BVMT sửa đổi, Quốc hội sẽ xem xét vấn đề này.

# Cấp phép môi trường cần rõ ràng, nhất quán

Sự không rõ ràng về quy trình, thủ tục, chủ thể và nội dung trong việc thực hiện cấp phép môi trường đòi hỏi một chương riêng về cấp phép môi trường trong Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi)

## TS. NGUYỄN KHẮC KINH

Nguyên Vụ trưởng Vụ Thẩm định và Đánh giá môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường  
Chủ tịch Hội Đánh giá tác động môi trường Việt Nam.

### Bức tranh hiện hữu

Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 không có một chương hay một điều nào riêng được gọi là “cấp phép môi trường”. Tuy nhiên, trong Luật có đề cập đến một số loại hình công việc, như cho phép, cấp giấy chứng nhận, cấp giấy xác nhận, cấp chứng chỉ, cấp giấy phép, cấp mã số ... về môi trường. Tất cả những công việc này đều có chung bản chất là những loại thủ tục hành chính bắt buộc mà cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu doanh nghiệp phải hoàn tất trước khi bắt tay vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhằm đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường. Chính vì vậy, có thể gọi chung các loại văn bản này là giấy phép môi trường và hoạt động này là cấp phép môi trường. Có thể nêu một số ví dụ cụ thể như Giấy xác nhận đối với chủ dự án về việc đã thực hiện đầy đủ các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và các yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM đó trước khi đưa dự án vào giai đoạn vận hành (đưa các công trình của dự án vào sử dụng); Chúng chỉ kỹ thuật đối với việc sử dụng máy móc, thiết bị, hóa chất độc hại trong thăm dò, khảo sát, khai thác, chế biến khoáng sản; Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực hiện tốt việc quản lý chất thải. ...

Đa phần các giấy phép này có mục đích kiểm soát, giám sát các hoạt động, hành vi có thể gây hại tới môi trường. Tuy nhiên, một vài bất cập trong việc thực thi đã được nhắc tới. Rõ rệt nhất là quy định chủ dự án chỉ được đưa dự án vào giai đoạn vận hành sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và cấp giấy xác nhận về việc đã thực hiện các yêu cầu về ĐTM như nêu trên.

Vấn đề đáng bàn ở đây là, báo cáo ĐTM bao gồm rất nhiều các nội dung khác nhau và thường được phân chia theo 4 giai đoạn

thực hiện khác nhau của dự án như: Giai đoạn chuẩn bị (giải tỏa mặt bằng địa điểm thực hiện dự án, di dân, tái định cư ...); Giai đoạn xây dựng (san lấp hoặc tôn tạo mặt bằng địa điểm thực hiện dự án, xây dựng các công trình chính và công trình phụ trợ của dự án ...); Giai đoạn vận hành (đưa các công trình của dự án vào sử dụng); Giai đoạn đóng cửa hoạt động (đóng cửa từng phần hoặc toàn phần các công trình của dự án sau khi đã kết thúc việc sử dụng, việc khai thác).

Nội dung về bảo vệ môi trường của từng giai đoạn này cũng rất đa dạng và phong phú, trong đó có nội dung được thực hiện và hoàn tất trong một thời gian rất ngắn và không để lại căn cứ (dấu tích, bằng chứng ...) nào để kiểm tra và xác nhận, như các nội dung về đền bù, giải tỏa mặt bằng ở giai đoạn chuẩn bị; các nội dung về san lấp mặt bằng, thi công xây dựng các công trình chính và công trình phụ của dự án có liên quan đến môi trường ở giai đoạn xây dựng; các biện pháp chống bụi, ồn, rung; chống xói mòn, sạt, lở, trượt đất; các biện pháp chống úng, ngập; các biện pháp quản lý chất thải rắn, đặc biệt là chất thải nguy hại ... trong giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn xây dựng v.v. ...

Trong khi theo quy định hiện hành, việc kiểm tra và cấp giấy xác nhận thực hiện các nội dung của báo cáo ĐTM chỉ được thực hiện trước khi dự án đi vào giai đoạn vận hành – tức là sau khi dự án đã kết thúc giai đoạn thứ 2 (giai đoạn xây dựng) – vậy thì lấy căn cứ gì để kiểm tra tất cả các nội dung, biện pháp nêu trên?

Hay một số điều kiện để cấp giấy phép môi trường không rõ như loại hàng hóa, vật liệu nào là có nguy cơ gây sự cố môi trường?



*Các nội dung chính của giấy phép môi trường, trách nhiệm cấp phép môi trường cũng như việc bảo đảm các nguồn lực cho cấp phép môi trường phải được thể hiện rõ.*

Hàng hóa, thiết bị, phương tiện nào có khả năng gây ô nhiễm môi trường khi quá cảnh lãnh thổ Việt Nam? Tại sao chỉ tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực hiện tốt việc quản lý chất thải mới được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường? Các trường hợp thực hiện chưa tốt hoặc không thực hiện thì sao?

Đó là chưa kể đến các nội dung về quy trình, thủ tục, chủ thể thực hiện cấp nhiều loại giấy phép môi trường chưa rõ ràng.

### Tuân thủ nguyên tắc cấp phép

Chính vì những bất cập nêu trên, trong việc sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường 2005, cần làm rõ một số vấn đề còn tồn tại.

Cụ thể, nên có giải thích từ ngữ về “cấp phép môi trường” và/hoặc “giấy phép môi trường”. Có thể hiểu cấp phép môi trường là việc ban hành một văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới dạng giấy phép, giấy chứng nhận, giấy chứng chỉ về môi trường với mục đích cho phép hoặc chứng nhận một tổ chức, cá nhân có đủ các điều kiện cần thiết về môi trường để tiến hành các hoạt động về kinh tế, xã hội, môi trường và đời sống có liên quan đến bảo vệ môi trường.

Còn giấy phép môi trường là một văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới dạng giấy phép, giấy chứng nhận, giấy chứng chỉ về môi trường với mục đích cho phép hoặc chứng nhận một tổ chức, cá nhân có đủ các điều kiện cần thiết về môi trường để tiến hành các hoạt động về kinh tế, xã hội, môi trường và đời sống có liên quan đến bảo vệ môi trường.

Nên có một chương riêng về cấp phép môi trường trong Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) hoặc một mục riêng này trong một chương khác có liên quan, trong đó có những điều cơ bản như sau:

Một là làm rõ các các loại giấy phép môi trường. Hai là tuân thủ nguyên tắc cấp phép môi trường, trong đó phải đảm bảo nội dung cấp phép phải thật sự cần thiết và có tính khả thi; quy trình cấp phép phải rõ ràng, minh bạch, chặt chẽ; không gây ra sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa các giấy phép môi trường với nhau, giữa giấy phép môi trường với các giấy phép và quy định pháp luật khác có liên quan; bảo đảm sự công bằng, bình đẳng và có sự tham gia của các bên liên quan. Đồng thời, các nội dung chính của giấy phép môi trường, trách nhiệm cấp phép môi trường cũng như việc bảo đảm các nguồn lực cho cấp phép môi trường phải được thể hiện rõ.



Người dân không đánh giá ô nhiễm bằng chỉ số mà nhìn nhận một cách trực quan đối với những yếu tố ô nhiễm gây ảnh hưởng tới sức khỏe của mình

## Không ngại mất thời gian

Một điểm tiến bộ quan trọng trong Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) là quy định cần có sự tham vấn ý kiến của người dân, cộng đồng trong quá trình đánh giá tác động môi trường. Nhưng liệu quy định này có làm kéo dài thời gian thực hiện dự án nếu cộng đồng dân cư không am hiểu sâu về chuyên môn?

### PV. THANH HÀ

Bà Trần Thị Hương Trang, Giám đốc đồng thời là người sáng lập Trung tâm Nghiên cứu pháp luật và chính sách phát triển bền vững (LPSD), nhận xét: “Nếu cho rằng quá trình tham vấn người dân, cộng đồng làm kéo dài thời gian thực hiện dự án là không xác đáng”.

Dẫn nghiên cứu của Viện Nghiên cứu chiến lược chính sách công nghiệp (IPSI) - Bộ Công thương - thực hiện tại TP.HCM, Đồng Nai, Thái Nguyên, Hưng Yên và Đà Nẵng, rằng ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp chủ yếu do người dân phát hiện, và người dân không đánh giá ô nhiễm theo chỉ số BOD, COD mà họ nhìn nhận dưới góc độ mùi hôi thối, ảnh hưởng tới sức khỏe của họ, bà Trang khẳng định, người dân, cộng đồng có quyền đưa ra ý kiến của mình để chủ dự án và hội đồng thẩm định phải cân nhắc đến quyền lợi của họ trước khi phê duyệt.

“Những ý kiến tham vấn của người dân, cộng đồng trong quá trình đánh giá tác động môi trường là những ý kiến về tác động trực tiếp của dự án đối với môi trường cuộc sống, sức khỏe... của chính họ. Và những ý kiến này cũng không phải là ý kiến về chuyên môn kỹ thuật, nên không xem xét đến yếu tố người dân có am hiểu chuyên môn kỹ thuật, hay có chất lượng hay không. Những ý kiến cần

chuyên môn kỹ thuật sâu sẽ được các chuyên gia có chuyên môn kỹ thuật sâu đưa ra”, bà Trang nói.

“Họ có quyền đưa ra ý kiến để chủ dự án, hội đồng thẩm định phải xem xét thay đổi. Họ cũng là người sau này thực hiện việc giám sát, theo dõi quá trình thực hiện dự án, xem chủ dự án có đảm bảo những cam kết bảo vệ môi trường đã nêu ra trong báo cáo tác động môi trường hay không”, bà Trang nhấn mạnh.

Trao đổi về việc một số doanh nghiệp bản khoăn liệu quá trình tham vấn người dân và cộng đồng có thể sẽ khiến kéo dài thời gian thực hiện dự án, ông Nguyễn Hạnh, Phó trưởng ban Nội chính Tỉnh ủy An Giang, Phó trưởng ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương, cho rằng, cái gì cũng có tính hai mặt của nó, nhưng “kiểu gì cũng phải tham vấn ý kiến của người dân”, bởi môi trường đó sẽ ảnh hưởng đến chính cuộc sống của họ.

“Có doanh nghiệp lo ngại người dân không hiểu dự án sẽ có phản ứng. Nếu vậy, trước khi đó, hãy tuyên truyền cho người dân hiểu”, ông Hạnh nói.

Theo một chuyên gia trong lĩnh vực này, có thể trong thực tế sẽ xảy ra trường hợp người dân không am hiểu chuyên môn dẫn đến ý kiến thẩm định có chất lượng chưa cao. Nhưng kết quả lấy ý kiến người dân hoặc tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án về báo

cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư sẽ do Hội đồng thẩm định xem xét, đánh giá, nên không phụ thuộc nhiều vào việc người dân có am hiểu hay không.

“Trường hợp am hiểu thì đương nhiên ý kiến của người dân hoặc tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án sẽ tốt hơn. Nhưng dù ý kiến chưa chất lượng thì cũng đều là cơ sở để Hội đồng thẩm định xem xét, đánh giá trước khi đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Và dù chưa chất lượng thì cũng không phải là nguyên nhân kéo dài thời gian thực hiện dự án”, vị này nói.

Trên thực tế, giống như các điều khoản mà Dự thảo Luật quy định về việc xây dựng đánh giá tác động môi trường 2 bước, khiến các chủ đầu tư lo ngại việc “kéo dài thời gian”, thì không phải dự án nào cũng phải thực hiện tham vấn. Dự thảo Luật quy định, các dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho giai đoạn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng sẽ không phải thực hiện tham vấn.

Hơn nữa, theo bà Trang, trong Dự thảo Luật cũng đã nêu một khoản thời gian hợp lý cho các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Vì thế, chủ dự án phải dự liệu khoảng thời gian này để cân đối với các hoạt động khác trong quá trình thực hiện.

“Với quy định như vậy, Dự thảo Luật đã tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho chủ dự án thực hiện nghĩa vụ của mình, cũng như đảm bảo quyền của người dân, cộng đồng được thực hiện”, bà Trang nhấn mạnh và khẳng định, quá trình tham vấn ý kiến cộng đồng và người dân trong quá trình đánh giá tác động môi trường là cần thiết.



đồng dân cư. Việc tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án được tiến hành thông qua họp cộng đồng do chủ dự án chủ trì, phối hợp với ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức. Ủy ban nhân dân cấp xã cũng được trao một số quyền khác như được chủ động tiếp cận thông tin, tham vấn các dự án liên quan, đối thoại và tham gia đối thoại, tham gia vào giám sát và tiếp cận kết quả điều tra môi trường, và yêu cầu các cơ quan chức năng kiện và đền bù.

Tuy nhiên, ông Đào Xuân Lai, Trợ lý Giám đốc Quốc gia UNDP Việt Nam, Trưởng phòng Phát triển bền vững UNDP Việt Nam, cho rằng Luật BVMT sửa đổi nên quy định đại diện cho tiếng nói người dân tại cấp thấp nhất là cấp thôn, bản, nhằm đảm bảo rằng người dân sẽ có quyền được tham vấn rộng rãi hơn trong bảo vệ môi trường và có thể trực tiếp đối thoại về bảo vệ môi trường với các chủ dự án và các cơ quan chức năng.

"Cần phân định quyền hạn cho cấp thôn và Luật BVMT (sửa đổi) nên định nghĩa rõ ràng rằng cộng đồng dân cư phải bao gồm cấp thôn. Ở nhiều nước khác, khái niệm này được quy định rất rõ ràng", ông Lai nói.

Đồng quan điểm trên, ông Bách cho rằng, nếu Luật BVMT sửa đổi mở rộng việc tham vấn cộng đồng dân cư xuống cấp thôn, bản, với các quy định cụ thể, thì sẽ giúp người dân tránh được các rủi ro trong cuộc sống.

GS. Trương Quang Học, chuyên gia kinh

66

*Cần phân định quyền hạn cho cấp thôn và Luật BVMT (sửa đổi) nên định nghĩa rõ ràng rằng 'cộng đồng dân cư phải bao gồm cấp thôn'*

tế và môi trường tại Đại học Kinh tế (Đại học Quốc gia Hà Nội) nhận xét, hiện nay, đa số người dân không được tiếp cận thông tin đầy đủ về môi trường của các dự án tại nơi họ sinh sống, mặc dù họ chính là chủ thể bị tác động đầu tiên khi ô nhiễm xảy ra. Đây chính là một trong những nguyên nhân khiến nhiều vụ khiếu kiện về môi trường xảy ra, và khiến Luật BVMT hiện hành bị hạn chế tính thực thi. Vì vậy, Luật BVMT (sửa đổi) cần quy định định nghĩa cộng đồng dân cư với cấp thấp nhất là cấp thôn.

Theo ông Lai, việc quy định cấp thôn là cấp thấp nhất đại diện cho tiếng nói của người dân sẽ giúp nhiều người dân hơn tham gia vào quá trình xây dựng văn bản môi trường của doanh nghiệp và các cơ

quan quản lý. "Qua đó họ sẽ được tiếp cận nhiều thông tin và được tham vấn nhiều hơn".

Đại biểu Dương Hoàng Hương – Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Phú Thọ, cũng cho rằng, dự thảo luật BVMT sửa đổi mới chỉ quy định trách nhiệm và tổ chức tham vấn của chủ đầu tư mà chưa thể hiện rõ quyền tham gia, tham vấn của người dân, chưa thể hiện rõ được vai trò, ý nghĩa, tác động, tính ràng buộc của các ý kiến tham vấn trong công tác thẩm định, phê duyệt, báo cáo đánh giá tác động môi trường.

"Tôi đề nghị bổ sung thêm các quy định về quyền tham gia, tham vấn của người dân, khẳng định rõ hơn ý nghĩa pháp lý, mức độ ràng buộc của các ý kiến tham vấn đối với chủ dự án và các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường để cho hoạt động tham vấn thực sự có được ý nghĩa thực tế", đại biểu Hương nhấn mạnh.

TS. Nguyễn Khắc Kinh thậm chí còn cho rằng, khi tham vấn cộng đồng dân cư thì phải tham vấn trực tiếp với người dân, không phải với đại diện của dân. Nếu tham vấn với đại diện của dân thì việc cấp nào có thể đại diện sẽ phụ thuộc vào phạm vi ảnh hưởng của dự án. Nếu ở cấp thôn thì đại diện nên là trưởng thôn, và nếu ở cấp xã thì đại diện nên là cấp xã. Thậm chí, nếu địa phương lập ra một hội đại diện cho ý chí người dân về các vấn đề kinh tế-xã hội, thì hội này cũng có thể là đại diện cho người dân.



Mở rộng tham vấn cộng đồng dân cư xuống cấp thôn, bản với các quy định cụ thể sẽ giúp người dân tránh được các rủi ro trong cuộc sống





hiệp hội bao gồm nhiều công ty chuyên thực hiện ĐTM với các quy định rất chặt chẽ.

“Các quy định về các tổ chức thực hiện ĐTM trong Luật BVMT sửa đổi là một bước tiến mới, sẽ tạo ra một thị trường ĐTM cạnh tranh và nhiều doanh nghiệp cung ứng các dịch vụ ĐTM nước ngoài sẽ vào Việt Nam. Tuy nhiên, việc phát triển đội ngũ nhân lực đủ mạnh cho các tổ chức trong nước sẽ là một thách thức rất lớn”, ông Kinh nói.

Dù mở cửa dịch vụ ĐTM từ năm 2007 khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới, nhưng đây là lần đầu tiên Việt Nam quy định các điều kiện cụ thể cho các tổ chức thực hiện các dịch vụ này.

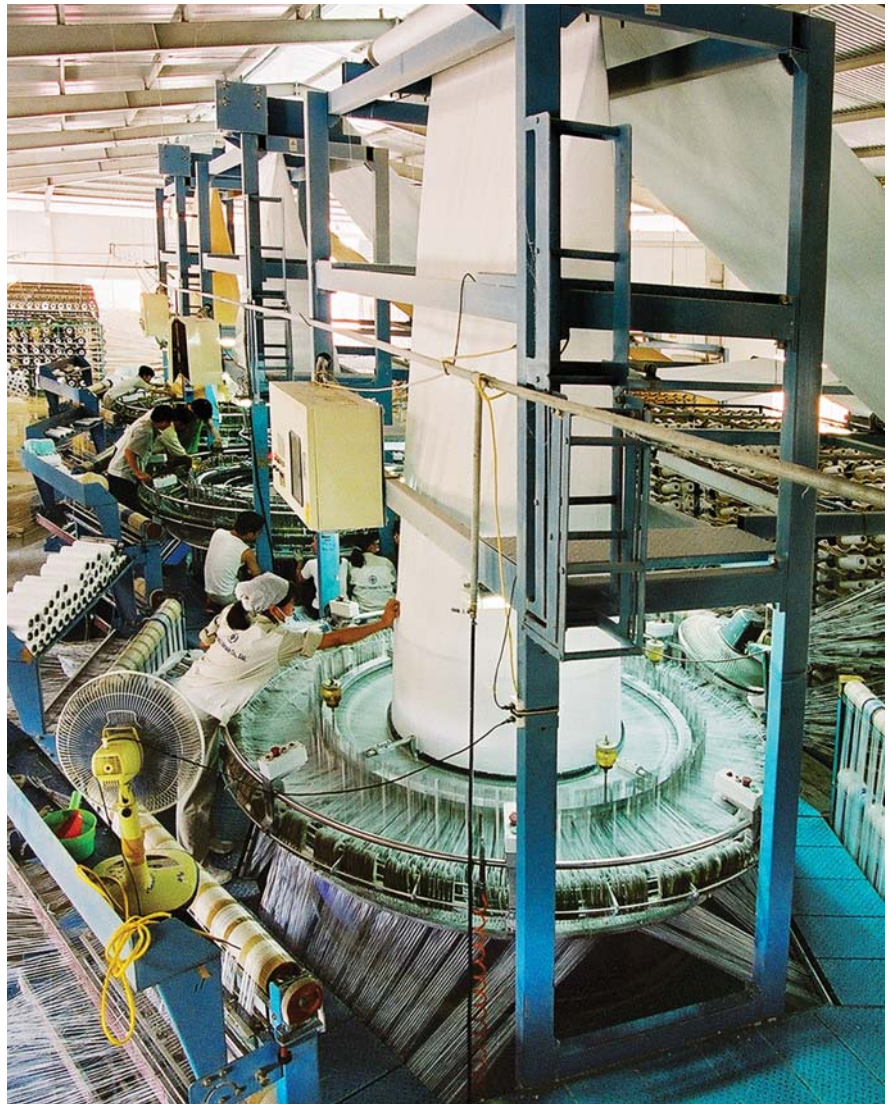
Theo dự thảo Luật BVMT (sửa đổi), các tổ chức thực hiện ĐTM phải đáp ứng một số điều kiện như có cán bộ có chứng chỉ hành nghề tư vấn đánh giá tác động môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp, và có đủ điều kiện kỹ thuật để đo đạc, phân tích và đánh giá môi trường. Bộ Tài nguyên và Môi trường (TNMT) hướng dẫn chi tiết việc cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn đánh giá tác động môi trường, giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường.

Dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật BVMT sửa đổi quy định chủ dự án, tổ chức dịch vụ tư vấn lập báo cáo ĐTM phải có cán bộ chuyên ngành môi trường hoặc chuyên ngành liên quan đến môi trường và đã được Bộ TNMT cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Báo cáo của Bộ TNMT lý giải: “Việc quy định về chứng chỉ hành nghề tư vấn đánh giá nhằm tăng tính chuyên nghiệp và tính chịu trách nhiệm cá nhân của những người tham gia hoạt động bảo vệ môi trường; mặt khác cũng giúp nâng cao chất lượng xây dựng các báo cáo ĐTM và nâng cao nhận thức chung về môi trường”.

“Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng ở Việt Nam chính là do chất lượng báo cáo ĐTM của nhiều dự án là quá kém. ĐTM của dự án này có thể được sao chép để áp dụng cho dự án kia. Chẳng hạn như, các báo cáo ĐTM của các dự án thủy điện Sông Tranh 2 và A Vương hầu như là giống hệt nhau, chỉ khác mỗi số liệu”, ông Trần Xuân Vinh, Phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam nói tại cuộc thảo luận tổ về thủy điện gần đây.

Tuy nhiên, theo nhiều chuyên gia, điều quan trọng nhất đối với báo cáo ĐTM không chỉ là chất lượng, mà còn là việc báo cáo này phải được kiểm tra, thẩm định và giám sát



**Một thị trường đánh giá tác động môi trường rộng lớn hơn sẽ giúp doanh nghiệp giảm chi phí**

trước, trong và sau khi dự án đi vào hoạt động. Nếu vậy thì trước hết, phải nâng cao được chất lượng đội ngũ chuyên gia thẩm định.

“Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) vẫn không quy định việc báo cáo này sẽ được thực hiện và giám sát như thế nào”, ông Lai nói.

Cũng theo các chuyên gia, nhằm thực hiện và giám sát hiệu quả ĐTM, dự thảo luật cần đẩy mạnh vai trò giám sát của Bộ TNMT và các Sở TNMT đối với việc tuân thủ ĐTM của doanh nghiệp.

“Nếu như các cơ quan này không thể làm được việc này, thì họ phải thuê các tổ chức giám sát môi trường độc lập nhằm giám sát các dự án có ĐTM. Tôi cho rằng Luật BVMT mới nên có quy định cho phép các cơ quan chức năng thuê các tổ chức này để giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường của doanh nghiệp”, ông Lai đề xuất, đồng thời kiến nghị nhà nước có cơ chế hỗ trợ tài

chính cho các cơ quan này trong việc thuê các tổ chức giám sát.

Cũng theo dự thảo Luật BVMT sửa đổi, “Tổ chức tư vấn thực hiện ĐTM chịu trách nhiệm trước chủ dự án và trước pháp luật về các thông tin, số liệu do mình tạo lập trong báo cáo đánh giá tác động môi trường”.

Tuy nhiên, Bộ Tư pháp lại cho rằng quy định này là “không phù hợp với bản chất của hoạt động tư vấn”, bởi vì về nguyên tắc, tổ chức tư vấn chỉ chịu trách nhiệm với chủ đầu tư là người có quan hệ hợp đồng tư vấn với mình về các cam kết theo hợp đồng. Báo cáo ĐTM do tổ chức tư vấn lập chỉ có tính chất tham khảo. Chủ đầu tư có thể sử dụng báo cáo đánh giá tác động hoặc không sử dụng hoặc có sử dụng nhưng bổ sung, chỉnh sửa. Do vậy, tổ chức tư vấn không thể chịu trách nhiệm chung trước pháp luật về các thông tin trong báo cáo đánh giá tác động của mình.

# Cần thêm những quy định đột phá hỗ trợ khởi

Lần đầu tiên Hiến pháp Việt Nam ghi nhận một quyền con người mới, đó là Quyền môi trường. Là luật chuyên ngành nhằm cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp, Luật Bảo vệ Môi trường (sửa đổi) được kỳ vọng sẽ tạo cơ chế để người dân thực hiện quyền con người của mình.

## NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG

Trung tâm Con người và Thiên nhiên

Theo Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi), các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường có quyền kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khởi kiện các hành vi vi phạm và yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây tác hại đối với môi trường.

Đồng thời, dự thảo cũng nhấn mạnh rằng tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khởi kiện tại tòa án về hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, xâm phạm quyền, lợi ích của Nhà nước, cộng đồng dân cư, tổ chức, gia đình và cá nhân. Cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền nhận được khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Ngoài ra, thời hiệu khởi kiện cũng đã được Dự thảo Luật điều chỉnh theo hướng có lợi hơn cho người khởi kiện và phù hợp với thực tế của tranh chấp và thiệt hại môi trường.

Như vậy, so với Luật BVMT 2005, đây một bước tiến khá lớn trong việc đảm bảo quyền và lợi ích của người dân, vai trò các tổ chức xã hội-dân sự trong việc khiếu nại, khởi kiện trong lĩnh vực môi trường. Tuy nhiên, con đường để người dân có thể tiếp cận với công lý trong lĩnh vực môi trường vẫn còn nhiều khoảng trống chưa được giải quyết.

### Ai có quyền khởi kiện?

Theo Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi), có 4 đối tượng được phép khởi kiện đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, đó là: (i) cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (ii) tổ chức (iii) cá nhân và (iv) cộng



Các nạn nhân của ô nhiễm môi trường cần được bảo vệ tốt hơn bằng các quy định pháp lý chặt chẽ, đầy đủ

đồng dân cư. Tuy nhiên, quy định này dẫn đến nhiều điểm chưa rõ ràng.

Thứ nhất, chưa rõ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khởi kiện người thực hiện hành vi vi phạm môi trường là cơ quan nào.

Điều 56, khoản 2 Bộ Luật tố tụng dân sự (2004) quy định “Cơ quan, tổ chức do Bộ luật này quy định khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Tòa án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách cũng là nguyên đơn”. Theo hướng dẫn tại Phần I, mục 2 của Nghị quyết số 02 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao ngày 12/5/2006 thì “Cơ quan, tổ chức có quyền khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Tòa án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước quy định tại Khoản 3 Điều 162 của Bộ Luật tố tụng dân sự khi có đầy đủ các Điều kiện sau đây: (1) Cơ quan, tổ chức đó có những nhiệm vụ, quyền hạn trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước, quản lý xã hội về một lĩnh vực nhất định; và (2) Lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước cần yêu cầu Tòa án bảo vệ phải thuộc lĩnh vực do cơ quan, tổ chức đó phụ trách”.

Theo quan điểm của Tòa án Nhân dân Tối

cao, “Cơ quan Tài nguyên và Môi trường có quyền khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Tòa án buộc cá nhân, cơ quan, tổ chức có hành vi gây ô nhiễm môi trường phải bồi thường thiệt hại, khắc phục sự cố gây ô nhiễm môi trường công cộng”. Tuy nhiên, quy định này không xác định rõ “Cơ quan Tài nguyên và Môi trường” là cơ quan nào, Sở Tài nguyên-Môi trường hay Bộ Tài nguyên-Môi trường. Trong khi đó, nhiệm vụ và quyền hạn quản lý Nhà nước về môi trường không chỉ có các cơ quan tài nguyên và môi trường mà còn các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp cùng thực hiện.

Một số ý kiến cho rằng các tổ chức xã hội hay tổ chức phi chính phủ (tổ chức nhân dân) như Hội nông dân, Hội bảo tồn sinh vật biển, Hội khoa học kỹ thuật bảo vệ thực vật, Hội bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam nên là những tổ chức có quyền khởi kiện vì họ hoạt động vì lợi ích công cộng, lợi ích của nhà nước theo từng lĩnh vực mà mình phụ trách.

Thực tế giải quyết một số vụ việc gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng như Vedan xả thải “đầu độc” sông Thị Vải hay Nicotex Thanh Thái chôn thuốc trừ sâu xuống lòng

# kiện các hành vi gây ô nhiễm môi trường



đất ở Cẩm Thủy, Thanh Hóa cũng cho thấy người dân đều lựa chọn Hội Nông dân là người đại diện theo ủy quyền để khởi kiện. Tuy nhiên, mặc dù là điểm mới, nhưng các tổ chức xã hội – nghề nghiệp như Hội nông dân vẫn không có quyền khởi kiện mà chỉ có thể kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khởi kiện, trong khi cơ quan này vẫn chưa rõ là cơ quan nào.

Thứ hai, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư là ai?

Theo tinh thần Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi), tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư không chỉ được khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của mình mà còn được khởi kiện để bảo vệ quyền lợi cộng đồng, của Nhà nước và thậm chí là của gia đình, cá nhân khác. Có nghĩa là tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư ở đây có thể là bất cứ ai, không bắt buộc là người bị thiệt hại. Điều này tưởng chừng là sự mở rộng quyền cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư nhưng thực chất còn nhiều mâu thuẫn với một số quy định khác trong Dự thảo cũng như các quy định khác của pháp luật trong việc thực hiện quyền này.

Thứ nhất, như đề cập ở trên, tổ chức xã

hội – nghề nghiệp cũng là tổ chức nhưng không được khởi kiện trực tiếp mà chỉ có quyền kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để khởi kiện.

Thứ hai, theo quyền khởi kiện vụ án quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự thì cá nhân chỉ được khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình còn tổ chức được khởi kiện không chỉ để bảo vệ lợi ích của mình mà còn để bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích Nhà nước nhưng phải thuộc lĩnh vực mình quản lý. Tuy nhiên, hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao tại Phần I, mục 2 của Nghị quyết số 02 ngày 12/5/2006 về hai điều kiện bắt buộc để tổ chức có thể khởi kiện không để bảo vệ lợi ích của mình là (i) có những nhiệm vụ, quyền hạn trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước, quản lý xã hội về một lĩnh vực nhất định; và (2) Lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước cần yêu cầu Tòa án bảo vệ phải thuộc lĩnh vực do cơ quan, tổ chức đó phụ trách". Kết quả cũng giống như cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không rõ ràng tổ chức nào được quyền khởi kiện để bảo vệ môi trường chung.

Thứ ba, cộng đồng dân cư không phải là

một chủ thể, là một đương sự trong vụ án dân sự. Thêm nữa, khái niệm cộng đồng theo giải thích trong Dự thảo, bao gồm các tổ chức chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp và cộng đồng dân cư, cũng chưa làm rõ cộng đồng dân cư bao gồm những ai. Do đó, quy định về quyền của cộng đồng dân cư trong việc tham gia vào việc đánh giá kết quả bảo vệ môi trường hay yêu cầu chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cung cấp thông tin sẽ không còn nhiều ý nghĩa thực tế khi chỉ được thực hiện qua cơ chế đại diện, trong khi chính cộng đồng dân cư được đại diện vẫn chưa được xác định.

Từ những phân tích trên, có thể thấy đối tượng chắc chắn có quyền khởi kiện trong lĩnh vực môi trường theo quy định của Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) không khác biệt căn bản và đột phá so với Luật BVMT 2005, vẫn là tổ chức, cá nhân có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hay người bị thiệt hại.

## Khởi kiện ai?

Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) quy định rất rõ các bên tranh chấp về môi trường bao gồm (i) Tổ chức, cá nhân sử dụng thành phần môi trường có tranh chấp với nhau; (ii) Giữa tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng các thành phần môi trường và tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cải tạo, phục hồi khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái, bồi thường thiệt hại về môi trường. Việc giải quyết tranh chấp về môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp dân sự ngoài hợp đồng và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Như vậy, người bị kiện hay bị đơn dân sự là các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng các thành phần môi trường hoặc có các hoạt động bảo vệ môi trường.

Với quy định này, cơ quan quản lý Nhà nước chịu trách nhiệm về bảo vệ môi trường đã tự đặt mình khỏi các tranh chấp về môi trường cũng như trách nhiệm bồi thường thiệt hại liên quan và liên đới đến các tranh chấp về môi trường này, trong khi trên thực tế, thiệt hại môi trường có thể xảy ra do hệ quả của chính các hành vi của cơ quan quản lý Nhà nước. Khác với việc thu hồi đất thực hiện dự án, người dân có thể khởi kiện cơ quan quản lý nhà nước ra Tòa bởi quyền lợi của họ bị ảnh hưởng trực tiếp do Quyết định hành chính của cơ quan quản lý. Tuy nhiên, trong lĩnh vực môi trường, cơ quan quản lý không trực tiếp là người gây ra ô nhiễm hay

## SIẾT CHẶT QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

tranh chấp nhưng hành vi của cơ quan quản lý có thể là nguyên nhân hoặc góp phần vào thiệt hại môi trường. Ví dụ, việc cơ quan quản lý phê duyệt dự án khi chưa lập Báo cáo tác động môi trường, dự án vẫn đi vào hoạt động và gây ô nhiễm. Hay trường hợp ban hành hướng dẫn vận hành liên hồ chứa các thủy điện, nếu Đà Nẵng có thiếu nước dẫn đến thiệt hại cho 1,7 triệu dân hạ du thì cũng không thể khởi kiện Bộ Tài nguyên và Môi trường bởi Bộ không sử dụng nguồn nước, không có tranh chấp và cũng không thể khởi kiện các dự án thủy điện bởi họ không có hành vi trái pháp luật mà chỉ thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Bộ.

Mặt khác, việc giới hạn các bên trong sự tranh chấp không gồm cơ quan có thẩm quyền trong khi họ là người quản lý các thành phần môi trường, thậm chí thực hiện các hoạt động cải tạo, phục hồi khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái, lại có quyền khởi kiện theo quy định của tố tụng dân sự là chưa thật sự thống nhất và hợp lý ngay trong Dự thảo và các Luật liên quan.

Một điểm khác biệt căn bản của Dự thảo Luật BVMT sửa đổi là nguyên tắc xác định trách nhiệm cá nhân. Nguyên tắc này được xác định như sau:

"a) Người đứng đầu trực tiếp của tổ chức phải chịu trách nhiệm đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan đến hoạt động của tổ chức mình;

b) Người đứng đầu cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường và các cơ quan có liên quan đến quản lý tổ chức và hoạt động của tổ chức có hành vi gây ô nhiễm, suy thoái môi trường phải chịu trách nhiệm về quản lý theo qui định của pháp luật;

c) Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, suy thoái môi trường có trách nhiệm khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do hành vi gây ô nhiễm, suy thoái môi trường của mình gây ra;

d) Trường hợp cá nhân gây ô nhiễm do thực hiện nhiệm vụ của tổ chức thì người đứng đầu tổ chức quản lý người thực hiện nhiệm vụ đó phải chịu trách nhiệm bồi thường."

Đây có thể coi là một bước tiến của Dự thảo nhằm cụ thể hóa trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, cơ quan trong việc thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, để tránh trường hợp giải phóng trách nhiệm của tổ chức và thay thế bằng trách nhiệm của cá nhân người đứng đầu (khoản d), Dự thảo nên áp dụng quy định về bồi thường thiệt hại trong các trường hợp cụ thể của Bộ luật Dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài Hợp đồng để giải

quyết. Theo đó, trường hợp cá nhân, cán bộ, công chức gây thiệt hại môi trường khi thực hiện nhiệm vụ của tổ chức, cơ quan thì trách nhiệm bồi thường trước tiên thuộc về tổ chức, cơ quan đó còn người vi phạm có lỗi sẽ phải hoàn trả lại cho tổ chức, cơ quan sau. Quy định này không chỉ phù hợp với quy định pháp luật chung mà còn đảm bảo tính khả thi, kịp thời và nhanh chóng của việc bồi thường thiệt hại khi tài sản của cá nhân nhiều trường hợp không thể đủ để xử lý các thiệt hại về môi trường xảy ra.

### Cơ chế khởi kiện

Theo Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi), cơ chế để người dân khởi kiện được thực hiện theo quy định chung của pháp luật về giải quyết tranh chấp dân sự ngoài Hợp đồng và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Do đó, về mặt nguyên tắc, trách nhiệm bồi thường chỉ phát sinh khi đáp ứng đủ các yếu tố sau: (i) Phải có thiệt hại xảy ra; (ii) Phải có hành vi trái pháp luật; (iii) Phải có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi trái pháp luật; và (iv) Phải có lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý của người gây thiệt hại.

Như vậy, mặc dù trường hợp gây ô nhiễm môi trường, trách nhiệm pháp lý vẫn phát sinh ngay cả khi không có lỗi, song việc chứng minh ba yếu tố còn lại không phải điều dễ dàng đối với người dân muốn khởi kiện. Thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường bao gồm (i) Suy giảm chức năng, tính

hữu ích của môi trường; (ii) Thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra.

Thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của con người, tài sản và lợi ích nhiều đối tượng có thể là sức khỏe, tính mạng, tài sản của các cá nhân, có thể là lợi ích hợp pháp của các tổ chức, hay môi trường tự nhiên... Trong nhiều trường hợp không thể tách biệt được thiệt hại về môi trường tự nhiên tại một khu vực nhất định với thiệt hại về tài sản, sức khỏe, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tại khu vực đó, do đó, khó xác định được ai là người thiệt hại và được hưởng bồi thường thiệt hại. Nhiều vụ vi phạm môi trường ở Việt Nam còn phải thuê kỹ thuật giám định của nước ngoài mới có thể đưa vụ việc ra cơ quan xét xử. Điều này là một rào cản đối với người dân muốn chứng minh thiệt hại. Mặt khác, vấn đề trách nhiệm chứng minh và chi phí cho việc xác định và giám định thiệt hại này không có quy định rõ ràng, thiếu ràng buộc trách nhiệm của các bên liên quan, nghĩa là về nguyên tắc vẫn là nghĩa vụ chính của bên bị thiệt hại nếu họ muốn khởi kiện, bởi thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra là trách nhiệm của người khởi kiện. Trừ trường hợp sự cố môi trường, trách nhiệm chứng minh được



Cư dân vẫn là những người chịu thiệt thòi nhất từ ô nhiễm môi trường

quy định rất rõ ràng là thuộc UBND cấp tỉnh hoặc Bộ Tài nguyên và Môi trường trong trường hợp bị ô nhiễm từ hai tỉnh trở lên.

Thứ hai, việc chứng minh hành vi trái pháp luật là một thách thức cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn. Nguyên nhân là bằng chứng vi phạm do người dân cung cấp không được công nhận giá trị pháp lý trước Tòa trong khi việc xác minh của cơ quan chức năng phải theo quy trình và thường có độ trễ nhất định so với thời điểm xảy ra vi phạm. Do đó, nhiều trường hợp khi cơ quan chức năng đến xác minh thì hậu quả không đủ để coi là vi phạm pháp luật. Hơn nữa, hệ thống quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện vẫn còn thiếu nhiều quy chuẩn, gây khó khăn cho việc xác định vi phạm. Ví dụ, với kết quả kiểm nghiệm các mẫu đất, nước và chất thải tại khu vực công ty Cổ phần Nicotex Thanh Thái chôn hóa chất xuống lòng đất, nhiều chỉ tiêu không có quy chuẩn để so sánh.

Thứ ba, việc chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và hậu quả xảy ra rất phức tạp và trong một số trường hợp gần như không thể tách biệt được cặp hành vi – hậu quả tương ứng. Hậu quả xảy ra có thể là sự tổng hợp của (i) nhiều hành vi vi phạm do nhiều chủ thể khác nhau cùng thực hiện như nhiều nhà máy trong khu công nghiệp cùng xả thải; (ii) sự cộng hưởng tác động của các tác nhân khác như thiên tai, dịch bệnh, nguồn gen,...; hay (iii) hành vi vi phạm của chính người bị thiệt hại (người dân

sống trong khu vực cũng là một trong những đối tượng gây ô nhiễm khi xả rác, nước thải sinh hoạt, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật... Trong khi đó, pháp luật quy định phải chứng minh mối quan hệ nhân quả, tức là hành vi gây thiệt hại phải là nguyên nhân trực tiếp hoặc là nguyên nhân có ý nghĩa quyết định đối với thiệt hại đã xảy ra để xác định bị đơn dân sự (người có trách nhiệm bồi thường) – một nội dung bắt buộc trong đơn khởi kiện.

Nếu như hiện nay, thời hiệu khởi kiện chỉ là 2 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, tức là khi thiệt hại được xác định hay chứng minh được mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại và hành vi vi phạm thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại trong nhiều trường hợp đã không còn. Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) đã có một bước tiến đáng kể khi thời hiệu được tính từ thời điểm tổ chức, cá nhân phát hiện được thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật của các tổ chức, cá nhân khác. Do đó, vấn đề bất cập về thời hiệu khởi kiện đã được Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) tháo gỡ.

Tuy nhiên, nếu Dự thảo vẫn tiếp tục áp dụng các quy định hiện hành về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo luật Dân sự áp dụng cho ô nhiễm môi trường thì bất lợi thuộc về người đi kiện khi trách nhiệm chứng minh gần như vẫn hoàn toàn thuộc về người bị thiệt hại trong khi nghĩa vụ này vượt quá khả năng của họ.

Nghiên cứu cách xử lý đối với tranh chấp

của một số quốc gia, đặc biệt là Trung Quốc cho thấy, việc hoán đổi nghĩa vụ chứng minh các yêu cầu khởi kiện là bước đột phá giúp người bị thiệt hại có thể thực hiện quyền của mình. Theo đó, bên khởi kiện chỉ phải chứng minh hành vi vi phạm của bên bị kiện và hậu quả là thiệt hại xảy ra còn việc chứng minh không có mối quan hệ nhân – quả giữa hành vi – thiệt hại là trách nhiệm của bên bị kiện.

Mặt khác, thực tế cho thấy những tranh chấp liên quan đến môi trường có thể gây thiệt hại cho hàng trăm người nhưng Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) cũng chưa mở cơ chế cho khởi kiện tập thể để có thể tận dụng được nguồn lực của tập thể trong việc chứng minh các thiệt hại quy mô và phức tạp như ô nhiễm môi trường hiện nay.

Với khoảng 800 thanh tra môi trường ở các cấp và 2.000 cảnh sát môi trường là con số quá nhỏ so với hàng trăm nghìn vụ việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên cả nước. Tuy nhiên, việc tăng thêm biên chế chuyên trách là điều không thể trong bối cảnh cơ cấu tinh gọn bộ máy hành chính Nhà nước, Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) chưa đưa ra được đột phá nhằm kiểm soát các hoạt động có ảnh hưởng đến môi trường ngay “trên giấy” và “tại chỗ”, vốn tiết kiệm cả nhân lực và vật lực hơn công tác thanh, kiểm tra trên thực tế. Kiểm toán môi trường là một cơ chế được nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng để kiểm soát hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có hoạt động ảnh hưởng đến môi trường, là bước tiếp sau của đánh giá tác động môi trường. Việc có thực hiện xây dựng các công trình xử lý nước thải, áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động, ô nhiễm môi trường hay không đều được thể hiện trên báo cáo kiểm toán thông qua các chỉ phí hoạt động tương ứng. Ngoài ra, bộ máy Nhà nước đã có cơ quan Tổng kiểm toán Nhà nước cũng như rất nhiều các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực kiểm toán, do đó không phát sinh thêm đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công việc giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường này.

Không thể không ghi nhận những bước tiến đáng kể của các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi), tuy nhiên, để đảm bảo tính thực thi, hiệu quả và thống nhất trên thực tế, Dự thảo vẫn cần có những đột phá hơn nữa nhằm bảo đảm quyền lợi của người dân, những người chịu thiệt thòi nhiều nhất do ô nhiễm môi trường. Đây cũng là cách thiết thực nhất để hiện thực hóa những cam kết của Nhà nước thể hiện trong Hiến pháp 2013 về quyền con người.





Hành vi gây ô nhiễm của một số doanh nghiệp thường kéo dài, khó phát hiện và người dân mất thời gian dài mới biết lợi ích của mình bị xâm phạm

# Bảo vệ quyền lợi của nạn nhân bị ô nhiễm

PV. THANH THU

Việc kéo dài thời hiệu khởi kiện các vụ vi phạm về môi trường theo quy định tại dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) sẽ giúp người chịu thiệt hại về ô nhiễm môi trường tiến hành khởi kiện các đối tượng vi phạm một cách dễ dàng hơn.

Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) quy định, thời hiệu khởi kiện về môi trường được tính từ thời điểm tổ chức, cá nhân bị thiệt hại phát hiện được thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về môi trường của các tổ chức, cá nhân khác. Còn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2005, thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là 2 năm, kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác bị xâm phạm.

"Đây là một trong những điểm mới và quan trọng nhất của dự thảo lần này, vì nó sẽ giúp bảo vệ quyền lợi của những nạn nhân của ô nhiễm", luật sư Vũ Thu Hạnh, người hiện đang tham gia vào một dự án góp ý kiến vào Luật BVMT (sửa đổi) bình luận.

Theo Luật Bảo vệ môi trường hiện hành, trong rất nhiều trường hợp, mặc dù người dân phát hiện ô nhiễm môi trường đã diễn ra trong nhiều năm nhưng thiệt hại thì không thể tính toán ngay được.

"Hành vi gây ô nhiễm của một số doanh nghiệp thường kéo dài, khó phát hiện và người dân mất thời gian dài mới biết lợi ích của mình bị xâm phạm. Điều này khiến nhiều người dân bị thiệt hại sẽ không có quyền khởi kiện đòi bồi thường", Phó chủ tịch Hội

Nông dân tỉnh Đồng Nai Lê Hữu Thiện nói.

"Quy định mới này là một thay đổi tích cực. Tôi cho rằng quy định thời hiệu khởi kiện là 2 năm đối với các tranh chấp về môi trường là không hợp lý, bởi các hành vi gây ô nhiễm thường kéo dài, khó phát hiện và người dân phải mất một thời gian khá dài mới biết được quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, đặc biệt là thiệt hại về sức khỏe thì có khi phải mất đến 10-20 năm sau người dân mới biết được quyền, lợi ích hợp pháp mình bị xâm phạm. Điều này sẽ dẫn tới việc rất nhiều người dân bị thiệt hại sẽ không được quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại", luật sư Nguyễn Văn Hậu, trưởng Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn Hậu và cộng sự (TP.HCM), nói.

Ông Hậu lấy ví dụ một doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài gây ô nhiễm và bị phát hiện năm 2008, nhờ sức ép của dư luận và quyết tâm của người dân nên công ty này đã buộc phải bồi thường mà không cần thông qua con đường khởi kiện tại toà án. Trong trường hợp nếu công ty này trì hoãn thêm một thời gian nữa, không chịu bồi thường thì người dân bị thiệt hại có thể sẽ mất quyền khởi kiện vì đã hết thời hiệu.

Theo ông Hậu, việc kéo dài thời hiệu khởi kiện sẽ giúp đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại do hành vi gây ô nhiễm môi trường gây ra.

Nghiên cứu các quy định về thời hiệu khởi kiện về môi trường ở các nước Châu Âu cho thấy, pháp luật của các nước này thường quy định một thời hiệu kiện tương đối dài để bảo

vệ quyền lợi của người bị thiệt hại. Ví dụ: Tại Pháp, Điều L.152-1 Luật Môi trường của Pháp quy định thời hiệu 30 năm đối với "nghĩa vụ tài chính liên quan tới những thiệt hại gây ra đối với môi trường bởi các thiết bị, công trình và các hoạt động điều chỉnh bởi luật này...".

Theo luật sư Vũ Thị Duyên Thủy, thực tiễn giải quyết tranh chấp môi trường tại Việt nam trong thời gian qua và xu hướng gia tăng nhanh chóng các vụ việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường cho thấy, nhiều trường hợp mất quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường vì hết thời hiệu khởi kiện.

Bà Thủy phân tích, không giống với thiệt hại dân sự khác, trong lĩnh vực môi trường có nhiều trường hợp gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe con người nhưng thiệt hại lại chưa xảy ra ngay để người bị thiệt hại nhận biết và thực hiện quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại. Vì vậy, có thể xảy ra tình trạng khi tổ chức, cá nhân bị thiệt hại khởi kiện thì đã hết thời hiệu khởi kiện. Bên cạnh đó, trên thực tế rất nhiều trường hợp, tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do ô nhiễm môi trường thường yêu cầu cơ quan quản lý là nhà nước tại địa phương là UBND các cấp giải quyết. "Tuy nhiên, các cơ quan này chỉ có thẩm quyền xử phạt hành chính hoặc áp dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính nhằm khắc phục hậu quả thiệt hại mà không có thẩm quyền quyết định việc bồi thường thiệt hại nên đôi khi có thể dẫn tới việc đương sự mất quyền khởi kiện tại toà án do thời hiệu khởi kiện đã hết", bà giải thích.

H  
A  
N  
H  
X  
A  
I  
L  
A  
N  
G  
T  
U  
O  
T  
C  
H  
O  
T  
C  
Q  
T  
R  
U  
C  
A  
Y

# Còn nhiều câu hỏi để ngó

Một số quy định chưa rõ ràng về nghĩa vụ bảo vệ môi trường (BVMT) trong dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) có thể sẽ gây khó cho doanh nghiệp.

## NGUYỄN MINH ĐỨC

Ban Pháp chế, VCCI

Thứ nhất là vấn đề quy hoạch BVMT - tác động lớn nhất của nội dung về quy hoạch BVMT đến hoạt động của doanh nghiệp, nhất là về việc phân vùng không gian để bảo tồn và phát triển. Theo quy định của nội dung này, quy hoạch BVMT sẽ xác định khu vực nào được phép thực hiện các hoạt động kinh tế, khu vực nào không được.

Tuy nhiên, vấn đề phát sinh ở chỗ, quy chế pháp lý áp dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh ở các khu vực này vẫn chưa được quy định rõ và đây sẽ là điểm mà nhiều doanh nghiệp sẽ quan tâm. Câu hỏi đặt ra là, ở các khu vực được coi là bảo tồn thì sẽ bị cấm những hoạt động kinh tế nào? Nếu một doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh bình thường tại khu vực này được xác định là khu bảo tồn thì sẽ xử lý thế nào?

Thứ hai, về đánh giá tác động môi trường (ĐTM) ban đầu. Đây cũng là một quy định mới và chưa rõ tác động trên thực tế đối với các doanh nghiệp sẽ đến đâu.

Theo quy định này, ngoài việc phải thực hiện báo cáo ĐTM trong giai đoạn lập dự án như trước đây, doanh nghiệp phải lập thêm một báo cáo ĐTM ban đầu trong giai đoạn nghiên cứu đầu tư (cùng với báo cáo tiền khả thi, xin chủ trương đầu tư).

Điểm thuận của quy định này là sẽ giúp cho chủ dự án kiểm soát các vấn đề môi trường ngay từ ban đầu và tránh được việc bỏ rất nhiều công sức lập dự án rồi mà báo cáo ĐTM cuối cùng lại không được thông qua. Nhưng điểm chưa thuận là quy định này sẽ làm phát sinh thêm thủ tục hành chính mà doanh nghiệp phải thực hiện. Trong trường hợp này, việc làm rõ diện những dự án phải thực hiện ĐTM sẽ rất cần thiết.

Thứ ba, quy định về kiểm tra xác nhận công trình BVMT trước khi đi vào vận hành chính thức. Trong quá trình soạn thảo, Ban soạn thảo đã có ý định bỏ thủ tục này và nhập việc kiểm tra công trình BVMT vào cùng với thủ tục thanh tra, kiểm tra thông thường. Nếu thủ tục này được bỏ đi sẽ tạo thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp trong quá trình vận hành dự án bởi một số dự án không thể xác định được thời điểm đi vào vận hành chính thức nên không xác định

được việc kiểm tra xác nhận như thế nào cho phù hợp.

Thứ tư, quy định về cam kết BVMT (CBM). Tương tự như việc kiểm tra, xác nhận công trình, quy định này cũng đã được rút khỏi các dự thảo trước, nhưng lại được đưa trở lại vào dự thảo này.

Ý định ban đầu của Ban soạn thảo là việc bỏ CBM sẽ được thay bằng Kế hoạch BVMT (KBM) - quy định mới, sẽ được đề cập sau, bởi CBM trước đây chỉ được lập và nộp một cách rất hình thức, không trải qua bất kỳ công đoạn kiểm tra nào và hầu như không có ý nghĩa giúp bảo vệ môi trường.

Thứ năm, quy định về KBM. Đây là một nghĩa vụ mới mà các cơ sở sản xuất kinh doanh sẽ phải thực hiện. Theo đó, các cơ sở sản xuất kinh doanh sẽ phải lập kế hoạch KBM một lần (khi cơ sở đi vào hoạt động chính thức, hoặc khi luật mới có hiệu lực). Và đây sẽ là cơ sở cho việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước. Quy định này khác với các lần dự thảo trước khi mà KBM được các cơ sở sản xuất kinh doanh có phát sinh chất thải lập định kỳ hàng năm.

Thứ sáu, giấy chứng nhận về các hoạt động liên quan đến BVMT. Theo dự thảo, loại giấy chứng nhận này có ý nghĩa chứng nhận là doanh nghiệp có đủ điều kiện để kinh doanh các dịch vụ BVMT. Quy định này sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ môi trường như dịch vụ lập các báo cáo (ĐTM, CBM và KBM), dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, dịch vụ tư vấn, thiết kế xây dựng các công



*Quy định nào tạo thêm thủ tục hành chính, gây tổn kém thời gian và chi phí cho doanh nghiệp nhưng lại không có nhiều ý nghĩa trong BVMT thì cần phải được loại bỏ*

trình BVMT...

Một câu hỏi đặt ra là loại giấy chứng nhận này có ý nghĩa khi những doanh nghiệp này muốn được hưởng ưu đãi do đã có hoạt động BVMT hay không? Thực tế hiện nay cho thấy, rất nhiều doanh nghiệp đã thực hiện các hoạt động BVMT và muốn được hưởng ưu đãi từ các cơ quan thuế, hạ tầng, hải quan... nhưng lại không có căn cứ chứng minh mình thuộc diện được ưu đãi.

Thứ bảy về vấn đề quan trắc môi trường. Dự thảo giao Bộ Tài nguyên Môi trường ban hành danh mục và hướng dẫn việc quan trắc chất thải đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Điều này có nghĩa là một số doanh nghiệp sẽ phải thực hiện nghĩa vụ quan trắc nguồn thải của mình (tự thực hiện hoặc sử dụng dịch vụ) và báo cáo kết quả quan trắc một cách trung thực cho cơ quan nhà nước.

Mặc dù có lo ngại sẽ có thêm những phức tạp trong việc thực hiện quy định này nhưng hiện vẫn chưa rõ diện doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ này cũng như cách thức thực hiện nên cũng chưa thể đánh giá cụ thể hơn về tác động của quy định đến doanh nghiệp.

Thứ tám, nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với cộng đồng dân cư. Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) quy định chủ doanh nghiệp phải trả lời bằng văn bản, đối thoại, cung cấp thông tin về hoạt động bảo vệ môi trường của mình theo định kỳ hàng năm hoặc khi có yêu cầu.

Đây là quy định mới nhằm tăng cường thông tin và đối thoại giữa doanh nghiệp và cộng đồng dân cư. Mặc dù vậy, một số doanh nghiệp cũng băn khoăn về việc trình tự, thủ tục thực hiện các việc này nhằm tránh gây phiền toái cho hoạt động sản xuất kinh doanh của họ.

Thứ chín, nội dung quy định về thanh tra, kiểm tra về môi trường đặt ra việc thanh tra, kiểm tra về môi trường nhiều nhất là 2 lần/năm, trừ trường hợp có tranh chấp. Đây cũng có thể coi là một quy định nhằm bảo vệ doanh nghiệp khỏi việc bị thanh tra, kiểm tra quá nhiều, gây cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh bình thường của doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp cần phải chung tay thực hiện các hoạt động BVMT và giảm tối đa các tác động xấu từ hoạt động sản xuất kinh doanh đến môi trường. Mặc dù vậy, cũng cần phải đánh giá kỹ tác động của các quy định này. Quy định nào tạo thêm thủ tục hành chính, gây tổn kém thời gian và chi phí cho doanh nghiệp nhưng lại không có nhiều ý nghĩa trong BVMT thì cần phải được loại bỏ.



# Một số vấn đề về quản lý chất thải hiệu quả



## NGUYỄN TRUNG THẮNG

Viện Chiến lược, chính sách tài nguyên môi trường

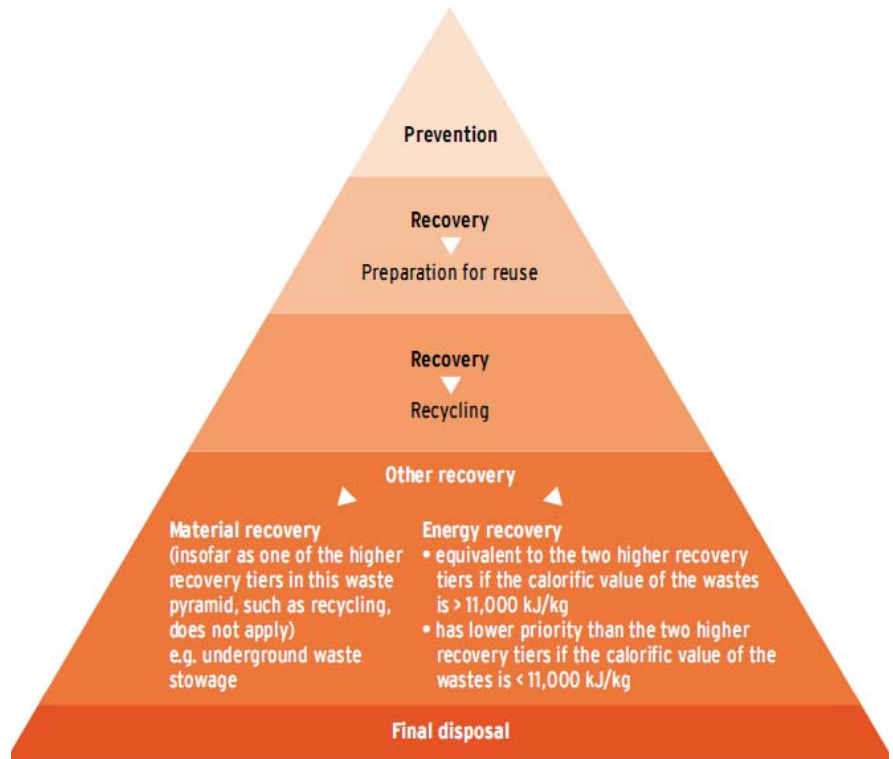
Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) sửa đổi và các văn bản hướng dẫn dự kiến được ban hành cần được cân nhắc, xem xét về một số vấn đề nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chất thải.

### Ưu tiên phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải; tiến tới áp dụng các công cụ kinh tế để giảm chất thải và hạn chế chôn lấp.

Trên thế giới, trong quản lý chất thải, các biện pháp giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế (3R) đã được thúc đẩy phát triển mạnh mẽ, trong đó được ưu tiên nhất là phòng ngừa, giảm thiểu chất thải phát sinh. Ví dụ, ở CHLB Đức, trong Luật Quản lý chất thải 1972 quy định nguyên tắc ưu tiên theo thứ tự: (i) Phòng ngừa/tránh phát sinh chất thải (waste prevention/avoidance); (ii) Phục hồi, bao gồm tái sử dụng, tái chế, thu hồi chất dinh dưỡng, thu hồi năng lượng (Recovery) và; (iii) Xử lý chất thải phù hợp với môi trường (Final Disposal)" (BMU, 2006).

Việt Nam là thành viên của Diễn đàn khu vực châu Á – Thái Bình Dương về 3R từ năm 2009. Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định 2149/QĐ-TTg ngày 17/12/2009 phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến 2025, tầm nhìn 2050, trong đó nhấn mạnh "phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải tại nguồn là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu, tăng cường tái sử dụng, tái chế để giảm khối lượng chất thải phải chôn lấp".

Dự thảo Luật BVMT sửa đổi hầu như chưa nhấn mạnh nguyên tắc này, cũng như chưa đề cập đến việc khuyến khích áp dụng các công cụ sản xuất sạch hơn, kiểm toán chất



Hình 1. Tháp quản lý chất thải ở CHLB Đức. (Nguồn: BMU, 2006)

thải... trong các cơ sở sản xuất nhằm giảm thiểu chất thải. Vì vậy, vấn đề này nên được cân nhắc, xem xét.

Một vấn đề nữa là việc áp dụng các công cụ kinh tế thích hợp. Nhiều nền kinh tế như Hàn Quốc, Đài Loan, Thụy Điển... đã thực hiện cơ chế thu phí theo khối lượng chất thải rắn phát sinh (pay-as-you-throw). Ngoài ra, một số nước cũng đã đánh thuế đối với lượng chất thải phải chôn lấp, (gọi là thuế bãi chôn lấp - landfill tax), qua đó hạn chế chôn lấp và khuyến khích việc áp dụng các công nghệ không-chôn-lấp như đốt, chế biến phân sinh học, bioga....

Vì vậy, trong các văn bản hướng dẫn cần cân nhắc, xem xét việc sử dụng các công cụ kinh tế nêu trên để giảm lượng chất thải phát sinh trong thời gian tới, cũng như hạn chế lượng chất thải rắn phải chôn lấp về lâu dài.

### Triển khai đồng bộ phân loại chất thải rắn tại nguồn với phát triển cơ sở hạ tầng và công nghệ xử lý

Việc phân loại chất thải rắn tại nguồn đã được quy định bởi Luật BVMT 2005 cũng như Dự thảo Luật BVMT sửa đổi. Tuy nhiên, trên thực tế, hoạt động này ở các hộ gia đình hầu như chưa được triển khai. Nguyên nhân

chính là do ở nước ta hầu như mới chỉ có một phương thức xử lý chính là chôn lấp. Các công nghệ xử lý khác như chế biến phân vi sinh (compost), đốt, ủ khí sinh học (biogas)... còn chưa phổ biến. Vì vậy, ở các địa phương hầu như chưa có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ về thu gom, xử lý riêng các loại chất thải rắn đã được phân loại. Ở một số dự án thí điểm, sau một thời gian, chất thải rắn sau khi được phân loại tại hộ gia đình lại bị thu gom chung để mang đến bãi chôn lấp. Ngoài ra, cũng là do chưa có hướng dẫn việc thực hiện phân loại cụ thể, và ý thức của người dân trong hoạt động này còn chưa cao.

Việc phân loại chất thải rắn tại nguồn, muốn thành công, cần phải được gắn kết với phương thức xử lý dự định áp dụng ở từng khu vực cụ thể. Ví dụ, ở khu vực nông thôn với phương thức xử lý có thể là chế biến phân compost và chôn lấp thì chất thải rắn cần được phân loại thành: có thể tái chế; hữu cơ; vô cơ. Trong khi ở các thành phố lớn, các phương thức xử lý chính trong thời gian tới có thể là chôn lấp, đốt thì chất thải rắn cần được phân loại thành: có thể tái chế; có thể đốt cháy; không thể cháy..v.v...

Vì vậy, việc phân loại chất thải rắn tại nguồn cần được hướng dẫn theo hướng áp dụng với hoàn cảnh cụ thể của từng

vùng/địa phương, kết hợp chặt chẽ với quy hoạch áp dụng các công nghệ xử lý hạn chế chôn lấp cũng như lộ trình đầu tư các công trình/nhà máy xử lý, tái chế chất thải rắn. Có như vậy thì chính sách này mới thật sự đi vào cuộc sống.

### Quy định rõ quy chuẩn kỹ thuật về phế liệu được phép nhập khẩu

Mặc dù Luật BVMT 2005 và các văn bản hướng dẫn đã quy định về việc nhập khẩu một số loại phế liệu để làm nguyên liệu sản xuất, nhưng việc triển khai trên thực tế còn nhiều vướng mắc, bất cập. Nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng chính sách nhập khẩu phế liệu để đưa chất thải vào nước ta, do việc phân định giữa chất thải và phế liệu là chưa rõ ràng. Để khắc phục tình trạng này, Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) đã quy định việc phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài phải đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường và thuộc danh mục phế liệu được phép nhập khẩu do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Như vậy, vấn đề mấu chốt là phải xây dựng và ban hành được các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phế liệu. Tuy nhiên, vấn đề này lại không được đề cập rõ ràng ở các quy định về quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và tiêu chuẩn môi trường (Chương XI) của Dự thảo Luật. Dự thảo cũng đã đưa ra các điều về các yêu cầu đối với quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng môi trường xung quanh và quy chuẩn kỹ thuật về chất thải song không có điều khoản nào đề cập đến yêu cầu đối với quy chuẩn kỹ thuật về phế liệu.

Vì vậy, nên cần nhắc, xem xét, bổ sung các quy định cụ thể hơn đối với quy chuẩn kỹ thuật về phế liệu nhập khẩu đồng thời cũng xem xét lại, bổ sung thêm đối với khái niệm về “quy chuẩn kỹ thuật môi trường” ở phần giải thích từ ngữ (Điều 3) trong Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) cho phù hợp.

### Hướng dẫn trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất theo từng nhóm chất thải.

Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (Extended Producer’s Responsibility – EPR) là cơ chế được áp dụng rộng rãi ở nhiều nước, theo đó, các nhà sản xuất, nhập khẩu có trách nhiệm thu hồi, xử lý các sản phẩm thải bỏ sau khi sử dụng. Cơ chế này, khi được triển khai áp dụng, sẽ góp phần rất lớn vào việc thúc đẩy tái chế, thiết kế sản phẩm thân thiện môi trường.

Ở nhiều nước, cơ chế này được quy định trong các văn bản cụ thể cho từng loại hình

sản phẩm thu hồi, tùy vào đặc tính của từng loại sản phẩm mà có các quy định khác nhau. Ví dụ như ở CHLB Đức, EPR đã được áp dụng đối với các loại sản phẩm/chất thải như bao bì, pin, các phương tiện cơ giới hết hạn sử dụng, dầu thải, các thiết bị điện và điện tử thông qua các văn bản pháp luật như: Pháp lệnh bao bì (Packaging Ordinance); Pháp lệnh về thu hồi và xử lý pin đã qua sử dụng (The Ordinance on the Return and Disposal of Used Batteries (1998/2001); Pháp lệnh về phương tiện giao thông hết thời hạn sử dụng (The End-of-Life Vehicles Ordinance 1997/2006); Pháp lệnh chất thải dầu mỡ kỹ thuật; Luật thiết bị điện và điện tử 2005 (The Electrical and Electronic Equipment Act - Elektro- und Elektronikgerätengesetz). Tương tự, Nhật Bản cũng có các luật riêng đối với từng loại chất thải (ISPONRE, 2009).

Ở nước ta, Luật BVMT 2005 và Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) đã có quy định về nguyên tắc trách nhiệm của các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải thu hồi một số loại hình sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc thải bỏ. Ngày 09/8/2013, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định 50/2013-QĐ-TTg về thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ và hiện nay, Bộ Tài nguyên môi trường đang xây dựng thông tư hướng dẫn.

Qua kinh nghiệm của nhiều nước, để áp dụng EPR thành công, cần có cơ sở hạ tầng kỹ thuật về tái chế, xử lý chất thải tốt; hệ thống thu gom tốt; ý thức trách nhiệm của cộng đồng cao.... Ngoài ra, mỗi loại chất thải có một đặc thù khác nhau, vì vậy, việc triển khai áp dụng EPR nên được nghiên cứu, hướng dẫn riêng đối với từng nhóm/loại chất

thải, trước hết cần được áp dụng cho một số loại thông dụng nhất (ví dụ, ắc-quy), sau đó rút kinh nghiệm và xây dựng hướng dẫn đối với các loại khác.

### Quy định rõ việc xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về môi trường và chất thải

Cơ sở dữ liệu, số liệu về quản lý chất thải có ý nghĩa quan trọng cho việc dự báo, hoạch định các chính sách, chiến lược cũng như quy hoạch, đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải. Cũng như ở một số lĩnh vực khác, cơ sở dữ liệu về quản lý chất thải ở nước ta hiện đang không được thu thập, thống kê một cách đầy đủ, thống nhất, đồng bộ và theo chuỗi qua các năm. Tuy nhiên, việc xây dựng, cập nhật, quản lý cơ sở dữ liệu này chưa được đề cập một cách rõ ràng trong Dự thảo Luật BVMT sửa đổi.

Hiện nay, công tác quản lý nhà nước về chất thải hiện đang được phân cho nhiều Bộ, ngành (Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Giao thông vận tải) và việc trực tiếp quản lý chất thải được giao cho các địa phương. Để xây dựng được một cơ sở dữ liệu về quản lý chất thải thống nhất, có chất lượng, cần có các quy định về cơ chế phối hợp, cung cấp dữ liệu giữa các bộ, ngành, đồng thời phải có các hướng dẫn về loại số liệu, cách thức, trách nhiệm, tần suất thu thập, cơ chế báo cáo..., để các địa phương thực hiện.

Vì vậy, vấn đề này nên được cân nhắc, xem xét đưa vào trong Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn.



Cần có cơ sở hạ tầng kỹ thuật về tái chế, xử lý chất thải tốt

# Cần thắt chặt quản lý nhập khẩu phế liệu

Lo ngại môi trường bị tác động xấu, nhiều ý kiến đề nghị Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) cần quy định các điều kiện nhập khẩu phế liệu một cách nghiêm ngặt và làm rõ hơn các khái niệm về phế liệu, nguyên liệu và phế thải.

## PV. NGUYỄN THANH

Đầu tháng 4/2014, Cục Hải quan TP.HCM đã tạm giữ 8 container phế liệu thép nhập khẩu không đạt tiêu chuẩn theo quy định tại cảng Phước Long - Thủ Đức, để chờ xử lý. Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Giao nhận QNN (TP.HCM), chủ của lô hàng, khai báo rằng các container chứa 166,3 tấn phế liệu thép đã được xử lý theo yêu cầu bảo vệ môi trường (BVMT), xuất xứ từ Pháp, trị giá trên 1,1 tỷ đồng, thuế VAT hơn 118 triệu đồng.

Tuy nhiên, qua kiểm tra, toàn bộ số hàng trên là dây điện cắt ngắn, còn nguyên vỏ bọc bằng vật liệu cách điện. Số phế liệu kim loại nêu trên không đáp ứng tiêu chuẩn được phép nhập khẩu theo quy định tại Thông tư số 01/2013/TT-BTNMT ngày 28-1-2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trước đó, vào tháng 1/2014, Chi cục Hải quan cảng Sài Gòn khu vực 1 đã tạm giữ 27,83 tấn phế liệu nhập khẩu không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định, trị giá trên 626 triệu đồng, của Công ty TNHH Kim loại V.P (Bình Chánh - TP.HCM). Theo khai báo của doanh nghiệp, hàng nhập khẩu là nhôm phế liệu, đủ điều kiện nhập khẩu theo quy định hiện hành. Tuy nhiên, qua kiểm tra và giám định, lô phế liệu này không phù hợp với quy định trong QCVN31:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu sắt, thép nhập khẩu.

Hai vụ việc này chỉ nằm trong số rất nhiều vụ nhập khẩu phế liệu trái phép vào Việt Nam hàng năm. Trong đó, có nhiều mặt hàng có nguy cơ gây ô nhiễm đến môi trường như máy móc, thiết bị lạc hậu cũ, hỏng, hết niên hạn sử dụng, linh kiện điện tử có chứa chất nguy hại vượt quá ngưỡng nhiều lần.

Chỉ tính riêng từ tháng 5 năm 2009 đến tháng 5 năm 2011, 37 vụ việc vi phạm đã bị phát hiện, trong đó có 3.278 container chứa 56.618 tấn rác thải và hàng hoá khác thuộc diện chất thải nguy hại đã nhập khẩu qua cảng biển, cửa khẩu Việt Nam.

Theo Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Nguyễn Minh Quang, nguyên nhân

của thực trạng trên là do việc nhập khẩu "rác" thải từ các nước tiên tiến thường mang lại lợi nhuận cao khiến không ít doanh nghiệp trong nước tìm cách "lách luật", ngụy trang dưới nhiều hình thức khác nhau với danh nghĩa hợp pháp nhằm thu lợi bất chính.

Theo dự thảo Luật Bảo BVMT (sửa đổi), chính phủ sẽ siết chặt nhập khẩu phế liệu vào Việt Nam nhằm tăng cường bảo vệ môi trường hiện đang ô nhiễm ngày càng nghiêm trọng.

Dự thảo luật quy định rằng tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu chỉ được sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất, không được cho, bán tạp chất đi kèm phế liệu, và phải có trách nhiệm tái xuất phế liệu trong trường hợp không đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Để nhập khẩu phế liệu, tổ chức và cá nhân cũng phải đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt về xuất xứ, chất lượng, công nghệ, kho bãi tập kết, thiết bị tái chế, tái sử dụng phế liệu, xử lý tạp chất đi kèm phế liệu đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Cũng theo dự thảo, Chính phủ sẽ quy định điều kiện nhập khẩu phế liệu. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến phế liệu nhập khẩu. Hằng năm, phải báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường tình hình nhập khẩu, sử dụng phế liệu và các vấn đề môi trường liên quan đến phế liệu nhập khẩu tại địa bàn.

## Cần tạo hàng rào kỹ thuật

Một số đại biểu Quốc hội cho rằng, Chính phủ không nên cho phép nhập khẩu phế liệu vì đây là một trong những nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, theo ông Nguyễn Văn Giàu, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, nếu trong các cam kết quốc tế mà Việt Nam không cấm nhập khẩu phế liệu thì luật không thể cấm được.



Cần dựng hàng rào kỹ thuật đối với hoạt động nhập khẩu phế liệu



**Phế liệu chỉ được nhập khẩu để sử dụng làm nguyên liệu sản xuất**

Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội Phan Trung Lý và Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội Nguyễn Hạnh Phúc cũng cho rằng, cả về mặt kinh tế lẫn các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết thì khó có thể cấm nhập khẩu phế liệu.

Vì vậy, “Luật BVMT (sửa đổi) cần có các hàng rào kỹ thuật để hạn chế nhập khẩu phế liệu, chỉ cho phép nhập khẩu loại phế liệu có thể xử lý thành nguyên liệu đầu vào cho sản xuất trong nước với giá thành rẻ, nguồn cung trong nước thiếu và ít gây hại đến môi trường trong quá trình xử lý”, ông Giàu đề xuất.

Không những vậy, theo ông Phúc, ngoài dựng hàng rào kỹ thuật phải quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, nhập khẩu ủy thác và phải giao cho UBND cấp tỉnh trách nhiệm kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến phế liệu nhập khẩu. Ngoài ra, luật phải giao trách nhiệm cho Bộ TNMT quy định tiêu chí về bảo vệ môi trường đối với phế liệu nhập khẩu và phối hợp với Bộ Công Thương quy định danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài và từ doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan vào nội địa.

Ông Tomisaka Ryuji, chuyên gia môi trường của Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật

Bản hiện đang làm việc tại Bộ Tài Nguyên và Môi trường Việt Nam, thì cho rằng nhiều quốc gia cũng phải tuân thủ các cam kết của Tổ chức Thương mại Thế giới về nhập khẩu phế liệu. Tuy nhiên, Việt Nam có quyền từ chối phế liệu nhập khẩu vì điều này không được điều chỉnh bởi Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm và việc tiêu hủy chúng, và các quy định quốc tế khác. “Tôi cho rằng, một trong những giải pháp tốt nhất mà các quốc gia này sử dụng chính là các tiêu chuẩn/quy định kỹ thuật. Tôi nghĩ đây là điều rất hay mà Việt Nam nên học hỏi”, ông Ryuji khuyến nghị.

### **Làm rõ các khái niệm**

“Không thể biến Việt Nam thành bãi rác thải của thế giới được. Trong nhiều năm qua, các cơ quan hải quan và Bộ Tài nguyên và Môi trường đã rất đau đầu về việc giải quyết vấn đề nhập khẩu phế liệu trái phép do nhiều quy định lỏng lẻo hiện nay. Chẳng hạn như, theo Luật BVMT hiện hành, việc định nghĩa thế nào là phế liệu vẫn rất mơ hồ, tạo ra nhiều lỗ hổng cho phép ngày càng nhiều phế liệu nhập khẩu trái phép vào Việt Nam”, ông Phúc nhấn mạnh.

Theo ông Phan Xuân Dũng, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội, Luật BVMT (sửa đổi) cần phải

có quy định phân biệt thế nào là nguyên liệu đầu vào, thế nào là phế liệu, và thế nào là phế thải để tránh việc các doanh nghiệp lợi dụng và nhập khẩu trái phép các loại chất thải vào Việt Nam.

Ông Tomisaka Ryuji cũng nhấn mạnh rằng, Việt Nam hiện còn rất thiếu các quy định và các cơ chế cụ thể, khả thi trong việc phân biệt nguyên liệu với phế liệu, và với chất thải. Đó là lý do vì sao nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng kẽ hở pháp lý này để nhập khẩu chất thải nguy hại vào trong nước, gây ô nhiễm môi trường.

Theo các chuyên gia, ở Trung Quốc, các nhà nhập khẩu phế liệu phải tuân thủ nghiêm ngặt 1 danh mục phế liệu cho phép nhập khẩu. Quốc gia này cũng phân biệt rõ ràng thế nào là chất thải, phế liệu và nguyên liệu đầu vào. Indonesia cũng không cho phép nhập khẩu vào quốc gia này những loại phế liệu không được xử lý trước đó.

Hiện Việt Nam có khoảng 160 nhà nhập khẩu phế liệu. Khoảng 75% trong số đó nhập khẩu cho sản xuất và tái chế, 18% nhập khẩu để phân phối, và số còn lại nhập khẩu dưới dạng được ủy thác.

Việt Nam nhập khẩu khoảng 3,43 triệu tấn phế liệu thép năm 2012, tăng 32,5% so với năm 2011. Năm 2013, nhập khẩu phế liệu thép cũng tăng khoảng 30% so với năm 2012, theo Hiệp hội Thép Việt Nam.



Trao đổi với PV. Nguyễn Thu, ông Tomisaka Ryuji, chuyên gia môi trường của Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản hiện đang làm việc tại Bộ Tài Nguyên và Môi trường Việt Nam, nêu một số khuyến nghị về việc Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) có nên cấm hay tiếp tục cho phép nhập khẩu phế liệu.

**Theo ông, Việt Nam nên cấm hay cho phép nhập khẩu phế liệu?**

Việt Nam nên tuân thủ các quy định của thế giới về nhập khẩu phế liệu, và Luật BVMT (sửa đổi) nên có một điều khoản quy định về việc này. Tôi cho rằng, khi nỗ lực để trở thành một nước công nghiệp, Việt Nam sẽ có nhu cầu rất lớn đối với các loại nguyên liệu và phế liệu cho sản xuất trong nước. Đương nhiên, các nguồn nguyên liệu và phế liệu này là không đủ, và do vậy Việt Nam phải nhập khẩu thêm từ bên ngoài.

Tuy nhiên, Việt Nam hiện còn rất thiếu các quy định và các cơ chế cụ thể, khả thi trong việc phân biệt nguyên liệu với phế liệu và với chất thải. Đó là lý do vì sao nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng kẽ hở pháp lý này để nhập khẩu chất thải nguy hại vào trong nước, gây ô nhiễm môi trường.

Theo Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển qua biên giới các phế thải nguy hiểm và việc tiêu hủy chúng, tất cả các nước phát triển và đang phát triển phải tuân thủ các quy định nghiêm ngặt về tiêu hủy các chất thải nguy hại. Tuy vậy, các nước đang phát triển thường không tuân thủ công ước này tốt bằng các nước phát triển. Tôi cho rằng, các nước đang phát triển như Việt Nam nên áp dụng một trong hai giải pháp sau:

Thứ nhất là Việt Nam nên tiếp tục cấm nhập khẩu phế liệu, cho dù phế liệu này có nguy hại hay không nguy hại. Tuy nhiên, việc

# Cần có quy định và cơ chế khả

định rõ thế nào là phế liệu và thế nào là chất thải là vô cùng quan trọng. Chúng ta phải phân biệt nguyên liệu với phế thải và với chất thải, bởi vì về bản chất, chúng hoàn toàn khác nhau. Ngoài ra, cơ quan nào sẽ chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng của chúng, và địa điểm nào sẽ được quy định rõ để quy tập chúng? Nếu giải pháp này được áp dụng, thì Việt Nam sẽ có thể cho phép nhập khẩu phế liệu.

Thứ hai là Việt Nam nên có thêm các quy định mới để kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu phế liệu, bởi các quy định hiện hành dường như vẫn chưa đủ mạnh để Chính phủ có thể quản lý hiệu quả các chất thải nguy hại, trong khi môi trường của Việt Nam đã và đang bị ô nhiễm ngày càng nghiêm trọng mà một phần nguyên nhân là do phế liệu nhập khẩu. Nhiều quốc gia cũng đã có biện pháp quản lý nhập khẩu phế liệu rất hiệu quả. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng, trong ngắn hạn, Việt Nam nên cấm nhập khẩu phế liệu.

**Nhưng theo cam kết của Tổ chức Thương mại Thế giới, Việt Nam không thể cấm**

**hoàn toàn việc nhập khẩu phế liệu, vậy cần làm gì để vẫn bảo vệ được môi trường?**

Việt Nam có quyền từ chối phế liệu nhập khẩu vì điều này không được điều chỉnh bởi Công ước Basel và các quy định quốc tế khác. Nhiều quốc gia cũng phải tuân thủ các cam kết của Tổ chức Thương mại Thế giới về nhập khẩu phế liệu. Tuy nhiên, một trong những giải pháp tốt nhất mà các quốc gia này sử dụng chính là các tiêu chuẩn/quy định kỹ thuật. Tôi nghĩ đây là điều rất hay mà Việt Nam nên học hỏi.

**Ông có thể nêu một số kinh nghiệm của Nhật Bản trong việc kiểm soát nhập khẩu phế liệu?**

Để có thể trở thành một nước công nghiệp như ngày hôm nay thì vài chục năm trước đây, Nhật Bản cũng đã phải xuất khẩu và nhập khẩu phế liệu với khối lượng lớn. Tuy nhiên, Chính phủ Nhật Bản đã áp dụng nhiều biện pháp ngăn chặn ô nhiễm tại các nước đang phát triển mà Nhật Bản xuất khẩu phế liệu, kể cả các chất thải nguy hại sang. Chẳng hạn, Nhật Bản có các quy định



Việt Nam có nhu cầu rất lớn đối với các loại nguyên liệu và phế liệu cho sản xuất nhưng chỉ nguồn cung trong

X A N H  
X A N H  
L A I  
L A I  
T U O  
T U O  
C H O  
C H O  
T R U  
T R U  
C A Y  
C A Y

# thi phân loại phế liệu với chất phế thải

phân loại nguyên liệu, chất thải và chất thải nguy hại. Hiện nay, Nhật Bản đã phân loại và có danh mục bao gồm hơn 400 loại nguyên liệu mà các doanh nghiệp phải được chứng nhận khi họ sử dụng.

Thêm vào đó, Nhật Bản cũng có các quy định nghiêm ngặt về nhập khẩu và xuất khẩu phế liệu. Khi một doanh nghiệp nào đó muốn nhập khẩu hay xuất khẩu phế liệu, thì doanh nghiệp này phải đề xuất với cơ quan quản lý chuyên môn. Cơ quan này sẽ thẩm định để xuất đó và tiến hành kiểm tra mẫu phế liệu nhập khẩu của doanh nghiệp. Nếu mẫu này đáp ứng được các yêu cầu nhập khẩu và sử dụng thì doanh nghiệp mới được phép nhập khẩu. Đối với trường hợp xuất khẩu, phế liệu chỉ được xuất đi khi có sự phê chuẩn của chính phủ của nước nhập khẩu. Phế liệu được xuất khẩu hay nhập khẩu cũng phải được các cơ quan hải quan kiểm tra kỹ càng. Do vậy, việc phân loại và các quy định trên đã giúp chúng tôi đẩy nhanh quá trình ra quyết định của các cơ quan chức năng, rằng họ có thể cho phép hay cấm các doanh nghiệp tiến hành

nhập khẩu phế liệu hay không.

## Liệu Việt Nam có nên học cách làm này của Nhật Bản không, thưa ông?

Theo tôi là nên. Có một điều nữa mà tôi muốn chia sẻ. Hiện nay, một số doanh nghiệp Nhật Bản đang muốn thực hiện một số dự án tái chế tại Việt Nam. Theo đó, họ sẽ nhập khẩu phế liệu từ Nhật Bản và các quốc gia khác vào Việt Nam và các sản phẩm sẽ được xuất khẩu ra khỏi Việt Nam. Tuy nhiên, 8 năm trước đây, Chính phủ Việt Nam đã cấm nhập khẩu phế liệu từ Nhật Bản, với lý do là phế liệu của Nhật Bản không phù hợp với việc tái sử dụng.

Ngoài ra, như tôi đã nói ở trên, Việt Nam hiện còn rất thiếu các quy định và các cơ chế cụ thể, khả thi trong việc phân biệt nguyên liệu với phế liệu, và với chất thải, đặc biệt là chất thải nguy hại. Do vậy, các dự án này không thể thực hiện được ở Việt Nam. Tôi cho rằng Luật BVMT mới sẽ làm rõ các cơ chế này để các doanh nghiệp nước ngoài, bao gồm các doanh nghiệp Nhật Bản, có thể thực hiện các dự án tái chế công nghiệp tại Việt Nam.

**Ông vừa đề cập đến Công ước Basel. Mặc dù gia nhập công ước này từ tháng 3/1995, Việt Nam vẫn chưa thể quản lý nhập khẩu phế liệu một cách nghiêm ngặt. Vậy theo ông, Luật BVMT mới của Việt Nam nên có các quy định chặt chẽ như thế nào để có thể kiểm soát nhập khẩu phế liệu một cách hiệu quả?**

Vấn lấy Nhật Bản là ví dụ. Nhật Bản cũng phải tuân thủ nghiêm túc các quy định của công ước này, thông qua việc ban hành nhiều luật và quy định.

Từ năm 1994, chúng tôi đã có một bộ luật về xuất, nhập khẩu các chất thải nguy hại, để tăng cường tính thực thi của Công ước Basel. Nhằm đảm bảo bộ luật này có thể đi vào cuộc sống, Chính phủ Nhật Bản thường xuyên tổ chức các hội nghị và cung cấp thông tin về các hoạt động xuất, nhập khẩu phế liệu cho các doanh nghiệp liên quan. Năm 2012, Nhật Bản thông báo sẽ xuất khẩu khoảng 326.000 tấn chất thải nguy hại, nhưng số liệu chất thải thực tế xuất khẩu là khoảng 120.000 tấn. Đối với phế liệu nhập khẩu, các nước đã thông báo cho Nhật Bản rằng họ sẽ xuất khẩu sang khoảng 100.000 tấn, nhưng số liệu nhập khẩu thực tế chỉ là khoảng 9.600 tấn. Doanh nghiệp nào muốn xuất khẩu hoặc nhập khẩu các chất thải này đều phải có báo cáo chi tiết lên các cơ quan chức năng.

Tôi cho rằng, đối với Việt Nam, Luật BVMT (sửa đổi) có thể sẽ đánh dấu một bước tiến lớn hơn trong việc quản lý chất thải và chất thải nguy hại, nếu như các quy định chặt chẽ được đưa ra trong luật này. Tuy vậy, Việt Nam vẫn nên ban hành một nghị định về quản lý chất thải nguy hại. Hiện nay, Việt Nam chỉ có một nghị định về quản lý chất thải rắn được ban hành vào năm 2011.

Để có thể tuân thủ nghiêm túc Công ước Basel và bảo vệ môi trường, Việt Nam nên rà soát lại toàn bộ các quy định hiện hành về quản lý chất thải và cần đưa ra các định nghĩa chính xác về phế liệu, nguyên liệu thứ phẩm và chất thải để có các chính sách quản lý phù hợp và hiệu quả. Bên cạnh đó, tất cả các hoạt động kiểm soát việc nhập khẩu phế liệu và nguyên liệu thứ phẩm phải được thực hiện trước khi các sản phẩm này được nhập khẩu vào Việt Nam. Ngoài ra, cần làm rõ chức năng của các cơ quan chuyên kiểm tra và kiểm soát, giám sát nhập khẩu phế liệu trong Luật BVMT mới.



nước là chưa đủ



Chế tài mạnh sẽ buộc doanh nghiệp “chùn tay” khi thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường

## Cần mạnh tay hơn với vi phạm môi trường

Sự lỏng lẻo và chông chéo trong các quy định pháp lý hiện hành về môi trường, cũng như các chế tài chưa đủ sức răn đe đã tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp ra sức gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống nhân dân.

### PV. NGUYỄN THANH

Trong những năm qua, dư luận đã trở nên bất bình trước hàng nghìn vụ doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng khi bị xử phạt mà vẫn cố tình tái phạm. Điển hình là vụ Công ty Cổ phần Thuộc da Hào Dương (TP.HCM) dù bị xử phạt hàng chục lần vì hành vi xả nước thải chưa qua xử lý, nhưng vẫn tái phạm.

Vụ việc này được phát hiện khi thông tin về những vi phạm của Công ty Nicotex Thanh Thái trong vụ chôn chất độc nguy hại chết người tại Thanh Hóa đang tràn ngập trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Dư luận cũng chưa quên vụ Công ty Cổ phần Giấy An Hòa (Tuyên Quang) xả trộm nước thải ra sông Lô, vụ Sonadezi gây ô nhiễm sông Đồng Nai, hay vụ TungKuang xả nước thải chứa chất nguy hại ra môi trường ở Hải Dương, bởi hành vi của những doanh nghiệp này không chỉ tác động trực tiếp tới môi trường sống, mà còn để lại hậu quả xấu,

lâu dài tới hệ sinh thái và cuộc sống của các thế hệ mai sau.

Vi sao doanh nghiệp vẫn bất chấp quy định pháp lý? Đó là bởi cá chế tài hiện hành không đủ mạnh, khiến doanh nghiệp liên tục tái phạm.

### Còn nhiều hạn chế

Khi đánh giá các quy định về xử lý vi phạm hành chính trong bảo vệ môi trường (BVMT), luật sư Vũ Thị Duyên Thủy, người hiện đang tham gia vào một dự án góp ý kiến vào Luật BVMT (sửa đổi) cho rằng, các quy định hiện hành về xử lý vi phạm hành chính trong BVMT giữa Luật BVMT 2005 với các văn bản pháp luật khác đã bộc lộ nhiều hạn chế và thiếu thống nhất.

Đơn cử, Khoản 3 Điều 40 Luật BVMT 2005 quy định “Ủy ban nhân dân các cấp, đơn vị quản lý trật tự công cộng được áp dụng biện pháp xử lý đối với chủ công trình, phương tiện vận tải vi phạm quy định về BVMT”. Khoản 4 Điều 52 Luật BVMT 2005

cũng quy định “Ủy ban nhân dân các cấp, lực lượng công an, đơn vị quản lý trật tự công cộng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xử lý các hành vi vi phạm về BVMT ở nơi công cộng theo quy định của pháp luật về BVMT và các quy định khác của pháp luật có liên quan”.

Tuy nhiên, theo bà Thủy, “Đơn vị quản lý trật tự công cộng” là một khái niệm khá mơ hồ, chưa được giải thích cụ thể trong Luật BVMT 2005 nên khó có một cách hiểu thống nhất về chủ thể này. Hơn nữa, thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật của đơn vị quản lý trật tự công cộng hiện cũng chưa được quy định trong một văn bản pháp luật nào về xử lý vi phạm hành chính. Luật xử lý vi phạm hành chính mới được ban hành cũng không quy định thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính cho chủ thể này.

Ngoài ra, quy định: “Những hành vi vi phạm pháp luật về BVMT, quy định giữ gìn vệ sinh môi trường nơi công cộng bị xử lý bằng các biện pháp sau đây: Phạt tiền; Buộc lao động vệ sinh môi trường có thời hạn ở nơi công cộng; Tạm giữ phương tiện có liên quan gây ra ô nhiễm môi trường” tại Khoản 3 Điều 52 Luật BVMT 2005 cũng không phù hợp với Luật xử lý vi phạm hành chính và Bộ luật hình sự hiện hành.

“Luật xử lý vi phạm hành chính không quy định buộc lao động vệ sinh môi trường có thời hạn ở nơi công cộng là một trong các biện pháp xử phạt chính hay xử phạt bổ sung đối với người vi phạm. Luật Hình sự cũng không quy định về loại hình phạt này”, bà Thủy bình luận.

Ngoài ra, Nghị định 117/2009/NĐ-CP về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực BVMT có nhiều quy định mâu thuẫn với Luật xử lý vi phạm hành chính. Ví dụ, thẩm quyền xử phạt hiện hành của các chủ thể như Chủ tịch UBND các cấp, chánh thanh tra các cấp tại Nghị định 117/2009/NĐ-CP không phù hợp với thẩm quyền xử phạt được quy định trong Luật xử lý vi phạm hành chính.

Chẳng hạn, theo quy định tại Điều 40 Nghị định 117/2009/NĐ-CP, thẩm quyền xử phạt tiền của Chủ tịch UBND các cấp được quy định là: Chủ tịch UBND cấp xã có quyền phạt tiền đến 2 triệu đồng; Chủ tịch UBND cấp huyện có quyền phạt tiền đến 30 triệu đồng; Chủ tịch UBND cấp tỉnh có quyền phạt tiền đến 500 triệu đồng.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính: Chủ tịch UBND cấp xã có quyền phạt tiền đến 10% mức tiền phạt tối đa (1 tỷ đồng) nhưng không quá 5 triệu đồng; Chủ tịch UBND cấp huyện có quyền phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa (1 tỷ đồng) nhưng không quá 50 triệu đồng; Chủ tịch UBND cấp tỉnh có quyền phạt tiền mức tối đa (1 tỷ đồng).

Bên cạnh đó, nghị định 117/2009/NĐ-CP có quy định một trong các hình thức xử phạt bổ sung là: “Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề”. Tuy nhiên, hiện

nay chưa có hướng dẫn cụ thể giấy phép môi trường bao gồm những loại giấy phép nào, cấp cho những đối tượng nào và trình tự, thủ tục cấp phép ra sao nên quy định này hiện chỉ nằm trên giấy tờ, không thực hiện được trên thực tế.

Theo ông Nghiêm Vũ Khải, nguyên Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, nguyên Phó chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường Quốc hội Khóa XII, trong những năm qua, mặc dù hàng nghìn vụ vi phạm môi trường đã bị phát hiện, nhưng hầu như chưa có đối tượng nào bị phạt tù. Lý do là vì, Bộ luật Hình sự và các văn bản hướng dẫn thi hành còn thiếu quy định định lượng hóa khung hình phạt đối với một số tội danh cụ thể. Vì vậy, các dấu hiệu định tội: “gây hậu quả nghiêm trọng; rất nghiêm trọng; đặc biệt nghiêm trọng” hay “khối lượng lớn; khối lượng rất lớn; khối lượng đặc biệt lớn” vẫn còn được quy định chung chung, rất khó áp dụng thống nhất trên thực tiễn. Điều này làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc xét xử, khó đảm bảo áp dụng chính xác khung hình phạt đối với người phạm tội.

Chẳng hạn, Điều 185 Bộ luật hình sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2009) có quy định tội danh đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, người nào lợi dụng việc nhập khẩu công nghệ, máy móc, thiết bị, phế liệu hoặc hóa chất, chế phẩm sinh học hoặc bằng thủ đoạn khác đưa vào lãnh thổ Việt Nam chất thải nguy hại hoặc chất thải khác với số lượng lớn hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tiền từ 200 triệu đồng đến 1 tỷ đồng, cải tạo không giam

giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.

Tuy nhiên, theo luật sư Thủy, chất thải được đưa vào Việt Nam với số lượng bao nhiêu là số lượng lớn, bao nhiêu là số lượng rất lớn và bao nhiêu là số lượng đặc biệt lớn là điều không dễ xác định. Mặt khác, hậu quả thế nào là rất nghiêm trọng hay hậu quả như thế nào là đặc biệt nghiêm trọng cũng cần có sự định lượng hóa cụ thể. Sự định lượng này khó có thể áp dụng chung cho mọi hành vi phạm tội về môi trường. Bởi lẽ, trong lĩnh vực tội phạm môi trường, cũng là gây hậu quả nghiêm trọng, song với mỗi hành vi phạm tội, hậu quả gây ra có những đặc thù riêng nên khó có thể xác định một khuôn mẫu chung cho mọi hành vi.

Nhiều đại biểu Quốc hội cũng cho rằng, sự thiếu thống nhất và tính lỏng lẻo của các quy định về BVMT hiện hành đang tiếp tay cho các hành động vi phạm môi trường.

“Đối với Luật BVMT mới, tôi đề nghị sửa quy định về xử lý vi phạm theo hướng bổ sung các hình thức, chế tài như tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động, thu hồi các loại giấy phép có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, khai thác, cấm hành nghề có điều kiện, bổ sung các quy định về nguyên tắc, tiêu chí chung để áp dụng từng loại chế tài đối với từng hành vi vi phạm và từng mức độ vi phạm. Tôi cũng đề nghị nâng mức phạt tiền nhằm khẳng định thái độ nghiêm khắc hơn của nhà nước, của pháp luật đối với các vi phạm”, Đại biểu Dương Hoàng Hương (Phú Thọ), Ủy viên Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội nói.



Thiếu chế tài đủ sức răn đe, doanh nghiệp vô tư xả thải





ngữ “gắn kết hài hòa với” cũng được sử dụng ở Điều 45, Chương 4 về BĐKH và nên được xem xét lại.

Chương 4 về BĐKH bao gồm 1 số điều mới và quan trọng. Tuy vậy, điều đầu tiên của chương này có thể giải thích tại sao ứng phó với BĐKH lại được đưa vào Luật. Về phương diện đó, “ứng phó với BĐKH được điều chỉnh trong Luật này là những ứng phó góp phần bảo vệ môi trường, đặc biệt là vào việc ổn định nồng độ khí thải nhà kính trong bầu khí quyển toàn cầu nhằm giảm thiểu BĐKH, đồng thời làm cho các hệ sinh thái ở Việt Nam thích nghi một cách tự nhiên với BĐKH, đảm bảo rằng sản xuất lương thực không bị đe dọa và hỗ trợ phát triển kinh tế bền vững”. Khuyến nghị này được đưa ra dựa trên mục tiêu của Công ước khung của Liên Hợp quốc về BĐKH mà Việt Nam đã phê chuẩn năm 1994.

Điều 46 về “Lồng ghép BĐKH” với nhiều chiến lược và kế hoạch là rất quan trọng. Tuy nhiên, lồng ghép các ứng phó với BĐKH lại không được cụ thể hóa đối với các ứng phó BĐKH về bảo vệ môi trường. Do vậy, Điều này đã vượt quá phạm vi của Luật vốn chỉ giới hạn trong BVMT. Ngoài ra, Điều này còn nói rõ rằng BĐKH cần được lồng ghép vào các công cụ bảo vệ môi trường quan trọng nhất, bao gồm đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC). Điều không rõ là ĐMC được đề cập ở Điều 46.1 nhưng lại cùng với các chiến lược và kế hoạch có bản chất hoàn toàn khác, còn ĐTM thì không được đề cập chút nào trong mối liên hệ với BĐKH. Ở những phần khác của Luật, các công cụ này nêu ra nhưng lại không có sự đề cập về ứng phó với BĐKH về BVMT.

Điều 47 về “Quản lý phát thải khí nhà kính” là nội dung then chốt về BĐKH trong Luật BVMT (sửa đổi) và bao gồm các quy định quan trọng. Đây là mấu chốt giúp Việt Nam có thể đóng vai trò trong việc đạt được mục tiêu của Công ước khung của Liên Hợp quốc về BĐKH (được sử dụng để hoạch định mục tiêu của Việt Nam trong việc giải quyết vấn đề BĐKH trong Luật này, như kiến nghị trên). Tuy nhiên, theo cách nhìn này, cần nhấn mạnh thêm Điều 47. Ví dụ, Việt Nam đã đặt ra các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính trong Chiến lược Tăng trưởng xanh. Các mục tiêu đó có thể đưa vào Luật này. Nhiều nước khác cũng đã đưa một số mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính vào luật. Còn nếu thấy như vậy quá chi tiết thì Luật BVMT có thể nêu chung chung rằng các mục tiêu quốc gia và mục tiêu từng ngành sẽ được đặt ra so với một mốc cơ sở (ví dụ mốc năm 2010). Theo

Công ước khung của Liên Hợp quốc về BĐKH, Việt Nam sẽ đạt được các mục tiêu của mình với sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế cũng như với các biện pháp tự nguyện của mình. Nội dung đó cũng có thể đưa vào Điều 47 nhằm phản ánh các cam kết quốc tế mà các bên của Công ước khung của Liên Hợp quốc về BĐKH đã nhấn mạnh.

Điều 47 cũng cần nhấn mạnh rằng nó có liên quan tới các hoạt động cắt giảm phát thải khí nhà kính ở Việt Nam, và sẽ rất hữu ích khi đưa ra một danh mục các ngành ưu tiên cho cắt giảm khí nhà kính, được quốc tế hỗ trợ cũng như từ sự tự nguyện của Việt Nam. Các ưu tiên đã được thông qua trong một số chiến lược và kế hoạch hành động quốc gia về BĐKH và tăng trưởng xanh bao gồm: sản xuất và sử dụng năng lượng, kể cả năng lượng tái tạo; sản xuất công nghiệp; lâm nghiệp; trồng trọt; chăn nuôi; và quản lý chất thải. Hiện nay, Điều 47 chỉ nói tới lâm nghiệp chứ không đề cập đến các ưu tiên khác. Trong khi đó, năng lượng tái tạo và chất thải lại bị loại ra và đề cập ở các điều khác, như Điều 49 và 51. Trong dự thảo Luật, việc sắp xếp chỉ một vài ưu tiên về giảm thiểu phát thải chứ không phải là các ưu tiên khác là có tính cục bộ và không hợp lý. Lâm nghiệp, như đã được đề cập ở Điều 47, và năng lượng tái tạo dĩ nhiên là rất quan trọng. Nhưng chúng cũng được điều chỉnh ở các luật và chính sách khác. Do vậy, chỉ cần một danh mục liệt kê các ưu tiên chung về giảm thiểu khí thải nhà kính là đủ - điều này có nghĩa là có thể lược bỏ Điều 49 về “Năng lượng tái

tạo”. Điều 51 về chất thải là trọng tâm của Luật BVMT (sửa đổi), nhưng trong khi chất thải hữu cơ trực tiếp liên quan đến phát thải, thì không phải tất cả các loại chất thải đều phát thải. Do vậy, việc điều chỉnh các chi tiết về chất thải trong chương về BĐKH là không hoàn toàn phù hợp.

Điểm 1.d của Điều 47 nói về hợp tác quốc tế về giảm thiểu khí thải nhà kính. Vấn đề này là quan trọng nhưng có thể cần phải làm rõ hơn. Các cơ chế khác nhau đã được tạo ra theo Công ước khung của Liên Hợp quốc về BĐKH, trong đó Việt Nam có thể tham gia và được cộng đồng quốc tế hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật – và thực sự Việt Nam cũng đang chuẩn bị cho việc này. Do đó, điểm 1.d có thể diễn giải, ví dụ, như sau: Tích cực tham gia vào các cơ chế hỗ trợ được xây dựng theo Công ước khung của Liên Hợp quốc về BĐKH, nhằm thúc đẩy hỗ trợ kỹ thuật và tài chính quốc tế, bao gồm các kế hoạch hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện quốc gia (NAMA) và giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng (REDD).

Một bản dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) trước đó đã đề cập tầm quan trọng của đầu tư tại Điều 47 về “Quản lý phát thải khí nhà kính”, và đề cập tầm quan trọng của việc loại bỏ trợ cấp nhiên liệu hóa thạch tại Điều 49 về “Năng lượng tái tạo”. Tuy nhiên, tại dự thảo này thì các vấn đề trên lại không được đề cập. Trong khi đó, các chính sách kinh tế và tài khóa về năng lượng lại vô cùng quan trọng trong việc đạt được mục tiêu giảm



Quản lý phát thải khí nhà kính là một nội dung then chốt về biến đổi khí hậu trong Luật BVMT (sửa đổi)



Các nguyên tắc bảo vệ môi trường trong ứng phó với biến đổi khí hậu có thể cụ thể hóa như khuyến khích trồng cây gây rừng

phát thải khí nhà kính. Nếu thiếu các chính sách này thì khó có thể đạt được các mục tiêu trên, bởi ngành năng lượng đã trở thành ngành phát thải nhiều nhất tại Việt Nam. Việc đưa thêm một đoạn trong Điều 47 hay đưa thành một điều riêng biệt về vấn đề này có cơ sở từ một số chính sách hiện hành của Việt Nam, bao gồm Nghị quyết Trung ương 7 của Ban Chấp hành trung ương Đảng, Chiến lược Tăng trưởng xanh, và Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh. Chẳng hạn, trong Nghị quyết Trung ương 7 có đoạn: “Có lộ trình đến năm 2020 xóa bỏ các cơ chế, chính sách hỗ trợ giá đối với nhiên liệu hóa thạch”. Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh cũng cam kết thực hiện các vấn đề liên quan trong các Hành động 3, 10 và 26. Các hành động này cũng là về các chính sách kinh tế (như thuế, trợ cấp và đầu tư) nhằm hạn chế việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch, tăng hiệu suất sử dụng năng lượng, và khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo. Chừng nào mà các trợ giá còn tồn tại thì việc đầu tư vào các dự án phát thải thấp và thân thiện với môi trường sẽ không thể hiệu quả, và các doanh nghiệp cũng không muốn đầu tư. Vậy có thể đưa thêm một đoạn mới hay một điều mới có nội dung như: Để giảm phát thải khí nhà kính trong ngành năng lượng, từng bước bãi bỏ trợ giá nhiên liệu hóa thạch trực tiếp hoặc gián tiếp đối với các ngành điện, giao thông và sản xuất; có chính sách tài chính, các quy định đầu tư hỗ trợ tiết kiệm năng lượng và năng lượng tái tạo.

Điều 50 về “Sản xuất và tiêu dùng bền vững” là nội dung quan trọng và dựa trên các

quy định trong Chiến lược Tăng trưởng xanh. Tuy nhiên, Điều 50 lại không giới hạn trong BDKH, và cũng không tập trung vào BVMT – điều này có phạm vi rộng hơn phạm vi của Luật BVMT, và cũng rộng hơn chủ đề và mục tiêu của chương về BDKH trong Luật. Do vậy, có lẽ Điều 50 cần được quy định rõ ràng hơn hoặc xóa bỏ.

Các khuyến nghị trên về các hành động ưu tiên đối với giảm thiểu phát thải khí nhà kính, về bãi bỏ trợ cấp nhiên liệu hóa thạch và về đầu tư vào ngành năng lượng sẽ là những động lực chính đối với sản xuất và tiêu dùng xanh. Những khuyến nghị đó cũng làm giảm sự cần thiết phải có Điều 50 này.

Có một điều rất quan trọng về BDKH chưa được đưa vào dự thảo Luật BVMT (sửa đổi). Mục tiêu của Công ước khung của Liên Hợp quốc về BDKH là nhằm ổn định khí thải nhà kính cũng như thích ứng với các hệ thống tự nhiên, và nhằm phát triển kinh tế bền vững. Một số hành động thích ứng với BDKH trực tiếp liên quan tới BVMT và cần được giải quyết tại một điều riêng biệt trong Luật, dựa trên các ưu tiên đã được đề cập trong Chiến lược ứng phó với BDKH và các chính sách khác của Việt Nam. Chẳng hạn, Điều 47 về “Quản lý phát thải nhà kính” – một điều về thích ứng với BDKH bao gồm các hoạt động báo cáo và quan trắc (thích ứng phải được bao gồm trong các báo cáo của Việt Nam cho Công ước khung của Liên Hợp quốc về BDKH), và một danh mục các ưu tiên về BDKH dưới dạng các thuật ngữ chung. Phần lớn các ưu tiên (có tính chiến lược) trong Chiến lược BDKH chỉ liên quan gián

tiếp đến BVMT, nhưng một số ưu tiên thì lại liên quan trực tiếp. Các ưu tiên đối với các hành động về thích ứng với BDKH, với những hàm ý trực tiếp về BVMT, bao gồm việc thích ứng với: (a) sự gia tăng rủi ro về hư hại hay thất bại của các cơ sở sản xuất từ những trận bão cực đoan (ngày càng gia tăng), nước dâng do bão, cũng như lũ lụt và hệ quả ô nhiễm môi trường; (b) mực nước biển dâng và xâm nhập mặn do BDKH gây ra, đe dọa sinh kế của người dân và các thành phố, và cần có các biện pháp BVMT như bảo tồn và trồng cây đước; (c) các yêu cầu thích ứng của các hệ thống tự nhiên và các khu bảo tồn, bao gồm các trận hạn hán ngày càng khắc nghiệt đe dọa các khu vực đất ngập nước tự nhiên.

Cuối cùng, Điều 54 về “Hợp tác quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu” là một tập hợp các tuyên bố rất chung chung, không làm rõ các quyền, trách nhiệm và hành động cụ thể. Vấn đề hợp tác quốc tế cũng được đề cập trong Điều 47 về “Quản lý phát thải khí nhà kính”. Như đã giải thích ở trên, Điều 47 nên đề cập đến các công cụ cụ thể theo Công ước khung của Liên Hợp quốc về BDKH. Mặc dù một điều khoản về hợp tác quốc tế có thể được giữ nguyên trong Chương 4 như là một điều khoản riêng biệt thì vấn đề hợp tác quốc tế cũng nên được xem xét lại trong bối cảnh toàn bộ Luật BVMT, bởi chắc chắn vấn đề hợp tác quốc tế cũng sẽ được đề cập một cách quan trọng trong các phần khác của luật BVMT. Do vậy, tất cả các quy định chung có thể được cùng phối hợp.

# Siết chặt quy định về khai thác khoáng sản

Ông **Võ Tuấn Nhân**, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường Quốc hội, cho biết, Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) sẽ có những quy định chặt chẽ để khắc phục những tồn tại trong hoạt động khai thác khoáng sản. PV **Thanh Tùng** thực hiện



**Ông đánh giá thế nào về thực trạng khai thác khoáng sản ở nước ta hiện nay?**

Ở Việt Nam, ngành khai khoáng là ngành kinh tế mũi nhọn, chiếm tỷ trọng GDP lớn và cũng là một trong những ngành công nghiệp gây nhiều tác động nhất đến môi trường và xã hội. Tuy nhiên, tại Việt Nam cho đến nay vẫn chưa có thống kê được toàn bộ đất đá thải từ khoảng 1.000 mỏ và điểm mỏ đang khai thác, chế biến trên phạm vi cả nước. Đất đá thải không chỉ làm ô nhiễm môi trường mà đặc biệt nó còn đang làm biến dạng địa hình, địa chất các nơi này.

Các hoạt động khai thác kim loại cũng hủy hoại môi trường do bồi tụ đất đá, phát sinh bụi, nước thải với khối lượng lớn, gây ô nhiễm không khí và nước. Khai thác vật liệu xây dựng, nguyên liệu cho sản xuất phân bón và hóa chất như đá vôi, đá xây dựng, các loại đất sét, cát sỏi cũng gây những tác động xấu đến môi trường, làm ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước, gây tiếng ồn.

Phần lớn các mỏ đá xây dựng hiện nay thường được khai thác bằng nổ mìn và thủ công, quy trình lạc hậu, không có hệ thống thu bụi, làm cho hàm lượng bụi ở nơi làm việc lớn gấp 9 lần so với tiêu chuẩn cho phép.

Công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản nước ta phát triển còn ở mức độ thấp, chưa khai thác triệt để được quặng nghèo, các thành phần có ích đi kèm trong quặng. Tài nguyên khoáng sản chưa được sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả.

**Vi sao Luật hiện hành không giải quyết được tình trạng này, thưa ông?**

Lý do là vì Luật BVMT 2005 có quy định về khai thác khoáng sản và tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường, nhưng lại không có các chế tài thực sự cứng rắn.

Hiện nay, vấn đề cấp phép khai thác khoáng sản chủ yếu được phân cấp cho các địa phương. Do đó nhiều tình hình cấp phép tràn lan, dẫn đến việc chính phủ và

thậm chí ngay cả các địa phương cũng không kiểm soát được. Kết quả là, ô nhiễm môi trường đã gia tăng trong thời gian qua.

Do đó trong luật mới cũng có quy định về bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản và sẽ tính toán lại việc phân cấp cấp phép các dự án thăm dò và khai thác khoáng sản sao cho phù hợp. Tuy nhiên, luật mới này cũng sẽ kế thừa và phát huy 1 số điều của luật cũ là trung ương phải tăng cường khoanh vùng, quy hoạch về khoáng sản. Trong trường hợp địa phương được quyền cấp phép, thì cũng phải quy hoạch. Cái nào cần phải bảo vệ, cho phép khai thác và quy mô đến đâu thì mới giao cho địa phương một cách rõ ràng hơn.

**Theo ông, có nên xem xét lại việc phân cấp cấp phép khai thác khoáng sản?**

Tôi nghĩ là việc đó là rất nên làm. Việc phân cấp lại đầu tư khai thác khoáng sản là đương nhiên phải làm. Cần phân cấp lại dự án nào thuộc thẩm quyền cấp phép của chính phủ, cái nào thuộc thẩm quyền cấp phép cấp bộ và cái nào thuộc thẩm quyền cấp phép của địa phương. Dứt khoát chúng



Luật hiện hành không có các chế tài thực sự cứng rắn về khai thác khoáng sản

ta phải phân cấp lại khai thác khoáng sản, đánh giá lại điều tra cơ bản và quy hoạch lại tài nguyên khoáng sản. Ba cái đó phải đi đôi với nhau.

Việc khai thác khoáng sản cũng cần phải được tiếp tục quy định là ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư. Chủ các dự án phải có trình độ chuyên môn về mỏ và khoáng sản, thì cái này dứt khoát phải thực thi. Điều này sẽ góp phần vào việc thực thi luật một cách nghiêm túc.

**Hiện nay có tình trạng là việc tuân thủ luật và các quy định còn chưa đúng mức. Vậy, theo quan điểm của ông, cần phải làm gì để Luật Bảo vệ Môi trường mới có thể được thực thi thực sự có hiệu quả?**

Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường được Quốc hội giao thẩm tra luật mới này. Do tính bức thiết của việc bảo vệ môi trường hiệu quả hơn, chúng tôi yêu cầu ban soạn thảo phải dự thảo ngay 1 nghị định chi tiết hướng dẫn thi hành luật này. Yêu cầu đặt ra là nghị định này phải sát thực và có tính khả thi. Sau khi nghị định này được ban hành, thì thông tư hướng dẫn thi hành nghị định cũng sẽ được ban hành ngay.

**Ông có kỳ vọng gì khi Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) này có hiệu lực?**

Luật này đã được bổ sung nhiều quy định về khắc phục được những tồn tại cả về khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường trong luật hiện hành. Chúng tôi kỳ vọng luật mới này sẽ có tính ổn định và tuổi thọ dài hơn so với luật hiện nay. Thực tế, khi xây dựng luật mới này, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tham khảo 8 luật bảo vệ môi trường của 8 quốc gia để lọc ra những quy định phù hợp với thực tế của Việt Nam.

# Phát triển năng lượng tái tạo cần quy định cụ thể

Khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo sẽ góp phần quan trọng trong giảm nhẹ BĐKH, ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam trong tương lai, nhưng cần phải có quy định rõ hơn về chính sách khuyến khích trong Luật Bảo vệ Môi trường (sửa đổi).

## PV. NGỌC THANH

Là một quốc gia nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, và đặc biệt là một nước vẫn còn phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp, tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam không hề nhỏ. Theo ước tính của Vụ Năng lượng mới và Năng lượng tái tạo, Bộ Công Thương, nguồn năng lượng gió của Việt Nam ước tính vào khoảng 7.000 megawatt, năng lượng sinh khối vào khoảng 3.000 megawatt và năng lượng mặt trời dao động từ khoảng 4-5 kilowatt trên giờ trên diện tích 1m2.

Mặc dù vậy, tính đến năm 2013, tổng mức điện năng từ nguồn năng lượng tái tạo được nối vào mạng lưới điện quốc gia chỉ đạt khoảng 1.500 MW, trong đó có tới hơn 1.400 MW là từ các dự án thủy điện nhỏ. Cả nước mới chỉ có hai dự án điện gió được nối lưới, trong khi đó chưa có dự án nào từ các nguồn năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối và năng lượng rác được nối với hệ thống truyền tải điện quốc gia.

Điều đó cho thấy nước ta không những chưa tận dụng tiềm năng lớn này cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh năng lượng mà còn đang để phí cơ hội bảo vệ môi trường tự nhiên, giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính, góp phần ngăn chặn sự ấm lên của trái đất.

Ông Werner Kossman, cố vấn trưởng của Dự án Hỗ trợ Năng lượng Tái tạo tại Việt Nam do Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) tài trợ, cho rằng Việt Nam cần phải giảm bớt sự phụ thuộc vào các nguồn năng lượng truyền thống và phát triển mạnh hơn nữa nguồn năng lượng tái tạo trong bối cảnh Chính phủ đang quyết tâm thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh.

Ông cho rằng, các dự án năng lượng tái tạo là một mũi tên trúng hai đích. Đích thứ nhất là cung cấp thêm nguồn năng lượng cho nền kinh tế, và đích thứ hai là góp phần

bảo vệ môi trường sống một cách bền vững.

"Tôi nghĩ cần phải coi phát triển năng lượng tái tạo là một phần trong kế hoạch bảo vệ môi trường," ông Kossmann nói.

Theo ông Hirofumi Miyake, Tham tán kinh tế của Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam, Việt Nam hiện nay đang đối mặt với thiếu hụt nghiêm trọng nguồn cung năng lượng. Một trong những biện pháp giải quyết vấn đề này chính là tạo cơ chế ưu đãi cho các nhà đầu tư năng lượng tái tạo.

"Chẳng hạn như, việc phát triển ngành công nghiệp khí đốt là đặc biệt quan trọng đối với Việt Nam. Nếu Việt Nam phát triển được ngành công nghiệp này, thì sẽ tiết kiệm được rất nhiều chi phí. Để đảm bảo nguồn cung năng lượng và thu hút thêm đầu tư vào năng lượng tái tạo, chính phủ cần phải tăng giá mua điện và đảm bảo rằng các nhà đầu tư làm ăn có lãi", ông Miyake nói.

## Cần ưu đãi rõ ràng hơn

Trên thực tế, việc khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo đã là một phần trong Luật Bảo vệ Môi trường được ban hành từ năm 2005. Trong đó có quy định Nhà nước khuyến khích tư nhân đầu tư vào

các dự án năng lượng tái tạo thông qua các ưu đãi về thuế, đất đai và các khoản hỗ trợ khác. Luật cũng quy định Nhà nước sẽ nâng cao dần tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng sản lượng năng lượng quốc gia nhằm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính.

Dự thảo Luật Bảo vệ Môi trường (sửa đổi) đang được trình Quốc hội thông qua vào Kỳ họp Quốc hội 7, khóa 13, cũng đã định rõ "Năng lượng tái tạo là năng lượng được khai thác từ nước, gió, ánh sáng mặt trời, địa nhiệt, sóng biển, nhiên liệu sinh học và các nguồn tài nguyên năng lượng có khả năng tái tạo khác".

Theo dự thảo này, nhà nước có chính sách hỗ trợ phát triển, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Các chính sách này cũng nhằm hỗ trợ việc sử dụng chất thải để sản xuất năng lượng; sản xuất, nhập khẩu, sử dụng máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông dùng năng lượng tái tạo.

Nếu nhìn vào những quy định như vậy, có thể thấy vai trò bảo vệ môi trường của năng lượng tái tạo đã được coi trọng ở Việt Nam. Tuy nhiên, theo ông Kossmann, những quy định trên là chưa đủ.



Cần coi phát triển năng lượng tái tạo là một phần trong kế hoạch bảo vệ môi trường

“Lý do các nhà đầu tư tư nhân vẫn còn ngần ngại đầu tư vào lĩnh vực này là chưa có một chính sách khuyến khích và ưu đãi đủ mạnh. Nếu muốn các nhà đầu tư tham gia vào lĩnh vực này, thì cần phải có những quy định rõ ràng hơn nữa,” ông Kossmann nói.

Ông Tô Hoài Dân, Tổng Giám đốc Công ty Công Lý, chủ đầu tư dự án điện gió tại Bạc Liêu, cũng đồng ý rằng quy định khuyến khích và ưu đãi đối với các dự án năng lượng tái tạo cần phải rõ ràng và mang tính hỗ trợ nhiều hơn nữa trong Luật Bảo vệ Môi trường mới.

“Năng lượng tái tạo là một lĩnh vực đầu tư mới, công nghệ mới và chi phí rất cao, nếu không có chính sách rõ ràng thì khó khuyến khích được các nhà đầu tư,” ông Lý nói.

**Từng bước bỏ trợ giá nhiên liệu hóa thạch**

Theo Dự thảo Luật Bảo vệ Môi trường (sửa đổi), nhà nước sẽ ban hành lộ trình xóa bỏ chính sách trợ giá với nhiên liệu hóa thạch.

Điều này được coi là một động thái tích cực bởi theo ông Koos Neefjes, cố vấn chính sách về biến đổi khí hậu của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam, một trong những lý do chính mà nhiều nhà đầu tư nước ngoài e ngại khi đầu tư vào

các dự án năng lượng tái tạo tại Việt Nam là chính sách trợ giá nhiên liệu hóa thạch. Với giá điện quy định hiện hành khá thấp và nếu không có các biện pháp ưu đãi như cho thuê đất giá rẻ hoặc tín dụng ưu đãi, các nhà sản xuất điện quốc doanh sẽ bị lỗ. Giá điện thấp không hấp dẫn các nhà đầu tư tư nhân, nhất là đầu tư vào năng lượng tái tạo.

“Chính sách tài khóa liên quan đến sản xuất và tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch rất quan trọng trên toàn cầu và tại Việt Nam. Chiến lược tăng trưởng xanh và Nghị quyết của Đảng về tài nguyên môi trường và biến đổi khí hậu cam kết Việt Nam sẽ loại bỏ trợ cấp nhiên liệu hóa thạch, sẽ loại bỏ một rào cản chính để tăng tính khả thi của tăng năng lượng tái tạo như tăng hiệu quả năng lượng tại Việt Nam,” ông Koos Neefjes bình luận.

Ông Trần Thực, Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường), cho rằng, để thu hút thêm đầu tư vào năng lượng tái tạo, dự thảo Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi nên quy định rõ ràng rằng: “Nhà nước có các chính sách hỗ trợ khuyến khích nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, sản xuất, kinh doanh và sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Nhà nước xây dựng và thực hiện lộ trình xóa bỏ các cơ chế, chính sách

trợ giá đối với nhiên liệu hóa thạch”.

Tuy nhiên, theo UNDP, việc mở rộng sản xuất năng lượng tái tạo đặc biệt là thu hút đầu tư tư nhân (trong nước, nước ngoài) không thể chỉ mong chờ từ mỗi việc loại bỏ trợ giá và áp thuế các-bon, ít nhất là trong giai đoạn ngắn hạn. Chừng nào các chi phí sản xuất như đối với năng lượng gió và mặt trời chẳng hạn, chưa giảm nhiều thì vẫn cần quy định các biểu giá thích hợp để trả cho các nhà đầu tư tiềm năng, và các mục tiêu ngày càng tăng về sản lượng năng lượng tái tạo. Các biểu giá cao hơn thị trường sẽ dẫn đến tăng giá của người tiêu thụ, nhất là trong một khoảng thời gian ngắn cho đến khi chi phí sản xuất giảm nhiều hơn.

UNDP cho rằng, đối với Việt Nam, sự chuyển dịch hướng tới các biện pháp có hiệu quả về mặt năng lượng và sản xuất năng lượng tái tạo, như năng lượng gió và mặt trời, chính là đổi mới công nghệ và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng và quản lý năng lượng có thể mang lại ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Vấn đề này bao gồm đổi mới công nghệ trong sản xuất công nghiệp; nâng cao hiệu suất năng lượng của các tòa nhà và các hệ thống giao thông công cộng; cơ sở hạ tầng năng lượng mới (trong đó có ‘lưới điện thông minh’); và thay đổi hành vi của người tiêu dùng.



# Cần tăng cường thông tin về ‘tiêu dùng xanh’

Nhu cầu về sản phẩm thân thiện với môi trường của nhiều người tiêu dùng dường như mới chỉ xuất phát một cách tự nhiên hơn là từ sự hiểu biết về “tiêu dùng xanh”. Điều này cho thấy sự cần thiết có thêm những quy định và cơ chế khuyến khích tăng cường thông tin trong lĩnh vực này.

## PV. KHÔI NGUYỄN

Sau khi xây xong ngôi nhà 4 tầng của mình, ông Nguyễn Ngọc Thuỳn, một kiến trúc sư tại Hà Nội, đã quyết định đầu tư gần 50 triệu đồng lắp đặt hệ thống bóng đèn LED tiết kiệm điện. Ông cho biết, dù giá cả của các loại đèn LED này cao hơn giá các bóng đèn loại thường hàng chục lần, nhưng đèn LED có ưu điểm là rất bền, nhiều màu sắc và đa dạng về chủng loại.

Hiện nay, số lượng gia đình như ông Thuỳn sử dụng đèn LED không phải là hiếm. Ông Phạm Ngọc Minh, chủ một cửa hàng bán đồ điện trên phố Phùng Hưng (Hà Nội) cho biết, ông Thuỳn chỉ là một trong nhiều khách hàng sử dụng đèn LED mà ông vẫn bán hàng ngày. Trung bình doanh thu hàng ngày từ các sản phẩm LED của cửa hàng này lên đến hàng trăm triệu đồng.

“Các sản phẩm LED rất bền và hợp thời trang. Dù giá cả khá đắt nhưng nhu cầu các sản phẩm này đang ngày càng tăng”, ông Minh nói.

Tuy nhiên, cả ông Thuỳn và ông Minh đều không nghĩ rằng loại đèn tiết kiệm điện mà họ đang nói đến có tác dụng rất lớn trong việc giúp giảm phát thải khí thải nhà kính và giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

“Cái mà tôi quan tâm nhất chính là các sản phẩm này có kiểu dáng bắt mắt và rất bền. Đắt một chút nhưng dùng được lâu”, ông Thuỳn nói.

Ông Ralf Matthes, Tổng giám đốc khu vực của TNS Indochina – một công ty nghiên cứu và phân tích thông tin kinh doanh, thị trường toàn cầu, nhận xét, người tiêu dùng Việt Nam nói chung có ít kiến thức chuyên sâu về môi trường, chưa nói đến các sản phẩm xanh.

“Hầu hết người tiêu dùng thường nghĩ rằng các vấn đề môi trường thì liên quan tới khí thải xe máy, ô tô, rác rưởi, các chất độc ở



**Nhu cầu về các sản phẩm thân thiện môi trường của người tiêu dùng là rất lớn**

các dòng sông. Tuy nhiên, nhiều người lại không biết rằng ô nhiễm môi trường có thể làm tăng ô-dôn bị phá hủy”, ông Matthes phân tích.

“Điều này là có lý khi nhiều người Việt Nam hiện đang chú ý nhiều đến các sản phẩm thời thượng, chứ không phải là các sản phẩm xanh. Người tiêu dùng càng trẻ thì hiểu biết về môi trường càng cao, nhưng hiện vẫn chỉ ở mức độ khá hời hợt”, ông nói thêm.

Một đại diện của Công ty Osram Việt Nam (Đức) cũng nhận xét, nhiều người tiêu dùng Việt Nam khi sử dụng đèn LED không nghĩ rằng họ đang góp phần tích cực vào bảo vệ môi trường.

Cùng quan điểm này, ông Nguyễn Đức Anh, nhân viên bán hàng tại siêu thị điện máy HC (Hà Nội) cho biết, thường thì khách hàng quan tâm nhất đến chất lượng và giá cả hàng hóa.

“Họ không mấy khi quan tâm đến việc các sản phẩm điện tử hay điện lạnh mà họ sắp mua có tiết kiệm được nhiều điện năng không và càng không ai hỏi rằng việc sử dụng các sản phẩm này sẽ góp phần bảo vệ môi trường như thế nào”, ông Đức Anh giải thích.

Theo chuyên gia thương hiệu Nguyễn Đình Thành của công ty tiếp thị và truyền thông LeBros, hiện nay, nhận thức cao của người tiêu dùng về sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường chủ yếu thường thấy ở

các quốc gia phát triển, nơi mà chính người tiêu dùng đóng vai trò rất quan trọng trong việc định hướng và “buộc” các doanh nghiệp phải sản xuất “xanh”.

“Nếu như đại bộ phận người tiêu dùng Việt Nam ý thức được sự cần thiết phải tiêu dùng xanh thì môi trường sống đã không đến mức bị ô nhiễm nặng nề như thế này”, ông Thành nói. “Nhiều khách hàng khi đi siêu thị vẫn ưa thích sử dụng túi ni-lông, một sản phẩm rất hại cho môi trường”.

Một động thái tích cực là ngày càng nhiều doanh nghiệp chủ động hướng người tiêu dùng vào việc sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường.

Từ năm 2008, hệ thống Metro Cash & Carry đã sử dụng túi ni-lông dùng một lần và các hộp giấy các-tông cho các khách hàng của mình gói, bọc các loại thực phẩm.

Ông Khuất Quang Hưng, phụ trách truyền thông của Metro Cash & Carry cho biết, lượng khách hàng sử dụng các loại túi ni-lông và hộp giấy này đang ngày càng tăng. Hiện Metro cũng bán các sản phẩm này cho nhiều doanh nghiệp với khối lượng lớn.

“Rõ ràng là nhu cầu về các sản phẩm thân thiện môi trường của người tiêu dùng là rất lớn”, ông Hưng đánh giá.

Từ tháng 9/2013, hệ thống siêu thị BigC cũng đã cung cấp miễn phí tại chỗ các túi ni-lông để phân hủy sử dụng làm bao bì đựng hàng hóa cho khách hàng. Loại túi tự hủy này được Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận thân thiện với môi trường vào năm 2012, có thể tự phân hủy trong vòng 5 năm sau khi được chôn dưới đất.

“Nhu cầu về các túi ni-lông tự hủy của BigC đang ngày một gia tăng”, bà Dương Thị Quỳnh Trang, Giám đốc đối ngoại của hệ thống siêu thị BigC tại Việt Nam cho biết.

Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) cũng đã đưa ra các quy định về việc khuyến khích hoạt động sản xuất, tiêu thụ bền vững. Theo đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tổ chức xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các hoạt động sản xuất và tiêu thụ bền vững; phối hợp với cơ quan thông tin, báo chí truyền thông, giới thiệu, quảng bá về sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường. Hy vọng rằng, các cơ chế, chính sách này sẽ sớm được ban hành và đi vào cuộc sống để hoạt động tiêu dùng xanh sẽ trở thành phổ biến và mang tính chủ động.



Các doanh nghiệp có thể mất 1/3 lợi nhuận nếu họ phải chịu trách nhiệm về các thiệt hại gây ra cho môi trường

## Lựa chọn tất yếu để cạnh tranh

Bằng việc khuyến khích doanh nghiệp đi theo con đường sản xuất và kinh doanh xanh, Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi sẽ góp phần cải thiện sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam nói riêng và nền kinh tế nói chung trên thị trường thế giới.

### PV. VŨ ANH

Bắt đầu từ tháng 1/2014, Nga đã có lệnh tạm ngưng nhập khẩu một số mặt hàng thủy sản từ Việt Nam, trong đó có cá tra, do chất lượng. Hay vấn đề dư lượng Ethoxyquin trong tôm nhập vào Nhật cũng là rào cản rất lớn và nan giải mà doanh nghiệp Việt Nam đã và đang phải đối mặt. Đặc biệt, với Đạo luật Nông trại 2014 được thông qua, Mỹ bắt đầu đặt vấn đề chất lượng nuôi trồng tại Việt Nam.

Đó là những rào cản mà Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) cảnh báo đến doanh nghiệp. Nếu các doanh nghiệp không đáp ứng được việc thực hiện chuỗi sản xuất từ nuôi trồng, chế biến, đóng gói tương đồng với điều kiện ở các thị trường đó thì sẽ không thể đưa hàng vào được.

Trong khi đó, thị trường Nhật Bản vẫn còn tồn tại thách thức, gây khó khăn cho sản phẩm thủy sản Việt Nam bởi một số quy định về kháng sinh, hóa chất đôi khi không tương thích với thông lệ quốc tế. Thị trường EU thì vẫn luôn ngặt nghèo bởi các hệ thống quy định về tiêu chuẩn chất lượng.

Hay như các doanh nghiệp trong ngành gỗ. Hiện nhiều khách hàng tại các thị trường

có giá trị cao như Mỹ và châu Âu rất quan tâm đến nguồn gốc sản phẩm gỗ. Nhu cầu đối với gỗ nhiệt đới đã được cấp Chứng chỉ rừng ở các thị trường này đã vượt quá cung. Do đó, họ sẵn sàng trả nhiều tiền hơn để mua các sản phẩm gỗ được chứng nhận là khai thác và nhập khẩu hợp pháp từ các nguồn rừng được quản lý bền vững. Gỗ được cấp "Chứng chỉ rừng" sẽ bán được giá cao hơn khoảng 30% so với cùng loại không được cấp nhãn.

Như vậy nếu không đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về môi trường khi sản xuất hàng hóa, gia tăng dịch vụ thì doanh nghiệp sẽ mất đi cơ hội kinh doanh vàng tại những thị trường xuất khẩu chính và tiềm năng. Không chỉ vậy, ngay cả thị trường trong nước cũng sẽ bị chững lại, bởi lượng người dân trung lưu ngày càng tăng, cộng với lượng khách du lịch nước ngoài gia tăng, khiến sức tiêu dùng sản phẩm xanh tại Việt Nam không ngừng tăng...

Theo nghiên cứu của Liên Hiệp Quốc, các doanh nghiệp có thể mất 1/3 lợi nhuận nếu họ phải chịu trách nhiệm về các thiệt hại gây ra cho môi trường. Ngược lại, nếu là các nhà kinh doanh thực thụ, họ sẽ nhìn thấy trong rủi ro đó có cơ hội kinh doanh duy nhất và lớn nhất

trong thế kỷ 21 và sẽ trở thành một lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp.

Với tư cách là doanh nghiệp có nhiều sáng kiến phát triển bền vững, bảo vệ môi trường tại Việt Nam, ông Nguyễn Công Minh Bảo, Giám Đốc Phát triển Bền vững Công ty Xi măng Holcim Việt Nam, cho hay: "Bảo vệ môi trường đi cùng với sự tăng trưởng trong kinh doanh đảm bảo cho sự phát triển lâu dài và tăng lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Trong khi đó, việc hoàn thiện Luật Bảo vệ môi trường chắc chắn sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đi theo hướng tăng trưởng xanh phát triển đồng thời kêu gọi ý thức bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp khác nữa".

Đồng tình với quan điểm trên, bà Vũ Thị Thuận, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dược phẩm Traphaco cho rằng, kinh doanh xanh là bài toán không đơn giản, song doanh nghiệp vẫn phải làm, bởi nó sẽ giúp doanh nghiệp tăng hiệu quả và tính bền vững phát triển lâu dài.

Ông Nguyễn Quang Vinh, Giám đốc Văn phòng Doanh nghiệp vì sự Phát triển bền vững (VCCI), cho hay, Việt Nam đang chịu ảnh hưởng nặng trong biến đổi khí hậu và doanh nghiệp phải tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước để thu ngoại tệ. Đặc biệt, khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường khi xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ doanh nghiệp Việt Nam sẽ nâng cao giá trị thương hiệu ở tất cả các thị trường trong lẫn ngoài nước. "Nếu đi sau trong phát triển xanh, doanh nghiệp Việt Nam sẽ mất lợi thế cạnh tranh từ các rào cản của các thị trường", ông Vinh nói.





tài nguyên thiên nhiên, với các bên liên quan và vì lợi ích của các bên liên quan này, đặc biệt là với khu vực xã hội đang ngày càng gắn kết chặt chẽ với môi trường. Chúng ta cần thực hiện những quan điểm chỉ đạo về phát triển bền vững, thực hành quản lý tốt nhất và các nguyên tắc quản trị doanh nghiệp trong các quá trình hoạch định, sản xuất và vận chuyển. Bên cạnh đó, cần thiết lập và giám sát các chỉ số về kinh tế, xã hội và môi trường.

Hoạt động của doanh nghiệp bền vững cần phải có tính tích hợp, với việc thực hiện các chính sách 3R, bao gồm Giảm thiểu (Reduce), Tái sử dụng/Tái chế (Reuse/Recycle) và Bổ sung (Replenish), bắt đầu từ việc thiết kế nhà máy theo hướng thân thiện với môi trường; áp dụng các công nghệ hiện đại và thường xuyên bảo trì máy móc nhằm giảm tiêu thụ năng lượng; giảm thiểu sử dụng than bằng cách sử dụng nhiên liệu sinh khối; đảm bảo hậu cần sản phẩm theo hướng giảm thiểu các tác động của môi trường và xã hội bằng việc kết hợp với bộ phận hậu cần để tính toán cung đường vận chuyển đối với từng khu vực, giảm thiểu vận chuyển container rỗng và sử dụng công nghệ tối đa hóa hiệu quả vận chuyển.

Áp dụng quản lý môi trường tích hợp là một chiến lược tốt đối với doanh nghiệp bền vững. Quản lý môi trường tích hợp phản ánh các giá trị và hành vi của cán bộ, nhân viên và các nhà cung ứng, giúp họ cùng xác định các mục tiêu, lắng nghe quan điểm của nhau. Quản lý môi trường tích hợp cũng giúp các bên liên quan tham gia và gắn bó với các chính sách vì quy hoạch bền vững. Thách thức đối với doanh nghiệp chính là các kết quả từ việc cân bằng hoạt động của doanh nghiệp với bảo tồn môi trường, và cùng tồn tại với xã hội thì không dự báo trước được. Điều này không có nghĩa là để đạt được cái này thì phải từ bỏ cái khác, mà là cần phải cải tiến nhiều hơn nữa nhằm đáp ứng nhu cầu của tất cả các cổ đông một cách bền vững.

Quản lý môi trường tích hợp là một chiến lược mà SCG đã thực hiện ở tất cả các quốc gia nơi tập đoàn hoạt động, nhằm tạo dựng niềm tin của các cổ đông. Theo đó, tất cả các khía cạnh xã hội và môi trường đều được xem xét, đánh giá và theo dõi liên tục bằng một hệ thống báo cáo. Hệ thống này có thể đánh giá và đối chiếu các kết quả với các mục tiêu đã được xác định nhằm quản lý và tiêu chuẩn hóa tốt hơn. SCG đã thiết lập các chỉ số nhằm quản lý, báo cáo và đánh giá thường xuyên và so sánh với các mục tiêu ban đầu như giảm tiêu thụ năng lượng và phát thải

khí nhà kính ở mức 10% vào năm 2020 so với năm 2007; sử dụng các năng lượng thay thế như nhiên liệu sinh khối, khí sinh học, bùn nước thải và chất thải sinh hoạt; không chôn lấp chất thải thông qua việc giảm thiểu chất thải từ quá trình sản xuất và tái chế hiệu quả. Việc thiết lập các chỉ số đã giúp tạo hiệu quả rất lớn trong công tác quản lý môi trường để đạt được các mục tiêu.

Qua hơn 100 năm hoạt động, SCG luôn cam kết phát triển con người và tổ chức vì tăng trưởng bền vững. Chúng tôi cũng cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực để trở thành một doanh nghiệp được xã hội thừa nhận là một hình mẫu bằng cách áp dụng các biện pháp cụ thể và có hệ thống, bắt đầu từ mọi khía cạnh của nội bộ doanh nghiệp bao gồm văn hóa doanh nghiệp, thúc đẩy các nguyên tắc, giá trị đạo đức và quản trị tốt, cải thiện các công trình có tác động đến hệ sinh thái, cải thiện an toàn lao động. Có nhiều biện pháp đã giúp SCG bắt kịp nhóm các nhà công nghiệp hàng đầu trên thế giới, như không có chất thải chôn lấp, mua sắm xanh, các sản phẩm và dịch vụ thân thiện môi trường, hệ thống chứng nhận an toàn cho nhà thầu SCG, và bộ quy tắc ứng xử cho các nhà cung ứng của SCG.

SCG cam kết hợp tác chặt chẽ với cộng đồng và xã hội, như đã phản ánh ở các dự án của chúng tôi, như Bảo tồn nước vì ngày mai của SCG, Cải tiến công nghệ nhằm phục hồi đất nhiễm mặn, và Lễ hội Những câu chuyện trong vườn dành cho trẻ em.

Chúng tôi đã thực hiện các sáng kiến cho các công ty của mình tại Việt Nam, áp dụng các nguyên tắc phát triển bền vững thông qua việc cải thiện các sản phẩm thân thiện

với môi trường và có giá trị gia tăng, cũng như phát triển quá trình sản xuất xanh như sử dụng các công nghệ mới nhằm giảm tiêu thụ năng lượng. Chúng tôi cũng đã đẩy mạnh hợp tác với các nhà cung ứng thượng nguồn và hạ nguồn, để họ có thể áp dụng các công cụ phát triển bền vững.

SCG và Báo Mực tím đã thực hiện dự án Ước mơ xanh năm 2013 cho sinh viên các trường đại học nhằm nâng cao nhận thức về bảo tồn môi trường và xây dựng lối tư duy xanh đối với thanh niên Việt Nam. Chúng tôi không chỉ phát triển các quá trình và sản phẩm thân thiện môi trường, mà còn xây dựng lối tư duy xanh trong trái tim người dân, đặc biệt là các bạn trẻ - những chủ nhân tương lai của đất nước.

Thông qua nỗ lực và cải thiện không ngừng, SCG đã được Hội đồng Chỉ số bền vững Dow Jones (DJSI) xếp hạng hàng đầu trong ngành công nghiệp vật liệu xây dựng thế giới trong 3 năm liên tiếp, và chúng tôi cũng là doanh nghiệp ASEAN đầu tiên được công nhận danh hiệu này.

SCG bước vào thế kỷ mới với đầy đủ cam kết tạo dựng các giá trị với cho cộng đồng thế giới thông qua việc kinh doanh thân thiện với môi trường của mình. Chúng tôi sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức và các thành tựu của mình trong tất cả các lĩnh vực thông qua một quá trình cùng tham gia, từ các tổ chức kinh doanh thượng nguồn và hạ nguồn, các tổ chức xã hội và các cộng đồng nơi mà SCG hoạt động. SCG tin tưởng rằng sức mạnh của hợp tác chủ động thông qua toàn bộ chuỗi kinh doanh sẽ mang lại những thay đổi tích cực và nhiều giá trị hơn cho cộng



**Tổ hợp sản xuất “xanh” của SCG**

# Ưu đãi để khuyến khích doanh nghiệp “xanh hóa” sản xuất

Việt Nam đang định hướng phát triển nền kinh tế theo hướng xanh và sạch hơn. Nhưng các cơ chế ưu đãi để khuyến khích doanh nghiệp (DN) đầu tư sản xuất - kinh doanh theo hướng này được cho là chưa đủ mạnh.

## PV. NGUYỄN ĐỨC

Là một tập đoàn lớn của Hàn Quốc, khi đầu tư vào Việt Nam, Samsung đã nhanh chóng áp dụng các công nghệ sạch và thân thiện mới môi trường trong các công đoạn sản xuất. Với quy mô đầu tư lớn và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, Samsung đã được hưởng ưu đãi lớn về thuế thu nhập doanh nghiệp, như hưởng thuế suất 10%, miễn 4 năm và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.

Tuy nhiên, trên thực tế, không phải doanh nghiệp nào cũng được hưởng các cơ chế ưu đãi như vậy, cho dù Việt Nam đang định hướng phát triển nền kinh tế theo hướng xanh và sạch hơn, khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ xanh và sạch trong sản xuất - kinh doanh.

Một nguyên nhân khá cơ bản, đó là do các cơ chế, chính sách ưu đãi chưa được luật hóa theo đúng nghĩa “ưu đãi cho công nghệ xanh”, mà chỉ được quy định khá lẻ tẻ trong nhiều luật và quy định pháp luật khác nhau, như Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, cũng như các nghị định của Chính phủ liên quan việc khuyến khích nhập khẩu công nghệ, thiết bị trong nước chưa sản xuất được, hay dán nhãn xanh...

Luật Bảo vệ môi trường 2005 cũng đã quy định về điều này và tiếp tục được dự thảo trong Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi. Tuy nhiên, các quy định về ưu đãi trong dự thảo vẫn chưa thật sự cụ thể mà mới chỉ là ưu đãi về đất và tài chính cho các hoạt động bảo vệ môi trường, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và các sản phẩm được chứng nhận thân thiện với môi trường; khuyến khích tổ chức, cá nhân tiêu dùng các loại sản phẩm thân thiện với môi trường.

“Chính phủ nên có những chính sách



Chính phủ cần xem xét các khoản tín dụng ưu đãi cho các dự án ‘sản xuất xanh’

thiết thực để khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghệ xanh vào sản xuất vì về lâu dài, những giải pháp này sẽ đem lại lợi thế cho cả đất nước và doanh nghiệp”, ông Nguyễn Công Minh Bảo, Giám đốc Phát triển bền vững Công ty Xi măng Holcim Việt Nam phát biểu. Ông cũng cho biết, trong những năm qua, Holcim cũng đã rất tích cực trong áp dụng sản xuất xanh, nhằm bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, và trên hết là vì lợi ích của chính doanh nghiệp.

Ông Ngô Văn Huy, Giám đốc Công ty TNHH Philips Electronics Vietnam cho rằng, những chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia sản xuất sạch và tiết kiệm năng lượng chưa đủ mạnh. Chẳng hạn, thuế nhập khẩu đèn LED và các loại đèn dây tóc thông thường vẫn tương đương nhau. Trong khi, thuế nhập khẩu đèn LED của các nước trong khu vực thấp hơn ở Việt Nam rất nhiều.

“Chúng tôi cũng như nhiều doanh nghiệp khác chờ đợi những chính sách khuyến khích đủ mạnh để có thể yên tâm đầu tư, kinh doanh lâu dài ở Việt Nam”, ông Huy nói.

Không chỉ các doanh nghiệp nước ngoài, các doanh nghiệp trong nước, vốn đang gặp rất nhiều khó khăn sau 5 năm chịu tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu cũng đang chật vật với việc thực hiện định hướng tăng trưởng xanh.

Tại một cuộc hội thảo cách đây chưa lâu về tăng trưởng xanh, một doanh nghiệp đến từ Bắc Kạn cho biết, mặc dù các chính sách ưu đãi để khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia vào sản xuất xanh đã có, nhưng trên thực tế, doanh nghiệp không dễ tiếp cận các ưu đãi đó.

“Để vay vốn chuyển đổi mô hình sản xuất thì doanh nghiệp cần phải có tài sản thế chấp, chưa kể lãi suất khá cao và thời hạn vay thường ngắn. Trong khi, một dự án thường phải chờ tới vài năm mới kiểm chứng được hiệu quả đầu tư. Do đó, Chính phủ cần xem xét các khoản tín dụng ưu đãi cho các dự án ‘sản xuất xanh’ có thời gian vay trung hạn và đặc biệt là lãi suất thấp”, vị này nói.

Cũng tại hội thảo nói trên, bà Ivy Wong Abdullah, chuyên gia đến từ Malaysia đã chia sẻ kinh nghiệm của quốc gia mình trong phát triển xanh. Đó là, Malaysia đã áp dụng nhiều cơ chế ưu đãi dành cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp để họ thấy được giá trị cộng hưởng và lợi ích từ tăng trưởng xanh. Chẳng hạn, có cơ chế giá ưu đãi cho năng lượng tái tạo, cho chương trình tiết kiệm năng lượng, áp dụng chương trình đấu thầu mua sắm xanh cho Chính phủ, trợ cấp thuế đầu tư xanh, miễn thuế nhập khẩu, miễn thuế ưu đãi lên đến 100%, miễn thuế thu nhập và đóng dấu miễn thuế...

Kinh nghiệm của Malaysia có thể là bài học cho Việt Nam, mà trước hết là việc cần có những chính sách ưu đãi, khuyến khích đủ mạnh và được cụ thể hóa trong các đạo luật, trong đó có Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) và các văn bản dưới luật.

Bên cạnh đó, theo ông Nguyễn Văn Đạo, Phó Tổng giám đốc Công ty Samsung Vietnam, Chính phủ cũng nên có những chính sách khen thưởng, động viên cho những doanh nghiệp tích cực trong việc ứng dụng công nghệ xanh và sạch. “Việc này là rất cần thiết để khuyến khích doanh nghiệp sản xuất xanh, thay vì chỉ đi kiểm tra và... phạt những doanh nghiệp vi phạm”, ông Đạo nói.

Có chung quan điểm, nhưng ông Nguyễn Công Minh Bảo cho rằng, để khuyến khích doanh nghiệp sản xuất xanh, Việt Nam cần có quy chuẩn chung cho các doanh nghiệp để họ dễ dàng đối chiếu với hoạt động của mình. “Cần có các sáng kiến để triển khai sản xuất xanh theo nhóm, như doanh nghiệp xi măng, công nghiệp nặng, hàng tiêu dùng..., bởi mỗi ngành hàng có đặc điểm riêng và vì thế, việc thực hiện sản xuất xanh cũng sẽ khác biệt”, ông Bảo đề xuất.

# Nâng cao vai trò truyền thông môi trường và quyền tiếp cận thông tin của người dân



Được tiếp cận thêm thông tin về an toàn môi trường, người dân sẽ có điều kiện bảo vệ mình tốt hơn

Với các quy định để cao vai trò truyền thông về môi trường và quyền tiếp cận thông tin của người dân, Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) sẽ là công cụ hiệu quả giúp các cơ quan chức năng phát hiện và ngăn chặn nhiều vụ vi phạm môi trường và điều chỉnh chính sách môi trường cho phù hợp với thực tế

## PV. THANH TÙNG

Cuối năm 2013, dư luận và báo chí trong nước bị khuấy động bởi vụ việc công ty Nicotex Thành Thái (sản xuất thuốc trừ sâu) đã chôn giấu nhiều hóa chất độc hại trong lòng đất tại khuôn viên của công ty này.

Theo Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa, kết quả phân tích môi trường (nước, đất) của công ty này cho thấy hàm lượng các chất độc hại trong đất đã vượt tiêu chuẩn cho phép đến vài nghìn lần.

Trong thời gian từ tháng 10/2013 đến 15/2/2014, đã khai quật được 949 tấn chất thải và đất nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tại 7 điểm chôn lấp, trong đó có 239 tấn chất thải gây ô nhiễm nặng và 710 tấn chất thải gây ô nhiễm ở mức độ nhẹ.

Trước đó, vào tháng 1/2014, Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh (PC49) phối hợp với

đồn Công an Khu công nghiệp Biên Hòa bắt quả tang Công ty TNHH VP Components Việt Nam (Khu công nghiệp Amata, phường Long Bình, TP. Biên Hòa) đang xả lén nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

Kiểm tra thực tế, PC49 phát hiện công ty này sử dụng máy bơm 10 mã lực, gắn với đường ống nhựa bơm xả thẳng ra hệ thống thu gom nước mưa của hạ tầng Khu công nghiệp Amata để thoát ra môi trường. Đoàn kiểm tra còn phát hiện thêm 1 đường ống nhựa khác có chiều dài khoảng 200m để dẫn nước thải từ hệ thống xử lý nước thải cục bộ ra khu đất trống gần cổng ra vào của công ty.

Ông Nguyễn Việt Dũng, phó giám đốc Trung tâm Con người và Thiên nhiên cho biết, ngoài nỗ lực của cơ quan chức năng, thì vai trò của báo chí trong việc phanh phui những vi phạm của các doanh nghiệp nêu trên là rất lớn.

“Báo chí và các phương tiện truyền thông góp phần chỉ ra những hạn chế này thông qua điều tra, phản ánh những vụ việc phát sinh trong thực tế”, ông Dũng nói. “Báo chí và các tổ chức xã hội cũng đã tạo diễn đàn mở và kênh đối thoại để người dân, các nhà nghiên cứu và các bên liên quan chia sẻ ý kiến và bình luận, qua đó góp phần nâng cao chất lượng quá trình ra quyết định của cơ quan quản lý”.

Đơn cử, vào cuối năm ngoái, Bộ Công Thương đã loại khỏi quy hoạch 2 dự án thủy điện Đồng Nai 6 và 6A do nhiều quan ngại về tác động môi trường rất lớn. Trước đó, báo chí đã đưa tin đồng loạt về tác hại tiềm tàng của 2 dự án này, theo đó, việc thực hiện sẽ làm mất vĩnh viễn 327,23ha đất rừng. Đặc biệt, trong đó có 128,37ha đất ở khu vực Cát Lộc thuộc vùng lõi Vườn quốc gia Cát Tiên. Vào năm 2001, vườn quốc gia này được UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyển của thế giới.

## Công cụ phòng ngừa hữu hiệu

Năm 2012, Tổng cục Môi trường Việt Nam (Bộ Tài nguyên và Môi trường) phối hợp với Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế và Quỹ Dân chủ Liên hợp quốc thực hiện

một bản khảo sát về hiện trạng phản ánh thông tin môi trường trên Báo Đầu tư, Báo Thanh Niên và Báo Lao động. Trước đó, vào năm 2011, một bản khảo sát tương tự cũng đã được thực hiện.

Theo kết quả khảo sát, báo chí nói chung và 3 tờ báo trên nói riêng “đã tích cực vào cuộc, phản ánh toàn diện và kịp thời các hoạt động quản lý môi trường, động viên các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các phong trào bảo vệ môi trường, góp phần tiến tới xây dựng một xã hội phát triển kinh tế hài hòa với đảm bảo an ninh xã hội và bảo vệ môi trường”.

Các cơ quan truyền thông đã góp phần vào việc nâng cao nhận thức về môi trường của người dân và doanh nghiệp, đồng thời là kênh hữu ích phản hồi thông tin từ cuộc sống tới các nhà hoạch định chính sách.

Đầu năm 2014, BBC Media Action - tổ chức phát triển quốc tế của Tập đoàn Truyền thông Anh quốc British Broadcasting Corporation, đã phối hợp với Tổng Cục môi trường Việt Nam công bố một khảo sát của BBC với quy mô toàn quốc với 3.486 hộ gia đình về việc người dân Việt Nam đang thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường như thế nào.

Tổng Cục môi trường cho biết, khảo sát này đã được các cơ quan chức năng của Việt Nam đánh giá cao, góp phần tạo ra các thay đổi trong chính sách bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Theo khảo sát này, người dân nhận ra mối liên hệ trực tiếp giữa sự suy giảm về môi trường với sức khỏe của họ. 83% số người được khảo sát cho biết sức khỏe của họ đã bị ảnh hưởng tiêu cực do sự thay đổi về môi trường và khí hậu. Con số này thậm chí còn cao hơn ở thành thị (88%). Người dân bày tỏ mối lo ngại về những thay đổi có thể làm tổn hại đến sức khỏe của họ khi thực phẩm và nước sinh hoạt bị ô nhiễm, không khí không trong lành và sự xuất hiện của các bệnh dịch mới trên con người và động vật, chẳng hạn như cúm gia cầm.

“Hiện nay, lĩnh vực môi trường tiếp tục là đề tài nhận được nhiều sự quan tâm, phản ánh thông tin từ các cơ quan báo chí. Trong bối cảnh đó, báo chí đã tích cực tham gia phản ánh toàn diện và kịp thời các hoạt động quản lý môi trường, động viên các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các phong trào bảo vệ môi trường, góp phần tiến tới xây dựng một xã hội phát triển kinh tế hài hòa với đảm bảo an ninh xã hội và bảo vệ môi trường”, ông Trần Phong, Giám đốc Trung tâm thông tin môi trường thuộc Tổng

Cục Môi trường, nhận xét.

### Đi vào luật

Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) đang được Quốc hội thảo luận đã khẳng định vai trò và vị trí của thông tin đại chúng về bảo vệ môi trường.

Dự thảo luật quy định, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan thông tin, truyền thông, báo chí các ngành, các cấp có trách nhiệm truyền thông về bảo vệ môi trường. Các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan thông tin, truyền thông, báo chí các cấp có trách nhiệm truyền thông về bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực phụ trách.

Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các hoạt động sản xuất và tiêu thụ bền vững; phối hợp với cơ quan thông tin, báo chí truyền thông, giới thiệu, quảng bá về sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường.

Bên cạnh đó, theo dự thảo, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm truyền thông, vận động các thành viên của tổ chức và nhân dân tham gia bảo vệ môi trường; tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, dự thảo luật cũng quy định về chi sự nghiệp môi trường, bao gồm nhiều nội dung, trong đó có việc đầu tư vào đào tạo, truyền thông, giáo dục về pháp luật về bảo vệ môi trường.

Nhiều chuyên gia môi trường và truyền thông bày tỏ hy vọng Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn dưới luật sẽ tiếp tục cụ thể hóa hơn nữa vai trò của báo chí và các cơ chế khuyến khích sự tham gia của các phương tiện truyền thông đại chúng vào công tác bảo vệ môi trường, góp phần đắc lực thực hiện mục tiêu phát triển bền vững quốc gia.

### Tăng quyền tiếp cận thông tin môi trường của người dân

Trung tâm Nghiên cứu Giới, Gia đình và Môi trường trong Phát triển – một tổ chức phi chính phủ tại Hà Nội, gần đây đã tiến hành khảo sát việc sử dụng thuốc trừ sâu trong sản xuất nông nghiệp đối với hơn 100 nông dân tại xã Hải Vân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Theo khảo sát này, chỉ 12,3% số người được hỏi cho biết họ đã từng được tham dự các khóa đào tạo sử dụng



Ngoài nỗ lực của cơ quan chức năng, vai trò của công chúng và báo

thức trừ sâu. Kết quả là, nông dân trong xã chủ yếu sử dụng thuốc trừ sâu dựa theo kinh nghiệm, chứ không dựa trên các thông số kỹ thuật của bao bì thuốc hay đặc thù mùa vụ và cây trồng.

Khoảng 80% số nông dân được khảo sát nói rằng họ đã từng làm đổ thuốc trừ sâu lên người trong khi phun. Gần 86% cho biết họ bị chóng mặt, mệt mỏi và đau đầu khi sử dụng thuốc.

“Nông dân trong xã không được tiếp cận thông tin đầy đủ về thuốc trừ sâu và sử dụng thuốc đúng cách, bởi vì chính người bán thuốc cũng là nông dân hoặc là những người hàng xóm không có kiến thức về thuốc trừ sâu”, bà Phạm Kim Ngọc, Giám đốc trung tâm nhận xét. “Hậu quả là, cánh đồng lúa của xã cũng bị ô nhiễm. Tôm, cá chết nổi đầy mương.”

Theo bà, việc người dân chịu ô nhiễm



và báo chí trong việc phát hiện các vi phạm về môi trường là rất lớn

và phơi nhiễm thuốc trừ sâu nặng nề như vậy một phần là do các quy định pháp luật về BVMT hiện hành còn thiếu các cơ chế tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin chính xác và thực thi các quyền giám sát và đối thoại về bảo vệ môi trường và bảo vệ chính mình khỏi ô nhiễm.

“Nhiều người dân không hề nghĩ rằng việc mình sử dụng sai thuốc trừ sâu và bị ảnh hưởng sức khỏe có phần nguyên nhân từ sự lỏng lẻo trong các quy định pháp lý”, bà Ngọc nói. Bởi vậy, theo bà, Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) cần có thêm các quy định về quyền được cung cấp thông tin và quyền được đào tạo để giúp nông dân bảo vệ chính mình.

Hiện nay, Luật Bảo vệ môi trường 2005 không quy định rõ ràng các loại thông tin môi trường mà người dân có

thể tiếp cận; không chỉ rõ các quyền của các tổ chức xã hội, dân sự, biện pháp công bố thông tin môi trường; cơ quan nào có thẩm quyền công bố những thông tin như vậy. Kết quả là, đại bộ phận người dân không hề được tiếp cận thông tin môi trường của các dự án hiện hành và môi trường ngày càng ô nhiễm với nhiều vụ khiếu kiện xảy ra.

Luật sư Trần Thị Hương Trang, người đang tham gia một dự án góp ý kiến vào Luật BVMT (sửa đổi) phân tích, theo Luật BVMT 2005, tổ chức, cá nhân có quyền gửi yêu cầu, kiến nghị về bảo vệ môi trường đến cơ quan tổ chức hội đồng thẩm định và cơ quan phê duyệt dự án; hội đồng và cơ quan phê duyệt dự án có trách nhiệm xem xét các yêu cầu, kiến nghị trước khi đưa ra kết luận, quyết định.

“Tuy nhiên, luật hiện hành chưa có cơ chế tạo điều kiện cho người dân, công chúng thực hiện việc phản biện, đóng góp ý kiến hiệu quả. Nếu không có một cơ quan, thể chế độc lập, đứng ra xem xét những ý kiến khách quan của người dân, thì với cơ chế hiện nay, ý kiến, kiến nghị được gửi đến hội đồng thẩm định cơ quan phê duyệt dự án khó có thể được xem xét khách quan”, bà Trang nói.

Theo Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi), hiện đang được Quốc hội xem xét, quyền tiếp cận thông tin môi trường của người dân sẽ được mở rộng.

Cụ thể, đại diện cộng đồng dân cư có liên quan trên địa bàn chịu tác động môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có quyền yêu cầu chủ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cung cấp các thông tin về bảo vệ môi trường và liên quan đến bảo vệ môi trường bằng việc đối thoại trực tiếp; cung cấp thông tin bằng văn bản.

Bên cạnh đó, đại diện cộng đồng dân cư cũng được quyền tổ chức tìm hiểu thực tế về công tác bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; thu thập, công bố, cung cấp thông tin cho các cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về thông tin có liên quan đến bảo vệ môi trường của cơ sở.

Ngoài việc có quyền yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan cung cấp các kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với các cơ sở sản xuất, đại diện cộng đồng dân cư còn có quyền tham gia đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; thực hiện các biện pháp khác để bảo vệ quyền và lợi ích của mình và cộng đồng dân cư trong bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) cũng quy định rằng, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có các quyền được cung cấp và yêu cầu cung cấp thông tin về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; được tham vấn đối với các dự án có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Ngoài ra, họ cũng có quyền được yêu cầu đối thoại và tham gia đối thoại về bảo vệ môi trường với các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan; được tham gia các hoạt động kiểm tra về bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.



**. Đầu tư**  
• Vietnam Investment Review  
• timeout • Đầu tư Chứng khoán

CƠ QUAN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ



*Empowered lives.  
Resilient nations.*



# LEGALIZING **A GREENER FUTURE**

Editor in Chief  
**DR. NGUYEN ANH TUAN**  
 Deputy Editors in Chief  
**LE TRONG MINH, BUI DUC HAI**  
**DO XUAN KHANH**

Content Manager  
**LE TRONG MINH**

Production Manager  
**NGUYEN QUOC VIET**

Technical Advisors  
**DAO XUAN LAI**  
**KOOS NEEFJES**  
**TRUONG THI QUYNH TRANG**  
**NASTASSJA HOFFET**  
**TRUONG QUANG HOC**

English Consultant  
**ROBERT SHERWOOD**

**HEAD OFFICE**  
 47 Quan Thanh, Ba Đình, Hà Nội  
 Tel: 04.38450537 - Fax: 04.38235288  
 E-mail: vir.vn@vir.com.vn  
 Website: www.vir.com.vn; baodautu.vn  
 tinhanhchungkhoan.vn

**ADVERTISING & LOCAL SUBSCRIPTION**

**HCMC:**  
 178 Nguyen Dinh Chieu Str., Dist. 3  
 Tel: 08.39305311 - 08.39305316  
 Fax: 08.39305317 - 08.39305318  
 E-mail: nguyenhong@virhcm.com.vn

**DA NANG:**  
 5th Floor, MPI's office building  
 Le Sat Str., Hai Chau Dist.  
 Tel: 0511.3623492 - 3623493  
 Fax: 0511.3623491  
 E-mail: huanvir@dng.vnn.vn

**HAI PHONG:**  
 1 Đinh Tiên Hoàng Str.  
 Tel: 031.3842478 - Fax: 031.3842419  
 E-mail: thanhtanvir@gmail.com

**CAN THO:**  
 105 Tran Hung Dao Str., Nih Kieu Dist.  
 Tel: 0710.6252115 - Fax: 0710.3731766  
 E-mail: dautu-ct@vnn.vn

**VINH:**  
 3 Lenin's Boulevard  
 Tel/Fax: 0388.601171  
 Email: dautu.virvinh@gmail.com

**HA TINH:**  
 142 Tran Phu, Ha Tinh City  
 Tel/Fax: 0393.693535  
 Email: hatinh.vir@gmail.com

**THAI BINH:**  
 No 3, Lot 12, Le Thanh Tong Str.  
 Tel: 0366.250288 - Fax: 0366.250388  
 Email: quyhungla@gmail.com

**THANH HOA:**  
 No 30/1, Dang Tieng Dong Str., Dong Thap  
 Tel/Fax: 037.3712569  
 Email: sichuc@gmail.com

## Foreword

While driving its economy towards quick but stable growth, Vietnam has defined an interrelationship between socio-economic development and environmental protection, considering the latter a fundamental pillar of development.

Sustainable environmental development means effectively and efficiently using natural resources, preventing and mitigating pollution, protecting and preventing degradation to the environment, while striving to improve its quality.

The Law on Environmental Protection (2005), while serving an important role, has revealed weaknesses that must be surmounted in order to build stronger legal foundations for a greener Vietnam given its new development context. At the 7th session of the 13th National Assembly, the country's top legislative body will scrutinise and is likely to adopt the amended Law on Environmental Protection. Their decision will be made after considering comments and opinions from the public, business community, and domestic and foreign experts. This special edition, Legalising a Greener Future is expected to provide additional references for lawmakers to consider before voting on this very important law.

The editorial board extends its sincere thanks to the Ministry of Planning and Investment, Ministry of Natural Resources and Environment, and the National Assembly's Committee for Science, Technology and Environment for their valuable support and guidance in creating this special edition. We would also like to thank the United Nations Development Programme in Vietnam, which provided valuable knowledge and input.

## CONTENT

■ Nurturing green growth	68-69
■ Enhancing Vietnam's efforts in environmental protection	70-71
■ Far reaching changes to ensure green growth	72-74
■ How the Law on Environmental Protection is set to ensure a greener, cleaner tomorrow	75-77
■ Changes to strategising and planning in the amended Law on Environmental Protection	78-81
■ New LEP should enhance the role of the public	82-83
■ Involving children in combatting pollution	84
■ How the draft LEP could modernise green laws	85
■ The clear benefits of transparency	86-87
■ Voice of the people enhanced by draft law	88-89
■ Public consultation for EIA reports needs clearer provisions	90-91
■ Environmental licensing needs greater clarity	92
■ Involving the community in consultations	93
■ Organising green growth at the grassroots level	94-95
■ Revised LEP irons out EIA report expectations	96
■ Enterprises need more clarity on environmental role in LEP	97
■ Law should take 'waste not, want not' stance	98-99
■ Leveraging international experience on scrap	100-101
■ Authorities go for tighter regulations on scrap	102
■ Ensuring the public's right to punish polluters	103
■ Intensifying crack-downs on environmental violations	104-105
■ Revised environment law needs to innovate mechanisms for public pollution lawsuits	106-109
■ Climate change revisions in draft LEP to help Vietnam anticipate risks	110-112
■ Absolute moratorium on exploitative mining	113
■ Feeling the gust of renewables	114-115
■ Incentivising Vietnam's cleaner, greener future	116
■ Green choice for businesses' sustainable development	117
■ Acting for a greener and sustainable world	118-119
■ The public and media underline scrutiny role	120-122





It is with great pleasure that the UNDP in Viet Nam presents this paper on environmental protection in Viet Nam.

With this paper we hope to encourage discussion among policy makers, experts and also the wider public. Importantly, the National Assembly will vote on the amended Law on Environmental Protection (LEP) at its 7th meeting in June 2014. This is an important moment for Viet Nam in restructuring the economy to move towards a model for more inclusive, equitable, and sustainable growth.

Over the past two decades, Viet Nam has introduced a strong legal framework to protect the environment and preserve natural resources for its sustainable development. During this period Viet Nam's economy grew at annual rates of about 7 percent, the per capita income almost quintupled, poverty rates reduced dramatically, and the country attained low middle-income country status in 2010. But there were also high-profile cases of industrial pollution and extraction of mineral resources, which have affected the lives and livelihoods of people in many parts of the country and raised concern in the wider population. Serious environmental challenges in Viet Nam must be addressed to protect people's rights and prevent further negative impact on lives and livelihoods.

The amendment of the LEP in 2014 presents a great opportunity to make this law easier to implement and enforce, to halt environmental degradation and prevent new pollution from

occurring. A strong LEP will help to enable sustainable economic growth, social stabilization, while ensuring environmental protection, benefitting the Vietnamese people and long term sustainable development of the country.

This paper gathers views by a diverse range of stakeholders, including members of National Assembly, Government leaders, business owners, experts, as well as community representatives on aspects that deserve in-depth discussion and require careful consideration for the amendment and approval of the LEP. The six issues discussed in the paper are: strategic environmental assessment and environmental impact assessment; participation of communities and civil society organizations; import of discarded materials and hazardous waste; environmental pollution disputes; trade and environment; and climate change and green growth.

We hope this paper will support deep and effective policy dialogue and can serve as a reference for members of parliament in reviewing the draft LEP before approving it.

**LOUISE CHAMBERLAIN,**  
*UNDP Country Director*



Vietnam's pursuit of rapid and sustainable development is based on the three major pillars of environmental protection, economic development, and social security.

Article 43 of the amended Constitution adopted by the National Assembly on November 28, 2013, states that "All people have the right to live in a clean environment and have the obligation to protect the environment."

The Constitution's Article 63 also reads that "The State shall adopt environmental protection policies; manage and use natural resources in an efficient and sustainable manner; conserve nature and biodiversity; and take the initiative in preventing and controlling natural disasters and responding to climate change. The State shall encourage all activities for environmental protection and the development and use of new energy and renewable energy. Organisations and individuals that cause environmental pollution, natural resource exhaustion or biodiversity depletion shall be strictly punished and shall rectify and compensate for damage."

In order to realise these provisions and timely institutionalise the Communist Party's resolutions, particularly Resolution No.24-NQ/TW, dated June 3, 2013, by the 11th Party's Central Committee on actively responding to climate change, strengthening the management of natural resources and environmental protection, with the viewpoint being taking the initiative in responding to climate change, improving natural resource management and protecting the environment are interrelated issues of special importance, significantly influencing the country's sustainable development; they are also the foundation and prerequisite for outlining socio-economic development policies and ensuring national security and defence, and social security.

Environmental protection and response to climate change are of the utmost importance to the country's political system and are also the responsibility and obligation of agencies, organisations and the

public community, in which the state plays a leading role under the leadership of the Communist Party and the participation and supervision of the whole society.

Based on the aforementioned viewpoint and tasks, and real requirements in the context of increasingly-serious environmental pollution and climate change having become a looming global threat, it has become urgent to amend the Law on Environmental Protection issued in 2005.

The Law on Environmental Protection is very important. The draft amendments would address unsuitable provisions and add new provisions that fit the current socio-economic situation, with a view to strengthening capacity in response to climate change and to prevent and overcome environmental pollution.

The revised Law on Environmental Protection will embrace new mechanisms and policies while specifying resources used for environmental protection and climate change response. Accordingly, in addition to the state budget, other resources from society and economic sectors will be raised, together with support from the international community. This is because environmental protection and climate change response are not issues exclusively faced by Vietnam, but by every country around the world.

The amended Law on Environmental Protection will also need to clearly define the responsibilities of all levels, sectors and localities, as well as the role of agencies, organisations, households, and individuals in environmental protection.

I believe that the amended Law on Environmental Protection will be feasible and effectively enforced once the issues mentioned herein are settled appropriately.

**UONG CHU LUU**

MEMBER OF THE PARTY'S CENTRAL COMMITTEE  
VICE CHAIRMAN OF THE NATIONAL ASSEMBLY





## Nurturing green growth

Vietnam has been implementing its national green growth strategy since late 2013 to develop a low-carbon economy. Deputy Minister of Planning and Investment **Nguyen The Phuong** spoke to **Thanh Tung** about the importance of this strategy for economic development and environmental protection.

### Why is green growth considered a suitable development approach for Vietnam, particularly in view of addressing serious environmental pollutions and responding to climate change?

Since the doi moi economic reform process was initiated in 1986, Vietnam has attained tremendous economic achievements, realising an average annual growth rate of 7 per cent and accomplishing many of the United Nations' Millennium Development Goals. In 2010, Vietnam became a lower middle-income country.

The rapid and stable economic growth, on one hand, has resulted in significantly improved living conditions, but on the other hand it has challenged the environment in particular and sustainable development in general. Vietnam's

economic development remains largely reliant on exploiting natural resources while rampant and inefficient use of raw minerals and non-renewable energy still exists. Increasing energy consumption has led to increased use of fossil fuels while clean renewable energy sources remain limited, resulting in higher emission of green house gases which are also polluting the environment.

The consistent policy of Vietnam's Party and State is not to set a target of achieving fast economic growth by all means. Vietnam's 2011-2020 Socio-economic Development Strategy points out that the country needs to develop rapidly and sustainably, with economic growth closely linked to social progress and environmental protection.

The challenge is how we are able to drive the economy in an intensive and sustainable manner through application of advanced technologies that help improve productivity, resource efficiency, environmental quality and development of renewable energy.

We need to renovate production and distribution mechanisms and technology which is greener and more friendly with

the environment, promote resource efficiency and conservation, protect forests, reduce environmental pollution, enhance solid waste treatment and mitigate the impacts of climate change.

In this context, a green growth model is clearly suitable for Vietnam to advance toward sustainable development.

Green growth has been applied globally for years. At a meeting of the Organisation for Economic Co-operation and Development (OECD) in June 2009, green growth was underlined as a new model in the pursuit of sustainable development. In June 2012, at the United Nations Conference on Sustainable Development (Rio+20), held in Brazil's Rio de Janeiro, green growth was once again underscored as an important factor in achieving sustainable development.

The Vietnamese government's enactment of the National Green Growth Strategy goes in line with this global trend. Green growth is accompanied with new policies and plans to effectively manage natural resources, generate green employment, reduce poverty, and ensure social security and environmental protection.



Achieving efficient energy use is mutually beneficial for businesses and the country



Promoting a green economy and lifestyle is one of the underlying principles of revisions to the Law on Environmental Protection

### What are targets and duties specified in the strategy?

For Vietnam, green growth is systematised in the national green growth strategy with three specific targets to be achieved.

The first is to restructure and improve institutions to ensure energy and natural resources are more efficiently used.

The second is to promote research and application of advanced technology to better use natural resources, reduce GHG emissions and respond to climate change.

The third is to improve people's lives via creating jobs from green agricultural, industrial and service sectors, and developing green infrastructure and environmentally friendly lifestyles.

To achieve these targets, the strategy covers three strategic tasks. The first is to reduce GHG emissions and encourage clean and renewable energy. By 2020, GHG emissions are targeted to reduce by 8-10 per cent against 2010, while energy consumption will be pared down by 1-1.5 per cent of gross domestic product (GDP) annually.

The second task is to promote green

production so that by 2020, hi-tech and green products will account for 42-45 per cent of GDP, and 80 per cent and 50 per cent of production establishments will respectively meet environmental standards and apply cleaner technology. Investment for developing environmental protection sectors will be tantamount to 3-4 per cent of GDP.

The third task is promoting green lifestyle and sustainable consumption in both urban and rural areas, and tackle environmental problems associated with rapid urbanisation. By 2020, all Grade-3 urban areas and 60 per cent of Grades 4-5 areas must have waste water treatment and collection systems that meet national standards, and all heavily polluted areas must be improved.

### How has the strategy been implemented?

The MPI has tailored an appropriate roadmap with various prioritised stages and actions for implementation. We have compiled an action plan on green growth for 2013-2020 with consultation of all stakeholders, which entails the partici-

pation of government agencies, local authorities, enterprises and international organisations.

To carry out the strategy, we are setting up a co-ordination committee managed by the National Committee on Climate Change, improving the regulatory framework, devising a financial policy framework for green growth, and increasing public awareness and participation.

So far the strategy has been implemented in some cities and provinces on a trial basis before being deployed nationwide. We are also setting forth guidelines on clean air and GHG management.

Meanwhile, national socio-economic development plans have been revised to embrace sustainable development priorities. An economic restructuring plan in line with green growth for 2014-2020 is also drafted.

For the 2014-2020 period, all agriculture, forestry, fisheries, industry, transport, construction, natural resources, environment, science and technology development plans are also adjusted.

The draft amendments to the Law on Environmental Protection (LEP) currently under discussion and expected to be adopted by the 7th session of the 13th National Assembly include many new regulations that correspond with Vietnam's environmental protection efforts. The National Assembly's Committee for Science, Technology and Environment Deputy Chairman **Vo Tuan Nhan** explains these new additions.

In past years, throughout the country's doi moi (economic reform) process and international integration, the state has outlined an environmental protection strategy correlative with national industrialisation and modernization. It has also installed and guided the implementation of plans to overcome environmental degradation and incidents.

At its 6th session last November, the National Assembly discussed the draft amended LEP. Based on the constructive comments and feedback from deputies at the session, it is now a strong document containing 20 chapters and 179 articles, 5 more chapters and 43 more articles than the existing LEP 2005.

The draft adds new content and has also been reorganised to be more logical and scientific. It embraces new points including:

(1) Environmental protection zoning is a new content supplemented in the draft. Such zoning is needed as it is an effective tool for combining environmental protection with socio-economic development, in order to ensure sustainable development.

(1) Zoning. This is an effective tool for harmonising environmental protection with socio-economic development and ensuring sustainable development.

Due to increasing pollution and environmental degradation, zoning is more reflective of Vietnam's long-term vision. It will help the country maintain environmental protection as one of the country's three pillars for socio-economic development. The inclusion of zoning in the draft inherits and perfects the provisions of the LEP issued in 1993 and the later version in 2005 as well as institutionalised Resolution

## Enhancing Vietnam's efforts in environmental protection



The new law looks to create a breakthrough in environmental protection

No.24-NQ/TW issued in 2013 by the 11th Party's Central Committee on actively responding to climate change and strengthening the management of natural resources and environmental protection towards creating a legal framework for organisations and individuals working in the environmental sector.

(2) Environmental protection planning. The draft also contains content on environmental protection planning by businesses. In preparing for a new project, an environmental impact assessment report efficiently reviews and evaluates all environmental requirements of a project. However, after a

project goes operational there is a lack of management of their environmental activities. Businesses will be responsible for making a plan and implementing it in accordance with the environment law. This regulation will raise awareness of environmental protection regulations, obligations and duties.

(3) The draft also includes a new chapter on climate change response to address this urgent issue. Climate change is a concern for all mankind and Vietnam is very vulnerable to climate change and corresponding rising sea levels.

Actively responding to climate change is

one of the key tasks, responsibilities and obligations of agencies, organisations, enterprises and public communities. This chapter has institutionalised resolutions by the Communist Party, the government's socio-economic development strategies, and the national target programme on climate change response.

This chapter has also integrated climate change response into the country's socio-economic development strategies and plans. It also deals with issues related to managing greenhouse gas emissions and ozone-depleting substances; development of renewable energy; sustainable production and consumption; as well as recycling and producing energy from waste.

It has also stipulated the rights and responsibilities of the community in climate change response, development and application of climate change-related science and technology, and international cooperation.

(4) Maritime and insular environment is another new chapter, giving unity and comprehensiveness to Vietnam's stance on environmental protection. This chapter also covers issues dealing with maritime and insular environmental pollution, and prevention of and response to maritime and insular environmental incidents.

(5) The draft has added regulations on environmental protection for institutes and laboratories, as well as controlling dioxin and the general production, import and use of chemicals. It has guidelines on protecting agriculture and fisheries and reusing waste and lengthens the statute of limitations for environmental violations.

(6) The draft has also added a regulation on state management of environmental protection, while specifying the responsibilities of the minister of natural resources and environment and heads of ministerial-level bodies, particularly in terms of making legal documents on environmental protection.

(7) The draft also stipulates the rights and obligations of political-social and social-professional organisations and the public community. It has a new chapter stipulating the rights and obligations of the aforementioned groups, as well as the National Fatherland Front.

It also specifies the public's rights, such as access to information and inclusion in dialogues, examinations and supervision of environmental protection activities. The draft outlines the responsibilities of state bodies and business owners in ensuring the rights of social organisations, social-vocation organisations and the public.

In addition to reviewing, revising and

organising the amendments, drafters have also added and improved many regulations, such as strategic environmental assessment (supplementing a regulation on assessing climate change impacts); stipulating the timeline for conducting an environmental impact assessment (which must be approved before an investment plan goes forward); environmental protection commitments; conditions on scrap imports; and regulations on protecting water, land and air.

It has also clarified requirements on environmental protection in specialised areas such as economic zones, industrial parks, industrial complexes and craft villages. The role of ministers and heads of agencies are specified, as are regulations on individual legal responsibility for environmental violations. The draft has underlined the responsibilities of authorities at all levels for making environmental reports to relevant bodies. It also outlines responsibilities for environmental monitoring.

The draft will be discussed at the 13th National Assembly's 7th session. Hopefully the new content gets the thumbs-up as the new LEP looks to create a breakthrough in environmental protection toward qualitative and sustainable economic development.



# Far reaching changes to ensure green growth



The amended Law on Environmental Protection expected to be adopted by the 13th National Assembly at its seventh session will make a significant contribution to Vietnam's realisation of its National Green Growth Strategy and national sustainable development targets. Deputy Minister of Natural Resources and Environment **Bui Cach Tuyen** spoke to **Thanh Thu** about the law's far reaching changes.

## What are the basic principles for outlining the amended Law on Environmental Protection (LEP)?

Since it was passed, the LEP 2005 has been very successful at accomplishing environmental goals, but rapid social, economic and environmental changes have required us to expand and reinforce this law.

Five basic principles were followed in making the new LEP.

Firstly, the new LEP needed to institutionalise the Communist Party's viewpoints and policies, especially Resolution No.24-NQ/TW, dated June 3, 2013, and issued by the 11th Party's Central Committee on actively responding to climate change, strengthening management of natural resources, and protecting the environment.

Secondly, the new LEP must follow the Constitution to ensure it is strictly followed. The environmental law must be consistent with other related laws.

Thirdly, the new LEP must inherit the LEP 2005's favourable points, while its provisions must be made clear, transparent, and feasible to the country's existing socio-economic conditions.

Fourthly, the new LEP must selectively absorb experiences with environmental management and law making from around the world, while supplementing old content with additions on green growth and climate change. Also, it must be in harmony with international provisions and environmental commitments in Vietnam's international treaties.

Finally, the new LEP must consider prevention of environmental pollution and degradation a key task, ensuring consistent environmental management from the central to grass-roots levels. It must strengthen responsibilities and obligations of all organisations and individuals for environmental protection.

## How will the new LEP contribute to implementing Vietnam's National Green Growth Strategy and national sustainable development targets?

As you may know, the National Green Growth Strategy passed by the prime minister in 2012 via Decision 1393/QĐ-TTg has set out a plan to build a green-growth and low-carbon economy with the foremost focus on reducing GHG [greenhouse gas]

emissions. The specific targets to realise this strategy include economic restructuring and honing the economic institution that promotes and incentivises effective use of energy and natural resources. Also under this strategy, people's lives will improve together with the development of an environmentally-friendly lifestyle with the rise of employment in green industrial, agricultural, and service sectors.

The strategy embraces three major tasks, including reducing GHG emissions and boosting the use of clean and renewable energy; greening production; and greening lifestyle while boosting sustainable consumption. These tasks were laid out with 17 solutions to pursue a sustainable economy.

Environmental protection is one of three key pillars for sustainable development. In this spirit, the revised LEP is compiled based on a set stance that environmental protection is both a target and basic expectation for sustainable development. Environmental protection boils down to taking care of nature, as well as controlling and reducing pollution, improving the environment, and conserving ecological and biological diversity. Maintaining public health is another key target. Any project that risk to cause serious environmental pollution will not be licensed or will be removed. Investment into environmental protection means investment into sustainable development. It is unacceptable to sacrifice environmental benefits for short-term economic gain. All activities integrating environmental protection into development strategies, plans and projects must be improved. Environmental norms must be followed to ensure successful, and sustainable, socio-economic development of business, localities and the nation as a whole.

One of the goals in making the new LEP is to meet new economic growth and restructuring requirements in a manner that is harmonious with nature, friendly to the environment and boosts green growth and sustainable development.

Accordingly, some basic, but important points in the draft LEP are seen as critical in achieving green growth and sustainable development targets, including:

- Environmental protection zoning has been outlined as a tool for authorities to define what types of projects can be implemented in which geographical areas to



**The revised LEP will encourage development of renewable energy**

prevent environmental pollution. Environmental protection zoning closely links with Vietnam's master socio-economic development planning and serves as a foundation for socio-economic development and environmental protection.

- Strategic environmental assessments for development strategies and plans have also been prescribed in the new LEP. These would outline solutions to reduce negative impacts on the environment. They also serve as a foundation for development strategies and plans to ensure sustainable development.

- The draft LEP would also prevent development projects from having a bad impact on the environment via the aforementioned assessments.

- The draft also requires climate change response regulations to be integrated into socio-economic development strategies and plans, and development plans for sectors.

- Under the draft LEP, emissions, especially greenhouse gas emissions, and ozone-depleting substances would be closely controlled. Recycling under the 3 Rs [reduce,

reuse, recycle] and producing energy from waste will be promoted.

- The draft also encourages development of renewable energy, with regulations on property exploiting and using natural resources, environmental rehabilitation, and biological diversity preservation.

- The new LEP also underscores incentives and support for developing research, transfer, development and application of advanced environmentally-friendly technologies and technologies to exploit and use natural resources effectively, save energy, and protect nature.

- The new LEP also highlights sustainable production and consumption, environmentally-friendly industrial, agricultural, service, construction, and traffic development; environmental auditing and green credits; and green investment. All environmentally-friendly products and services would be prioritised.

**Any other highlights you would like to point out in the revised law, as compared to the LEP 2005?**

The draft amendments to the existing LEP have increased the number of chapters and articles and added significant new content, but it also limited content that would be addressed in guiding documents. As well as content that will contribute to implementing the National Green Growth Strategy and national sustainable development targets, there are some highly notable changes:

(1) Environmental protection zoning: it is needed to have environmental protection zoning, which will help take the initiative in outlining socio-economic development strategies and plans which closely link environmental protection with economic development and social security, in order to ensure sustainable development.

(1) Environmental protection plan: This will be a tool to raise awareness of production and service businesses about environmental protection. It will also serve as a base for state agencies, organisations and the public to supervise and examine these entities' environmental protection activities.

(2) Climate change response: This is com-





**The revised LEP could lead to environment solutions from the lowest to the highest levels**

pletely lacking in the current LEP. Climate change is emerging as a major challenge around the world, and especially in Vietnam. The draft has earmarked an entire chapter on climate change response to meet urgent requirements for responses and preventative measures. It has also created some basic content for resolutions to be set forth by the Communist Party and National Target Programme on Climate Change Response.

(3) Protection of maritime and insular environment: The draft has also created a new chapter on this issue to ensure the unity and comprehensiveness of the law. This chapter includes basic content that does not overlap with the Law on Natural Resources and Maritime Environmental Protection currently outlined by the Ministry of Natural Resources and Environment (MoNRE).

(4) Sections on protection of land, water, air, the environment of craft villages and scrap imports are revised, with more specific regulations to strictly prevent pollution. The draft also has a new regulation on controlling dioxin, used by the Americans during the Vietnam War, and a new regulation on retroactive effects and compensation for damages caused by pollution.

(5) The draft LEP also has supplementary content on the state's management of envi-

ronmental protection, in which responsibilities of the minister of natural resources and environment and ministers and heads of ministerial-level bodies are clearly defined, particularly in regard to outlining legal documents on environmental protection. In the existing law the responsibilities are in the hands of ministries and sectors.

(6) Regarding social organisations, social-vocational organisations, and the public, the draft has also earmarked a separate chapter stipulating their rights and obligations, as well as those of the national fatherland front. Many rights are also clarified, such as those to access information and join dialogues, examinations and reviews of environmental protection activities. The draft also stipulates the responsibilities of state bodies and the owners of production and service businesses in ensuring the rights of social organisations, social-vocational organisations and the public.

(7) Supplements were also added to regulations governing research establishments and laboratories; controlling production, import and usage of chemicals (with an emphasis on dioxin) as well as pesticides and veterinary medicines; protecting the agricultural and rural environment; reusing waste; and lengthening the statute of limitations to ensure environmental violators can

be brought to justice.

**What should be done to ensure enforcement of the new LEP?**

It is very important to ensure the enforcement of all environmental laws, particularly the LEP. Enforcement was a priority topic for the MoNRE and development partners at the Vietnam Development Partnership Forum in 2013, hosted by Prime Minister Nguyen Tan Dung. As he requested, the MoNRE has tasked its Vietnam Environment Administration to outline project “Enhancing the capacity in enforcing the environmental protection law” with a view to assessing the ability to carry out and current progress of the environmental protection law and proposing relevant solutions.

For the revised LEP to be effectively implemented, the MoNRE has asked its agencies, including the Vietnam Environment Administration, to outline the law's guiding documents so they can be put into practice as soon as the new LEP is enacted.

Also, the law will not be effective without the supervisory role of organisations and people from all walks of life. The MoNRE highly values the role of the mass media in helping raise the public's awareness of environmental protection.

# How the Law on Environmental Protection is set to ensure a greener, cleaner tomorrow

Vietnam has been actively pursuing a sustainable development agenda especially since the adoption of the Strategic Orientation for Sustainable Development (Vietnam Agenda 21) in 2004. Building on the important principle of the Rio Declaration on Environment and Development that: "Human beings are at the centre of concerns for sustainable development. They are entitled to a healthy and productive life in harmony with nature", sustainable development has been embedded into the country development plans, including the National Socio-Economic Development Strategy 2011-2020.

## BY DAO XUAN LAI

*Assistant Country Director and Head of Sustainable Development Cluster, UNDP Vietnam*

Following the adoption of the Vietnam Agenda 21, Vietnam has made remarkable achievements in all three economic, social and environment pillars of the sustainable development agenda. Between 1990 and 2010, Vietnam's economy has grown at an annual average rate of 7.3 %, and the per capita income almost quintupled. The poverty rate has reduced from 14.2% in 2010 to 7.8% in 2013 and a number of advanced social policies have been successfully introduced and implemented. By 2013, forest coverage reached 41.1% of the total terrestrial land, 75% of industrial zones and export park zones have waste water treatment systems and facilities meeting environmental standards, and 84% of solid waste is collected. Vietnam has also introduced and enhanced important national strategies and action plans for environmental protection and climate change response. However, challenges remain: the quality of forest is declining, an increasing trend of biodiversity loss has not been reversed, and high profile cases of industrial



While the previous LEPs were strong in their time, the draft version may mark a new green era

pollution and extraction of mineral resources continue to affect the lives and livelihoods of local people and raise great concern amongst the public.

The first Law on Environmental Protection (LEP) 1993 and the amended LEP 2005 have helped to significantly improve the sustainable management of natural resources and to preserve ecosystems services for human and economic development, while eliminating environmental pollution. The amended LEP in 2014 is expected to be more comprehensive, and feasible to implement and enforce in practice. To achieve this objective, it is important to consider the following five aspects:

1. official recognition of the legal status, and roles of local community and civil society;
2. ensuring independence of the authority designated to undertake appraisal of Strategic Environment Assessment (SEA), and Environmental Impact Assessment (EIA) reports, and particularly ensuring the implementation of mitigation measures required in the approved SEA and EIA reports

3. enforcement of the provisions of the law;

4. information availability, publicity and transparency; and

5. gender equality, as specified in the Constitution.

## Roles of the local community and civil society

It is encouraging that the draft LEP recognizes the roles and rights of community and civil society organizations. This recognition is very timely as Vietnam is undergoing an institutional reform process to engender more inclusive, equitable, and sustainable growth. Civil society has made significant contributions to the country's development by stimulating public resources, promoting democracy, and solidarity. The LEP 2005 recognised the roles of the Vietnam Father Front and its member organizations, but it failed to create mechanisms for these organizations and others to play an active role in environmental protection.

Local communities are among the most vulnerable groups to environmental pollution. However, they often lack of capacity,

## ■ POLICY & RECOMMENDATIONS

resources and skills to cope with its negative impacts. The LEP 2005 required that the “opinions of commune-level People’s Committees and representatives of population communities in the place where the project is located must be included in the presented in the environmental impact assessment report.” This advance should be built upon in the amended LEP to enable community to actively participate in the process of preparing EIA reports and to monitor the implementation of mitigation measures agreed in the approved EIA reports. The Law needs to define a clear mechanism by which local communities can exercise their roles and protect their rights as defined in the article 43 of the Vietnam Constitution 2013) – “everyone has the right to live in a clean environment and as the obligation to protect the environment”

The legal status of the local community has not yet been clearly defined in the Vietnamese legal framework, including the Civil Law. It is essential for the amended LEP to establish an appropriate status and mechanism for the community to truly participate in and contribute to environmental protection. A possibility is to define that heads of village can legally represent the community. Then the LEP should clearly define the government authority and mechanism to support the heads of villages to fulfil their representation role.

### Strategic Environment Assessment (SEA), and Environmental Impact Assessment (EIA)

Recognising the need for powerful tools for environmental protection, Vietnam introduced the SEA for the first time in the LEP 2005, to supplement EIA which was introduced for the first time in the first LEP 1993. However, application of these two important tools has not been effective, due mainly to inadequate allocation and lack of decentralized decision-making to the ministries and provincial authorities. The draft amended LEP has partly corrected these weaknesses and it is important the final version should lay out a mechanism for technical support and oversight to ensure effective application of decentralization in practice.

For the first time, the draft amended LEP 2014 also spells out that there needs to be a level playing field for service providers/independent consultants to take part in elaborating EIA reports if they have obtained license from the State competent

authorities. This will help to ensure high technical quality in EIA reports, and competitive costs that are defined by the market.

The independence of the appraisal committee also is essential to improve the quality of EIA and SEA reports, especially when SEA reports are produced by the government authorities who are proposing strategy or programme. Making the appraisal committee independent from the approving committees will help to avoid conflict of interests. This can be done by selecting members of appraisal committee randomly from available pool of independent consultants/ service providers licensed by the State competent authority, and excluding any consultants who are involved in or have relationships with the project owner that may lead to conflict of interest. Throughout the process of producing and appraising an EIA report, any face to face meetings or connections between appraisal committee members and project owners should be avoided to reduce possibility of corruption. For example the project owner should not be requested to participate in the appraisal meetings of the appraisal committee. At the appraisal meetings, any views and comments of the appraisal committee members must be recorded and filed, and the committee members must be legally responsible for their views and comments. It should be made clear that mistakes or wrong doings of

the committee members may lead to nullification of the practice licence or a legal law suit.

Implementation of the mitigation measures specified in the approved EIA and SEA reports is essential to make the SEA and EIA tools effective. The monitoring and enforcement of these measures has been very limited over the past years partly due to lack of capacity and human resources in the Ministry of Natural Resources and Environment who was designated to follow up with the implementation of mitigation measures.

### Enforcement

In order for LEP provisions to come to life, the enforcement regime and application mechanisms will have to follow strong, timely and direct sanctions to the responsible parties. The LEP 2005 presents a number of limitations and shortcomings that constraints the enforcement of monitoring, supervision and sanctions measures. For example, lack of clear guidelines and legal definition of waste-hazardous waste and scrap has created a loophole where importing industrial hazardous waste from industrial countries is legal. The provisions in the LEP 2005 can be easily modified and interpreted in different ways at various implementation levels. To rectify this, Vietnam should ratify the Basel Ban Amendment of 1995 of the Basel con-



Environmental pollutions are burning issues for Vietnam to address with a strong law

vention that does not allow the transboundary movements of hazardous wastes or it risks becoming a dumpsite/landfill of industrialised countries.

The amended LEP needs to lay out a strong mechanism for dispute resolution, damages, settlement and compensation to respond to the increasing public and social pressure pertaining to environmental degradation. The government should be responsible for providing legal and technical support to the victims of environmental pollution. The LEP 2005 failed to do so. For example, in the “Vedan case” local community faced challenges of finding technical support to define damages.

Enforcement will also be effective if sufficient technical and financial capacity is allocated to proper oversight and monitoring, including the evaluation of losses and the consequences for the victims. Since 2007, Vietnam has allocated up to 1% of the government’s annual expenditure to environmental management and protection. It is expected that this funding allocation will be increased further in the coming period and that a specific percentage or figure will be defined in the amended LEP to ensure actual allocation.

Monitoring and supervision mechanisms will have to be designed to ensure regular and routine oversight and enforcement as well as spontaneous spot-checks to prevent and react quickly as envi-

ronmental degradation happens. The current oversight by the National Assembly and the Government can be more effective with introduction of independent tools, for example environmental performance index (EPI). The EPI has been initiated by Yale University in the United State of America to measure the state of the environment (SoE) in a country or in a province. The EPI has been successfully introduced in various countries, to measure provincial SoE and make comparisons among provinces, so as to draw political attention of provincial leaders leading to improved quality of environmental protection.

### Information

The measures outlined above and other provisions in the amended LEP will not be implemented and enforced effectively if environmental information and data are not openly and made available in a transparent manner to the involved stakeholders and general public. For example, public consultation during the elaboration of the EIA report will only be effective if all concerned local communities are provided with sufficient information, and time to provide comments. They also need to be enabled to understand the possible negative impacts of the planned project, empowered to express their concerns, as well as be able to receive clear feedback and participate in the implementation of mitigation measures required

in the EIA reports.

### Gender

The Vietnam Constitution 2013 clearly recognizes the importance of gender equality; Article 26 commits that “The State shall adopt policies to guarantee the right to and opportunities for gender equality.” Some laws relating to environmental protection, such as the Law on Natural Resources Prevention and Control (2014) have materialized this principle.

The amended LEP 2014 should institutionalize the formal rights and responsibilities of women, girls and women’s organizations in environmental protection and natural resources management. Women continue to make significant contributions to environmental protection and should be enabled to also effectively participate in the decision-making processes at all levels. Importantly, women in rural areas are often more exposed to environmental pollution and its incidence because they are taking care of their families and doing field work.

Conclusion: UNDP would like to congratulate Vietnam for the great draft LEP, which has addressed many weaknesses of the LEP 2005 and included new issues such as climate change and green growth. The Draft Law expands the roles and participation of the civil society organization, enables more decentralization for elaboration and appraisal of SEA and EIA report, creates a market or a level playing field for service providers to take part in elaborating EIA reports, requests more allocation of State budget with gradual increase corresponding with the increase of national incomes, and various good provisions relating to disclosure of environmental information and data to the concerned stakeholders and general public. These advance and further elaboration in these five areas highlighted can help lay the foundation for more effective implementation of the amended LEP. We do hope that Vietnam will showcase to the world by adopting a cutting edge LEP in 2014.

UNDP are proud to have provided and continue providing technical inputs and consultation support to the formulation of the amended LEP 2014, and the Law on Marine and Coastal Resources and Environment, the Law on Disaster Risk Prevention and Control 2012, the Law on Energy Efficiency and Energy Conservation 2010, the Biodiversity Law 2008, and the LEP 2005.



# Changes to strategising and planning in the amended Law on Environmental Protection

This article provides recommendations for mainstreaming the national strategies on sustainable development and green growth into the revised Law on Environmental Protection with regards to the formulation of socio-economic development strategies, master plans and plans

**BY PHD. PHAM HOANG MAI & MA. NGUYEN THI DIEU TRINH**

*Department of Science, Education, Natural Resources and Environment - Ministry of Planning and Investment*

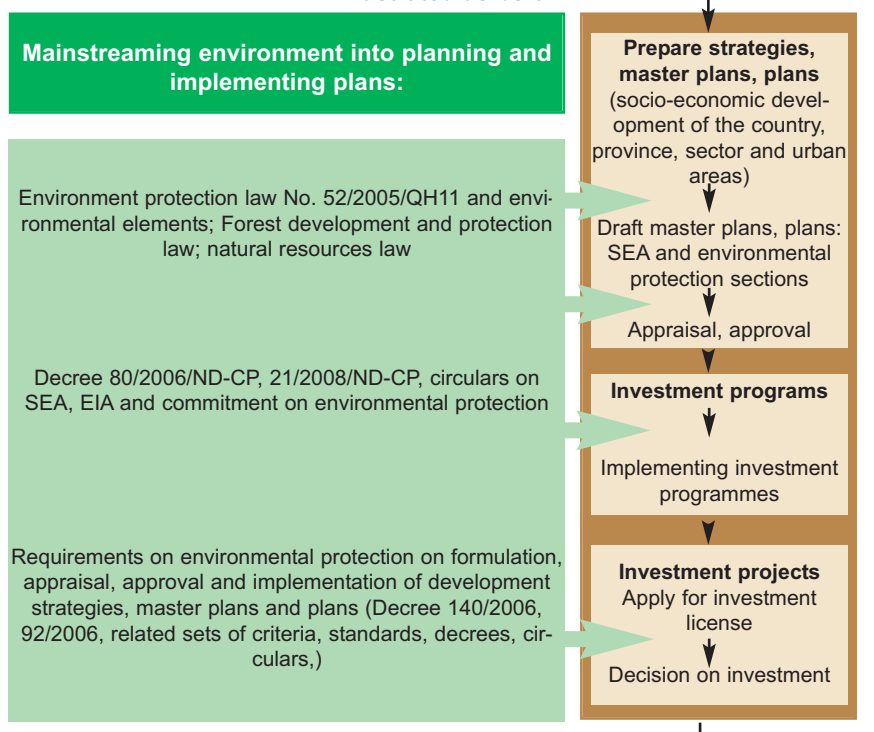
The amendment of the Environmental Protection Law issued in 2005 is being carried out in the context that there have been a lot of changes in Vietnam's economy. The focus is put on shifting the growth pattern towards more efficient use of natural resources, protection of the environment and improvement of the economy's competitiveness. In addition, Vietnam has shown great efforts in the joint responsibility of the international community in combatting climate change.

## Implementing the 2005 Environment Protection Law in terms of planning

The Ministry of Planning and Investment (MPI) is assigned by the Government to study and implement planning related regulations by the Environment Protection Law and concerning decrees and circulars. The MPI has integrated environmental issues in socio-economic development strategies, master plans and plans.

The set of sustainable development (SD) and environment protection indicators was established and mainstreamed into the 5-year socio-economic development plan (SEDP) for the period 2006-2010; Environment investment activities were regulated as a partial component of socio-economic development projects/programmes; There are various decrees and decisions issued by the Government, such

Efforts to integrate environment consideration into planning process are illustrated as below:



as Decree No. 140/2006/NĐ-CP on environment protection in the formulation, appraisal, approval and implementation of development strategies, master plans, plans and projects.

Recently, the MPI has formulated and submitted to the Government for approval the National Strategies on SD and green growth (GG) as well as the national action plan on GG. These documents all emphasise the collaboration between ministries and provinces to formulate and promulgate legal documents for mainstreaming environmental issues in investment preparation, appraisal and approval.

Efforts to integrate environment consideration into planning process can be seen in the table above.

However, in reality there are some limitations in implementing environmental protection procedures/regulations related to planning, including strategic environment assessment (SEA), environment impact assessment (EIA) and environment protection commitment.

Works on preparation, appraisal and

approval remain fragmented and are therefore ineffective.

Environmental issues have not been put into consideration from the early stages. SEA reports are mostly seen as illustrated documents with limited guidance on choosing options to prevent adverse impacts on natural resources, environment, society and biodiversity.

There is also a lack of detailed guidance on SEA procedures for socio-economic development strategies, master plans and plans. Decrees and circulars are viewed as too general and not yet meeting requirements for specific sectors.

Additionally, there exists no criteria to appraise and certify the quality of SEA reports. This makes the SEA owners very confused as to what level an SEA is qualified.

Those presently consuming too many natural resources and creating lots of pollution are not considered in the "new" SEA.

Monitoring and evaluation (M&E) of reports' contents have not been strictly followed. In reality, until there occur critical issues then M&E are conducted.

Involvement of stakeholders together with unclear delegation of power and authorities make it time consuming to identify responsibilities, arrange solutions and compensate victims when violations occur. This was very easy to observe in the Vedan case.

While pursuing sustainable development goals, there remains separate consideration between environment and social issues in preparation and implementation of reports. This has forced ODA related projects/programs to be revised, reprepared or made them even impossible to realise. There are many weaknesses in transparent publicity and consultation as well as lack of effective measures for pollution mitigation. This has then led to lots of losses.

Issues related to sustainable development, climate change and green growth are not clear. Since the beginning of the law's implementation in 2005, attached documents still apply old approaches which take into account solely the environment without climate change (actually there is now guidance on climate change but it is not compatible or in-line with environmental issues and therefore difficult to implement), or SEA and EIA just consider one direction of a development's impact on the environment without taking into account the other aspects of adverse environmental and climate change impacts on a project's effectiveness and sustainability;

Inter-regional and cross-border issues are not mentioned and strictly implemented. Over the past years, river basin management has been applied but has shown no effective results. We are faced with the fact that neighbouring countries sharing our river basins are developing hydropower plants that impact the socio-economic development of our lower basin areas (the Mekong Delta is an example).

“

*Works on preparation, appraisal and approval remain fragmented and are therefore ineffective.*

However there are unclear mechanisms to negotiate, discuss and conduct consultations.

Procedures and responsibilities for resolving issues related to lawsuits, disputes, disagreements with SEA/EIA reports, and environmental incidents are not clear among key stakeholders including ministries, provinces, sectors and enterprises.

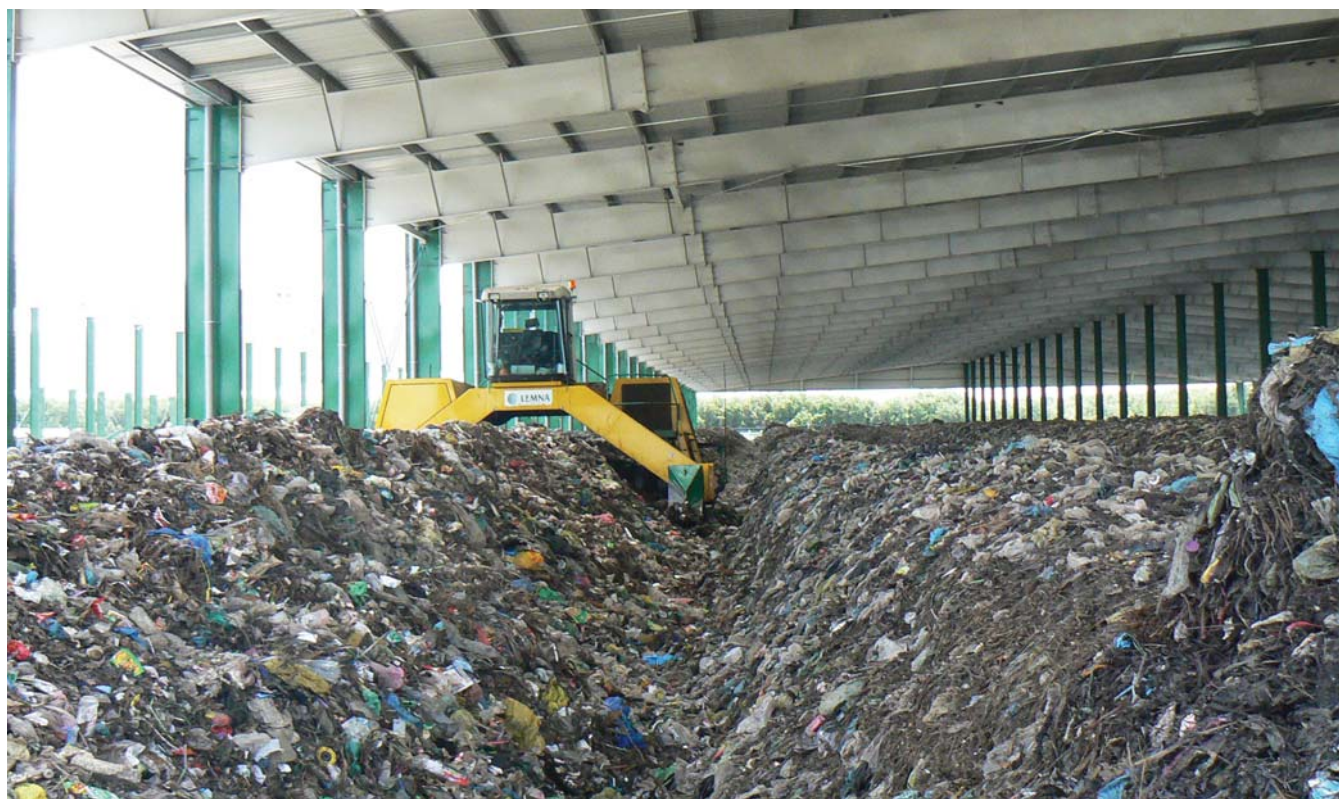
Resources mobilised for environmental protection are limited. It is difficult to attract investment to the environment sector due to the lack of clear mechanisms,

in addition, due to the fact that budgetary spending on the environment only comes from recurrent resources, there are limitations to environment protection.

Stimulating private investment in environmental protection and pollution mitigation remains weak. So far there have been many private companies who have come to study and apply pollution solutions. However complicated mechanisms and policies governing investment incentives and intellectual property protection have created barriers to attracting sectors and enterprises to this new area.



Issues related to sustainable development, climate change and green growth are not clear in the LEP 2005



Complicated mechanisms have created barriers to attracting private investment in environmental protection and pollution mitigation

**Development context, issues related to sustainable development and green growth**

In a fast changing development context, there have been many challenges and opportunities for the nation’s socio-economic development course, they include: stable macro economy, improved competitiveness, wasteful use of natural resources leading to exhaustion, environmental pollution, inequality, and climate change response. The global economy has experienced fluctuations with unforeseen impacts on markets, supplies of natural resources, fuels, finance and capital. The government of Vietnam has promulgated the national strategies on sustainable development, climate change and green growth and completed the economic restructuring programme. The OECD and some countries have got a new awareness of the relationship between environmental issues and development in the context of climate change by studying mainstream climate change and green growth toward environmental protection instead of issuing separate laws. ODA policies and assistance given to help deal with climate change and promote green growth have brought new opportunities, including possible application of PPP in environ-

mental protection, green growth and climate change.

In Vietnam, the national green growth strategy has a broad connotation, and is in-line with the socio-economic development strategy towards 2020.

**Some recommendations for mainstreaming sustainable development and green growth in the draft environment protection law (revised version)**

To mainstream the content of the sustainable development and green growth strategies into the draft Environmental Protection Law, it is recommended that:

Basic requirements and factors of environmental protection, sustainable development, climate change response and green growth should be mentioned in principle; a legal environment should be created that promotes efficient use of natural resources and changing growth patterns, the economy’s competitiveness should be improved; the law’s targets as well as regulated scope should be expanded to be able to link to environmental protection, sustainable development, climate change response and green growth which will serve the nation’s short term and long term development

goals; procedures and stages for preparation, appraisal and approval of SEA and EIA should match international requirements to attract more foreign investment; M&E tools should be completed; SEA and EIA reports should be published; M&E implementation should be delegated to localities and civil society organisations and other groups; roles of stakeholders should be clearly identified; attention should be paid to investment programs/projects in enriching natural capital; private investment in environment protection and pollution treatment should be promoted; use and transfer of modern, environmentally-friendly and resource saving technologies should be encouraged; environmental protection and sustainable development should be integrated into public procurement and public investment; guidance on SEA and EIA should be detailed and updated to suit specific sectors and periods of time as well as the government’s priorities.

Specifically there needs to be guidance on valuation of natural resources and the environment that takes into account society and target groups cared for by the government and this will serve as the baseline for cost-benefit in these reports.

Also there needs to be clear regulations

reflecting that resources for environmental protection are not limited to only a few sources, which has led to current barriers for investment. There also needs to be more collaboration between ministries in formulating sectoral SEA and EIA guidance (inter-ministerial circulars).

Particularly regarding SEA procedures (important content in the draft Environmental Protection Law), there must be close links with planning and investment activities.

Studies show that the scope of SEA should be enlarged to make it a good tool to integrate sustainable development objectives, climate change and green growth into the policy making process at the macro and strategic levels, SEA plus or Sustainability Appraisal (SA). SA includes both environmental and social appraisals.

SEA will no longer be a separate activity by an independent group of experts which is conducted at the same time or after formulation of strategies, master plans and plans but a part of key tasks that the formulation team of strategies, master plans and plans should prepare.

The formulation team should include environmental experts and therefore objectives for environmental protection,

growth can be considered from the beginning together with socio-economic objectives through identification of criteria for each sector as well as overall sustainability. (Diagram of the SEA plus steps (SEA+) can be illustrated below).

In this diagram, to enhance the integration of sustainable development and green growth, in step 1 and 2, we need to: Assess, describing past stories and forecasting future trends on main environmental issues with the impacts from key socio-economic sectors in the region where we are building its development strategies, master plans, plans in the scenario that there have no strategies, master plan to be implemented, so that we can see the sustainability of current projects/programs, identifying factors that lead to changes, degradation of environmental elements, especially with further impact by climate change and things to be fixed in implementing new strategies, master plans and plans.

In step 3, proposing objectives, priorities and development activities: with the application of SEA+: some scenarios, options with the different combination of socio-economic and environmental variations will help us to decide and avoid the

While we assess options, in addition to available indicators, we can apply a set of indicators: Economic-Social-Environment, Economic-Social, Economic-Environment to make a decision. For example with the Economic-Social-Environment indicator set:

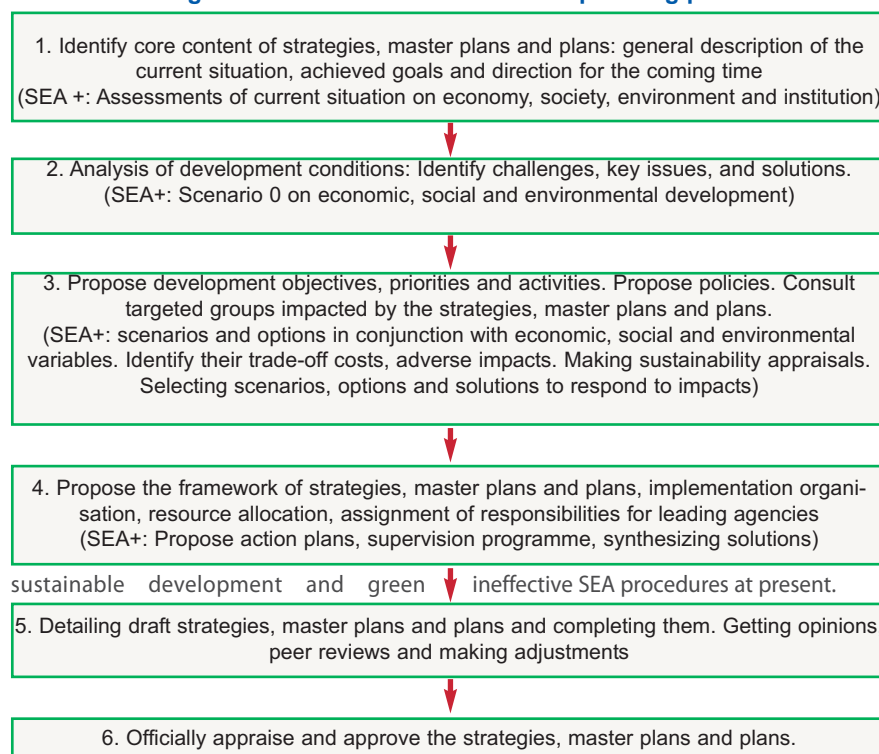
- Green GDP (GDP minus losses from natural resource consumption and environmental pollution).
  - Total loss value to society due to natural disasters and climate change (direct loss value and value of physical assets and human resources to control against natural disasters).
  - Contribution to economic restructuring, increased competitiveness.
- The indicator set of Economic-Society
- Social labour productivity (million VND of GDP/each labourer).
  - Income of workers in economic growth (million VND of income -salary, wages and other income related to salary)/each labourer/year).
  - Gap in living standards (GINI or income of the group of 10% with highest income with the income of the group of 10% with the lowest income).

The indicator set of Economic-Environment:

- Energy consumption for production of each unit of GDP (kwh or TEU/billion VND of GDP).
- Water consumption for production of each unit of GDP (m3 or tonne of water/billion VND of GDP).
- Loss of agriculture land for growth (amount of hectares of agricultural land reduced per each added billion VND of GDP).
- Loss of forestry for growth (increased or decreased amount of hectares covered by forests/each added billion VND of GDP).
- Amount of solid waste per GDP unit (tonne/billion VND of GDP).
- Share of manufacturing industries (or hi-tech), share of cleaner production products in GDP and in exports (%).

Implementing these changes is a huge challenge to planning and investment agencies, as well as state management bodies in charge of environmental protection. However, it is essential to refer to the set of indicators (Economic-Social-Environment, Economic-Social, Economic-Environment) suggested in SEA+ aimed at mainstream sustainable development and green growth into the draft Environment Protection Law to ensure its enforcement in the coming time.

**Diagram of the SEA plus steps (SEA+) can be illustrated as following: Strategic Environmental Assessment in planning process**



sustainable development and green growth → ineffective SEA procedures at present.



# New LEP should enhance the role of the public

The revised Law on Environmental Protection needs to underscore the role and interests of the public as well as the supervision of enterprises, says **Nghiem Vu Khai**, former Deputy Minister of Science and Technology and former Chairman of the National Assembly's Committee for Science, Technology and the Environment. **Thanh Tung** reports.

**Many experts maintain that the revised Law on Environmental Protection (LEP) should enhance the public's role and interest in environmental protection because they are the true victims. What are your thoughts on this?**

Under Article 43 of the revised Constitution, adopted last October, all people have the right to live in a clean environment and an obligation to protect the environment. To realise this and uphold the LEP issued in 2005, the draft amendment to the law outlines the constitutional rights and responsibilities of individual citizens.

One principle is that "Organisations and/or individuals causing pollution, incidents and degradation shall be responsible for the repair of and compensation for damages and bear other responsibilities in accordance with the law" (Clause 8 of Article 4 - Principles of Environmental Protection).

Nearly ten years after implementing the LEP 2005, numerous environmental scandals have occurred, particularly at industrial and urban parks as well as resource exploitation areas and craft villages. Many profit-seeking enterprises have intentionally violated environmental regulations. Some localities, in a race to attract investment, have carelessly approved projects prone to environmental pollution, resulting in serious damage to the environment and human health.

In pursuing sustainable development and based on the experiences gained thus far in implementing the LEP, the revised document focuses on enhancing the public's role and interest in environmental protection. Still, reality shows that in many cases, while the law is clear and reasonable, implementation of the law is lax due to



limited public and businesspeople's awareness and poor management by authorities.

**If the public is to seriously supervise the implementation of the revised LEP, how will the law enhance their access to information and at what administrative level can they lodge complaints when they discover a violation?**

Article 49, under the latest draft amendment, clearly stipulates the community's rights and responsibilities in environmental protection and climate change response. Accordingly, the community has the right to be provided with and ask for information about the environment and climate change, except for cases where information is deemed not to be in the public interest. The community is also

responsible for participating in activities related to environmental protection and climate change response.

The draft amendment earmarked one article on publishing environmental information. It stipulates that the following must be published: strategic environmental assessment reports, environmental impact assessment reports and environmental protection plans, information about waste sources, types of waste and waste treatment, areas that are seriously polluted and degraded and areas prone to environmental incidents, and results from inspections and investigations.

The form of publishing must be convenient for all stakeholders and publishers are responsible for the accuracy of the information.

I think the revised LEP needs to be more clear and realistic about people's rights to lodge complaints and submit proposals to organisations and individuals authorised to approve investment projects before they are licensed. The proposals and complaints must be considered before approving the projects. There should be a mechanism for people to supervise all of enterprises' activities related to the environment.

For instance in 2008, Taiwan's sodium glutamate maker Vedan was discovered polluting the Thi Vai river in the country's southern region, affecting the livelihood and agricultural production of hundreds of



Environmental scandals have made clear the need for greater public access to knowledge and process



The public will be given greater power and authority over checking, managing and punishing polluters

thousands of farmers in Ba Ria-Vung Tau and Dong Nai provinces, as well as Ho Chi Minh City. Following public outcry over Vedan's actions, including a boycott of the firm's products, government agencies required the company pay significant compensation to its victims.

In fact, local authorities and the public were aware of Vedan's activities well ahead of the official news but because there was no system for them to respond the company went on polluting the river for years. If the public had more rights and a mechanism by which to implement said rights, and if authorities would take pollution more seriously, the law would be better enforced.

**When pollution cases are discovered, what sanctions should be prescribed by the revised LEP so these violators don't dare repeat the offence?**

The existing law's Article 49 clearly stipulates sanctions for different environmental violations, including fines and suspending violators' operations until they upgrade waste treatment technologies. Sanctions also include forcing violators to relocate. If they fail to meet these requirements, their business could be shut down.

Another legal foundation is Chapter 17 under the revised Criminal Code, enacted in 2008, which includes imprisonment as a possible punishment for individuals vio-

lating the environmental law to the extent of causing serious damage to human health and life and the assets of individuals and organisations.

Regretfully, despite heavy-handed punishments and extremely serious consequences, no violator has yet faced criminal charges. The trouble lies in the language used by related laws. These need to be addressed as soon as possible to push up enforcement and ensure environmental protection.

The revised LEP will provide more details on the obligations of organisations and individuals, and particularly the responsibilities of state and other agencies specialising in environmental protection. At the same time, laws on criminal and civil affairs and the application of fines need to be adjusted and supplemented to ensure the legal framework on the environment is feasible.

The draft amendment also stipulates mechanisms to encourage the application of green technologies, green development, and the 3Rs – Reduce, Reuse, Recycle – in production. The 3Rs are widely accepted around the world and many governments offer financial incentives such as tax breaks for investments into recycling technologies and the establishment of waste recycling funds. Waste recycling programmes have been joined by both enterprises and communities in many nations.

**What specific regulations should the revised LEP include toward harmonising the interests of all stakeholders while ensuring enforcement?**

Many have said that production can't exist without the discharge of waste. If regulations are too strict, enterprises will either see their business affected or will bend the law. Many enterprises are still using outdated technologies that are not energy efficient and emissions heavy. Thus, the law needs to take into account their environmental costs and social responsibilities, because if too high they will not be able to maintain their production.

Many enterprises owe their existence to incentives offered by the state and their evasion of environmental responsibilities. Foreign experts have calculated that while China's growth has been in the double digits every year for a long while, if the environmental costs are included it would actually go down by at least 3 per cent.

Amid Vietnam's current economic difficulties, it is difficult to harmonise the interests of all relevant parties toward sustainable development, economic growth, social progress and environmental protection. The government's economic restructuring and renewal of the growth model will be essential to solving this issue, and only if they are successfully implemented.

# Involving children in combatting pollution

**DR YOSHIMI NISHINO**

*Chief of Social Policy and Governance Section, UNICEF*

**PHAM THI LAN**

*Child rights and laws Specialist*

Global environmental threats have become a huge challenge facing the world especially developing countries in the 21st century. Globally people are suffering from negative impacts of water and food shortage, land, water and air pollution, as well as natural disasters. Due to climate change, there has been observed an increase in storms, drought and extreme weather conditions, both in terms of frequency and severity. These have already had significant impact on livelihoods, food security, health, clean water availability and housing of different population groups which of course also include children, and these impacts look set to continue in future.

Children are the most vulnerable to climate change and natural disasters because they are least capable to protect themselves from climate shocks and risks, and have a higher physical vulnerability to health and survival impacts. Every year, it is estimated that about 3 millions children under 5 die of environmental related diseases, accounting for one third of the total death toll among children. It is estimated that 175 million children each year are affected by climate change triggered disasters. Poor children are more vulnerable than others because their family livelihoods are very much dependent on natural resources (such as agriculture) which are sensitive to climate change.

Climate change is already presenting multiple challenges to Viet Nam, challenges that are expected to intensify as the cumulative effects of historical emissions emerge. This is a significant challenge to the



Children are at the greatest risk from climate change and natural disasters

country's continued socio-economic development. Increasingly erratic and variable rainfall, higher temperatures, more intense extreme weather events like typhoons, droughts and heavy rainfall causing floods, and the rising seawater level will all have significant impacts across sectors, regions, and income groups, and particularly on livelihood security of the poorest rural people. According to a recent research by Center for Global Development, Viet Nam was ranked as the 5th most at risk country in terms of exposure to extreme weather events.

UNICEF fully supports the efforts of the National Assembly of Vietnam to amend the Law on Environmental protection to increase action environmental protection and climate change. As a long-standing international child rights agency, UNICEF would like to offer some carefully considered suggestions that can improve the draft amendment to ensure it takes into account international norms and standards on child rights ratified by Vietnam. These recommendations have been informed by evidence from children and policymakers gathered at national, subnational and community level on the effects of climate change on children in Vietnam.

The recommendations can be summarized as follows:

- Children are the most vulnerable to climate change and environmental degradation. Laws on environmental protection should create a legal corridor to safeguard their rights. The amendment of the Law Environmental Protection is therefore an important platform to guarantee measures to reduce vulnerabilities for children and

protect them from such challenges. Provisions around public awareness, participation and education (including budget allocation) on climate change as well as strategies for climate change mitigation and adaptation are critical to build community resilience in the context of climate change.

- Children have potential to become active change agents in the fight against climate change and environmental degradation. Including provisions for child participation in designing, implementing and monitoring the implementation of climate change actions will further advance actions that reduce impacts of climate change and environmental degradation.

- The amended Law on Environmental Protection needs to ensure consistencies in all environmental policy decisions, and consider whether such decisions go against the best interests of children, as well as whether such decisions can bring about undesirable effects on implementation of relevant children's rights as mentioned above. Children should be seen as a vulnerable group, and as such, the law amendment should incorporate provisions where their best interests are considered in all state decisions on environmental protection.

- Besides recommendations on CRC principles as mentioned above, the Law Environmental Protection should include specific articles about abolishment of child labour in polluted workplaces or in hazardous working environment; and about reduction of children's vulnerability to drowning. It is also important to include provisions around responsibilities of polluting facilities.

# How the draft LEP could modernise green laws

**DR. PHAM SY CHUNG**

*Senior Counsel, LNT & Partners*

In light of the pressing need for industrialisation and modernisation, as well as the demands of international economic integration and the unpredictability of climate change, the amendments to the Law on Environment Protection will not only move towards resolving the practical issues facing the environment, but also improve the legal regime on environment protection. An improved legal regime will support the sustainable development of Vietnam.

In comparing the Law on Environment Protection (2005) with the present draft, the fundamental issues concerning environment protection appear to be covered by the draft. New provisions have been updated, supplemented, amended and embodied to bring it in line with practice. The current draft focuses on clarifying the responsibilities of environment protection agencies on the principle that the State exercises unified management of environment protection, while political and social organisations, NGOs and communities have the rights and obligations to protect the environment.

The financial resources expended for environment protection is also specified clearly (from designated expenditures for environment protection). The draft also emphasises a green growth strategy, encouragement in developing ecological industries and urban zones, and encouragement in producing and consuming environmentally friendly products.

The highlights of the amendments and supplements are arguably those on the planning of environment protection, under which subjects have to conduct environmental impact assessments and adopt environment protection commitments as set out under the Law on Environment Protection (2005), as well as the limitation of subjects that must propose commitments and the provisions on environment protection against climate change.

In order to avoid overlap with the Law on Marine and Island Resources and Environment under which the Ministry of Natural Resources and Environment is primarily responsible, the draft only provides

a Chapter on “marine and island environment protection” to set out the relevant principles, rather than specific regulations.

However, as a step towards completing the amended Law on Environment Protection, the following points should be considered:

## **The relationship between the Law on Environment Protection and other relevant laws**

In order to avoid overlaps or conflicts with other laws (e.g. the Law on Construction, Law on Land, Commercial Law, Law on Investment and Law on Minerals), all of those provisions should be reviewed to ensure compatibility. For instance, the period of planning environment protection and socio-economic development is 10 years while the period of planning urban areas is 20 years.

Specifically, for the protection of marine and island environments, the new law should avoid overlap in contents already provided in the current draft Law on Marine and Island Resource and Environment. Similarly, it is unnecessary for regulations on resources for environment protection to be specifically stipulated in the present draft because this matter has been clarified in the Law on State Budget and the Law on Environment Protection Tax.

## **Regarding the articles in the draft, the following provisions should be considered:**

- The provisions on environment protection in crafting villages and environment protection in manufacturing, trading and service provision facilities in the current draft are inappropriate, infeasible and ambiguous in distinguishing the concept of “crafting village” and “manufacturing, trading and service provision facilities” (enterprises). Crafting villages are different from official enterprises due to their outdated production technology and traditional management. Hence, the application of sanctions for violation of environmental regulations imposed on the enterprises to crafting villages is unreasonable.

There should be further careful consideration on whether the provision on establishing the organisations in charge of

environment protection in hamlets and villages is feasible. This is because at present, the hamlets and villages operate on a tight budget.

- The provision on management of pollution in cemeteries is not unreasonable, and the allocation of only one article to this matter is insufficient and does not clarify its scope. For instance, burials and cremations may lead to pollution of the soil, water and air. This matter should be provided in a separate chapter.

- Regarding the environmental impact assessment, there should be consideration ensuring that the environmental impact assessment is of quality and objective, and should not be two stepped to streamline procedures and save costs.

- Regarding environment protection for the import of scrap materials, more specific and coherent provisions on the import of scrap materials for manufacturing purposes should be reviewed and supplemented. There should also be additional provisions on technical barriers (e.g., listing scrap materials that may be imported or listing the criteria for quality) with a view of preventing abuse of the system of allowing the import of scrap materials to also include the import of waste and toxics into Vietnam.

Regarding the technique for developing legal documents, there are some ambiguous provisions such as “Projects having adverse impact on environment” and inappropriate use of wording such as in “sustainable production and consumption”.

Moreover, due to some vague provisions, further guidance in decrees and circulars is needed. For example, some articles provide that the responsibilities of the Ministry of Natural Resources and Environment and the Provincial People’s Committee are to consult agencies in relation to the process of developing national and provincial environment protection plans. However, in order to implement this provision in practice, the authorised agencies have to promulgate joint circulars.

We hope that the amended Law on Environment Protection will soon be passed and applied into practice so as to contribute to the sustainable development of Vietnam.



Project owners' responsibilities are clearly defined in the draft LEP

## The clear benefits of transparency

The draft amended Law on Environmental Protection's guidelines on Strategic Environmental Assessment (SEA)s and Environmental Impact Assessment (EIA) reports have been simplified and outline the obligations of implementers as well as appraisal by authorities and dialogue mechanisms with community stakeholders. The content is welcomed and appreciated from both institutional and legal points of view says JICA expert **Tomisaka Takashi**.

### A positive step toward economic development and environmental protection

To integrate environmental consideration right from the planning stage, the role of SEA is really important.

The guiding role of strategies, master plans and socio-economic development plans which are serve as the primary strategies, is very important in Vietnam. Reflecting warning and preventive measures taken from EIA implementation in those strategies is therefore critical.

Also, by looking through the lens of environmental protection, efficiency can be improved and economic pressures can be eased. Therefore, the Law on Environmental Protection (EIA)'s master plan for SEA is a big step in the right direction for Vietnam's socio-economic development and environ-

mental protection.

Additionally, the responsibility for environmental protection is clearly put in the hands of the Ministry of Natural Resources and Environment and other related ministries and bodies, and the role of provincial people's committees in appraising an SEA is made undoubtedly clear.

The law would regulate that an appraisal committee is set up by the appraising body, but does not stipulate the selection of members or appraisal methods, which are vital to the quality of SEA reports. These stipulations are expected to be provided in the guiding documents of the amended LEP.

### The responsibility of project owners

Regulations governing EIA reports in

the draft LEP are much clearer than those in previous version – LEP 2005.

It is clearly defined that projects which have the potential to harm the environment and/or society must conduct an EIA. This means the revised law will expand the kinds of projects that have to do EIA reports.

The way to chose which projects could be implemented EIA is the first step to ensure the transparency of EIA procedures. The list of projects which are forced to do EIA in the decree 29/2011/ND-CP was declared, therefore appropriated regulations on projects which have to do EIA must be released in the new decree based on the revised law.

Choosing which projects must implement EIA reports is the first step to ensuring transparency of EIA procedures. Projects which must conduct EIAs was

outlined in Decree 29/2011/ND-CP, and therefore this decree will also have to be amended based on upcoming related revisions in the LEP.

In terms of conducting EIA reports, project owners' responsibility is clearly defined in the draft LEP. Even if they outsource this to consultants, project owners are still responsible for the completion and content of the reports.

Also, the amendments concerning the initial regulation-assessment phase and re-assessment phase are helpful in clarifying the process by which to conduct EIA reports. While this is still fairly limited in the draft, it is a positive move forward.

EIA report contents have been reorganised in the draft as well, as in the current law there is overlap, for example, between articles 20 and 23. EIA reports must be monitored closely in the coming time to ensure all the functions of the law are activated.

In particular, the selection of content and research, measurement and assessment methodologies requires careful debate. It is essential that EIA reports are detailed and fully transparent.

The amended law is also expected provide regulations on hiring consultants to prepare EIA reports. Although project owners take the full responsibility of the quality of the reports, hiring licensed consultants who have adequate techniques and methodologies is a solution to ensure EIAs are reliable. Licensing procedures are expected to be clarified in guiding documents of the amended LEP.

### Strong measures

Another important factor in the draft LEP is the requirement that projects have a certificate of environmental protection granted by the government. This certificate would only be granted after an enterprise submits its EIA report, environmental protection plan, and other related documents to the local Department of Natural Resources and Environment.

Environmental protection solutions and technical standards are now part of EIA reports and are required by law, according to the amended LEP.

As a result, enterprises must not only follow the LEP but also have to strictly take and follow measures to protect the environment as defined clearly in their EIA report.

Compared to EIA regulations in other

countries that only anticipate, measure and assess the impact of a project on the environment and separate reports from environmental regulations, Vietnam's EIA policy is a strong tool in the environmental protection process.

Those legal documentations bring about both advantage and disadvantages to the EIA owner. The advantage is that the EIA contains solutions and technical standards based in the existing legal regulations. This makes easier to put through the approval process of EIA.

These new additions are a double-edged sword for projects. One advantage is that the EIA would include solutions and technical standards based on existing regulations and the EIA approval process would become easier.

However the disadvantage is that it would take time to improve environmental

protection technology if regulations change and this would undoubtedly require yet another revision to EIA policy.

To reduce the consequences of this disadvantage, policy makers need to consider how to make EIA reports appropriate with updated regulations.

In my opinion, guidelines on technical assessments and simplifying EIA procedures should be addressed in the coming time.

Apart from that, since EIA has its legal role, the government needs to strictly monitor reports' contents and instruct projects' owners to obey and release future policies and comments on their reports.

For appraisal bodies such as the Ministry of Natural Resources and Environment, more than just checking the content of EIA reports, they need to study and use information therein toward future policies and law.



Environmental protection solutions and technical standards are now part of EIA reports

# Voice of the people enhanced by draft law

Vietnam Association for Environmental Impact Assessment chairman **Nguyen Khac Kinh** tells Thanh Tung that one of the major highlights of the revised Law on Environmental Protection is the greater rights for the public to access the implementation, compilation and appraisal of environmental impact assessment reports.

## How important is the public's right to access environmental impact assessment (EIA) information and how have these rights been implemented in Vietnam so far?

Most people's awareness about EIA currently remains limited, because they don't really know what EIA means. In addition, people suffer from a lack of information, and even if they can access some information, such information is general and one-sided. So the revised Law on Environmental Protection (LEP) would need to prescribe regulations on promoting such information and the right to access such information for all stakeholders including the public. One of the most effective tools to ensure this becomes feasible is to make public consultations compulsory during the EIA process.

Public consultation is described as "community consultation". Besides the public, consultation must be conducted with stakeholders such as authorities at all levels, socio-political organisations, non-governmental organisations, research institutes, universities and experts. Public consultation for EIA is vital, not only to seek support from the public, but also to understand local habits, custom and culture, and access local knowledge at locations hosting projects.

Consultation is also aimed to raise public awareness about environmental protection. Authorities and investors will have to publicise project details and their impacts on the public. If the public don't understand the information and solutions to counteract or reduce the negative impacts of projects, they may oppose them. However, if they well understand these problems, they could actually offer support and facilitate enterprises to implement their businesses. Public



consultation is therefore very important to ensure the effectiveness of local environmental protection and sustainable development.

Consultation must be conducted during the implementation, compilation and appraisal of EIA reports. However, under the LEP issued in 2005, public consultation was not included in almost EIA steps, except in the concluding stages.

Furthermore, the lowest administrative level able to provide comments and feedback included communal people's committees and representatives of the community at locations affected by the projects. However, the LEP 2005 failed to specify who that community was. A regulation later defined that this representative was the commune-level Vietnam Fatherland Front.

However, I think that these two organisations can't be considered to be the actual local community, because the people's committee is an administrative body, while the Vietnam Fatherland Front is a socio-political organisation and part of the political system. So it can be said that the public's actual role remains very limited or even insignificant in the EIA process.

## How should this requirement be stipulated in the revised LEP?

Firstly, investors must conduct consultations during all the steps of an EIA report, especially in determining the scope of the EIA; investigation, surveying, information collection and research on what and who would be affected by projects (including both the environmental components and people); drafting of solutions to maintain

the positive impacts and ways to reduce or eradicate negative effects; the drafting of programmes or plans on environmental management and environmental monitoring during project implementation; and finally consultation about the content of EIA reports. As I said previously, the drafting of an EIA report is actually the final step.

Secondly, the agency in charge of appraising and approving EIA reports must conduct consultations during the appraisal and approval stages for these reports, including consultations during on-the-spot surveying and examinations.

Thirdly, a diverse range of views needs to be provided through consultation. Consultancy providers are selected based on the size, characteristics and locations of projects. The following people and organisations must be selected for consultancy, based on their priority and the level of impact such projects would have on them:

- I Individuals and groups of people (community) directly or indirectly affected;

- I Enterprises directly or indirectly affected;

- I State bodies, socio-political organisations, non-governmental organisations and other organisations relevant to and/or interested in the project and impacts;

- I Research institutes, universities, experts experienced and/or interested in the project and impacts; and

- I Individuals and organisations benefiting from the projects.

Fourthly, there must be compulsory plans to strengthen capacity for relevant state management bodies and to ensure all necessary conditions; particularly that human resources and finances are available for them to properly conduct these consultations. This is also to ensure these consultations become a reality and not perfunctory as is currently the case.

## How can state bodies and enterprises be made obliged to canvass the public for consultations?

Firstly, public consultation must be made concrete in the revised LEP as I previously mentioned.

Secondly, there must be a compulsory mechanism on publicising information to the public about the content of any project, the implementation of EIA and its content,



**Public opinion and feedback could be the greatest strength of the revised LEP**

and the appraisal and approval of EIA by state bodies.

Thirdly, there must be strict sanctions to punish cases where projects proceed without consultation or where consultation processes fail to satisfactorily take place.

Fourthly, ways of raising public awareness need to be improved and diversified, so that the public can have better understanding about the role of consultation and what solutions are available to deal with the findings of any such process. The public should know more about the contents of EIA and its implementation, and the reasons given for the approval of an EIA report. All these will equip the public with sufficient basic knowledge so that they can make comments and feedback on environmental activities by businesses.

#### **What will be the biggest challenges for creating a high-quality EIA report, in terms of consultation?**

Regarding EIA consultation, many challenges currently remain. Consultation doesn't really exist in any major form, there's currently only the need to file an EIA report.

Those allowed to involve in the consultancy process are limited. Currently, only the communal people's committee and representatives of inhabitants in locations home to projects are entitled to provide consultancy. However, who those representatives are remains unclear.

Actually although investors are obliged to conduct consultations, it is the communal people's committee must undertake this

consultation, and the committee has almost no capacity. At present, each commune has only one member of staff in charge of land problems who also works on environmental issues.

After the LEP 2005 was issued, some proposed that the land staff be renamed environmental staff, so that the commune's environmental protection responsibility could be highlighted. However, the proposal was turned down because the renaming would result in no salary payment for the staff. At present, the state pays absolutely nothing to environmental staff in communes.

Additionally, almost all land staff in communes are not equipped with basic

knowledge on the environment or on EIA reports. Some communes even task environmental management to their legal staff who also have no environmental and EIA knowledge.

#### **How do foreign countries facilitate public access to EIA information?**

Many foreign countries often don't have sub-law documents as Vietnam does. Their environmental laws are prescribed with feasible details without needing sub-law documents. Information publicity and the public's rights to access environmental information in general and EIA information in particular are always based in their documents on the public's rights to information and are wholly protected by the law.

The provision of information and rights for public to access to such information is an embedded habit and obligation, because authorities and enterprises don't want to violate the laws.

Countries have their own ways to publicise EIA information, such as distributing leaflets on specific projects and EIA reports. Such information can be also found on the internet and public places such as libraries, local government buildings and local community clubs.

These shortcomings in accessing EIA information has been one of the biggest causes behind poor-quality EIA processes in Vietnam. Consequently, a large number of cases involving heavy pollution have happened. Experiences from some countries have shown that poor EIA processes will lead to serious environmental pollution which in turn has directly affected the public.

#### **MAI THANH DUNG**

*Head of the Environmental Impact Assessment and Appraisal Department under the MoNRE's Vietnam Environment Administration:*

Transparency is required by and is an inevitable quality of any civil and democratic society. As such, seeking input and feedback from the public during the processing of conducting environmental impact assessment (EIA) reports by investment projects must also be made clear and transparent. This leads to an open system of environmental protection and management. For developing nations, public consultation is a must for any project financed by developed nations and international organisations.

In Vietnam, public consultation during the implementation of EIA reports is mandated under the Law on Environmental Protection issued in 2005. Accordingly, investors have to provide basic information on and solutions for projects to mitigate negative impacts on people and allowing them to provide their ideas and responses as well as suggestions.

Of course, some of those people consulted may have no knowledge about environmental management and protection. But if investors make their projects' information clear and transparent, the public will have a better understanding about both negative and positive aspects.

EIA reports are compiled during the preparations for investment projects. The consultation is conducted at the same time the reports are being compiled. This can make the process longer, but also is very useful to investors in avoiding economic risks and losses resulting from the potential complaints and lawsuits either during the building or operations phases.



# Public consultation for environmental impact assessments reports needs clearer provisions

The revised Law on Environmental Protection needs to embrace more specific regulations on public consultation regarding environmental impact assessments writes, Professor **Le Thac Can** from the Institute of Environment and Sustainable Development.



All socio-economic development projects have an impact on the environment and local communities.

In order to limit negative impacts, governments and international organisations have stipulated that project dossiers must include environmental impact assessment (EIA) reports.

An EIA report must accurately and objectively describe all the possible environmental impacts of a project. It must also include solutions to protect the environment, while benefiting local communities.

An EIA report consists of an outlined commitment by the investor to authorities and the public about the positive impacts of any project as well as any preventative measures they intend to take to minimise environmental damage.

The authorities and the public must have the right to know and discuss the contents of such draft and final reports so that they can contribute to its implementation. That's why it's common international practice to publicise their contents.

Public consultation intends to make the report more accurate and feasible. The costs of public consultation are included in the total costs when compiling an EIA report.

According to the World Bank, public consultation does not necessarily delay the implementation. Contrarily, a project without an EIA report with sufficient public consultation is often delayed and when it is

implemented, the results are worse than a project with a well-prepared EIA report.

The Asian Development Bank (ADB) has also stipulated that any ADB-backed project must be based on a well-prepared EIA report. Since the 1990s, many Asian nations have forced all EIA reports for state-funded projects to include public consultation.

## Public consultation

The EIA's public consultation process must include a variety of activities.

The project's owner or the compilers of an EIA have to give the public all information on the project's goals, and activities associated with the project's completion. All details about the project like time, place and pace of implementation and those responsible for the project also have to be made public.

The project's entire socio-economic and environmental impacts on the location hosting the project, surrounding areas, and the local community need also be announced to the public. Additionally, the owner must specify solutions to possible environmental impacts. The public also need to be provided with information about how the project owner intends to cooperate with the public.

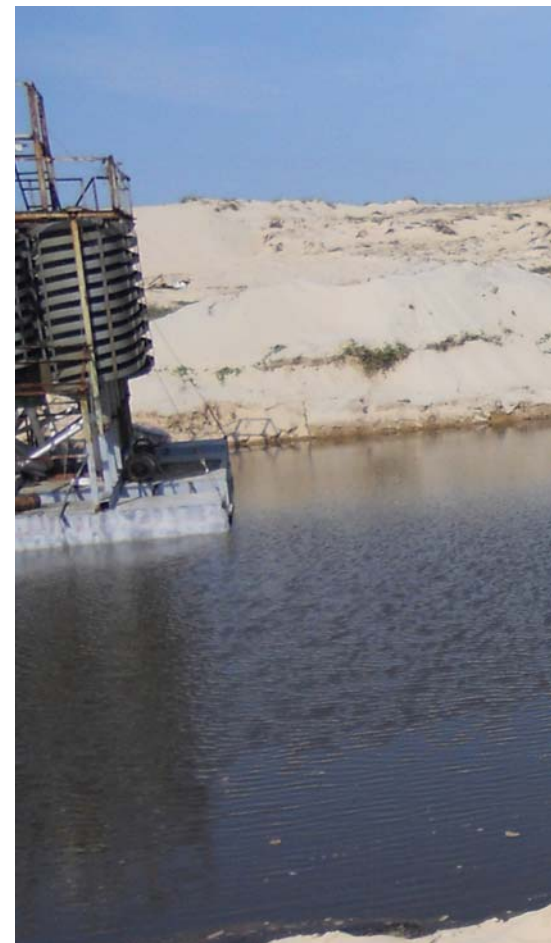
Before and during consultation, the public need to be provided with clear documents which outline the project's details and possible positive and negative impacts. These documents are drawn up based on

the draft EIA report.

At public consultation meetings, public concerns over EIA reports should be explicitly explained via fact-sheets, information, data and analysis. Also, solutions agreed by the public and ways of resolving issues of disagreement with the public should be made clear.

Additionally, the public's feedback and assessment on the EIA report must be announced at the meetings. Project owners must vow to be open to such comments.

It is also common practice to ensure that public consultation must be conducted for EIA reports after the project is completed. This is to examine how seriously the project owners have implemented the official conclusions from the approved EIA reports.



Socio-economic and environmental impacts on the location

### Who provides feedback?

Those allowed to participate in public consultations for EIAs depend on the regulations of each country or organisation funding projects. International experiences from many nations and international organisations operating in Vietnam suggest that communities directly affected by the project's impact should be able to participate, with perhaps these being local people's committees at all levels in charge of natural resources and environmental management in the areas hosting projects, whether at a commune, district or provincial level.

Civic organisations and agencies operating in natural resources and environmental protection in locations home to projects should also be able to provide comments for EIAs.

Members of the public with an understanding of the project's impact and wanting to contribute to bettering the project's EIA should also be able to comment.

International and regional organisations

and foreign experts experienced in dealing with natural resources and environmental issues could comment on the project's EIA but only if invited by a local organisation in charge of commenting on the EIA.

### How public consultation should be specified in the Law on Environmental Protection (LEP)

Public consultations on EIAs would rely on the contribution from scientific and technological experts. Consultations would need more time, effort and money, which would vary based on the type of project.

In Vietnam, many socio-economic development projects have had their EIA reports prepared by people's committees and natural resources and environmental management agencies at all levels, with input from local people and other organisations.

Such projects that conducted EIA reports include the Son La and Lai Chau hydropower projects and Ho Chi Minh Highway.

These experiences have not been sufficiently reflected in the existing LEP issued in

2005.

Under the existing LEP, public consultation is conducted with people's committees and representatives of people in communes hosting such projects.

Meanwhile, the law fails to stipulate the rights to participate in so-called public consultation for socio-political agencies operating in natural resources and environmental protection in locations hosting such projects, local experts or international and regional organisations, and foreign experts.

Therefore the existing LEP's public consultation regulations are applicable to EIA reports of small and medium-sized, but not major projects.

Also the public consultation process in the EIA reports of many national-level major projects on nuclear power, motorways and bridges under implementation may not produce reliable results if conducted under the existing regulations.

Hopefully the revised LEP expected to be adopted by the National Assembly this May will include regulations on bigger public consultations.



hosting the project and surrounding areas must be announced to the public

# Environmental licensing needs greater clarity

**BY DR. NGUYEN KHAC KINH**

*President of the Vietnam Environmental Impact Assessment Association*

A lack of clarity in procedures addressing environmental licensing has shown the need for a separate chapter on this issue in the draft Law on Environmental Protection.

The Law on Environmental Protection (LEP) 2005 does not have a specific chapter on environmental licensing. However, the law covers activities such as certifying and granting environmental certificates and codes, and the like. Such activities are per se compulsory administrative procedures firms must finalise before starting operations to ensure environmental protection requirements are satisfied. Therefore, these kinds of documents are commonly regarded as environmental licenses and such activities, environmental licensing.

There are also different kinds of such 'licenses'. For example, a project developer must conduct an environmental impact assessment (EIA) report and follow requirements that result from that report before starting operations. A project may also have to get technical certification to use harmful machinery, equipment or chemicals and there are certificates for businesses that have waste management and/or treatment facilities.

Such licenses ensure businesses' operations are not harming the environment by opening them up to environmental criticisms. However, there have been numerous problems with this system.

Most apparent was the regulation requiring developers, before bringing their operation on-line, show evidence proving they had fully implemented the aforementioned EIA requirements.

The problem is that EIA reports consist of different content covering the four stages of project implementation, including the preparatory stage (land acquisition and residential relocation, etc.); construction (building main and auxiliary works); commissioning (putting project into operation); and closing of a project (partly or all).

Environmental protection demands at each stage are diverse and some stages are completed so quickly that there is nothing left to confirm it was done correctly, such as site clearance, measures to reduce dust or noise, or waste management measures.



**Increased entry of service providers will help build a greener environment**

Under current regulations, checking and approving EIA report contents is handled when a project completes its construction. So how will authorities know whether the developer followed their requirements or not?

Moreover, several areas pertaining to environmental licensing remain unclear, such as specifying what goods or materials are high-risk for environmental accidents and what kinds of products and equipment may cause environmental pollution.

Another issue is that while organisations and individuals conducting effective waste management activities are given certificates, what of those that are not?

There was also a lack of clarity on the processes and procedures for environmental licenses, as well as who could issue them.

## **The draft LEP must tackle these obstacles**

Accordingly, it needs to define specific terms such as "environmental licensing" and "environmental license".

Environmental licensing should be

defined as the enacting of a document by an approved authority in the form of an environment license or certificate that shows an individual or organisation has satisfied all aspects of environmental requirements and regulations.

Environmental licenses should be a document enacted by an approved authority that certifies an individual or organisation has satisfied all aspects of environmental requirements and regulations.

There should be a separate chapter on environmental licensing in the amended LEP that contains the following:

Firstly the different kinds of environmental licenses should be made clear. Secondly, licensing procedures should be tight, clear and transparent without conflicts between other licenses and laws. Finally, it should ensure quality, impartiality and engagement of all affected or involved parties.

Apart from that, there should be greater clarity in terms of the content of environmental licenses, the responsibilities of licensing bodies, and ensuring resources to realise targets.



Unlike authorities, people have a real world view on the direct effects of pollution

## Involving the community in consultations

A key change in the draft amended Law on Environmental Protection (LEP) is the requirement for public (or community) consultation in the environmental impact assessment process. One question being raised is whether the process could cause delays to projects due to a lack of awareness and knowledge on this subject.

### BY THANH HA

Director and founder of the Law and Policy of Sustainable Development Research Centre (LPSD) Tran Thi Huong Giang said it is unreasonable to claim that public consultation in assessing projects' environmental impacts would prolong their timetables.

Trang cited studies by the Institute for Industrial Policy and Strategy under the Ministry of Industry and Trade, conducted in diverse locations nationwide including Ho Chi Minh City, Dong Nai, Thai Nguyen, Hung Yen and Danang, which showed that pollution violations at industrial parks were mostly discovered by local people.

These people did not assess pollution based on common indicators, but rather on their perception of a project's impact on their health and life.

"Local communities have the right to raise questions and to require a project developer or authority to take into account their concerns before approving a project," she added.

She continued by saying, "In appraising a project's environmental impacts, the public often analyses potential impacts on their life, health and the environment, but

not on its technical aspects. When there is need for such technical assessments, this is the work of professional experts."

She went on to say that "Stakeholder communities have the right to express their concerns and require a developer or judging panel to make changes. They are also accountable for supervising and overseeing a project's implementation to ensure the developer keeps their environmental commitments as per their EIA [Environmental Impact Assessment] report."

In respect to businesses' worry that the process of public consultation would slow projects down, deputy head of the Internal Affairs division under An Giang province's Party Committee and deputy head of the Central Steering Committee on Judicial Reform Nguyen Hanh, said there was always a give and take, but that public consultation was necessary as the environment directly impacts people first.

"Some businesses have voiced concerns that local residents might reject a project because they don't understand it. In that case, the project should educate people on the importance and quality of the project," Hanh said.

One expert in the field said that in fact

there were cases where local people conducted poor assessments due to low qualifications. But public input on projects' EIA reports would be later reviewed and appraised by a judging panel, so these outliers would have little effect.

"It will be better if people and organisations directly affected by a project are well informed about it, that way the judging panel will not be reviewing a below par EIA report and sending it in to a higher authority for approval," said the expert.

In fact, not every project needs community consultation. The amended LEP draft stipulates that investment projects upgrading their production, business or services that have already had their EIA reports approved in the original stages will not need to seek community consultation anew.

Trang from LPSD noted that the amended LEP also sets aside a suitable timeline for related parties to handle their rights and obligations. The developers, therefore, need to work out a suitable timeframe to balance the different responsibilities in setting up projects.

"Under such regulations, the amended LEP would enable project developers to carry out their obligations on schedule, as well as ensure the rights of all stakeholders, including the public," Trang said, asserting that public consultation was necessary to fully assess a project's environmental impacts.

# Organising green growth at the grassroots level

The draft amendments to the Law on Environmental Protection, scheduled to be adopted by the National Assembly next month, enhances the public's role in consultations with project owners and authorised agencies. What is left to understand is what administrative level is suitable to represent the public to ensure the process is practical and effective? **Nguyen Thanh reports.**

Recently, hundreds of people in Thua Thien-Hue province's Tu Ha town besieged Hong Kong's Luks cement factory. They required compensation to be paid for environmental damages caused by the plant. They also required the firm to provide insurance for workers and pay for resettlement of affected households.

The locals said the factory had been polluting for years and had also violated labour regulations and resettlement commitments. Notably, throughout the factory's construction and operations they said the managers had never held a dialogue on this issue with the community.

Far in the North, residents of Thach Son commune in Phu Tho province never realised that the industrial projects in the area were causing such tremendous harm to the air and land, as well as menacing agricultural production and threatening human health.

A recent survey by the Centre for Law and Policy of Sustainable Development Research showed that information collected by various media sources suggests the incidence of cancer in the area has been abnormally high for some time though there are no publicly official records for cancer statistics in Thach Son. Since 2006 the statistics are troubling.

The centre's director Dang Dinh Bach said the locals should have been consulted before these projects went into operation. "If they had, the projects may not have been built and this disease would not be attacking the inhabitants," Bach said.



**As they are on the front-lines, it is vital that the public be consulted and heard**

Recently, the Research Centre for Gender, Family and Environment in Development, a non-governmental organisation in Hanoi, conducted a survey on the effects of mineral exploitation on people in Yen Bai and Ha Tinh provinces.

Results show that not a single local person was consulted on the projects. "Grass-roots authorities often played a passive role in making decisions to license mineral exploitation projects. Procedural consultations were often made which failed to notice local people," said the centre's executive officer Pham Kim Ngoc.

"Since these projects started three years ago, my family's life has become increasingly difficult because their excavated land has filled our rice fields," said one woman surveyed. "The projects have also caused flooding of other fields."

According to Nguyen Khac Kinh,

president of the Vietnam Association for Environmental Impact Assessment, it is important for the public to be consulted on environmental issues, as they were the direct victims.

Under the draft amendment to the Law on Environmental Protection (LEP), public consultation has been underscored with a regulation that project owners must consult with the people's committees of communes hosting projects and the community that could be directly impacted by such projects.

"Community" includes socio-political and social-vocational organisations as well as local communities. Public consultation is conducted via a meeting hosted by a project investor in collaboration with the communal people's committee.

The committee is also entitled to access information and give feedback on projects as well as dialogue, supervise and access to

environmental survey, and requires authorised agencies to sue and compensate for environmental violations.

However, the United Nations Development Programme (UNDP)'s Sustainable Development Cluster head Dao Xuan Lai said the revised LEP should consider a hamlet-level as representative of the public's interest. This would help people to have more direct dialogues with project owners and authorised agencies on environmental issues.

"The hamlet level should be given this right. The new LEP should clearly include hamlets as representative of the public. In foreign countries this definition is very clear," Lai said.

Echoing this view, Bach said that if the revised LEP allowed the public consultations to be organized in hamlets under specific regulations, people may be more able to express their concerns about environmental risks.

According to professor Truong Quang Hoc, an economic and environmental expert from Hanoi National University's Economic University, most ordinary people have limited access to environmental information about projects based in their

“

*The new Law on Environment Protection should clearly include hamlets as representative of the public*

localities, though they are on the front-line of its effects. This is one of the main reasons behind many environmental lawsuits and limited enforcement of the existing LEP. The new law should therefore define hamlet as the lowest level representing the public's interest.

Lai said the stipulation that hamlet would be the lowest level representing the public's interest would help more people join in the process between enterprises and authorised agencies. "Therefore they can access more information and consultation."

Duong Hoang Huong, deputy head of

Phu Tho province's National Assembly delegation said the draft law only stipulated investor's responsibilities and consultation mechanism and did not clearly defining people's rights to join in the consultations. It does also not clearly show the role, significance and impacts of feedback and comments during appraisal and approval of a project's environmental impact assessment reports.

"The new LEP should clearly define what rights the public has in terms of being consulted on environmental issues and participating in supervising a project's environment related activities. These regulations will contribute to ensuring the law's enforcement," he stressed.

Kinh added that when the public was consulted, it should be directly with people rather than administrative representatives. He said if consultations were done through representatives, the level of authority to represent the public should depend on the scale of the project. For example, if the project impacts a hamlet, the representative would be the hamlet's head. If localities establish an organization to represent their interests, and they will, this group would replace the former representative.



Public consultations at the hamlet level would streamline the people's involvement in environmental issues

# Revised LEP irons out EIA report expectations

The specific conditions for organisations providing environmental impact assessment services, outlined in the new Law on Environmental Protection, are aimed at improving the quality and professionalism of this market in Vietnam. **Thanh Dat** reports.

Many experts have praised the new regulations for their specific conditions in terms of organisations and individuals who can carry out environmental impact assessment (EIA) services, particularly as Vietnam is home to many poor-quality EIA consultants.

According to lawyer Tran Trong Binh from French-backed law firm Audier & Partners Vietnam LLC, clearer regulations for EIA service providers would force sub-standard organisations out of the market or into improving their services and would also lure more experienced foreign providers.

"At present, the lack of operational criteria for EIA services has prevented foreign providers from operating in Vietnam, though it has already opened the market, he said.

According to the head of the Sustainable Development Cluster at the United Nations Development Programme Vietnam Dao Xuan Lai, a bigger EIA market would help enterprises reduce costs and access high-quality providers.

"To ensure their EIA reports meet authorised agencies' requirements, enterprises have to accept high outlays," he said, adding that "Meanwhile, such reports are often poor quality as the providers are not professional."

Commenting on these new regulations, Ryuji Tomisaka, environmental policy expert at the Japan International Co-operation Agency, said that in Japan firms would only accept high-quality EIA service providers.

"We appreciate that the new LEP draft clearly has standards for EIA consultancies because this task requires multi-faceted research such as observation, analysis and forecasting, as well as simulation. Professional expertise is needed to ensure scientific and effective EIA," he said.

"Hopefully the provisions in the new LEP will improve the institutional framework for Vietnam to be more open to environmental services that are critical to Vietnam's sustainable development," Tomisaka said.

Echoing this view, Nguyen Khac Kinh, chairman of the Vietnam Association for Environmental Impact Assessment said

private EIA providers were all over the world. Indonesia has an independent agency specialising in making EIA that has its operations stipulated in the country's environmental law. South Korea has an association whose members are EIA providers that operate under common strict rules.

"The specific regulations on EIA organisations will mark a big change, and help to create a competitive EIA market that attracts foreign providers as well. The challenge now is how to develop a strong local EIA workforce," he said.

Though the economy opened to EIA services in 2007 when Vietnam joined the World Trade Organisation (WTO) in 2007, this would be the first time Vietnam has stipulated specific conditions for organisations providing these services in the Law on Environmental Protection (LEP), expected to be adopted by the National Assembly in May.

The draft explicitly states that organisations which produce EIA reports must have qualified officials and staff, with certifications authorised by the Ministry of Natural Resources and Environment (MoNRE). EIA organisations are also required to employ specialised staff with relevant university qualifications.

The draft also requires such organisations to "have qualified techniques for measurement, analysis and evaluation of the environment." To carry this out, it is stipulated that organisations must have technical establishments and specialised equipment to measure, take samples, process and

analyse environmental samples.

"The regulation on EIA certification is aimed at enhancing the professionalism and responsibility of those engaging in environmental protection. This is important, as it helps improve the quality of reports," said a Ministry of Natural Resources and Environment report about the draft LEP.

"One of the biggest causes behind Vietnam's increasing environmental pollution is that EIA reports done for enterprises are low-quality as they are often done hastily. Also, in some cases firms have managed to just copy a report from one project onto another, as was done with the Song Tranh 2 and A Vuong hydropower projects. Their reports are nearly identical," said Tran Xuan Vinh, deputy head of Quang Nam province's National Assembly delegation.

According to many experts however, the most important factor is not the quality of EIA reports but also how they are implemented and supervised once a project goes operational. To this end the quality of EIA appraisers must also be approved.

"The draft LEP fails to specify how EIA reports will be implemented and supervised," Lai stressed.

Experts have said that to effectively implement and supervise EIA reports, the new LEP would need to strengthen the ministry and departments of natural resources and environment's supervision of and enforcement that environmental regulations are followed.

"If these agencies cannot accomplish this, they need to employ private EIA monitoring/inspection organisations. The new law should include guidance that they do so," Lai suggested.

A further point of contention in the new draft is the fact that "consultant service organisations that make EIA reports are responsible to the project owner and the law for the information and data they have produced in that report."

The Ministry of Justice has argued that this regulation is "unsuitable to the nature of the consultancy." It explained that in principle, consultancies were only responsible to investors under a contract. EIA reports made for them are for reference only. Investors have the right to use or not use the reports and thus organisations are not responsible before the law for the information and data they create in a report.



*The lack of operational criteria for EIA services has prevented foreign providers from operating in Vietnam*

# Enterprises need more clarity on environmental role in LEP

At its 7th session of the 13th Legislature, the National Assembly is scheduled to adopt the amended Law on Environmental Protection. The draft law still contains unclear provisions concerning the role of enterprises in protecting the environment and therefore businesses may have difficulty with implementation.

**BY NGUYEN MINH DUC**  
VCCI Legislation Department

First is the regulation on environmental protection planning, which has the biggest impact on enterprise performance, particularly in the zoning of areas for preservation and development. Environmental protection planning means authorities can allow which geographical areas can or cannot be used for economic development.

The problem with this is a lack of legal regulations for business and production activities in these areas. This point is likely to be of great interest to businesses. The questions are what economic activities will be banned in preserved areas and what regulations will be used for enterprises operating in an area marked as preserved?

Second is the regulation requiring preliminary environmental impact assessments. This is a new regulation, and its potential impact on enterprises remains unclear.

In addition to implementing an environmental impact assessment during the initial phases of a project, enterprises will also be required to submit an environmental impact assessment in the pre-feasibility study stage.

This regulation can help project owners control environmental risks right from the beginning, avoiding potential losses if the assessment fails to be approved. However, it will become another administrative barrier, and as such it is necessary to clarify what kinds of projects need to conduct environmental assessments.

Third is the regulation on inspecting and approving an environmental protection facility before it becomes operational. During the drafting process, merging this procedure into standard inspection practices has been proposed. If they are combined it would be more convenient for enterprises as many have difficulty setting a date for the beginning of an environmental protection

“

*It will become another administrative barrier, and as such it is necessary to clarify what kinds of projects need to conduct environmental assessments*

facility's operations and therefore more difficult conducting the inspection of said facilities.

Fourth is the regulation on environmental protection commitment. This regulation was removed from previous drafts, but has been re-added to this version. Initially the drafters planned to replace a commitment with an overall environmental protection plan. This was because environmental protection commitments were submitted without being examined, and therefore had little effect on realising environmental protection.

Fifth is the regulation on environmental protection planning, which is a new obligation. Businesses will have to make an initial environmental protection plan when they begin operations or when the new Law on Environmental Protection comes into effect. The plan will be a legal base for authorities to perform inspections and examinations. Under previous drafts this regulation was only applicable to enterprises whose operations produced pollutant waste.

Sixth is the regulation on obtaining a certificate on environmental protection activities. Under the draft this certificate would certify that enterprises have all the

necessary conditions to engage in environmental protection services such as conducting environmental assessment reports, issuing environmental protection certificates and plans, and other services related to collecting, transporting and treating waste and consulting on, designing and constructing environmental protection works.

However, a key question is whether environmental protection activities will become a passport for enterprises to access incentives, despite them having no real activities? In reality, many enterprises which have such activities want to receive tax, land and customs priorities but cannot as they have no evidence showing the right.

Seventh is the regulation on environmental monitoring. The draft has tasked the Ministry of Natural Resources and Environment to issue a list of wastes and guide the monitoring of wastes for production and business establishments. This would mean that some enterprises will have to perform an obligation on monitoring their own wastes. They can do it or have it done, and then report monitoring results to relevant state agencies.

Despite some concern over the possible complications arising from this regulation, it is unclear which enterprises will have this right and how it would be managed. Thus, it is difficult to determine the impact this regulation will have on enterprises.

Eighth is the regulations on enterprises' responsibilities to protect the community. In the draft, business owners are required to provide the public with chances for dialogue and written answers to their questions. All information regarding environmental protection activities must be fully transparent.

This is a new regulation aimed at creating openness between businesses and the public. Many enterprises are unsure however at what mechanism would manage this.

Ninth is the regulation on environmental inspection and examination, which requires enterprises to be inspected twice at most in a year, except for businesses engaged in environmental disputes. This regulation also helps enterprises avoid inspections that could interrupt their business and production activities.

It is important that regulations are put in place to ensure businesses follow the environment law, but these need careful review and those that cause unnecessary barriers and over-costly mechanisms should be removed.



# Law should take ‘waste not, want not’ stance

The amended Law on Environmental Protection needs to improve the effectiveness of waste management when it comes to its specific application, writes **Nguyen Trung Thang**, vice head of the Institute for Strategy and Policy on Natural Resources and Environment under the Ministry of Natural Resources and Environment.



## Reduce, reuse, recycle

Measures to reduce, reuse and recycle (3Rs) waste have been used widely for waste management internationally, with priority placed on preventing and reducing waste as a starting point. For example, Germany’s Law on Waste Management issued in 1972 stipulates a rank-based priority principle: Waste prevention and avoidance, recovery and final disposal.

Vietnam has been a member of the Asia Pacific Forum on the 3Rs since 2009. Additionally, Vietnam issued guidance in 2009 on approving the national strategy for the integrated management of solid waste up to 2025 with a vision to 2050 which stressed that “Solid waste management must be performed in an integrated manner to prevent and reduce waste at the source, which is the top priority task, and to increasingly reuse and recycle waste to reduce the volume of waste to be buried.”

The draft amendment to the Law on Environmental Protection (LEP) largely fails to underscore this principle and also fails to highlight incentives to apply cleaner production and waste management at businesses to reduce waste at their point of origin, something the draft should obviously address.

Another issue of no less importance is the application of sound economic tools. Many economies use a pay-as-you-throw mechanism. Some countries have also imposed taxes on waste that needs to be buried, otherwise known as a landfill tax. This mechanism has helped limit waste burial, while encouraging the application of non-burial technologies like incineration, compost processing and biogas.

Therefore the law’s guiding documents

would need to take into account the use of these economic tools to decrease waste in the coming time, and also to limit the volume of solid waste that needs to be buried in the long-term.

## Classification of solid waste

The classification of solid waste produced at source was stipulated in the 2005 LEP and its draft amendment. However, this activity has failed to be implemented at a household level, because waste

burial is commonly employed in Vietnam. Other treatment technologies like compost processing, incineration and biogas remain uncommon. In some pilot projects, solid waste from households has been collected and classified, but they are then brought to landfills. In addition there are no specific guiding documents on waste classification, which is combined with limited public awareness on waste classification.

In order for the classification of solid waste at their point of origin to be successfully implemented, there needs to be flexible treatment methods at different areas. For instance, in rural areas, these methods can include compost processing and burial, with solid wastes classified as recyclable, organic and inorganic. In big cities, the methods can include burial and incineration, with solid wastes classified based on whether they can be recycled, incinerated or treated in another way.

Thus classification of solid wastes needs to be implemented based on the characteristics of each locality, with the combination of the application of burial limiting technologies and roadmaps to construct solid waste treatment facilities. If this proposal is well received, the government’s waste

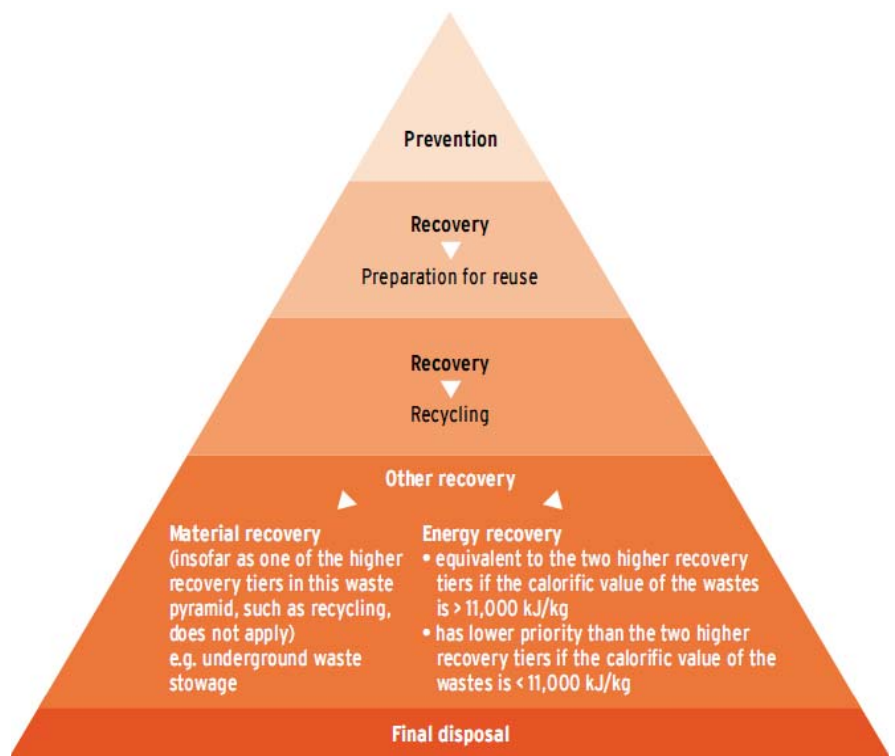


Figure 1. Waste management in Germany. (Source: BMU,2006)

L E G A L I Z I N G A G R E E N E R F U T U R E

treatment policies can be put into practice.

### Specifications on imported scrap

Although the LEP2005 and some guiding documents have stipulated regulations on importing some types of scrap for production, the implementation of the law and documents remains difficult due to many loopholes, such as unclear regulations on distinguishing scrap from waste. Consequently, many enterprises have used the loophole on scrap imports to import waste into Vietnam.

In order to resolve this shortcoming, the draft amendment to the LEP2005 has stipulated that imported scrap must meet environmental technical criteria and must be named in the government's list of scrap allowed for import.

The problem now is how to draft and issue national technical criteria on scrap. Again, this problem has failed to be made clear in the draft law's regulations on environmental technical criteria and environmental standards (outlined in Chapter 11).

The draft law has also included environmental technical criteria for surrounding environmental and technical criteria for waste. However, it has failed to cover any regulations on technical criteria for scrap.

It is therefore necessary to consider and supplement more specific regulations on

technical criteria for imported scrap, and also to reconsider and supplement the concept of "environmental technical criteria" in the draft's glossary in the new LEP.

### Extended producer responsibility

Under extended producer responsibility (EPR), a mechanism widely applied in many countries, producers and importers have to retrieve and dispose of used products. This mechanism can help boost recycling and promote environmentally-friendly products.

In many countries, EPR is stipulated in many legal documents based on product type. For example in Germany, EPR is applied to products such as packaging, batteries, obsolete vehicles, used oil, and electrical and electronic products. Japan has laws for each of type of waste.

Vietnam's LEP2005 and its draft amendment have also outlined the responsibility for producers for recovering and disposing of such products. On August 9, 2013, the prime minister also enacted the Decision 50/2013-QD-TTg on the retrieval and disposal of waste, and the decision's guiding circular is being drafted by the Ministry of Natural Resources and Environment.

In order for the EPR to be successfully applied, there should be good waste collection, recycling and treatment infrastructure, while public awareness on waste

disposal and management must improve. Because each type of waste has its own characteristics, EPRs should be specifically drawn up to deal with certain types of waste.

### Managing environmental and waste data

Waste management data is very important for forecasting and formulating policies, strategies on environmental protection and development of waste treatment facilities. At present, waste management data in Vietnam is not sufficiently collected and analysed. The draft law has also failed to clearly mention this type of data.

State management of waste currently falls under the remit of ministries and sectors like construction, industry and trade, agriculture and rural development, health and transport. Meanwhile, localities are in charge of directly managing waste. In order to develop a good database on waste management, there should be regulations on combining data and sharing such information among ministries and sectors. Localities must also have clear guiding documents on waste management so that they can more effectively manage waste.

If these issues are addressed in the revised LEP and its guiding documents, there should be significant improvements in the effectiveness of the new law.



# Leveraging international experience on scrap

While local experts are arguing over whether Vietnam should ban or continue allowing the import of scrap metal in the draft amendments to the Law on Environmental Protection expected to be adopted in June, **Tomisaka Ryuji**, a Japan International Co-operation Agency expert working at Vietnam's Ministry of Natural Resources and Environment, provides some words of wisdom.

## Should Vietnam ban or not ban the import of scrap metal?

Vietnam should follow the world's regulations on scrap imports and the new Law on Environmental Protection (LEP) should cover an article on this. I think that while Vietnam is trying to develop into an industrialised nation, it will have big demand for materials and scrap for local manufacturing. Obviously local sources of materials and scrap are insufficient, and therefore the country has to import more.

However, Vietnam currently lacks specific feasible regulations and mechanisms in distinguishing material from scrap and waste. That's why many enterprises have used this loophole to import hazardous waste into the country.

Under the Basel Convention on the Control of Trans-boundary Movements of Hazardous Wastes and Their Disposal, all developed and developing countries have to obey strict regulations on the disposal of hazardous waste. However, normally developing countries aren't so strict on obeying this convention as developed countries. I think developing nations like Vietnam should consider a few solutions.

The first solution is that Vietnam should continue banning the import of scraps whether hazardous or not. However, it is very important that the definition of scrap and waste be clearly clear. We have to distinguish material from scrap and waste which are quite different from one another. Another question is who will examine the quality of such imports and where would they be stored? If this is resolved, then Vietnam should import scrap.

The second solution is that Vietnam



should make new regulations to strictly control scrap imports, because the existing regulations seem too weak for the government to manage hazardous waste, while the country's environment has been increasingly polluted to some extent by scrap imports. Many nations have also applied this solution.

However I think in the short term,

Vietnam should continue to ban scrap imports.

## Do you have any international experience in controlling import of scrap?

In order to become an industrial nation, Japan used to import and export scrap decades ago. However, the Japanese government applied many solutions to curb pollution in developing countries caused by exported scrap including hazardous material. For example, Japan has specific regulations on classifying materials, waste, and hazardous waste. At present, Japan have classified and listed more than 400 types of materials.

Additionally, Japan also has strict regulations on scrap imports. When an enterprise wants to import or export scrap it needs permission. After the proposal gets the agreement from an agency, the enterprise must submit an inspection result report on scrap. Only after such an examination is the import allowed. In cases of scrap exports, the firm would need evidence of permission



Increased domestic demand for production materials and inadequate supplies at home has fueled the need for scrap

from the country the scrap is being exported to. Customs are responsible for inspecting the scrap. This system has quickly boosted decision-making processes related to the trade of scrap.

**Do you mean Vietnam should learn from this experience?**

Yes. Some Japanese enterprises currently want to implement recycling projects in Vietnam. They will import scrap from Japan or other nations for processing in Vietnam, and products will be exported. However, the Vietnamese government eight years ago banned importing scrap from Japan. Moreover, Vietnam currently lacks a specific feasible mechanism on classifying materials, scrap, waste and hazardous waste. So currently these projects can't be implemented in Vietnam. I also think this mechanism should be included in the new LEP in order to facilitate investors.

**Under its WTO commitments, Vietnam will have to continue allowing the import of scrap. So what does Vietnam need to do to protect the environment?**

Many nations also have to follow WTO

commitments on scrap imports. However, one of the best solutions that they have used is to build technical barriers. I think this is a good example for Vietnam to follow.

**You have just mentioned the Basel Convention. Despite joining the convention in March 1995, Vietnam has failed to strictly manage scrap imports. What strict regulations should the new LEP stipulate in order to closely control scrap imports?**

Again, let's take Japan as an example. Japan also follows the convention's strict regulations via the enactment of many laws and regulations. For instance, we have had a law on importing and exporting hazardous wastes in order to enforce the Basel Convention since 1994.

In addition, the government has done regularly briefings and information provided to the companies that carry imports and exports in order to implement the law.

In 2012, Japan noticed to the export country for export hazardous waste which amount about 326,000 tonnes and actual amount of hazardous waste from Japan was carried out about 120,000 tons. For imported scraps, about 100,000 tonnes of

amounts were noticed from other countries and 9,600 tonnes were actual imports from other countries. However, enterprises want to export or import these wastes must make detailed reports to authorised agencies.

I think that for Vietnam, the new LEP may mark a bigger advance in managing waste and hazardous waste if strict regulations are prescribed. If so, Vietnam would not need a law on importing and exporting hazardous waste like Japan. However, Vietnam needs to issue a decree on managing hazardous waste. A present, Vietnam only has a decree released in 2011 on solid waste management.

In order to effectively comply with the Basel Convention and protect the environment, Vietnam should revise all existing regulations on waste management, and exactly stipulate the definitions of scrap, by-scrap and waste in order to have proper management policies. All activities to control the import of scrap and by-scrap must be performed before the scrap and by-scrap are imported into Vietnam. Also, the functions of agencies in charge of examining and controlling the import of scrap also need to be made clear.



imports

# Authorities go for tighter regulations on scrap

BY THANH TUNG

Fearing that environmental pollution could worsen due to imports of scrap, National Assembly Standing Committee members have suggested the draft amendments to the Law on Environmental Protection include strict specific conditions on scrap imports and define the difference between waste, scrap and input materials for better management.

In early April 2014, Ho Chi Minh City's Customs Department confiscated eight containers containing imported substandard scrap worth over VND1.1 billion (\$52,380) at the city's Phuoc Long port. The goods' owner, QNN Logistics Co., Ltd, declared the containers held 166.3 tonnes of scrap had been imported from France and treated under Vietnam's environmental standards.

However, the containers were found to contain cut electric wires, which failed to meet environmental standards stipulated by the Ministry of Natural Resources and Environment (MoNRE).

In January, Ho Chi Minh City's Saigon port customs agency held 27.83 tonnes of imported scrap in custody, as the owner, VP Metal Company, declared the goods were aluminum scrap that met with local standards. However, they were found to be substandard.

These are just two examples of many illegal scrap import violations discovered by authorities in recent years. Many imports have been found to be very harmful to the environment, such as obsolete machines and equipment and discarded electronics components.

The lack of a clear definition between waste and scrap has allowed scrap imports to enter the country unhindered and toxins in these metals can pollute the environment.

Between May 2009 and May 2011, some 37 violations were discovered, with 3,278 containers holding 56,618 tonnes of lead battery and other hazardous waste imported illegally into Vietnam via seaports and border gates.

MoNRE Minister Nguyen Minh Quang said violators were reaping hefty profits from importing waste into Vietnam.

Under the draft amendments to the Law on Environmental Protection (LEP), Vietnam will be much harder on scrap imports as part of its moves to counter ever-rising pollution.



Scrap imports should fall under strict policies

The draft stipulated that scrap importers are allowed to use such goods for production materials, but not for trading. They must also meet strict requirements on origins, quantity and characteristics, warehouses, recycling and processing technology, as well as import contracts. When scrap is found to be substandard, it would be refused entry into the country.

Also under the draft, there are detailed conditions for scrap imports. Provincial and municipal people's committees are responsible for examining, discovering, curbing and punishing scrap import violations. They will have to report to the MoNRE each year on scrap imports to their locality.

## Technical barriers

Several National Assembly members have said the government actually wants to abolish all scrap imports, as they are greatly adding to the country's environmental pollution.

However, Nguyen Van Giau, chairman of the National Assembly's Economic Committee, said that as a member of the World Trade Organisation, Vietnam was required to allow scrap imports. "The revised LEP should include technical barriers to prevent imported scrap. Only scrap which can be processed into input materials for local production and have minimal impact on the environment should be allowed."

National Assembly Legal Committee Chairman Phan Trung Ly and National Assembly Office Chairman Nguyen Hanh Phuc also said it was difficult to ban scrap imports due to Vietnam's international commitments.

"Besides embracing technical barriers,

the new LEP must include stringent standards and conditions for scrap importers. Also, municipal and provincial people's committees must be responsible for examining and curbing all violations," he stressed.

He added the new LEP must task the MoNRE with stipulating criteria on environmental protection for imported scrap and work with the Ministry of Industry and Trade to compile a list of allowed imported scrap.

According to Tomisaka Ryuji, a Japan International Cooperation Agency expert working at the MoNRE, many nations have to follow World Trade Organisation commitments on imported scrap. However, Vietnam also has the right to reject imported scrap that is not regulated by the Basel Convention on the Control of Transboundary Movements of Hazardous Waste and their Disposal or international regulations. Vietnam joined this convention in March 1995.

"One of the best solutions is to build technical regulations/standards. This is a good example for Vietnam," he said.

## Lacking specific regulations

"Vietnam cannot be turned into the world's dumping ground. In recent years, customs agencies and the MoNRE have had trouble solving illegal scrap imports due to current lax regulations. For example, under the existing LEP 2005, the definition of scrap is vague, creating a loophole for enormous imports to enter the country," Phuc stressed.

According to Phan Xuan Dung, Chairman of the National Assembly's Committee for Science, Technology and Environment, the new LEP needs to prescribe regulations to distinguish input materials from scrap and waste to prevent enterprises from illegally importing waste into the country.

Along the same line, Ryuji noted that Vietnam currently lacked specific regulations and mechanisms to distinguish usable materials from scrap and waste. That is why many enterprises use this loophole to import hazardous waste into the country, posing great risk to the environment.

According to experts, in China scrap importers must strictly follow a list of allowed imports. China also clearly distinguishes waste from scrap and input materials. Indonesia doesn't allow any scrap imports that haven't been treated.



The effects of pollution are often long-lasting, while it can take decades for the public to realise their health has been affected

## Ensuring the public's right to punish polluters

BY KHOI NGUYEN

The extension of the timeframe for filing lawsuits involving environmental pollution should make it much easier for the public to sue for damages according to a clause in the proposed amendment to the Law on Environmental Protection.

The draft amendment to the existing Law on Environmental Protection (LEP) issued in 2005 stipulates that the window for filing cases involving individuals or organisations that had suffered from environmental pollution would now be calculated from the time that the environmental damage was discovered.

"This is a quite valuable change in this law, when compared to the previous drafts and the existing LEP, because it can help protect the interests of those hit by pollution," said lawyer Vu Thu Hanh, who is currently engaged in the United Nations Development Programme project to analyse the new draft LEP.

She explained that under the current regulation, the public could only file a case for compensation within a two-year timespan as from the day their legal rights and interests were found to be affected. This, however, failed to reflect the reality of many cases, in which environmental pollution

might not be discovered for many years.

"The current regulation doesn't help the public as it is sometimes quite a while before the prolonged effects of pollution are discovered. This meant that it is difficult for affected communities to even realise that they are being affected. As a result, the public would have no rights to file such a lawsuit if after two years they failed to prove how their rights and interests have been affected," said Le Huu Thien, vice head of the Dong Nai Provincial Farmers' Association.

"The new regulation would be a big change, as it would help ensure the public's interests are upheld in environmental lawsuits. The current regulation is quite unsuitable, because the effects of pollution are often long-lasting, while it can take decades for the public to realise their health has been affected. For example, in the case of Vedan, if the company had refused to provide compensation for its pollution in the Thi Vai River, the public might have entirely lost out because of the short time frame they had to file the lawsuit," said lawyer Nguyen Van Hau, head of Nguyen Van Hau and Associates law firm in Ho Chi Minh City and vice chairman of the city's Lawyers' Association.

In 2008, the Taiwanese-backed company was found to have been discharging

untreated waste water for many years into the Thi Vai River which runs through Ho Chi Minh City, as well as Dong Nai and Ba Ria-Vung Tau provinces. The firm's action affected the livelihoods of hundreds of thousands of poor farmers. It was not until late 2010 that Vedan paid compensation to affected farmers due to massive public pressure, a boycott of its products and huge media coverage.

Hau said many European nations had much longer timeframes for environmental lawsuits. "For example, France's Environmental Law allows a 30-year timeframe. Vietnam should learn from other countries, so that its people's environmental interests can be further ensured."

Lawyer Vu Thi Duyen Thuy, who is also engaged in the United Nations Development Programme project, said in many cases, the public could not sue polluters as their timeframe for launching a lawsuit was only two years, which was too short for the public to calculate the damage caused by pollution.

"Pollution destroys the environment in many ways, but the public's health isn't always affected immediately. When they discover they've been affected it could be years later. So it is vital to lengthen the time frame for lawsuits to be filed," Thuy said.



Tough sanctions will force businesses to think twice before engaging in environmental damaging operations

## Intensifying crack-downs on environmental violations

Lax and overlapping regulations and blasé punishments have made it difficult for authorities to prevent many enterprises from destroying the environment. **Thanh Tung** reports.

Over recent years, the public has been outspoken about the thousands of enterprises refusing to stop their environmental violations, despite numerous warnings and sanctions.

One typical example is Hao Duong Leather Tanning Company in Ho Chi Minh City, which has continued to violate environmental regulations despite repeated fines and government warnings. Late last year the company was found to have been discharging untreated waste water into the southern Dong Dien River for the past six years.

The violation was discovered after pesticide producer Nicotex Thanh Thai Joint Stock Company was found to be illegally burying toxic chemicals on its land in Thanh Hoa province's Cam Thuy district.

Other violations include the An Hoa

Paper Joint Stock Company in Tuyen Quang province, which last July was caught discharging untreated water into the Lo River and Taiwan's Tung Kuang Company, which was caught polluting in Hai Duong province.

Why are these and many other enterprises able to continue destroying the environment? The common answer is lax stipulations.

### Tougher penalties required in the new law

Discussing regulations on punishing polluters, Vu Thi Duyen Thuy, working with the United Nations Development Programme's project to analyse the draft amendment to the existing Law on Environmental Protection (LEP) from 2005, said current regulations on punishing administrative violations are highly limited and

inconsistent.

For example, Clause 3 of the law's Article 40 stipulated that "People's committees at all levels and public order management units may apply measures to punish owners of works and vehicles that violate environmental protection regulations." Clause 4 of this law's Article 52 stated that "People's committees at all levels, the police force and public order management units shall, within the scope of their respective tasks and powers, have to punish violations of environmental protection rules in public places according to the provisions of the environmental law and other relevant laws."

However, Thuy noted that "public order management unit" was a vague concept that failed to be clarified in the LEP 2005 and therefore is difficult to understand or apply. Moreover, such a unit's competence in punishing violations was also not prescribed in any legal document regarding administrative violations. The existing Law on Punishing Administrative Violations (LPAV) enacted in June 2012 has also failed to stipulate this unit's competence in handling administrative violations.

Also, Clause 3 of the LEP 2005's Article 52 is similarly inconsistent with the LPAV and the current Civil Code. Specifically, the clause state that "Violations of the Law on

Environmental Protection and rules on keep environmental sanitation in public places shall be subject to the following sanctions: fines; forced environmental sanitation labour for definite terms in public places; and temporary seizure of violating means causing environmental pollution.”

“The LPAV doesn’t stipulate “forced environmental sanitation labour for definite terms in public places” as one of the main or supplemental sanctions for violators. The Penal Code also doesn’t stipulate this kind of sanction,” Thuy argued.

Additionally, prime ministerial Decree 117/2009/ND-CP from 2012 on punishing violations of environmental protection also has many regulations inconsistent with the LPAV. For instance, the competence in imposing sanctions by people’s committees’ chairpersons at all levels (prescribed in this decree) conflicts with the competence levels specified in the LPAV.

Specifically under the decree, fines of up to VND2 million (\$95.2) may be imposed by commune-level people’s committee chairpersons, up to VND30 million (\$1,428) by district-level people’s committee chairpersons, and up to VND500 million (\$23,800) by provincial/municipal people’s committee chairpersons.

However, under the LPAV, commune-level people’s committee chairpersons may impose fines of up to 10 per cent of the maximum fine levels (VND1 billion, or over

\$47,600), but may not exceed VND5 million (\$238). District-level people’s committee chairpersons may impose fines up to 50 per cent of maximum fine levels, but may not exceed VND50 million (\$2,380). The maximum fine that can be imposed by municipal/provincial people’s committee chairpersons is VND1 billion (\$47,600).

Furthermore, the decree also includes a regulation that one of the supplemental sanctions was to “revoke business licenses and certificates”. But as of yet, there is no guiding document on specifics of environmental certificates and who will be granted such certificates, as well as how the certificates will be issued. Thus this regulation is not practical.

According to Nghiem Vu Khai, former Deputy Minister of Science and Technology and former Chairman of the National Assembly’s Standing Committee for Science, Technology and Environment, over recent years, though thousands of environmental violations have been discovered, no violators have been imprisoned. This is because the Penal Code and its guiding documents fail to clarify sanctions for certain offences. Therefore the terminology for defining the level of crimes, such as “causing serious/very serious/especially serious aftermath” or “big volume, very big volume and especially big volume” are difficult to actually put into practice. This has made it difficult to try crimes and sanction violators.

Another example is that under Article 185 of the Penal Code, revised and supplemented in 2009, those who take advantage of importing technologies, machines, equipment, scrap or chemicals, or biologicals to bring in hazardous waste in large quantities shall be fined between VND200 million (\$9,520) and VND1 billion (\$47,600), subject to non-custodial reform of up to 3 years, or even a prison term of between 6 months and 3 years.

However, according to Thuy it is difficult to determine the true level of waste brought into Vietnam in the past period. It is also difficult to determine consequences on the basis of “serious”, “very serious”, or “especially serious”. These quantitative concepts cannot be applied across the board to environmental violations, as each violation has its own characteristics.

Many National Assembly members have also said lax and overlapping environmental regulations and soft punishments have prompted many enterprises to continue polluting to maximise profits.

“The new LEP should embrace new punishments like suspending or permanently stopping violators’ operations and revoking licenses for business and production. Different violations need different punishments. I also suggest the new LEP raise fines on violators,” said Duong Hoang Huong, member of the National Assembly’s Financial and Budgetary Committee.



The new law should embrace new punishments like suspending or permanently stopping violators’ operations



# Revised environment law needs to innovate mechanisms for public pollution lawsuits

Vietnam's environment has faced accelerating pressures of degradation and pollution from development. Pollution not only affects the health, property and lives of citizens and the state, but is also a potential source of political and social unrest, causing civil protests to stop the acts of pollution. Therefore, clear litigation for citizen lawsuits to protect their rights and interests will be an essential solution and beneficial for citizens, the state, enterprises, and other parties.

**BY NGUYEN HOANG PHUONG**

*Centre for People and Nature Reconciliation*

"Everyone has the right to live in a clean environment, and the obligation for environmental protection" (Article 43, Constitution 2013).

This was the first time the Vietnamese Constitution recognised a new environment-related human right. As a specialised law specifying the regulations of the Constitution, the draft amended LEP is expected to set up an institution for citizens to protect their human rights.

According to the draft LEP revision, political-social organisations and social-professional organisations in the environmental protection field shall have the right to petition state authorities to act against the owners of factories, businesses, and service facilities that cause acts of environmental violation, and request compensation. Simultaneously, the bill also emphasises that organisations, individuals, and communities have the right to petition and denounce state authorities in opposition to violations of environmental protection regulations that cause pollution and degradation, and environmental incidents that violate the rights and interests of the state, communities, organisations, households, and individuals. After receiving a petition and/or denunciation, authorities and the relevant person in charge will have to consider and resolve the complaint, pursuant to the regulations of petition and denunciation. Additionally, the prescription of limitations for initiating a lawsuit have also been amended in respect to benefits for plaintiffs, and is more appropriate to the reality of disputes and environmental damages in the bill.

For these reasons, compared to the LEP 2005, there are significant advantages for the protection of rights and interests of citizens and social-civil organisations in the

role of petition and initiating lawsuits in the environmental field. However, there are still many unresolved gaps on the road to peoples' access to environmental justice.

## Who has the right to initiate a lawsuit?

Pursuant to the LEP revision, four entities will have the right to initiate a lawsuit based on violations of environmental protection regulations. They are (i) authorities; (ii) organisations; (iii) individuals; and (iv) communities. Nevertheless, these regulations could lead to confusion or misunderstanding.

Firstly, it is not clear which authorities/agencies have the competency to initiate a lawsuit against environmental violators.

Item 2, Article 56, of the Civil Procedure Code (2004) promulgates "Agencies and organisations prescribed by this Code, which institute civil cases to request courts to protect the public's interests and the

state's interests in the domains under their respective charges are also plaintiffs." According to guidelines in Part I, section 2 of Resolution No. 02/2006 of the Judges' Council of the Supreme People's Court dated May 12th, 2006, "Agencies and organisations have the right to institute civil cases in order to request court protection for the public's interests and the state's interests as prescribed by section 3, Article 162 of the Civil Procedure Code, provided they fulfill the following conditions: (1) Agencies and organisations have the authority and responsibility to implement state management and social management in a specific field; and (2) The public's interests and state's interests must be in the domain of the agencies' and organisations' charges."

Regarding the opinion of the Supreme People's Court, "Natural Resources and Environment agencies have the right to initiate a civil lawsuit to request the courts to force individuals, agencies, and organisations that cause environmental pollution to pay com-



“pensation and remedy public environmental incidents.” However, this regulation does not specify which authorities are “Natural Resources and Environment agencies”, Department of Natural Resources and Environment (DoNRE), or Ministry of Natural Resources and Environment (MoNRE)? In addition, state authorities and responsibilities for environmental matters are not only under the management of Natural Resources and Environment agencies, but also under other Ministries and People’s Committees (PC) at all levels.

Some people say that civil society organisations (CSOs) or non-governmental organisations (NGOs), such as the Farmer’s Union, Marine Creature Conservation Association, Union of Science and Technology on Plant Protection, and Vietnam Association of Nature and Environmental Protection, should also have the right to initiate a lawsuit because they act for public interests and the state’s interests in their respective charges.

In reality, when dealing with very serious cases of environmental pollution such as Vedan’s sewage poisoning the Thi Vai river, or Nicotex Thanh Thai company burying pesticides underground and poisoning the land in Cam Thuy district, Thanh Hoa province, citizens usually choose the Farmer’s Union to be their authorized representative to institute a legal case. Although being a new regulation in the bill, social-professional organisations such as the Farmer’s Union shall not be able to initiate a lawsuit without authorisation while

the authorities in charge of suing are still unspecified.

### **Secondly, who are the organisations, individuals and communities?**

In the spirit of the draft LEP revision, organisations, individuals, and communities have the right to sue in order to protect not only their rights, but also public interests and the state’s interests, and even the interests of households and individuals. This means that organisations, individuals, and communities can be anyone, not just the victims. It seems to be an expansion of their rights, but actually, there is a lot of conflict with other regulations both in this bill and in relevant laws conducting this right.

Firstly, the aforementioned social-professional organisations are one kind of organisation, but they do not have the right to sue per se, they can only request the authorities to initiate a lawsuit.

Secondly, according to the right to institute civil cases as prescribed in the Civil Procedure Code, individuals can only institute a case to protect their own legitimate rights and interests while organisations can protect both their rights and interests, and public and state interests, as long as they belong under their management. However, guidelines at Part I, Section 2 of Resolution No. 02 dated May 12, 2006 of the Judges’ Council of the Supreme People’s Court show two compulsory conditions for organisations initiating a lawsuit that is not for protecting their own benefits: (i) That they hold duties and authority in the implementation of specific fields of state competence and/ or social management; and (ii) The public interests and state interests that need safeguarding by the courts belong to the charges of that agency or organisation. As already mentioned with competent agencies/authorities, it is ambiguous which organisations can institute a lawsuit to protect the common environment.

Thirdly, communities are not recognised by the law as an entity or as an involved party in civil cases. Additionally, the definition of communities in the draft LEP includes political-social organisations, social-professional organisations, and communities, but does not specify who the communities are. Therefore regulations on a communities’ rights to participate in the evaluation of environmental protection results or request the supply of information

from the owners of factories, businesses and service bodies/units in other regulations, shall not be meaningful in reality, due to the fact that they lack proper definition of communities and a mechanism to verify the representative.

Based on the above reasons and arguments, it is clear that the persons/entities that have the right to file a lawsuit on environmental matters in the draft LEP revision have not changed significantly or received any major innovation in comparison to the LEP (2005). The victims will still be the organisations and individuals whose legitimate rights and interests were infringed upon.

### **Who shall institute a lawsuit in court?**

The draft LEP revision clearly defined the parties to an environmental dispute as (i) organisations and individuals using environmental elements; (ii) organisations and individuals exploring and using environmental elements, versus organisations and individuals restoring and remediating polluted and degraded environments, and compensating the environment. The settlement shall proceed according to the settlement regulation of the dispute over compensation for non-contractual damage and other relevant legislation. In short, defendants in civil cases shall be organisations and individuals either exploring and using environmental elements, or acting for environmental protection.

Concerning this, state agencies or authorities are responsible for environmental protection outside environmental disputes, respective compensation liabilities and joint liabilities to these environmental disputes, despite the fact that environmental damages can be caused by state agencies. This differs from disputes over land acquisition for project developments, where people institute a lawsuit against the state’s administrative agencies when their decisions directly affect citizen’s rights and interests. Nonetheless, in the environmental field, authorities/agencies are often not directly the polluters or source of the disputes, but their acts can cause or contribute to environmental damage. For example, state agencies may approve a project development without the Environmental Impact Assessment (EIA) report in advance, and then the project’s operation is the cause of pollution. Another example would be promulgating a guideline for joint



## ■ TOUGHER HANDS ON POLLUTERS

operation of reservoirs and lakes for hydropower plants. If Danang lacks fresh water later on, which then causes damages for 1.7 million people in the lower areas, Danang shall not institute the lawsuit, neither will MoNRE who does not use the water resource, or hydropower plants which are not committing illegal acts, they are just complying with MoNRE's guideline.

On the other hand, the limitation of involved parties to a dispute excludes the authorities/ agencies responsible for the management of environmental elements, even in conducting the remedy and restoration activities in areas of pollution and degradation and holding the right to institute a lawsuit pursuant to civil procedure, it shall not be consistent and appropriate to other regulations in the draft LEP revision and relevant laws.

One of the significant innovations of the draft LEP revision is the individual liabilities principle. This principle is as follows:

"a) Executive leaders shall be directly responsible for violations of environmental protection rules relevant to their organisation's operation;

b) Leaders of environmental protection agencies and other agencies related to organisational and operational management causing environmental pollution and degradation shall be responsible for management liabilities according to provisions of the law;

c) Organisations and individuals causing environmental pollution and degradation shall be responsible for remediation and compensation for their acts;

d) In the case of individuals causing pollution while belonging to an organisation and performing assigned duties, the leader of that organisation shall be responsible for the payment of compensation."

The draft LEP revision could be innovative by moving to personalise the responsibilities of leaders in organisations and agencies that violate environmental protection regulations. However, to avoid organisations becoming free of liability due to leaders taking personal liability (clause d), the draft should apply regulations of compensation for damage in a number of specific cases in the Civil Code on compensation for non-contractual damages for settlement. Therefore, if individuals, officials or civil servants cause environmental damages during the performance of their duties assigned by organisations and agencies, the compensation liabilities shall firstly belong



The draft law has creative solutions to the problem of defining responsible parties in pollution suits

to that organisation or agency, and then the person at fault for causing the damage shall reimburse an amount of money to the organisation or agency. This regulation not only complies with common law, but also ensures that compensation can be feasible, quick and prompt, especially in cases where personal property is insufficient to compensate the environmental damages.

### Mechanism for initiating a lawsuit?

In the draft LEP revision, the mechanism for initiating a citizen lawsuit complies with the common law on civil non-contractual settlement and other related laws. Therefore, in principle, liability for compensation only arises from fully following four conditions: (i) Damages occur; (ii) Illegal acts; (iii) Cause-effect relationship between damages and illegal acts; and (iv) Intentional or unintentional fault of the person who caused the damages.

However, even in the case of environmental pollution, legal liabilities still arise without any fault, but the burden of proof for the remaining three conditions is not

easy for anyone who would like to initiate a citizen lawsuit. Damages of pollution and degradation comprise: (i) a reduction in the functions and utilities of the environment; and (ii) damages to health, human life, legitimate property and interests of organisations and individuals resulting from the reduction in the functions and utilities of the environment.

Damage to human health and life, property and interests of multiple parties can be health, life and property of individuals, legitimate property and interests of organisations, or the natural environment. They cannot be separated into environmental damages for specific areas, with damages for health, property and legitimate interests of organisations or individuals in that area; and consequently, in many cases it is hard to define who the aggrieved party is. In some cases of environmental violations in Vietnam, we have to hire an overseas technical assessor before bringing these cases to trial. This is a barrier for citizens who would like to initiate a lawsuit. On the other hand, it is not clear who is responsible for the burden of proof and expenses of damage



verifications and assessments amongst the parties. This means that in principle, major responsibilities belong to the aggrieved parties who would like to institute a lawsuit. Plaintiffs bear the responsibilities for proving the damages to health, human life, legitimate property and interests of organisations and individuals, resulting from a reduction in the functions and utilities of the environment. An exception is environmental incidents where pollution occurs in one or more provinces. In these cases, the burden of proof shall rest in the hands of People's Committees for local issues and the MoNRE for the rest.

Secondly, proving the illegal acts is a challenge in both theory and practice. Evidence of the cause supplied by people is not recognised as being legally valid, while an agencies' verification must comply with processes and is often after an illegal act has been committed. As a result, the consequences are not sufficient to identify the acts as illegal when the agencies verify. Moreover, the environmental technical regulation system lacks many regulations, causing difficulties for defining violations.

For instance, results of control experiments on soil, water and waste samples of the Nicotex Thanh Thai Joint Stock Company, which buried a large quantity of toxic chemicals on their land, showed some samples in excess of the permitted standards in regulations, while others had no standards or regulations for comparison. Thirdly, the cause–effect relationship between illegal acts and consequences is complicated, and in some cases cannot be determined. Such situations include (i) many illegal acts coming from multiple parties such as waste from factories in industrial zones; (ii) impacts related to natural disasters, disease, genetic sources, etc.; or (iii) illegal acts coming from aggrieved parties (e.g. residents causing pollution through litter, waste water, pesticides, etc.). Meanwhile, the law requires us to prove the cause–effect relationship, which means the acts causing damage must be directly or reasonably determinable to be responsible for such damages, in order to verify the defendants responsible for compensation. This is also a compulsory condition to initiate a lawsuit petition by law.

Currently the statute of limitations for lawsuits is two years from the date on which the legal rights or interests were infringed. In many cases, this is not enough time to verify the damages or prove the cause–effect relationship between damages and illegal acts. The draft LEP revision has come up with a significant innovation, with the statute of limitation for a lawsuit calculated from the date on which organisations and individuals realise their legal rights or interests have been infringed by illegal acts of other organisations and individuals. Therefore, the draft LEP revision has resolved this inadequacy.

However, if the draft keeps the current regulations of compensation for non-contractual damages under Civil Law for environmental pollution, the disadvantages lean towards plaintiffs because they are nearly completely responsible for the burden of proof, which is often beyond their capacity.

The settlement of disputes in several countries, particularly in China, over time has shown that switching the burden of proof is a significant revolution that supports aggrieved parties in realisation of their rights. As a result, plaintiffs just have to prove the illegal acts of the defendants and the consequences of such acts, while the defendants must prove there is no

cause–effect relationship between their acts and the damages.

In addition, environmental disputes such as Vedan involved nearly 7,000 aggrieved households, and Nicotex Thanh Thai or Sonadezi Long Thanh hurt hundreds of people. However, the draft LEP revision does not provide a mechanism for these communities or a group of people to initiate a lawsuit, preventing them from acting cohesively and using community resources and capacities to prove the damages on a large scale and in complicated cases of environmental pollution.

In other words, around 800 environmental inspectors at all levels and 2,000 environmental police are small numbers in comparison to the thousands of environmental protection law violations nationwide. However, increasing the number of officers in charge of environmental violations is impossible in the context of the state's administration restructure. One solution that could enhance the control of activities affecting the environment both on paper and on location in a way that economises more human and financial resources than real inspections, is to introduce an environmental audit mechanism. Environmental audit mechanisms are applied in many countries around the world to monitor and control the actual operation of manufacturing, trade and service facilities affecting the environment and should be the next step of the EIA. For example, monitoring a company's expenses relating to wastewater treatment activities and mitigation of environmental impacts and pollution could provide a fast and cheap initial indication of a company's environmental performance via environmental audit reports. Additionally, as Vietnam's institution already comprises the State Audit and a large number of organisations and individuals acting in the audit field, an increase in officers to supervise these environmental protection activities would not be necessary.

It is clear that the draft LEP revision has remarkably documented environmental protection articles and clauses, but to ensure their feasibility, effectiveness and unity, the draft needs further changes to protect the rights and interests of citizens, who are at the greatest disadvantage from environmental pollution. It is also a practical way to realise the state's commitment in the 2013 Constitution on human rights.



Alterations to policies on climate change in the revised law will allow the country to prepare for and mitigate its effects

# Climate change revisions in draft LEP to help Vietnam anticipate risks, grab opportunities

**BY KOOS NEEFJES**

*UNDP climate change policy advisor*

Vietnam is making important progress in moving towards sustainable development as it is amending the Law on Environmental Protection (LEP) of 2005. This note on the amended LEP discusses in particular some suggestions based on study of the draft LEP of April 26, 2014. It focuses on the climate change aspects of the LEP, which are being reinforced substantially when compared with the LEP of 2005 because in the intermediate period climate change has become such a critical concern in the world and in Vietnam. Some of the excellent parts of the draft amended LEP regarding responding to climate change will be highlighted, and suggestions for improvements are made.

The scope of the draft of 26 April 2014 of the amended LEP is limited to environmental protection. This is important to stress, because this or any other Law should be clear in scope – other laws must cover other matters, even if they relate closely. In the first Article of the LEP, on Scope, there is no reference to climate change. The consequence of that is that when and where climate change in this law is addressed it should be limited to rights, responsibilities



and responses to climate change that are needed for and can contribute to environmental protection. This is however not always clearly the case in different parts of the draft LEP. Therefore a new or expanded first article in chapter IV on climate change might clarify that “responding to climate change” in this Law is about those responses to climate change that relate to the protection of the Vietnamese and global environment.

There are several climate change responses that are not directly about environmental protection and those should be regulated in other laws, for example rein-

forcing the resilience of communities and households in the face of climate change effects such as heavier storms and floods or building dykes are not primarily about environmental protection. Therefore many responses on disaster management, and also on for example agriculture, fisheries or urban development and construction would remain outside the scope of the LEP. There are also many climate change responses that do relate to environmental protection but that are or should be regulated in detail in other laws, such as those on forestry or energy. Perhaps in future there will be an overall law on climate change, and only in that case the entire spectrum of climate change related rights, responsibilities and actions would be covered.

In Article 4 on “Principles of Environmental Protection” it is regulated that environmental protection must be harmonized with climate change (and several other matters). However “harmonizing” (“gắn kết hài hòa với”) is not defined in the draft LEP and is very vague; it could mean almost any link with environmental protection. It would be more precise to spell out that environmental protection, economic development, social security, child protection, ..., and responding to climate change must all be

L E E G A L I Z I N G A G R E E N E R F U T U R E

taken into consideration (or: be balanced) in order to achieve sustainable development, which is defined in the law. The term “harmonizing” is also used in Chapter IV on Climate change, Article 45, where it may also be reconsidered.

Chapter IV on climate change contains some new and important Articles. However, in the first Article of Chapter IV it could be explained why climate change responses are included in this Law. In this regard it is proposed that “climate change responses regulated in this LEP are those responses that contribute to environmental protection, in particular to the stabilization of greenhouse gas concentrations in the global atmosphere to mitigate climate change, whilst allowing ecosystems in Vietnam to adapt naturally to climate change, ensuring that food production is not threatened and to enable sustainable economic development”. This proposed statement is based on the objective of the UN Framework Convention on Climate Change (UNFCCC) which Vietnam ratified in 1994.

Article 46 on “Integration of Climate Change” in various strategies and plans is very important. However, the mainstreaming climate change responses is not made specific for those climate change responses that are about environmental protection - so currently this article goes beyond the scope of the LEP, which is limited to environmental protection. In addition, this article could explicitly state that climate change should be integrated in the most important environmental protection instruments, Environmental Impact Assessment and Strategic Environmental Assessment (EIA, SEA). Now SEA is mentioned in paragraph 46.1 but that is alongside strategies and plans of a very different nature, which is not very clear; and EIA is not mentioned at all in connection with climate change. These instruments are regulated in other parts of the LEP, but there it is not mention anything about climate change responses that are about environmental protection.

Article 47 on “Management of Greenhouse Gas Emissions” is the most critical climate change article in the LEP and contains important paragraphs. This is key so that Vietnam can play its role in attaining the objective of the UNFCCC (which would be used for formulation of Vietnam’s objective for addressing climate change in this law, as per above suggestion). But with that in mind this Article could be

strengthened. For example, Vietnam has already set GHG emissions mitigation targets in the Green Growth Strategy, which could be included here – other countries have put some of their GHG emissions targets in law too. Alternatively, if that would be deemed too detailed, the LEP could state in general terms that national as well as sectoral targets will be set against a baseline (e.g. 2010 baseline). As per the UNFCCC, Vietnam will achieve its targets with international support as well as voluntary measures, which could also be stated in this Article as a reflection of international commitments already made by the Parties to the UNFCCC.

Article 47 should stress that it concerns all GHG mitigation activities in Vietnam, and it is also useful to list the main priority sectors for GHG emissions mitigation that is supported internationally as well as voluntary supported by Vietnam. Priorities that are already agreed as part of several national strategies and action plans on climate change and green growth include: energy production and use, including renewable energy; industrial production; forestry; crop production; animal husbandry; and waste management. At the moment this article only refers to forestry and not to any of these other priorities, whereas renewable energy and waste are singled out and addressed in separate articles, no. 49 and 51 respectively. This treatment in the draft LEP of just some of the priorities for emissions mitigation and not others is partial and irrational. Forestry, as mentioned in Article 47, and renewable

energy are important of course, but they are also regulated in other laws and policies so a general list of priorities for GHG emissions mitigation would suffice – this means that Article 49 on “Renewable energy” could be deleted. Article 51 on waste is central to the LEP, but whereas organic waste is directly relevant to emissions, not all waste produces emissions so to regulate waste details in the climate change chapter is not fully appropriate.

Article 47 paragraph 1.d is about international cooperation for reduction of GHG emissions. This is important, but can be made more specific. Different mechanisms have been created under the UNFCCC, in which Vietnam can participate and which will lead to international financial and technical support - and indeed Vietnam it is already preparing itself for this. Therefore this paragraph could say, for example: Participate actively in support mechanisms created under the UN Framework Convention on Climate Change in order to enhance international financial and technical support, including on Nationally Appropriate Mitigation Actions (NAMAs) and Reduced Emissions from deforestation and forest Degradation (REDD).

An earlier draft of the LEP mentioned the importance of investments in Article 47 on “Management of GHG emissions” and of phasing out subsidies on fossil fuels in Article 49 on “Renewable Energy”, but this was deleted in the present draft. Economic and fiscal policies on energy are however



As it faces climate change head on, Vietnam has to do its utmost to secure its people and resources



absolutely critical for achieving the objective of GHG emissions mitigation – without this it is in fact highly unlikely that they can be achieved because the energy sector has already emerged as the largest emitter of GHGs in Vietnam. Inclusion of a paragraph under Article 47 or as a separate Article on this issue is supported by several existing policies in Vietnam, including the Party Resolution TU7 24 NQ/TW, the Green Growth Strategy, and the Green Growth Action Plan. For example the Party resolution says “Có lộ trình đến năm 2020 xóa bỏ các cơ chế, chính sách hỗ trợ giá đối với nhiên liệu hóa thạch”. The Green Growth Action Plan commits to related matters in its Action 3, 10 and 26 – all of which are somehow about economic policies (tax, subsidy, investment) to limit the use of fossil fuels, increase energy efficiency and stimulate renewable energy. As long as subsidized prices persist, investments green or low carbon projects and products will not be effective and business sector and foreign private sector will not be interested to invest. Thus a new paragraph or Article could, for example, state: In order to achieve emissions mitigation targets in the energy sector, indirect and direct fossil fuel price support to the electricity, transport, and manufacturing sectors will be phased out and fiscal policies and investment regulations will support investment in energy efficiency and renewable energy.

Article 50 is on “Sustainable Production

and Consumption”. This is important and based on agreements in the Green Growth Strategy. However, this article is not limited to climate change, nor focused on environmental protection – it is much broader than the scope of the LEP and broader than the title and objective of the chapter on climate change within the LEP. Therefore this article might be made much more precise, or deleted. My suggestions above about priority GHG emissions mitigation actions and about eliminating fossil fuel subsidies and investments in the energy sector will be primary drivers for green production and consumption, so they also reduce the need for this article.

One very important article on climate change is not yet included in the (draft) LEP. The objective of the UNFCCC is about stabilizing greenhouse gasses as well as adaptation of natural systems and to ensure sustainable economic development. Several climate change adaptation actions are directly related to environmental protection and should be addressed in a stand-alone article, based on priorities already included in Vietnam’s Climate Change Strategy (VCCS) and other policies. Just like Article 47 on “Management of GHG emissions”, a climate change adaptation article would include a reference to reporting and monitoring (adaptation must also be included in Vietnam’s reports to the UNFCCC), and list some of the climate change priorities in general terms. Most (strategic) priorities in

the VCCS relate only indirectly to environmental protection but some are directly relevant. Priorities for climate change adaptation actions with direct implications for environmental protection include adaptation to: (a) increased risks of damage or failure of production facilities from (increasingly) extreme storms and storm surges as well as floods and subsequent environmental pollution; (b) sea level rise and saline water intrusion that are enhanced by climate change, threaten livelihoods and cities, and require environmental protection measures such as mangrove plantation and conservation; (c) adaptation requirements of natural systems and protected areas, including increasingly severe droughts that threaten natural wetlands.

Finally, Article 54 on “International Cooperation in Responding to Climate Change” is a very general set of statements that do not clarify specific rights, responsibilities or actions. There is also a reference to international cooperation in Article 47 on “Management of GHG emissions mitigation” which, as explained above, should refer to specific instruments under the UNFCCC. Whether an Article on international cooperation is maintained in Chapter IV as a separate article should be reconsidered in the context of the whole LEP, because surely there are other parts of the LEP in which international cooperation is also important, so all the general regulations could be captured jointly.

# Absolute moratorium on exploitative mining

Massive exploitation of natural resources poses a threat to Vietnam's environment and sustainable development. **Vo Tuan Nhan**, Vice Chairman of the National Assembly's Committee for Science, Technology and Environment, spoke to VIR about the tough new measures currently being scrutinised by the National Assembly to address the situation.



## How have Vietnam's natural resources been exploited?

The mineral exploitation and processing industry is one of the country's key economic sectors. Despite its major contribution to the country's economic growth, it has also had a huge negative impact on the environment and society.

Despite anecdotal evidence, there are no exact figures related to the total amount of waste discharged from some 1,000 mines and mine spots nationwide. Such waste not only has polluted the environment, but has deformed landscapes and affected the geological characteristics of these areas.

Metal exploitation has also contributed to the destruction of the environment due to extracted gravel, dust, and untreated waste water. The environment has also been devastated by the sourcing of building materials and other materials for making fertilisers and the extraction of limestone, granite, clay, sand and gravel. The majority of mine spots use explosives and other obsolete technologies that cause major dust pollution that far outstrips permissible limits.

Vietnam's mineral exploitation and processing industry development remains rather limited, with failure in the radical exploitation of lean ores and weaknesses in the extraction process of useful substances from ores. The country's natural resources have failed to be properly and effectively used.

## What have lawmakers done to resolve this situation?

The existing Law on Environmental Protection (LEP) issued in 2005 does not

“*The government would need to reconsider which projects can be licensed by them, by ministries and by localities, and review all mineral planning and zoning*”

include tough enough punishments for those that flout the environment, although it embraces regulations on the exploitation of natural resources and minerals in combination with environmental protection.

At present, the government's ongoing investment decentralisation policy has enabled localities to massively license mineral exploration and exploitation projects, making it very difficult for the government and even localities to control the operations of these projects. Consequently, the environment has been increasingly polluted.

The draft new LEP covers regulations on environmental protection in mineral exploration and exploitation operations, and on new investment licensing decentralisation mechanisms.

The new LEP will also have to inherit and promote some regulations found in the existing law, in which the government shall have to enhance the planning and

zoning of mineral exploration and exploitation. The government would need to carefully examine and classify all projects before deciding which projects will be exploited by the government and by localities.

## Do you think the current decentralisation of mining licensing should be reconsidered?

Yes, it is also important to reconsider the decentralisation of investment licensing for these projects. The government would need to reconsider which projects can be licensed by them, by ministries and by localities, and review all mineral planning and zoning.

Also, mineral exploration and exploitation must also continue being considered to be subject to specific conditions under the existing Law on Investment. Project owners must be qualified to run mining and minerals. This will also contribute to full enforcement of the new LEP.

## The complete enforcement of laws is generally a major problem, and the same is true in terms of the current LEP. What do you think must be done to ensure effective and full enforcement of the new LEP?

The National Assembly's Committee for Science, Technology and Environment is carefully scrutinising this new law.

Due to the immediate necessity to effectively implement environment protection, we have devised a draft decree on guiding the implementation of the new LEP. This decree must be quite practical and feasible. After this decree is enacted, a circular guiding the decree will also be issued soon.

## What effects do you expect from the new LEP?

This new LEP includes new regulations on mineral exploration and exploitation, and environmental protection. We hope the new law proves durable and has a longer lifespan than the current legislation. When drafting the new law, the Ministry of Natural Resources and Environment referred to environmental laws from eight other countries to select feasible regulations suitable to Vietnam's environmental management situation.



# Feeling the gust of renewables



Vietnam has yet to take full advantage of its renewable sources for improving socio-economic development

Incentives for developing renewable energy will make a significant contribution to Vietnam's efforts to mitigate climate change and reduce pollution. However, specific regulations are needed in the draft Law on Environmental Protection. **Ngoc Thanh** report.

Vietnam has huge potential for developing renewable energy, as it is located in an area prone to tropical monsoons and its economy relies heavily on agriculture.

Statistics from the New and Renewable Energy Department estimate that the country's wind power potential is around 7,000 megawatts, biomass 3,000MW and solar power nearly 4-5 kilowatts per square metre.

However, total renewable energy cur-

rently connected to the grid is only approximately 1,500MW, of which 1,466MW is generated from small hydro projects. Only two wind projects in Bac Lieu and Binh Thuan provinces are connected to the national grid, while there are not yet any solar or biomass projects.

Clearly Vietnam has yet to take full advantage of its renewable sources for improving socio-economic development and ensuring energy security and is also

wasting an opportunity to protect its environment and reduce greenhouse gas emissions.

Werner Kossman, chief technical advisor at German sustainable development firm GIZ's renewable energy support project, said Vietnam should reduce its reliance on traditional energy sources. Instead, the country should further develop sources of renewable energy in the context of the government's new green development strategy.

He said he believed renewable energy development would "kill two birds with one stone." The first by increasing total energy supply and the second, protecting the environment toward sustainable growth.

"I think we should consider renewable



energy development as part of the environment protection plan," related Kossman.

According to Hirofumi Miyake, counselor and chief of the Economic Section under the Japanese Embassy in Hanoi, Vietnam is currently facing a serious energy shortfall. One of the key solutions to this issue was to incentivise renewable energy investors.

"In order to stabilise the energy supply and attract more renewable energy investment, it is necessary for the government to increase electricity prices to ensure investors can get profits from the local power market," he added.

### Clearer incentives needed

Actually, encouraging the development of renewable energy is included in the current Law on Environmental Protection

(2005). Specifically, the state encouraged private investors to build renewable energy projects via tax and land incentives and other forms of incentives. The law also stipulated that the state would gradually raise the ratio of renewable energy against total energy, in a bid to protect natural resources and reduce greenhouse gas emissions.

The draft amendments to the LEP, currently under discussion and expected to be adopted by the 13th National Assembly's 7th session, clearly outline renewable energy as coming from water, wind, sunlight, geothermal, wave power and biofuels.

Under the draft, the state should include policies to support the development and use of clean energy and renewable energy. These policies would also be aimed at supporting the use of waste to produce energy, and also promoting the production, import and use of machines, equipment and vehicles using renewable energy.

Importantly, the state should also outline and implement the policy on renewable energy subsidies.

Such regulations would promote the role of renewable energy in environmental protection. Kossman agreed, saying that more specific regulations were needed.

"Investors are reluctant because of the intrinsic risks and state management of the electricity price does not bode well for returns on investment. If the government wants private investors to enter this sector, it needs to provide clear regulations," Kossman continued.

To Hoai Dan, general director of Cong Ly Company, owner of Bac Lieu wind power farm, also agreed that incentive policies for renewable energy should be more clear and supportive in the revised LEP.

"Investment into wind power is expensive because it uses advanced technologies. If the government wants more wind power investors, it will have to review and adjust its policies," said Dan.

### Removing fossil fuel subsidies

Under the draft law, the state would enact a roadmap on removing fossil fuel subsidies.

This is considered a strong positive move, because, according to climate change policy advisor for the United Nations Development Programme in Vietnam Koos Neefjes, one of the main reasons many foreign investors are indirect

subsidies on fossil fuels. The regulated prices are low for electricity in particular and without various support measures such as cheap land and capital, the state owned energy companies will be making losses. But low prices are unattractive for private investors, especially investors in renewable energy.

"Fiscal policies regarding fossil fuel production and consumption are critical globally and in Vietnam. The green growth strategy and the Party Resolution on natural resources and environment and climate change commit Vietnam to the elimination of fossil fuel subsidies, which would eliminate a primary barrier to increasing the feasibility of renewable energy, as well as increasing Vietnam's energy efficiency," Neefjes explained.

Tran Thuc, director general of the Ministry of Natural Resources and Environment's Institute of Meteorology, said that to lure more renewable energy investors, the draft law should clearly stipulate that "The state shall have policies to support and encourage research, development, technology transfer, manufacturing, sales and use of clean energy and renewable energy. The state shall build and implement a roadmap on removing mechanisms, policies and subsidies for fossil fuels."

However, according to the UNDP, the expansion of renewable energy production, in particular through (domestic/foreign) private investment cannot be expected only by removing subsidies and introducing carbon taxes, at least not in the short-term. Until the production costs of wind and solar energy, for example, come down further, there is a need to regulate feed-in tariffs that would be paid to potential investors and targets for total renewable energy production. These above-market tariffs will lead to increased consumer prices, most likely over a limited period of time, until costs of production have been reduced.

The UNDP continued in saying that a shift towards energy efficiency measures and renewable energy production, such as wind and solar, is about technological innovation, modernisation of infrastructure, and energy management which can have positive effects on GDP growth. This includes technological innovation in industrial production, improving the energy efficiency of buildings and mass transport systems, new power infrastructure (including 'smart grid'), and changing consumer behaviour.

# Incentivising Vietnam's cleaner, greener future

Vietnam is gearing up its efforts to create a green economy. But existing incentives to motivate firms are generally insufficient.

BY NGUYEN DUC

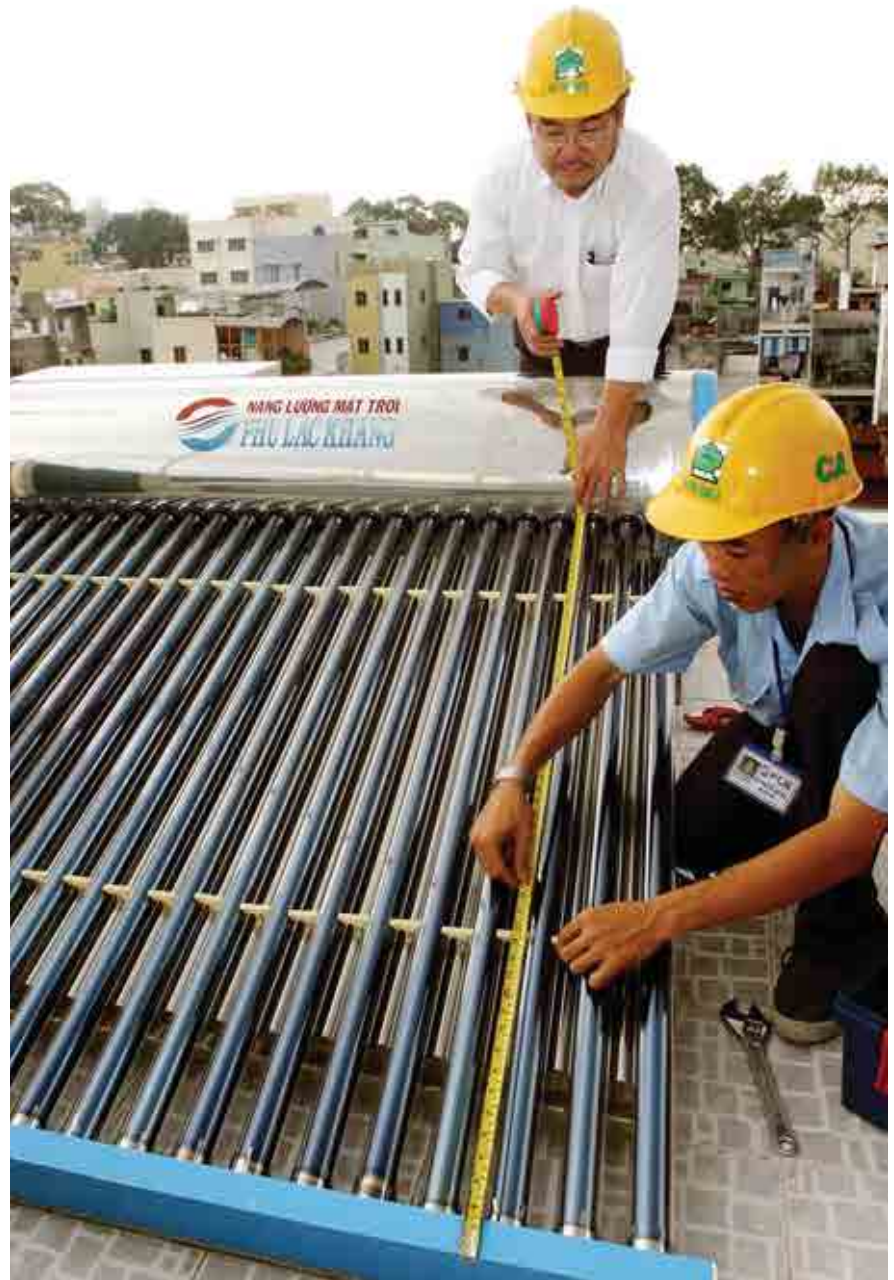
Korea's Samsung group is perhaps one of the larger players to do so in Vietnam. It applied state-of-the-art environmentally-friendly technologies to its production line immediately upon entering the country. With its sizable investment and high technology, that group was entitled to a 10 per cent corporate income tax (CIT) exemption for the first four years of operations and a 50 per cent reduction for another nine years.

However, such incentives are only currently applied to a few companies following the government's endorsement, while many others have yet to access them despite having green technology; this stands in the way of fully realising Vietnam's cleaner, greener economy goals.

One reason is that incentive policies and mechanisms are only scarcely mentioned in different legal documents, such as the Investment Law, Enterprise Law and CIT Law, or in government decrees to bolster the import of green technologies and products.

Incentives were introduced in the Law on Environmental Protection (LEP) 2005, and are also embedded in the amended LEP draft, but regulations on incentives in the draft still lack details as in fact there are only preferences related to land rent and credits for environmental protection activities, environmentally-friendly production and trading operations, and environmentally-friendly products. The draft also provides general stipulations on promoting the use of eco-friendly products.

"The government needs to create practical policies that encourage businesses to go green, as over the long haul these solutions will bring benefits to both the country and its enterprises," said Nguyen Cong Minh Bao, sustainable development director at Taiwan-invested cement maker Holcim Vietnam.



The government should consider granting preferential credit packages with lower rates and longer terms to green production projects

Bao added that in recent years, Holcim has been proactive in applying measures for green production, striving to protect the environment and develop sustainably, and naturally, to get the associated economic benefits.

Director of Phillips Electronics Vietnam Ngo Van Huy said current policies were not persuasive enough to

inspire businesses to implement clean production and energy efficiency measures. He gave the example of tariffs levied on energy efficient LED bulbs and standard lamps being the same in Vietnam, while neighbouring nations have very low tariffs on LED bulbs.

"Our company, like many others, wants to see incentives introduced that

are strong enough to give us peace-of-mind when doing long-term business in Vietnam,” Huy said.

Not only foreign invested firms, but also local businesses are saddled with hardships after five years dealing with the effects of the global recession, and need the proper motivation to inspire a green growth development orientation.

At a recent workshop on green development, a business representative from the northern province of Bac Kan was quoted as saying that green incentives are attractive, but that it is difficult for firms to access those incentives.

“To borrow funds for green renovations, firms need collateral, and they are also facing high interest rates and short lending terms. It can also take several years to see the investment returns of a project. Therefore, the government should consider granting concessionary credit packages with lower rates and longer terms to green production projects,” said the representative.

Also at the workshop, an expert from Malaysia, Ivy Wong Abdullah, shared Malaysia’s experiences in green development with attendees. She said the country has offered diverse incentives to investors and businesses to help them recognise the synergy value and benefits of green development.

She noted preferential pricing schemes for renewable energy and energy efficient programmes, a green government procurement bidding programme, tax subsidies for green investment, import tax exemptions and others.

Malaysia’s experiences can serve as a valuable lesson to Vietnam in developing policies that are highly attractive to firms and detailed thoroughly in law, particularly in the LEP and relevant sub-laws.

According to deputy general director of Samsung Vietnam Nguyen Van Dao, the government should introduce rewards to acknowledge firms with an environmentally-minded approach.

“This is important to inspire more firms to join the cause, rather than only inspecting and finding violators,” said Dao.

Advocating this view, Bao from Holcim Vietnam said common standards were needed so firms could easily follow and compare them to their own operations.

## Green choice for businesses’ sustainable development

BY VU ANH

Through inspiring firms to go green in their production and business, the amended Law on Environmental Protection would also be expected to help enhance the competitive advantage of Vietnamese businesses as well as the country’s economic position in the world.

As of January this year, the Russian Federation has halted the import of some kinds of seafood from Vietnam, including tra fish, due to a quality issue. Ethoxyquin residues found in Vietnamese shrimp exported to Japan resulted in the same consequences. Most recently, with the adoption of the Farm Bill 2014, the US will be putting a closer eye on the quality of Vietnam’s aquaculture.

As a result, the Vietnam Association of Seafood Producers and Exporters (VASEP) has warned its members that firms cannot export products to these markets unless their production chain from aquaculture and processing to packaging is compatible with the requirements of these countries.

In the meantime, the Japanese market has also applied regulations on antibiotics and chemicals used on exported seafood that do not always match international practice. The EU market similarly has stringent quality standards.

For local businesses operating in wood furniture manufacturing, many customers in high-value markets such as the US and Europe are paying closer heed to timber origin and the demand for tropical wood with forest stewardship certification

“

*As late comers to green development, local firms may lose competitiveness in overcoming trade barriers in foreign markets*

in these markets has far outstripped supply. These customers are willing to pay more for certified products. Currently timber products with this certificate are fetching 30 per cent more than those without.

These examples illustrate that businesses face losing valuable export opportunities to these major markets if they cannot fully satisfy their environmental standards. Moreover, the domestic market has a fast growing appetite for green products, particularly among the rising middle class.

United Nations research shows that firms might lose a third of their profits if they were responsible for repairing and mitigating the damage they cause to the environment. On the other hand, if they were responsible traders, they would foresee the risk as a unique and major business opportunity that could become a competitive advantage for their business.

A representative of a foreign invested enterprises with a raft of initiatives for sustainable development and environmental caring in Vietnam said he expected more improvement in the amended LEP to inspire more firms to go green and create greater awareness of the environment.

Sharing this view, chairwoman at Ho Chi Minh City-based pharmaceutical firm Traphaco Vu Thi Thuan said green business was not easy, but firms should adopt it to increase efficiency and create sustainability.

Director of the Office for Business Sustainable Development (SD4B) under the Vietnam Chamber of Commerce and Industry Nguyen Quang Vinh said Vietnam was hard hit by the effects of climate change and businesses needed to scale up competitiveness both at home and abroad to achieve better results. Notably, their brand value would be significantly bolstered in both domestic and foreign markets if they satisfied environmental standards.

“If they are late comers to green development, local firms may lose competitiveness in overcoming trade barriers in foreign markets,” he said.

# Acting for a greener and sustainable world

The draft revision of the Law on Environment Protection being scrutinised by Vietnam's National Assembly is expected to set new benchmarks and pathway for businesses to act towards a cleaner environment, and on a broader perspective, a more sustainable economy. Whether this will be seen as a new opportunity or challenge will depend on the vision and actions of each individual business.

**BY KAN TRAKULHOON**

*President & CEO, SCG*

With Vietnam's National Assembly scrutinising amendments to the Law on Environmental Protection, businesses should expect that the coming tightened rules will help drive out environmentally damaging operations toward sustainable development.

Our world is faced with countless disasters, natural or man-made. The global community is also grappling with grave consequences resulting from an imbalance between natural resource availability and expanding consumption demands. The reasons range from increasing world population and rapid urbanisation to excessive production and consumption.

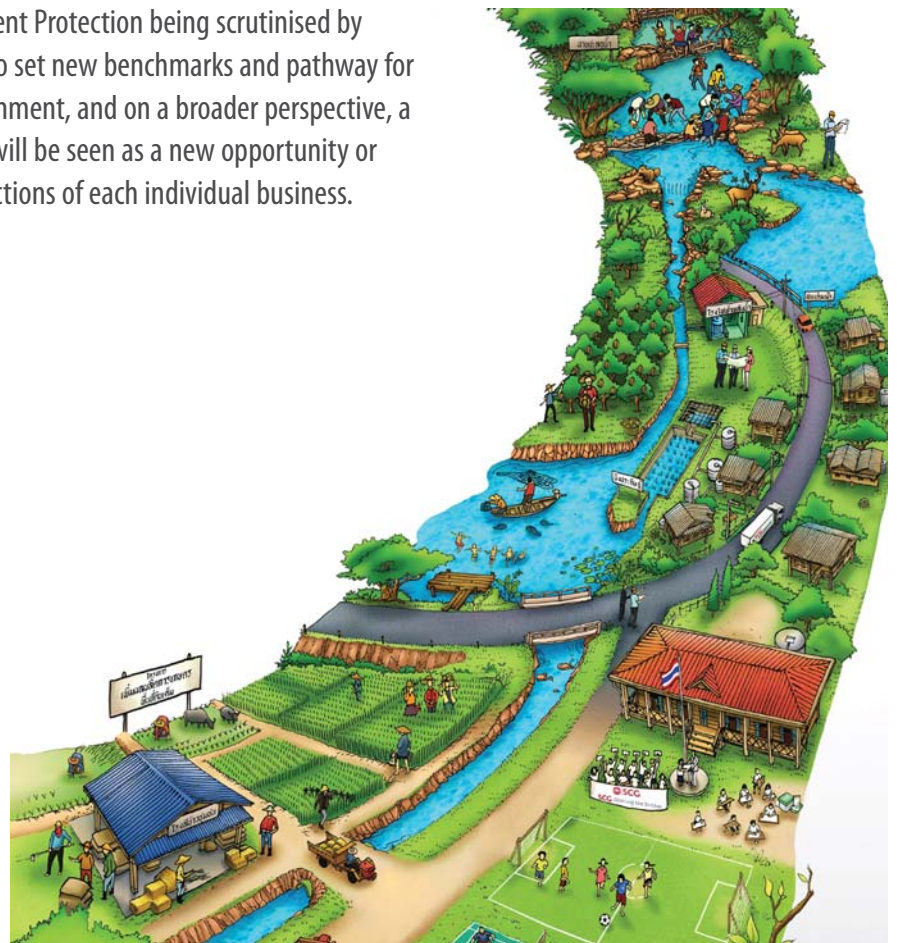
Whatever the reasons, we must have, as a matter of urgency, restoration and rehabilitation of that which has been damaged or lost. International organisations, governments, business organisations, NGOs and the public have shown the strength of collaboration in post-disaster relief and refurbishment.

Yet no matter how powerful the force of cross-sectoral collaboration can be, more frequent and intense disasters are looming on the horizon.

In recent years, the world community, in particular the business sector, recognises and gives priority to sustainable development. But the road to making this concept a practical reality is fraught with hurdles such as a lack of understanding as to how to integrate sustainability into business plans, compartmentalised processes, and separation from the business sphere.

The world community as we speak is entering a critical turning point. We need to enhance the power of collaboration by working proactively to truly make change happen in creating partnership to execute sustainable development sustainably.

SCG has been in business for over 100 years, with commitment to develop its people and organisation for sustainable growth. We are also committed to making



our organisation recognised by society as one worth working with, as a role model. We have taken substantial measures to achieve this goal and at every level of our business promote and encourage our business culture, principles, ethics, good governance and improvement of works that have an impact on ecology and safety to bring the company on par with the league of global industrial leaders (for example, Zero Waste to Landfill, Green Procurement, environmentally friendly products and services, SCG Contractor Safety Certification System, and the SCG Supplier Code of Conduct.

SCG is committed to empowering the community and society, as reflected in our projects such as SCG Conserving Water for Tomorrow, Innovative Technology for the Restoration of Saline Land, and the Tales in the Garden Festival for child development.

Through our efforts and constant improvement, SCG has been ranked as the world's Industry Leader in Construction Materials by the Dow Jones Sustainability

Indices for the third consecutive year, and we are the first in ASEAN to have been recognised.

SCG embarks on the next century with full commitment to create values to the world community through our environmentally friendly business practice. We are prepared to share our knowledge, experience and achievements with all sectors through participatory process, be it business related to SCG from upstream to downstream, business organizations, social institutions, communities where SCG operates.

SCG believes that the power of collaboration in working proactively throughout the entire business chain will bring about change for the better and value creation to the world community.

Sustainability is not a choice, but a requirement in our evolving world. Business conducts and the sustainable development approach must be developed together and on the same direction. A successful and sustainably growing business is not simply

gauged by its bottom line. It is the one with ethics, responsibility to its stakeholders, recognition of its duty towards society while doing business and full performance of its duty as a good corporate citizen by contributing to the communities and countries where it operates. It must always realise that it is a part of the society and is required to grow sustainably towards the new century together with the society. Therefore, it must strive to become a role model in driving the society towards prosperity strongly and sustainably.

To be a sustainable business leader, we should apply a sustainable development framework to all locations where we operate. This allows us to improve our manufacturing process and productivity, depend less on natural resources, create environmentally friendly products and services, and strengthen communities, while boosting the participation of employees and business partners in improving the process of sustainable growth based on corporate governance principles.

To be an environmentally-friendly business, environmental consideration must be included as a part of operations. Management must be committed to adjusting attitudes related to natural resources, stakeholder engagement, and serving the needs of stakeholders, especially the social sector, to demonstrate increased involvement in environmental aspects. Also we need to implement sustainable development guidelines, best management practices and corporate governance principles in planning, manufacturing, and transportation processes. Establishment and monitoring of economic, social and environmental indi-

cators are also required.

Sustainable businesses shall operate with an integration concept by adopting 3R policies (i.e. Reduce, Reuse/Recycle and Replenish) starting from environmentally friendly design of factory; implementing modern technologies and regularly maintain machineries to reduce energy consumption; reducing coal usage by substitution of biomass; product logistics that reduce environmental and social impacts with cooperation from logistics by defining route and method proper to each area, reducing empty backhaul, and using of technology that maximise effectiveness of transportation.

Integrated environmental management is a strategy that SCG has implemented in all countries in which it operates to build stakeholders' confidence that all social and environmental aspects are considered, assessed and tracked continuously with a reporting system that can evaluate and compare results against defined targets to further improvement and standardisation.

SCG has defined proper indicators for regular monitoring, reporting and evaluating targets such as reducing energy consumption and greenhouse gas emissions by 10 per cent in 2020, compared to the base year of 2007. They also monitor alternative energy including biomass, biogas, wastewater sludge and community waste, as well as zero waste to landfill which reduces waste from production and supports recycling efforts. The implementation of such indicators clearly reveal the outcomes of environmental management and supports in achieving targets.

Integrated environmental management reflects value and behavior of SCG's

employees and suppliers that enable process to define goals together, reasonably listen to opinions, allow participation from all stakeholders and adhere to policies for effective planning. It is a challenge to the organisation that the results from balancing business operation with environment conservation and co-existence with society are unforeseen. This is not about renouncing one portion to gain another portion but it is more on innovation for responding to all stakeholders' need sustainably.

We have implemented initiatives in our companies in Vietnam to apply the principles of sustainable development by innovating high-value added and environmentally-friendly products and services, as well as developed green manufacturing processes such as the use of new technologies to reduce energy consumption. We've also worked to ensure that our upstream and downstream suppliers utilise sustainable practices.

SCG and Muc Tim newspaper started the Green Dream project in 2013 for university students aiming to raise awareness of environmental conservation and to instill a green mindset in the Vietnamese youth. We have not only developed environmentally-friendly processes and products, but also aim to inform people about the benefits of going green. That is why we partnered with Muc Tim newspaper to start the Green Dream in Vietnam project in 2012, which will continue this year toward embedding environmental concern among young Vietnamese. We hope they will help to better take care of the environment and share what they have learned with others to ensure the nation's sustainable, green future.



To be a sustainable business leader, SCG has applied a sustainable development framework to all locations it operates



The media shows people a direct link between environmental degradation and their health

## The public and media underline scrutiny role

The revised Law on Environmental Protection will highlight the role of the mass media and the public's right to access environmental information. This is expected to be effective in helping authorities discover and stop environmental violations and creating policies suitable to the current situation. **Nguyen Dat** reports

The revised Law on Environmental Protection will highlight the role of the mass media and the public's right to access environmental information. This is expected to be effective in helping authorities discover and stop environmental violations and creating policies suitable to the current situation.

Since late last year the public and mass media have been outspokenly critical of locally-owned pesticide producer Nicotex Thanh Thai Joint Stock Company's illegal burying of toxic chemicals on its site in Thanh Hoa province's Cam Thuy district.

According to provincial Department of Natural Resources and Environment, results from analyzing the company's land and water quality showed that the kinds of toxins and levels exceeded the permissible limit thousands of times over.

Between October last year and this

February, some 949 tonnes of toxic waste and pesticide-saturated soil has been excavated at seven burial sites.

In another case in January 2014, Dong Nai provincial police caught US-backed plastic and rubber producer VP Components Vietnam discharging untreated wastewater into the environment.

Nguyen Viet Dung, deputy director of Hanoi-based People and Nature Reconciliation (PanNature), a local NGO, said the violations were uncovered by both authorities and the media.

"The press contributed to revealing the environmental violations through investigations and stories," Dung said. "Journalists and social organisations have also created an open forum and a dialogue mechanism for citizens, researchers, and stakeholders to share their views and provide feedback. This can improve the quality of authorities'

decisions."

Late last year, the Ministry of Industry and Trade delisted the planned 135 megawatt, VND4.41 trillion (\$212 million) Dong Nai 6 and the 106MW, VND3.44 trillion (\$165.6 million) Dong Nai 6A hydropower projects for fear of the environmental risks they caused.

Prior to their delisting, such risks were extensively reported on by the press, which cited numerous comments by scientists and researchers saying that if these projects had been implemented, they would have removed 327.23 hectares of forest, including a major swath of the core of Cat Tien National Park. This park was made a world Biosphere Reserve by UNESCO in 2001.

### Watchdog

In 2011 and 2012, the Ministry of Natural Resources and Environment (MoNRE)'s Vietnam Environment Administration co-operated with the International Union for Conservation of Nature and the United Nations Democratic Fund to conduct two surveys on environmental coverage by

Dau Tu/Vietnam Investment Review, Thanh Nien and Lao Dong newspapers.

These surveys showed the press, and these three newspapers in particular, “actively and comprehensively covered all environmental management activities and environmental violations. They also encouraged the public to participate in environmental protection activities, contributing to building a good economy, social security and a cleaner environment.”

Many other press agencies have contributed to improving the public and enterprises’ awareness of environmental protection. They have also served as an effective channel for transmitting information to policy makers.

Early this year, BBC Media Action, the international development organisation of the British Broadcasting Corporation, collaborated with the Vietnam Environment Administration to announce a survey of 3,486 Vietnamese households nationwide on how Vietnamese people are responding to climate change and helping protect the environment.

According to the administration, the survey was well received by authorities for its potential to create change in the country’s policies on environmental protection and climate change response.

The survey detailed how development has brought new concerns about pollution, overpopulation, waste management and industrial development. People saw a direct link between environmental degradation and their health. 83 per cent of people felt their health had been negatively affected by climate and environmental changes. This figure was even higher in urban areas, at 88 per cent. People also expressed concerns about how these changes caused contaminated food and water, made it harder to breathe and brought new human and animal diseases, including bird flu.

“

*The press contributed to revealing the environmental violations through investigations and stories*

### The law

The role of the mass media in environmental protection has been detailed clearly in the draft amendments to the Law on Environmental Protection (LEP), currently under discussion by experts and the National Assembly and expected to be adopted in June.

The draft stipulates that the MoNRE must host and work with media groups at all levels to promote environmental protection coverage. Ministries and ministerial-level agencies are responsible for holding press conferences and other media events to supply such coverage.

MoNRE would also be accountable for co-operating with other government bodies to develop mechanisms and policies that encourage sustainable consumption and production activities and promote environmentally-friendly products and services

in the media.

Also according to the draft law, the Vietnam National Fatherland Front and its member organisations are accountable for co-operating with the mass media in mobilising the public to boost and supervise environmental protection activities.

The draft also includes a regulation on investing in environmental training and education via the mass media.

Many experts and media agencies expect the new LEP and its guiding documents to further clarify the role of the press in environmental protection, and that more incentives will be offered to attract the participation of the mass media

### Expanding public access

Hanoi-based NGO Research Centre for Gender, Family and Environment in Devel-



Public monitoring is vital for discovering environmental violations





Often people are not aware of their own impact on the environment, nor are they educated about the effects of manufacturing and resource exploitation

opment recently conducted a survey on pesticide use by farmers in Hai Van commune in Nam Dinh province's Hai Hau district.

Under the survey, only 12.3 per cent of respondents said they had received pesticide use training. As a result, they use them based on their personal experiences, not on the product specifications.

Up to 80 per cent said they had spilled pesticides on their body during use. Some 85.5 per cent said they suffered from vertigo, fatigue (78.7 per cent) and headache (66.4 per cent).

"The farmers are not getting sufficient access to information about pesticides or how to use them properly because sellers are also farmers or people with no knowledge on pesticides," said the centre's executive director Pham Kim Ngoc. "Consequently, the commune's environment has been polluted, with dead fish and shrimps found in fields."

She ascribed this to lacking mechanisms in the existing LEP for people to access detailed information and to exercise their rights to dialogues about protecting the environment and themselves from pollution.

"Many people don't make the con-

nection between their use of pesticides and bad health and lax legal regulations. In think the LEP should include clear regulations on how to help farmers protect themselves," Ngoc argued.

However, Ngoc's proposals on furthering information access may be realised, as the draft LEP would expand people's right to access environmental information.

Under the draft, the public, social organisations and socio-occupational organisations have the right to be provided with and require the compiling of information related to environmental protection. They also have the right to join dialogues on the environment with state management agencies and business owners.

They would also be allowed to participate in inspections of environmental protection at service and business establishments. Additionally they would also be able to make recommendations and debate with authorities on violations that require compensation for damages.

The public would also be able to access enterprises' environmental protection results and exercise other measures to protect their legal rights and interests.

The current LEP 2005 fails to clarify types of environmental information that is

available to the public and does not specify organisations' rights to access, and who can and how to publish such information.

As a result, there is an increasing number of environmental lawsuits as pollution becomes more prevalent due to people's lack of access.

Lawyer Tran Thi Huong Trang, who engages in a UNDP project to analyse the new LEP, explained that under the current LEP's Article 17.5, "Organisations and individuals may send petitions and recommendations concerning environmental protection to the agency establishing the appraisal council and the project-approving agency; the council and agency shall have to consider the petitions and recommendations before making conclusions or decisions."

"However, the law does not have a mechanism to facilitate the public's feedback and comments. If there is no independent institution or agency in charge of ensuring the public's objective opinions are heard, there is no guarantee they will be acted upon," Trang said. "Under the current mechanism, the council and agency cannot consider the public's recommendations objectively, as they were the ones who approved the projects."